VĂN HỌC

tạp chí sáng tác
nhận định văn nghệ

HỒ TRƯỜNG AN

LÊ DIỆP CẨM

PHẠM DUY • LUÂN HOÁN

LÊ THỊ HIỀN

PHẠM VĂN HẢI

VŨ QUỲNH HƯƠNG

NGỌC HÂN • HOÀNG LIÊN

NGUYỄN HIẾN LÊ

ĐỊNH NGUYÊN

HỒ ĐÌNH NGHIÊM

VÕ PHIẾN • BÙI VĨNH PHÚC

ĐÀO TRƯỜNG PHÚC

LỔ TẤN • VỤ BẢN

HÀN SONG TƯỜNG

NGUYỄN VĂN • NGU YÊN

NGUYỄN THỊ BẠCH YẾN

số 7 tháng 8-1986

VĂN HỌC

TRONG SỐ NÀY :

Văn Học : *Thư toà soạn, trang 1.* * **Võ Phiến :** *Thi ca Miền Nam từ 1954 đến 1975, trang 3.* * **Nguyễn Hiến Lê :** *Kết quả sau 5 năm, trang 19.* * **Định Nguyên :** *Như là mây trắng, thơ, trang 38.* * **Lỗ Tấn-Vụ Bản :** *Con diều giấy, truyện, trang 40.* * **Luân Hoán :** *Khiêng nước, thơ, trang 43.* * **Phạm Duy :** *Thời kỳ thành lập xu hướng nhạc hùng, trang 44.* * **Đào Trường Phúc :** *Dạ Khúc, thơ, trang 56.* * **Hồ Trường An :** *Hai khuôn mặt, truyện, trang 58.* * **Lê thị Hiền :** *Bãi cát vàng mộ ta, Thắc Mắc,thơ, trang 71.* * **Phạm văn Hải :** *Hạnh, truyện, trang 72.* * **Vũ Quỳnh Hương :** *Thư gửi người yêu cũ, thơ, trang 76.* * **Lê Diệp Cẩm :** *Thằng Cuội, tùy bút, trang 78.* * **Hàn Song Tường :** *Trong cơn lốc vỡ, thơ, trang 81.* * **Hồ Đình Nghiêm :** *Ảo mộng, truyện, trang 82.* * **Ngu Yên :** *Nhất định không khóc. Những dư thừa nào bất hạnh, thơ, trang 91.* * **Bùi Vĩnh Phúc :** *Cho đi lại từ đầu, tùy bút, trang 93.* * **Nguyễn thị Bạch Yến :** *Hai người đàn bà không quê hương, truyện, trang 115.* * **Hoàng Liên :** *Ánh sáng và bóng tối, hồi ký, trang 123.* * **Ngọc Hân :** *Vào cõi Hồng trần với thơ Cung Vũ, điểm sách, trang 131.* * **Nguyễn Văn :** *Thời sự văn học nghệ thuật, trang 135.*

BAN CHỦ BIÊN TẠP CHÍ VĂN HỌC
Hồ Trường An, Phạm Quốc Bảo, Quyên Di, Võ Đình
Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Đức Lập
Định Nguyên, Vô Ngã, Nguyễn Tất Nhiên, Hoàng Khởi Phong
Bùi Vĩnh Phúc, Vũ Huy Quang, Nhật Tiến, Nguyễn Bá Trạc
Kiệt Tấn, Võ Thắng Tiết
Phụ trách bài vở & điều hành chung : Nguyễn Mộng Giác
Phụ trách quản lý trị sự : Võ Thắng Tiết

Địa chỉ toà soạn : 10104 Westminster Ave, Garden Grove Cali, USA, 92 643. Phone : (714) 838 8432

Số đăng ký tại Thư viện Quốc hội Hoa kỳ : ISSN : 0885-128X

Giá bán lẻ : US $ 2.50.

'S PRINTING, 10104 Westminster Ave., Garden Grove, CA 92643 • (714) 636-7932

Thư toà soạn

Tạp chí Văn Học ra đời, tiếp nối theo Văn Học Nghệ Thuật và tồn tại cho đến nay, là kết quả lòng đam mê của người cầm bút lưu vong hơn là do luật cung cầu thị trường.

Trong cuộc sống tất bật mưu sinh của đa số đồng bào tị nạn hải ngoại, đọc sách đọc báo chỉ là một nhu cầu thứ yếu. Người đọc sách báo nói chung đã ít, số người chịu khó đọc tạp chí văn chương lại còn ít ỏi hơn. Loại nhu cầu này hiện chưa đủ để người cung ứng cho nhu cầu có điều kiện thuận lợi duy trì việc xuất bản một tạp chí văn chương đúng nghĩa, vì số người đọc hạn chế không nuôi sống nổi tờ báo, mà giới thương mại kinh doanh lại không thể sốt sắng giúp đỡ cho một tạp chí như vậy, do hiệu lực quảng cáo không hữu hiệu bằng một tờ báo biếu phổ thông.

Cho nên Văn Học sống được đến nay không phải do sự quản trị tài chánh khéo léo hợp lý, mà toàn do lòng đam mê của nhóm chủ biên và các văn hữu cộng tác.

Có lẽ chưa có một hiện tượng nào quái dị cho bằng hiện tượng những người cầm bút sau khi vắt tìm óc ra sáng tác, lại phải góp tiền để chung nhau in những sáng tác đó lên báo. Điều quái dị này đã xảy ra cho Văn Học.

Điều đó nói lên quyết tâm và nhiệt tình của những người cầm bút lưu vong Việt Nam, những người xem việc sáng tác của mình là lẽ sống, là hơi thở, và dù gặp bất cứ hoàn cảnh khó khăn nào cũng cố vượt qua. Những tạp chí cùng dạng với Văn Học như Văn, Nhân Văn...cũng đã phải kiên trì vượt qua những khó khăn tương tự mới tồn tại đến ngày nay.

Khổ nỗi giới cầm bút ít người có khả năng về quản trị. Bài viết xong, báo in xong, hầu hết người cầm bút xoa tay thở phào, coi công việc như đã hoàn tất, quên rằng công việc đến đó chỉ mới là một phần tư đường .Báo gửi đi rồi có tiền gửi về để in số tiếp hay không ? Tiền in bao nhiêu ? Bưu phí cao thấp ? Rồi tiền điện thoại viễn liên đòi nợ, tiền mua bao bì ? Ai đi xin thêm quảng cáo bù đắp ấn phí ? Ai chịu đi đòi tiền quảng cáo ? Nếu thân chủ quảng cáo

không chịu trả thì làm thế nào ? Những cái "vặt vãnh" ấy ít người chịu quan tâm, trong khi chính những cái vặt vãnh này quyết định sự tồn tại của tờ báo. Sự sống, cái chết của một tạp chí văn chương không do những điều cao viễn thơ mộng, mà do những yếu tố rất cụ thể, thực tiễn.

Ban chủ biên Văn Học có thừa lòng đam mê, nhưng lại thiếu quá nhiều óc thực tiễn, đến nỗi Văn Học số 6 vừa ra tháng rồi không ghi cả giá bán 2.50 MK, trong khi ban chủ biên kiểm soát cẩn thận từng lỗi chính tả trong mỗi bài.

Bao nhiêu bê bối của việc điều hành quản trị lưu cữu hơn một năm qua khiến Văn Học phải chấn chỉnh lại việc điều hành mới mong tồn tại. Vì vậy, Văn Học xin phép bạn đọc được nghỉ một tháng để chấn chỉnh , và số 8 & 9 cho hai tháng 9 và 10.86 dày hơn thường lệ sẽ đến tay bạn đọc vào ngày 1.10.1986.

Mong bạn đọc thông cảm và tiếp tục hỗ trợ Văn Học đi trọn cơn đam mê tội nghiệp này.

Văn Học

XIN QUÍ BẠN ĐỌC LƯU Ý
SAU SỐ NÀY, VĂN HỌC NGHỈ MỘT THÁNG ĐỂ CHẤN CHỈNH QUẢN TRỊ, SỐ ĐÔI 8 & 9 SẼ RA NGÀY 1 THÁNG 10. 1986

Võ Phiến

Thi ca Miền Nam từ 1954 đến 1975

***Lời toà soạn** : Sau ngày Miền Nam sụp đổ :*

** Hàng chục văn gia trí thức Miền Nam bị bức tử trong tù và ngoài tù.*

** Hàng trăm văn nhân thi sĩ ký giả Miền Nam bị đoạ đày trong ngục tối.*

** Tất cả báo chí của Miền Nam đều bị đóng cửa.*

** Tất cả văn nghệ phẩm của Miền Nam bị cấm lưu hành, tàng trử.*

** Tất cả các nhà cầm bút tự do của Miền Nam nhất loạt ngưng bút.*

** Hàng mấy chục triệu tấn ấn phẩm Miền Nam bị tịch thu tiêu hủy.*

Tóm lại, hết thảy mọi dấu vết sinh hoạt tinh thần của hai chục triệu đồng bào Miền Nam trong hai mươi năm tự do bị xoá bỏ.

*Bây giờ còn lại gì ? Hoạ chăng còn một cố gắng cứu vớt , thu gọn trong một cuốn sách : **Hai mươi năm văn học Miền Nam** của **Võ Phiến** do nhà xuất bản **Văn Nghệ** sắp phát hành vào tháng 9 năm 1986.*

Văn Học được sự cho phép của nhà xuất bản và tác giả, xin được giới thiệu một chương quan trọng của cuốn sách này, trong đó nhà văn Võ Phiến bàn về thi ca Miền Nam từ 1954 đến 1975.

Văn Học

Viết về thi ca thời kỳ 1954-75, tôi nhận thấy tìm tài liệu thật khó khăn.

Ngoài hàng sách, rất hiếm. Từ 1975 đến nay ở hải ngoại các nhà xuất bản in lại nhiều tiểu thuyết của thời kỳ nói trên: truyện Nhã Ca, Hoàng Hải Thủy, Nguyễn thị Hoàng, Lệ Hằng v.v... bày nhan nhản. Không hẳn vì tiểu thuyết "dễ đọc" mà in; sách biên khảo của Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn duy Cần, Nghiêm xuân Hồng v.v... cũng được tái bản khá nhiều. Nhưng thơ thì thật là ít.

Trên báo chí, cũng hiếm nữa. Một số tạp chí có dành ra chỗ riêng để in lại những thơ cũ ở quê nhà trước 1975. Thật ra hầu hết đó là thơ tiền chiến, hay của những tác giả tiền chiến. Họa hoằn mới gặp một vài bài thơ của Nhã Ca, Nguyên Sa, Bùi Giáng v.v...

Dò hỏi nơi các bạn bè yêu thơ, khi bỏ nước ra đi có mang theo những tài liệu thi ca sưu tập được, thì vẫn thấy phần lớn là thi ca tiền chiến.

Thoạt tiên không khỏi thắc mắc: tại sao khi tìm về dĩ vãng trước hết không nhớ đến cái dĩ vãng gần mà lại nhớ về một dĩ vãng xa; tại sao không nhớ thơ trước 75 mà lại nhớ về thơ trước 45? Thi sĩ tiền chiến nhiều kẻ theo cộng sản, tập thể tị nạn có tinh thần chống cộng mạnh, giữa tập thể ấy và các thi sĩ Miền Nam trước 75 lẽ nào tâm tình không gần gũi bằng giữa dân tị nạn với thi sĩ tiền chiến? Tại sao có sự chọn lựa kỳ cục vậy?

Ngẫm lại, thấy sự "kỳ cục" xảy ra đã từ lâu. Ngày nay ở Hoa kỳ người tị nạn tái bản các thi phẩm của Huy Cận, Xuân Diệu, Nguyễn Bính, Hồ Dzếnh v.v..., mà không tái bản các tập thơ của Nguyễn Bắc Sơn, Nguyễn đức Sơn, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên v.v... ta ngạc nhiên. Nhưng trước 75, ngày còn ở Sài gòn, chuyện xảy ra còn đáng ngạc nhiên hơn nữa: hồi đó có chính quyền, có chính sách chống cộng, có kiểm duyệt, mà chúng ta vẫn tìm ra lý do để in lại cho kỳ được thơ Huy Cận, Xuân Diệu, Nguyễn Bính, Hồ Dzếnh v.v... Như vậy không phải chỉ khi xa thời 54-75 ta mới quên thi ca thời ấy, mà quần chúng độc giả đã "quên" nó ngay lúc đang cùng sống với nó.

Sao vậy? Bộ thơ Miền Nam hồi đó dở lắm sao? — Nói vậy không được đâu. Lê huy Oanh từng viết: "Về các bộ môn triết học, biên khảo, tiểu thuyết, kịch phẩm... nước ta có thể còn thua kém nhiều nước khác, nhưng riêng về bộ môn thơ, nước ta đứng ngang hàng với bất cứ nước nào trên thế giới (...) đều là những nhà thơ có vóc dáng quốc tế, không những là nhà thơ lớn của xứ ta mà còn phải được coi như những thi sĩ của chung nhân loại." (1) Mai Thảo từng bảo: "(...) ngôn ngữ và tư dung Bùi Giáng bấy giờ hiển lộng tới không bến không bờ, vô cùng vô tận, và tài năng ông cũng vậy. Bùi Giáng chất ngất một trời chữ nghĩa, Bùi Giáng trùng trùng một biển văn chương." (2) Độc giả "chê", nhưng văn giới lại có kẻ khen. Chê hơi nặng, mà khen cũng không vừa. Tình trạng khá phức tạp, ta đâu có thể buông thõng một lời kết thúc đơn giản: Xoàng! Dở!

1. Một nền thi ca không tình ái

Thiết tưởng thi ca của chúng ta trong thời kỳ 54-75 sở dĩ không được quần chúng thiết tha, truyền tụng, đó không phải là vì

lý do giá trị, lý do nghệ thuật. Đó là vì cái nội dung, cái tinh thần của nó. Người đời đa số thích ngâm nga những câu tình tứ, hoa mỹ, không mấy ai ưa thích những lời học hặc, đắng cay. Thơ tiền chiến là thơ của một thời thanh bình, lãng mạn, thơ của tình yêu, của mộng mơ, lời lời trau chuốt đẹp đẽ. Thơ Miền Nam 54-75 là thơ của một thời dằn vặt, suy tư, đau khổ.

Hoài Thanh, nhà phê bình thơ sành nhất thời tiền chiến, trong *Thi nhân Việt nam*, sau khi viết xong về 45 nhà thơ đã toan "khép cửa lại, dù có thiên tài đến gõ cũng không mở." Vậy mà rồi rốt cuộc không cầm lòng nổi, ông đã phải mở cửa đón thêm một người nữa. Thi sĩ Trần Huyền Trân, người thứ 46, không phải là một thiên tài, Hoài Thanh nói đi nói lại rõ ràng như thế. Sở dĩ được quí mến chỉ vì "ít nói yêu đương." (...) "Thơ Trần Huyền Trân không xuất sắc lắm. Nhưng sau khi đọc hoài những câu rặt anh anh em em tôi đã tìm thấy ở đây cái thú của người đi đổi gió." (3) Nói cách khác là sau khi duyệt qua hết thi ca tiền chiến, nhà phê bình một ngất ngư vì ái tình, ngấy tới tận cổ, cho nên vừa chợt bắt gặp một kẻ không yêu đương liền túm riệt lấy không buông ra nữa. Đó, cái khoản ái tình trong thơ tiền chiến nó sum suê, nó phồn vinh như vậy đấy. Vẫn Hoài Thanh nói về nhà thi sĩ tiền phong của phong trào thơ mới: "Thế Lữ đã làm giáo sư dạy khoa tình ái cho cả một thời đại." (4) Thời đại ấy đúng là sở trường về "khoa" ấy. Nhưng mà giáo sư thì, ối! càng về sau càng nhiều, ông Thế Lữ đâu đã phải là tay lỗi lạc. Từ ông Tản Đà bà Tương Phố cho đến lớp sau chót như Tế Hanh, Hồ Dzếnh, suốt thời tiền chiến có ai không giảng dạy được dăm ba khóa về tình yêu. Có thứ tình nồng nàn mãnh liệt, có thứ tình mộc mạc thơ ngây, có thứ tình não nề thê thiết, có thứ tình đằm thắm dịu dàng v.v..., trong thơ Xuân Diệu, Huy Cận, Nguyễn Bính, Hồ Dzếnh, Lưu trọng Lư v.v... muốn chọn thứ tình nào cũng có, thơ nào thanh niên nam nữ đều có thể đọc đi đọc lại, có thể chép vào vở, vào thư trao tặng cho nhau. Đời đời kiếp kiếp hễ trai gái lớn lên thì yêu, thì tìm những lời ngọt ngào nhất say sưa nhất cho người yêu và cho mình. Những lời ấy tất phải ở trong thứ thi phẩm có những nhan đề êm ái như *Thơ thơ, Gửi hương cho gió, Tiếng thu, Lửa thiêng, Lỡ bước sang ngang* v.v... Nó không thể được bắt gặp trong các tập thơ mang những cái tên khổ sở như *Mặt đất* (của Nguyễn đình Toàn), *Lá hoa cồn* (Bùi Giáng), *Tôi không còn cô độc, Liên đêm mặt trời tìm thấy* (Thanh Tâm Tuyền), *Thân phận* (Hoài Khanh), Chiến tranh Việt nam và tôi (Nguyễn Bắc Sơn) v.v... Thời trước cũng có đôi người quằn quại trong bệnh tật như Hàn Mặc Tử, Bích Khê, trong sầu não như Chế Lan Viên, và họ cũng gặp khó như thế hệ thi nhân Miền Nam sau 1954 vậy; Thơ điên, Tinh huyết, Điêu tàn không phải là thứ thơ mà nữ sinh tìm

tôi sao chép vào những cuốn vở có ép hoa ép bướm. Họ chép là chép những câu:

"Anh nhớ tiếng. Anh nhớ hình. Anh nhớ ảnh
Anh nhớ em, anh nhớ lắm! em ơi."

(Xuân Diệu)

chứ chép làm chi :

"Mặt trời mọc
Mặt trời mọc
Rưng rưng mùa hoa gạo
Lỡ một ngày mai tôi chết trần truồng không cơm áo."

(Quách Thoại)

Yêu đương là tốt, sầu buồn không hẳn là xấu. Không phải thơ sầu thì kém độc giả. Tiền chiến cũng có lắm người sầu, vẫn từ Tản Đà cho đến những Lưu trọng Lư, Huy Cận đều sầu. Nhưng hồi đó người ta sầu mộng: sầu mộng thì chấp nhận được lắm. Còn sau này, sau 1954 ở Miền Nam đã sầu thì sầu đau sầu đớn, sầu quằn quại, sầu chết thôi chứ không mộng mơ gì ráo: Cái đó không hấp dẫn. Những trạng thái tâm hồn bất thường, dữ dội làm người ta bàng hoàng sợ hãi, né tránh. Nó không thu hút quần chúng. Sự thể hiện độc đáo, lạ lùng của nó chỉ gây thán phục nơi một thiểu số, nơi giới văn nghệ sĩ, phê bình gia mà thôi.

Vừa rồi so sánh tiền chiến với hậu chiến, có ý cho rằng lớp sau thua lớp trước về mặt yêu đương. E không khỏi có người cự nự: Láo! Thời nào lại có thời không yêu? Chuyện gì mà đến nỗi ngừng yêu? Giặc giã hả? Giặc thì giặc chứ, tay gươm tay đàn, vẫn tình tứ như thường, ai cấm? Truyện Văn Quang, truyện Lệ Hằng, Nguyễn thị Hoàng, Trần thị NgH, Hoàng ngọc Tuấn v.v... ra đời vào hoàn cảnh nào, nghĩ lại xem ?

Có thể thật. Tuy nhiên chúng ta không nói rộng về vấn đề tình yêu ngoài xã hội, ngoài đời. Chúng ta cũng không nói về tình yêu trong tiểu thuyết. Ở đây chỉ là vấn đề tình yêu trong thi ca. Có thể xảy ra trường hợp như thế lắm. Có thể bắt gặp ái tình khắp nơi, ngoại trừ trong thi ca. Trong công viên trên ghế đá người ta yêu nhau; trong rạp hát ngoài góc phố người ta yêu nhau; dưới bóng cây, trên giường trên nệm người ta yêu nhau; trong sách trong truyện người ta yêu nhau; nhưng người ta không chịu yêu nhau trong câu thơ thì sao ?

Lại có chuyện như vậy nữa!

Có như vậy bất quá là có thứ tình ái không nên thơ, thế thôi. Có những lúc người ta vừa thoáng yêu, ý thơ đã lai láng; lại có những khi khác yêu nhau cho tới ngày thành đôi lứa vẫn chưa

thấy cần có câu thơ nào. Trai gái yêu nhau thì thơ thì nhạc; ông già bà lão gặp nhau không mấy khi trao thơ. Vân Tiên với Nguyệt Nga mới gặp nhau đã làm thơ, Mã Giám Sinh gặp Kiều có thơ thẩn gì đâu. Những gì xảy ra trong các truyện của Lê Xuyên, Nguyễn thị Hoàng, của Trần thị NgH v.v... có phải là những mối tình để làm thơ chăng ?

— Nhưng ai bảo thời 54-75 thiếu ái tình ?

— Vẫn có đấy. Như thơ Nhã Ca yêu qua thơ Trần Dạ Từ yêu lại, như thơ Nguyên Sa, thơ Phạm Thiên Thư...

— Đấy xem !

— Vâng... Xem qua thấy ngay: Tiền chiến đa số là thơ tình trong đó có lẫn một ít thơ điên loạn khổ não; hậu chiến đa số là thơ khổ não suy tư trong đó có lẫn một ít thơ tình.

Nói thế là "châm chế" cho thời kỳ 54-75 rồi đó. Có người còn dùng lời tuyệt đối, quyết rằng thơ thời này không hề có cả ái tình lẫn thiên nhiên: không người đẹp cảnh đẹp gì ráo. Chẳng hạn Thanh Tâm Tuyền, ông bảo: "Tôi không ngợi ca tình yêu, tôi nguyền rủa tình yêu (...) Trong thơ tôi không hề có tình yêu, cái báu vật mà tôi mơ ước và tưởng rằng cùng với tự do là những hy vọng cuối của đời tôi (...) Thơ hôm nay không cần đến Tình Ái và khi Tình Ái đến với thơ hôm nay cùng với vẻ tiều tụy khốn khổ chịu đựng hất hủi như cả một cuộc đời (...) Trong thơ hôm nay hoặc là Thiên Nhiên không được nhắc đến nhường chỗ cho những vỉa hè, cột đèn, gạch ngói, khối sắt khối thép, da thịt, tay chân, mắt mũi hoặc là hiện ra thản nhiên lạnh lùng khó chịu nếu không muốn nhập một với ý thức." (5)

Lại chẳng hạn Lê huy Oanh, dù ông này có hòa hoãn hơn: "Thơ Hậu chiến vẫn có đề cập tới Ái Tình (một đề tài muôn thuở) nhưng quả thật đã không còn quá mơ màng đắm đuối với Ái Tình." (6)

Thơ 1954-75 đã thiếu ái tình, lại còn chất chứa toàn những thứ làm mệt người đọc. Lại xin lấy trường hợp Thanh Tâm Tuyền: ông có những lời sôi nổi về thơ của mình: "Mỗi tiếng, mỗi lời viết ra tôi đều thấy nó chứa đựng những hằn thù, khinh bỉ, dày vò, đớn đau, tuyệt vọng, nhơ nhuốc, dối trá, hằn học, trơ trẽn, bệnh hoạn, xấc láo, thô bạo, cục cằn, tủi hổ, yếu đuối, bất lực, chết chóc, nghĩa là tất cả những thứ mà tình yêu loại trừ." (7)

Thơ như vậy làm sao xếp chung với hoa với bướm trong vở lưu niệm của học trò được, làm sao trao đổi cho nhau giữa tình nhân với tình nhân được, làm sao in đi in lại cung cấp cho thị trường độc giả đông đảo được?

2. Một nền thi ca không trau chuốt

Đã vậy, thơ 54-75 thường khi lại thiếu hình thức trau chuốt, đẹp đẽ.

Không, những người như Quách Thoại, như Thanh Tâm Tuyền, Nguyễn đức Sơn, Bùi Giáng v.v..., những con người quằn quại ấy không trau chuốt một cái gì, kể từ cái hình dáng của họ kể đi. Mặt mũi, áo quần, bộ tịch, lời ăn tiếng nói của họ đã không thèm trau chuốt, kể gì câu thơ. Nếu thơ của họ mà hay, là bởi tự nó hay, lỡ nó hay, chứ không phải vì trau chuốt mà hay. Họ đọc họ viết năm này sang năm nọ, họ sống với chữ nghĩa, ăn nằm với chữ nghĩa, triền miên với vần điệu, cho nên tránh sao khỏi cái chuyện họ phọt miệng tung ra những câu thơ tuyệt diệu, thần tình. Những câu như thế phọt ra tình cờ, lẫn lộn với những câu cẩu thả, lôi thôi. "Câu hay lẫn với câu tồi" là thường.

Họ làm thơ không phải để có những bài thơ hay, họ làm thơ vì một cơn lốc trong tâm hồn bắt họ phải bộc lộ. Hồi tiền chiến có hai người mà Hoài Thanh bảo là đã "cai trị trường thơ Loạn" : một trong hai người là Hàn Mặc Tử. Nhà phê bình nói về thi sĩ ấy: "Hàn Mặc Tử đi trong trăng, há miệng cho máu tung ra làm biển cả, cho hồn văng ra, và rú lên những tiếng ghê người (...) Một tác phẩm như thế, ta không thể nói hay hay dở, nó đã ra ngoài vòng nhân gian, nhân gian không có quyền phê phán."(8) Đối với nhiều thi sĩ đau thương sau này, chuyện thơ dở hay cũng đại khái như thế. Làm thơ như Bùi Giáng, cái lạ thường nào có khác gì Hàn Mặc Tử: cũng dị kỳ khó hiểu như Hàn, cũng dào dạt phong phú vô chừng như Hàn, cũng ở ngoài vòng nhân gian như Hàn !

Mai Thảo bảo: (...) "cõi văn cõi thơ Bùi Giáng bấy giờ ào ạt vỡ bờ, bát ngát trường giang, mênh mông châu thổ, Bùi Giáng mỗi tuần viết cả ngàn trang khiến chúng tôi bàng hoàng khiếp đãm (...) cái sức viết hồi đó đến như Bùi Giáng là tột đỉnh, là không tiền khoáng hậu (...) Ngủ ra thơ, thở ra thơ, đi ra thơ, đứng ra thơ. Chứ không phải nghĩ thơ, làm thơ. Ta cứ tạm hiểu cái trạng thái thơ kỳ lạ khác thường ở Bùi Giáng là như vậy." (9)

Tuy không "ngoạn mục" bằng Bùi Giáng, nhưng những Nguyễn đức Sơn, Vũ hữu Định v.v... làm thơ cũng dễ dàng, nhiều, nhanh. Và lối sống của họ, hình thù của họ cũng đại khái độc đáo, gần quái đãn như nhau.

Mai Thảo kể một vài kỷ niệm: "Mái tóc ông đổi màu. Mấy chiếc răng cửa bị gãy, nụ cười vừa trẻ thơ vừa móm mém. Cặp mắt sâu hoắm xa khuất dần với mọi hình hài thực tế (...). Ông vào tòa soạn, ngồi xuống ghế, nhìn mọi người, cười trẻ thơ, thường nói khát quá và xin một chai bia uống. Ông uống từng ngụm nhỏ, nói thích chai bia lớn vì uống được nhiều hơn, châm thuốc hút, những

ngón tay vụng về lóng ngóng, uống cạn chai bia, cái túi vải đeo lên và bỏ đi. Đó là cái đến cái đi êm ả của Bùi Giáng. Nhiều lần không thế. Ông ra tắm ở cái máy nước trước tòa soạn, thản nhiên trước người qua kẻ lại, quần áo lướt thướt đi qua đường, một đám con nít tròn mắt đi theo. Một vài lần khác, chúng tôi đi ra ngoài một lát trở về, thấy ông nằm ngủ ngon lành trên hai cái bàn viết kê liền lại. Giấc ngủ dài, quên đời, quên hết, mặc hết, phải đánh thức dậy. Những lần đó, ông ngồi dậy im lặng, bất động, thì thầm câu "Vui thôi mà, vui thôi mà" rồi lặng lẽ bỏ đi, cái bóng dáng gầy đổ, gầy guộc trong chiều xuống." (10)

Về Nguyễn đức Sơn, cứ nghe chính lời ông tự nói về mình cũng đủ, ông không hay màu mè, che đậy: "tác giả tự biết không một nơi nào trên trái đất này quạnh quẽ đến đau thương, phong phú đến chỗ muốn tự sát, như trong lòng tác giả, cũng không nơi nào có thống khổ mênh mông và cực lạc xa vời như trong hồn tác giả (...) Một buổi chiều trốn học lang thang trên bờ biển Nha trang, thời niên thiếu, tác giả suýt nổi cơn điên khi trực nhận mãnh liệt cái quá ư ngắn ngủi của kiếp sống và từ đó đâm ra khật khùng cho đến nay." (11)

Có thể vì thấy đời quá ngắn, cũng có thể vì thấy đời quá dài, có thể vì lòng quá quạnh quẽ, cũng có thể vì lòng quá phong phú... ai hiểu được tất cả lý do, chỉ biết thế hệ này có nhiều kẻ "khật khùng" như thế. Người khật khùng thơ tất khật khùng, người cô đơn thơ cũng quằn quại theo. Và hạng người ấy làm thơ là vì sự khật khùng, vì cái cô đơn khắc khoải của mình, chứ không phải vì nghệ thuật, vì lời hoan hô của quần chúng thưởng ngoạn quanh mình. Quần chúng! quần chúng nào chịu sưu tập ngâm nga những câu như:

(....) "Hãy mang tôi tới bất ngờ
Giết tôi ngẫu nhĩ trong giờ ngẫu nhiên
Hãy mang tôi tới diện tiền
Giết tôi chết giữa người thuyền quyên kia
Hãy mang tôi tới mép rìa
Giết tôi chết lúc mép rìa bốc hơi."

(Bùi Giáng)

như:

(....) "ôi một đêm bụi cỏ dáng thu người
em chưa đái mà hồn anh đã ướt."

(....) "hai đứa nhìn nhau bảo phải im ru
em sắp đái và hồn anh chết cứng."

(Nguyễn đức Sơn)

hay là như:

(....) "tôi gọi tên tôi cho đỡ nhớ
thanh tâm tuyền
(....) tôi gào tên tôi thảm thiết
thanh tâm tuyền" v.v...
(Thanh Tâm Tuyền)

Cái lối làm thơ mỗi tuần ngàn trang, (hay trăm trang, hay chục trang) của họ khác hẳn lối "thôi sao" của các thi sĩ khác. Họ không làm thơ cho người đời, họ làm vì sự đòi hỏi nơi họ. Họ không gọt dũa những công trình đẹp đẽ. Làm thơ như họ không phải là vấn đề của nghệ thuật, mà là của tâm tư cá nhân. Trong một thời như thế không thể đếm bao nhiêu thi sĩ hay bao nhiêu thi sĩ dở, chỉ biết kể bao nhiêu trường hợp tâm hồn kỳ dị, khắc khoải.

Hình như ở Pháp, sau 1950, làng thơ cũng "loạn" lắm. Trong cuốn *Tự điển thi ca Pháp hiện đại (Dictionnaire de la poésie francaise contemporaine)* Jean Rousselot trưng ra 749 thi sĩ; trong cuốn *Sách vàng của thi ca Pháp 1940-1960 (Le Livre d'or de la poésie francaise 1940-1960),* Pierre Seghers rút lại còn 265 thi sĩ; sau đó, trong cuốn *Nền Thi ca Mới của Pháp (La Nouvelle Poésie francaise)* rút gọn nữa còn trăm nhà thơ trẻ! Nhà viết lịch sử văn học hồi sau này không còn được đứng trước một tình trạng rõ ràng minh bạch như trước kia: sự thể rối rắm, khó xử hơn nhiều. Thứ thơ mỗi tuần ngàn trang của Bùi Giáng đó có phải là những công trình nghệ thuật chăng? hay đó là một phương thức biểu hiện của một tâm thức dị thường, cũng như sự "tắm máy nước, quần áo lướt thướt" là một phương thức biểu hiện khác? Rồi đời sẽ còn xét đi xét lại dài dài đa!

Thanh Tâm Tuyền nói về chuyện nghệ thuật Apollon với nghệ thuật Dionysos. Ông nhất định bảo mình không phải là thi sĩ. "Thơ không còn là thơ, không còn gì nghệ thuật (...) những người làm thơ hôm nay không muốn được gọi là thi nhân vì thơ đối với họ không còn là cứu cánh của đời sống, thơ chỉ còn là phương tiện để họ vào sâu trong ý thức gặp mình, gặp được đời sống và may ra gặp được hồn người (...) xin đừng ai gọi tôi là thi sĩ." (12)

Ai là thi sĩ, ai không phải thi sĩ trong lúc này? Thơ nào là thơ, thơ nào không phải là thơ? Thơ nào, người thơ nào đáng giữ lại? thứ nào vất đi, loại đi? Pháp đã gặp chuyện khó ra sao không biết; biết riêng một chuyện của ta bây giờ đã rối lắm rồi.

Hoài Thanh khen thơ Xuân Diệu có "cái dáng dấp yêu kiều, cái cốt cách phong nhã", "cái lối làm duyên rất có duyên (...) cái vẻ đài các rất hiền lành." Và khi nói về thơ Thâm Tâm, ông bảo nó "không mềm mại uyển chuyển như phần nhiều thơ bây giờ." Còn Vũ ngọc Phan thì cho rằng Quách Tấn: "chú trọng vào sự gọt dũa

nhiều quá, ông cân nhắc từng chữ, ông lựa từng câu", lại cho rằng Vũ Hoàng Chương "rất chú trọng đến sự gọt dũa lời thơ". Tóm lại các nhà phê bình tiền chiến thấy phần nhiều thơ hồi ấy mềm mại, uyển chuyển, gọt dũa, yêu kiều, phong nhã, duyên dáng. Đẹp đẽ quá đỗi. Chúng ta biết tìm đâu cho thấy trong nền văn học một thời hoang mang khổ đau khói lửa tơi bời sau này thứ thơ đẹp đẽ như thế. Người thơ cũng vậy, sau này chúng ta tìm đâu cho thấy những con người hình dáng, y phục chỉnh tề, trang trọng, chải chuốt mỗi khi ra ngoài, như Đông Hồ, Quách Tấn, Vũ Hoàng Chương v.v...

Thi sĩ với thi sĩ, họ cùng sống với nhau, cùng gặp gỡ nhau hàng ngày trong xã hội, nhưng xê xích nhau một thế hệ họ cách biệt nhau muôn trùng từ trong ra ngoài, từ cuộc sống cho đến nghệ thuật.

3. Đặc điểm hai giai đoạn

Ngay trong một thời kỳ, giữa giai đoạn trước với giai đoạn sau cũng có sự khác nhau rõ rệt.

- Trước tự do sau khuôn khổ

Trong giai đoạn trước (1954-63), về hình thức, câu thơ mãi học hắc phá phách, đòi thoát khỏi khuôn khổ; trong giai đoạn sau (1964-75) nó thong thả trở về khuôn khổ, trở về những vần điệu quen thuộc. Trong giai đoạn trước, vẫn về hình thức, nó tích tập chữ nghĩa khó khăn, hiểm hóc, tối tăm, cầu kỳ; trong giai đoạn sau, nó trở nên trong sáng, dễ dàng, giản dị. Trong giai đoạn trước, về nội dung, thi ca nặng trĩu những suy tư khổ sở; trong giai đoạn sau, thơ nghe sảng khoái, khoáng đoạt, thênh thang. Trong giai đoạn trước, nét suy tư trong thơ nhuốm màu triết học; trong giai đoạn sau, tư tưởng trong thơ nhuốm màu tôn giáo.

Trước hết hãy nói về chuyện khuôn khổ. Sau 1954, những Thanh Tâm Tuyền, Nguyên Sa, Tô Thùy Yên, Quách Thoại v.v... đều làm thơ "tự do". Mười năm sau, từ 1964, lớp thi sĩ mới không ai bảo ai, không biện luận, không kèn không trống lờ bỏ tự do, cứ thản nhiên viết thơ lục bát, thơ tám chữ, thơ thất ngôn, ngũ ngôn, thơ cổ phong, như không từng có gì xảy ra trước đó mười năm. Ấy là trường hợp của những Nguyễn đức Sơn, Bùi Giáng, Nguyễn Bắc Sơn, Vũ Hữu Định, Tú Kếu, Trần dạ Từ, Nhã Ca v.v... (Tất nhiên trong lớp trước cũng có người làm thơ luật, trong lớp sau cũng có người làm thơ tự do. Nhưng chúng ta nói đây là nói cái xu thế của đa số).

Trước tự do sau khuôn khổ, đó không những là xu thế của hai lớp người, mà cũng là cái xu thế biểu hiện nơi cùng một người vào

hai giai đoạn khác nhau. Thanh Tâm Tuyền suốt thời kỳ 54-75 vẫn trung thành với sự đề xướng lúc đầu: thơ tự do. Nhưng sau 1975, trong cảnh lao tù ông có nhiều bài thơ hay viết theo các thể truyền thống. Tô Thùy Yên trong giai đoạn đầu đăng trên *Sáng tạo* nhiều bài thơ tự do; về sau dần dần ông trở về các luật thơ cũ. Sao Trên Rừng thoạt đầu cũng tự do tợn; về sau hầu hết các tác phẩm do Mặt Đất và An Tiêm xuất bản là thơ luật...

Như vậy chuyện gì đã xảy ra trong khoảng thời gian mười năm ấy khiến cho câu thơ của chúng ta lúc thì muốn tự do lúc lại chán tự do? Thanh Tâm Tuyền là người đề xướng thơ tự do. Bênh vực chủ trương của mình, ông cho rằng nhịp điệu trong thơ cũ "đơn giản", "nghèo nàn"; nhịp điệu trong thơ tự do là "một thứ nhịp điệu rộng rãi phức tạp, ở một trình độ nghệ thuật cao". Ông bảo thơ tự do "không gieo vần lối đồng âm đồng thanh, vần của nó là vần ẩn giấu cách xa (có thể đi tới khác âm, nghịch thanh), nhịp điệu của nó là sự phối hợp của một toàn thể không khuôn trong một số câu nhất định khiến cho hơi thơ tự do dễ kéo dài hơn các hơi thơ khác." Trong thơ tự do, ông lại còn tìm thấy một thứ nhịp điệu gọi là "nhịp điệu của hình ảnh", rồi ông lại "tìm đến được thứ nhịp điệu của ý tưởng", cả hai thứ "là sự thể hiện của nhịp điệu của ý thức." (13)

Vậy, đó quả là rộng rãi và phức tạp. Nhưng tại sao sau khi tìm ra được những thứ mới lạ, có nhiều ưu điểm như vậy, cuối cùng các thi sĩ tự do lại trở về với khuôn khổ, với cái nghèo nàn, đơn giản?

Thực ra trong thơ cũ không phải chỉ có vần điệu âm thanh mà thôi. Trong thơ cũ cũng có thể có màu sắc hòa hợp với màu sắc, hình ảnh phối hợp với hình ảnh, ý tưởng đối chiếu với ý tưởng: những xếp đặt hài hòa đẹp đẽ như thế trong thơ Nguyễn Du, trong thơ Đường luật, không phải là những hình thức nhịp điệu của hình ảnh, của ý tưởng sao?

Tuy vậy sự xuất hiện của thơ tự do không phải không có ý nghĩa gì. Nó có ý nghĩa một thay đổi sâu xa trong tâm hồn một lớp người mới.

Thường thường bất cứ thể thơ nào, trước khi đạt đến hình thức hoàn chỉnh, cố định, cũng bắt đầu bằng những quờ quạng rất "tự do" trong một thời gian. Lục bát của ta trong ca dao có những câu dài mười lăm mười bảy chữ, và trong những tác phẩm viết trước thế kỷ thứ XIX, trong *Gia huấn ca* chẳng hạn, từ số chữ, luật bằng trắc, cho đến cách gieo vần đều lỏng lẻo, phóng túng, đầy những ngoại lệ bất thường. Đến truyện *Kiều* của Nguyễn Du thì lục bát đạt tới hình thức tuyệt mỹ của nó. Đến đây không còn những sờ soạng tìm tòi, không còn thay đổi gì nữa. Hình thức lục

bát trong *Kiều* thành cố định. Thơ mới của ta, từ bài *Tình già* của Phan Khôi, những bài thơ câu ngắn câu dài không đều trong buổi đầu của Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, cho đến thể thơ tám chữ đều đặn sau 1940, con đường diễn biến không khác. Mà những thể ngũ ngôn, thất ngôn của Tàu cũng trải qua một quá trình tương tự: trước đời Đường là những sô hình tương đối sơ sài, đến đời Đường mới đạt tới chính thể.

Chính thể tất phải đẹp đẽ tinh vi hơn các sơ thể, nhưng chính thể cũng lại có nhiều qui tắc trói buộc chặt chẽ hơn. Bởi vậy mỗi khi đời sống tinh thần trải qua một đổi thay lớn lao, người nghệ sĩ muốn diễn tả tâm trạng mình bỗng dưng cảm thấy tất cả cái khó chịu ngột ngạt trong khuôn khổ những hình thức văn nghệ cũ. Rồi thì xảy ra sự phá phách. Cuộc chiến đấu cho "tự do" trong nghệ thuật làm tan vỡ các thể điệu đã thành hình vất vả qua nhiều năm tháng.

Phá phách xong, thắng lợi rồi, một thời gian sau thế hệ mới có thể cho ra đời thêm một đôi hình thức mới, có thể lại ríu ríu trở về các hình thức cũ với một vài cải cách.

Sơ thể, chính thể, phá thể, rồi lại chính thể, phá thể... Truyện dài cách mạng văn nghệ nhiều hồi cứ thế tiếp tục. Thành thử nhiều năm sau khi Thanh Tâm Tuyền phát huy cái hay của thơ tự do, Trần Kha trở lại vần điệu của thơ cũ, điều ấy không có gì lạ. Và nhiều năm sau những tìm tòi phá phách của giai đoạn thứ nhất, các thi sĩ thuộc giai đoạn thứ hai của thời kỳ 1954-75 lại làm thơ cũ tỉnh bơ, ấy cũng không có gì lạ.

• Trước tối, sau sáng

Bây giờ đến điểm khác biệt thứ hai: trước tối sau sáng.

Những thi sĩ nổi tiếng của giai đoạn trước: Thanh Tâm Tuyền, Cung Trầm Tưởng, Bùi Giáng, Hoàng Trúc Ly, Quách Thoại v.v..., họ khó đọc hơn những Nguyễn Bắc Sơn, Tú Kếu, Nguyễn đức Sơn... của giai đoạn sau nhiều. Nói "khó đọc" là một cách nói láu lỉnh, để cho một số người có thể hiểu tạm rằng những kẻ sành điệu (trong đó có mình?) vẫn "đọc" được. Bởi vậy tôi xin thưa trước không có mình trong cái số may mắn vẫn rành thưởng thức những câu như :

"Xin mời em chối bỏ tên anh
vì tên em là cuộc đời
Ba. Bảy. Năm. Tám. Sáu.
Hai. Bốn. Chín. Mười. Mười.
Con số có tên kiếp người có tuổi
Anh già rồi chối bỏ tên anh?"

(Hoàng Trúc Ly)

hay là như :

(...) "Một hai hai một di hài
Dài hy hữu mộng an bài chẩm ma
Chả xin? Chả hỏi? Vịt gà?
Và thân thể máu me và da xương" (....)
(Bùi Giáng)

Có những trường hợp cùng một người mà ở giai đoạn trước đang rối rắm khó khăn, vào giai đoạn sau bỗng giản dị, rõ ràng. Chẳng hạn Tô Thùy Yên, chẳng hạn Sao Trên Rừng... Trước, Tô Thùy Yên từng có những câu: "Tôi vốn nặng đầu như chiếc nấm. Chiếc nấm ấy, sáng hôm nào trời đất bình minh, trông thấy một con sơn ca buồn rầu lẻ bạn. Thế là chiếc nấm đột nhiên biến thành một con sơn ca nhẹ nhàng cất cánh liệng bay theo" (Lễ tấn phong tình yêu). Sau này ông thường làm những bài thơ luật tuyệt vời không chút cầu kỳ. Còn Sao Trên Rừng thì... ồ, dài dòng làm chi, hãy cứ xem ngay cái tên hiệu: trước ký Sao Trên Rừng, không ngộ sao? Về sau ông hiện nguyên hình Nguyễn đức Sơn, trình nguyên cái tên do cha mẹ đặt, không trăng sao gì nữa cả, rồi ông viết những câu thơ trong leo lẻo như nước suối nguồn. Thơ văn cũng như tên hiệu: trước còn điệu bộ, lắm trò; sau cứ thẳng toạc ra.

Vừa rồi chúng ta có dịp nghe Thanh Tâm Tuyền nói về những gì chất chứa trong thơ ông. Trong thơ Quách Thoại cũng không phải là cái gì đáng mơ ước:

... "Ta thức một đêm trắng
Tỏ tình với trăng hoa
Ta chết nằm liêu vắng
Không bóng người đi qua"...
(Liêu vắng)

... "Ta khóc than nghĩ tủi phận đời ta
Một linh hồn lạc lõng giữa bao la
Một tình yêu chưa một chiều trao gởi
Tìm cô đơn chưa một lần ấm sưởi
Lạnh trong hồn và lạnh thấu trong xương"..
"Hoàng hôn về ta lạc giữa mù sương
Nghe đêm xuống tưởng buồn như tận thế
Ta rất nhớ cảm sầu thương thế hệ
Lệ rất nhiều mà khóc chẳng ai lau"...
(Như Băng trường tình)

Lại như trong thơ của Hoàng Trúc Ly, của Chế Vũ, của Hoài Khanh v.v... cũng lại đầy những ưu tư hoang mang. Thật khác xa giọng thơ của những Trần đức Uyển, Nguyễn đức Sơn, Nguyễn

Bắc Sơn sau này.

Nguyễn Bắc Sơn "luận" về chuyện sống ở đời :

(...) "Bậc thánh triết là những tay biếng nhác
Sống khề khà quanh bữa tiệc nhân sinh
Kết bạn bè cùng cây cỏ vô minh
Rất chán ghét những trò chơi thế sự (...)
Và vĩ nhân là những tay láo lếu
Như ta đây chờ sung rụng ngoài hiên."

(Đại lãn)

Cái "bữa tiệc nhân sinh" mà Nguyễn Bắc Sơn "khề khà" không có gì thịnh soạn, tôi chắc thế. Bắc Sơn là chiến binh, Tô Thùy Yên là một chiến binh khác. Tô quân mô tả cái nhân sinh của ông:

(...) "Giặc đánh lớn mùa mưa đã tới
Mùa mưa như một trận mưa liền
Châu thổ mang mang trời sát nước
Hồn chừng hiu hắt nổi không tên
Tiếp tế khó đôi lần phải lục
Trên người bạn gục đạn mươi viên
Di tản khó sâu dòi lúc nhúc
Trong vết thương người bạn nín rên
Người chết mấy ngày chưa lấy xác
Thây sình mặt nát lạch mương tanh..."

(Qua sông)

Trong cảnh nhân sinh như thế, họ cứ khề khà, tha hồ khề khà. Không một ai than thở ưu tư. Họ toàn là những người dễ tính. Tô Thùy Yên, Nguyễn Bắc Sơn thì cứ dừng quân là bạn bè nhậu nhẹt vui vẻ, Trần Đức Uyển thì:

"Tự hỏi về đâu? Đâu chả được
Hãy tìm bên suối ngủ đêm nay
Gối đầu lên đá nhìn trăng sáng
Rừng núi sương mù ướt chẳng hay."

(Buổi chiều ngồi trên đồi)

Cứ nghĩ rằng những giòng thơ nghe rờn rợn của Quách Thoại ra đời vào độ ngưng chiến thanh bình, mà mấy câu khơi khơi vừa rồi lại xuất hiện giữa lúc Bắc quân đánh tràn qua sông Bến hải, đánh khắp Miền Nam, không khỏi lấy làm kỳ lạ. Sao mà khi yên lành lại nặng trĩu suy tư nhăn nhó khó khăn, lúc cùng cực khổ đau lại nhẹ nhõm cười cợt?

Cho hay cái quan trọng không phải ở nơi hoàn cảnh mà là ở

thái độ chấp nhận hoàn cảnh ấy. Trong giai đoạn sau chúng ta không buồn thắc mắc quản quại nữa. Chúng ta ngẩng mặt mà chấp nhận hoàn cảnh. Cười cười mà chấp nhận. Tha thứ, khoan dung. Chính người trong cuộc, những người cầm súng vào sinh ra tử, là những người thênh thênh khinh khoái hơn cả: Tô Thùy Yên, Nguyễn Bắc Sơn, Hà Thúc Sinh, Nguyễn tiến Cung v.v... Hiện tượng tâm lý nào đã xảy ra lúc bấy giờ? Niềm tin tưởng tôn giáo có vai trò gì trong thái độ ấy, bởi không khí tôn giáo lúc bấy giờ bàng bạc khắp thơ văn chúng ta.

- Lý do

Từ giai đoạn trước tới giai đoạn sau, chúng ta thấy thi ca có nhiều điểm thay đổi về hình thức lẫn nội dung. Nhìn kỹ, những thay đổi ấy không hề có tính cách tản mạn, ngẫu nhiên. Tôi có cảm tưởng chúng cùng bắt nguồn từ một vài nguyên nhân, cùng liên hệ với nhau.

Đã nhiều lần, chúng ta đối chiếu hai giai đoạn. Trong giai đoạn đầu chúng ta ý thức sự khác biệt sâu xa trong tâm hồn đối với lớp tiền chiến và nổi lên ý định gây dựng một nền văn nghệ mới, giai đoạn đầu là giai đoạn của những cố gắng nghiêm chỉnh, những tìm tòi thắc mắc căn bản về lẽ sống. Phải chăng chính cái ý thức về sự chuyển biến sâu xa trong lòng người đã phá vỡ khuôn khổ thơ tiền chiến? phải chăng vì những cố gắng tìm tòi nọ mà thi ca của giai đoạn trước hóa ra tối tăm, cầu kỳ, kiểu cách? mà nó nặng trĩu triết lý?

Giai đoạn sau là giai đoạn của thất vọng, buông thả, của tự do, phóng túng, cũng là của ảnh hưởng Phật giáo. Vì vậy mà câu thơ có dịp hớn hở chạy về với luật lệ cũ, với cái ngôn ngữ giản dị thường nhật. Nó trở về với sự dễ dãi, xuề xòa. Như sợi dây thun đang căng được buông ra liền rút nhanh về vị trí cũ. Trong vị trí thoải mái ấy, thơ thành ra thơ của mọi người, vừa tầm thưởng thức của độc giả đông đảo.

Tuy vậy, nó chưa lúc nào trở về tới cái điểm hội tụ, cái quê chung của thơ tiền chiến: tình yêu.

Trong Nguyễn đức Sơn có tình dục, trong Bùi Giáng có những mơ tưởng huyễn loạn về người nữ, trong Phạm Thiên Thư ái tình lẫn với tôn giáo mông lung. Làm gì còn có thứ tình yêu như trong thơ Nguyễn Bính, Xuân Diệu, Tế Hanh v.v... Làm gì còn nữa!

Một người kỹ nữ tiền chiến có lần kêu lên trong câu thơ Xuân Diệu: "Chớ để riêng em phải gặp lòng em" và ông Hoài Thanh tinh nhạy đã thấy ngay cái vấn đề lớn của thời đại: "lời khẩn cầu của người kỹ nữ cũng là lời khẩn cầu của người muốn thuở. Đời sống

của cá nhân cần phải vin vào một cái gì thiêng liêng hơn cá nhân và thiêng liêng hơn sự sống."(14)Dẫu sao cá nhân tiền chiến cũng còn tìm được niềm an ủi, tìm được hơi ấm trong sự quấn quít lấy nhau. Người con gái tiền chiến run rẩy :

"Em sợ lắm. Giá băng tràn mọi nẻo;
Trời đầy trăng lạnh lẽo suốt xương da."

Thực ra cái cô đơn lạnh lẽo hồi ấy đã thấm vào đâu. Hồi ấy người ta có lứa đôi, người ta ríu ra ríu rít, đó đây vang dậy tiếng yêu đương, khắp xã hội ấm nồng tình ái. Thuở xưa kia là cái *ta*, sau cuộc gặp gỡ Tây phương là cái *tôi;* cá nhân có nhỏ bé thực, nhưng là cá nhân từng cặp thì cũng đỡ cô đơn, cá nhân đỏm dáng chỉnh tề trau chuốt là thứ cá nhân của những giao tiếp xã hội. Còn sau 1954, sau những đổ vỡ tinh thần, mất mát niềm tin, thậm chí tình yêu trai gái cũng không còn yên lành thơ mộng nữa. Từng cái *tôi* quay lưng với xã hội, từng cá nhân đơn lẻ đi sâu vào ý thức mình, riêng gặp lòng mình, riêng đối diện với những hoang mang, thắc mắc của mình.

Thời tiền chiến còn lưu lại Miền Nam một số thi sĩ lỗi lạc: họ đều thành công trong xã hội, đều được trọng vọng; họ xuất hiện chỉnh tề, lắm khi chải chuốt. Và những vị lão thành ấy cho ra đời những tập thơ tình thấm thiết: *Đường vào tình sử, Ta đợi em từ ba mươi năm*... Trái lại, những Bùi Giáng với Nguyễn đức Sơn chẳng hề có đời sống xã hội. Một người bạn Bửu Ý mô tả Nguyễn đức Sơn như một con tê giác cô đơn ("hình ảnh của con tê giác, từ tính tình đến cách ăn nói, dáng đi (...) Đơn độc quắt quơ. Dã man nghiệt ngã. Chỉ thong dong ở chốn không người: rừng và biển.") Và Nguyễn quân lấy đó làm lời tri kỷ. Xã hội không chấp nhận những con người ấy, ngược lại những con người kỳ cục nọ cũng không biết tới xã hội.

Phải mãi đến giai đoạn sau, đến cuối thời kỳ 1954-75, trong hỗn loạn chém giết tơi bời, thế hệ này mới tung hết mọi ưu tư bận bịu mà... khề khà quanh bữa tiệc nhân sinh.

(1) *Văn*, phát hành tại Sài gòn ngày 20-8-1974, trang 2.
(2) *Văn*, phát hành tại Hoa kỳ, số 26, tháng 8-1984
(3) Hoài Thanh và Hoài Chân. *Thi nhân Việt nam*, Hoa Tiên tái bản lần thứ 2 tại Sài gòn, năm 1968, trang 386, 387.
(4) Sđd, trang 62.
(5 & 7) *Liên, đêm mặt trời tìm thấy.*
(6) Tạp chí *Văn*, số phát hành ngày 20-8-74, trang 8.
(8) Hoài Thanh và Hoài Chân, Sđd, trang 209.
(9) Tạp chí *Văn ở* California, Hoa kỳ, số 26 tháng 8-1984.
(10) Tạp chí *Văn ở* California, Hoa kỳ, số 26 tháng 8-1984
(11) Nguyễn đức Sơn, *Đêm nguyệt động*, An Tiêm xuất bản, Sài gòn 1967.
(12) Tài liệu đã dẫn ở đoạn trước.
(13) *Bài đã dẫn.*
(14) *Hoài Thanh và Hoài Chân. Thi nhân Việt nam* — Hoa tiên tái bản lần thứ 2 tại Sài gòn năm 1968, trang 119.

Bác Sĩ
VƯƠNG ĐỨC HẬU,
M.D, F.A.C.O.G
Diplomate American Board of Obstetrics and Gynecology

CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ:

- THĂM THAI VÀ ĐỠ ĐẺ.
- BỆNH ĐÀN BÀ, HUYẾT TRẮNG - KẾ HOẠCH HOÁ GIA ĐÌNH: CỘT HOẶC ĐỐT ỐNG DẪN TRỨNG - KINH NGUYỆT BẤT THƯỜNG.
- HIẾM MUỘN VÀ GIẢI PHẪU HIẾM MUỘN
- GIẢI PHẪU BỆNH PHỤ NỮ, BỆNH SA TỬ CUNG, VÀ SỬA ÂM ĐẠO
- TRUY TÌM VÀ CHỮA TRỊ UNG THƯ CỔ TỬ CUNG, TỬ CUNG...

PHÒNG MẠCH:
TRUNG TÂM Y TẾ CHUYÊN KHOA
14536 Brookhurst St. (góc Hazard)
Phòng 101, Westminster, CA 92683

NGÀY GIỜ KHÁM BỆNH:
Thứ Hai đến Thứ Sáu: 10:00 đến 6:00
Thứ Bảy: 9:30 đến 2:00 P.M.
Nghỉ sáng thứ tư và chủ nhật

Điện Thoại: ***(714) 531-5505***

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM, XIN HẸN TRƯỚC

Nguyễn Hiến Lê

Kết quả sau 5 năm

(trích Chương 21 Hồi Ký)

***Lời toà soạn** : Sau khi đăng bài điểm sách Đời Viết Văn Của Tôi của Nguyễn Hiến Lê do ông Nguyễn Trần Việt gửi tới trên Văn Học số 6, Toà soạn Văn Học được thân nhân nhà văn Nguyễn Hiến Lê hiện ở Quận Cam chuyển cho mượn đọc toàn bộ hồi ký ba tập dày 652 trang của nhà văn Nguyễn Hiến Lê. Bộ di cảo quan trọng này, theo ghi chú của nhà văn quá cố, được viết xong tháng 9 năm 1980, sửa chữa và chép lại xong tháng 8 năm 1981.*

Qua bộ hồi ký này, Văn Học nhận thấy lời phê phán của ông Nguyễn Trần Việt về quan điểm chính trị của nhà văn Nguyễn Hiến Lê đối với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam rất xác đáng, vì cho đến 1976, nhà văn Nguyễn Hiến Lê vẫn còn tin rằng cộng sản Hà Nội sẽ để cho Miền Nam trung lập nhằm thu hút đầu tư ngoại quốc và làm cửa ngõ giao thương với thế giới tự do.

Tuy nhiên, điều mà bạn đọc tò mò muốn biết là cho đến năm 1981, lúc hoàn thành bộ hồi ký, Nguyễn Hiến Lê đã nhận định thế nào về chế độ cộng sản, qua kinh nghiệm sáu năm sống dưới chế độ ấy. Văn Học tìm thấy câu trả lời trong chương 21 tập 3 bộ hồi ký.

Vì đây là một văn liệu, sử liệu quan trọng để nhận định về sự nghiệp Nguyễn Hiến Lê, một trong những nhà văn hoá quan trọng hàng đầu của Miền Nam Việt Nam, nên Văn Học xin đăng y nguyên văn cả cách dùng chữ của tác giả trong tập hồi ký, mặc dù có một vài chữ quen dùng ở quốc nội sau 1975 nhưng không thích hợp với cộng đồng người Việt tị nạn hải ngoại .

Văn Học

"THẤT BẠI TRONG HÒA BÌNH"

Mấy tháng đầu sau ngày giải phóng, các bạn kháng chiến, già cũng như trẻ, nhất là trẻ, đều có tâm lí chung là hăm hở hưởng thụ sau mấy chục năm gian khổ sống chui sống nhủi trong rừng trong bụi,

dưới hồ dưới hầm. Đành rằng phải bắt tay ngay vào việc kiến thiết, nhưng đã có đường lối sẵn rồi, có kinh nghiệm hai chục năm ở Bắc thì không có gì khó; vả lại đã thắng được Mĩ, thành cường quốc thứ ba trên thế giới, sau Nga và Trung Hoa, thì có việc gì mà làm không được, chỉ trong 5 năm sẽ tiến bộ, hai chục năm sẽ đuổi kịp Nhật Bản về kinh tế.

Muốn kiến thiết thì trước hết phải san phẳng chế độ cũ đã, không để lại một dấu vết nào cả. Phải đuổi hết các nhân viên cũ, để anh em cách mạng chia nhau tất cả các chức vụ lớn nhỏ. Phải diệt bọn tư bản, chiếm nhà cửa, tài sản như núi của họ, chia nhau mỗi người một chút. "Đó là quyền của mình mà!"

Tóm lại, ai cũng "hồ hởi", tin tưởng. Chỉ có thủ tướng Phạm văn Đồng là tỏ vẻ ưu tư một chút. Trong một cuộc hội họp ở Saigon, ông bảo các bạn đồng chí: "Nous avons gagné la guerre, il ne faut pas perdre la paix" (Chúng ta đã thắng trong chiến tranh, đừng để thất bại trong hòa bình). Ông thấy rằng thắng được địch rồi mới là khởi sự bắt tay vào việc, chưa thể nghỉ ngơi, hưởng thụ được; mà công việc kiến thiết trong thời bình còn khó khăn gấp bội công việc diệt địch. Thời chiến hễ nung được lòng yêu nước của quốc dân rồi, giữ cho lòng đó đừng giảm, quốc dân kiên trì chịu đựng được tới phút chót thì không còn vấn đề gì nữa: thiếu cái gì đã có Nga, Trung Hoa cung cấp cho; trái lại trong thời bình mới phải đương đầu với nhiều vấn đề nội bộ, ngoại giao, kinh tế, nhất là kinh tế. Nước ta nghèo, thiếu vốn đầu tư, thiếu kĩ thuật gia, khó phát triển kinh tế mau được. Thất bại về kinh tế thì sự nghiệp của cách mạng sụp đổ.

Bây giờ 5 năm sau ngày giải phóng hết kế hoạch ngũ niên đầu tiên rồi, chúng ta mới thấy cơ hồ chẳng tiến bộ về một phương diện nào hết mà còn thụt lùi nữa, và ai lạc quan tới mấy cũng phải nhận chúng ta đã bỏ phế 5 năm, và không biết phải mấy năm nữa mới bắt lại được thời gian đã mất đó. Trong khi ấy thì thế giới cứ vùn vụt tiến tới.

THẤT BẠI LỚN NHẤT, THEO TÔI, LÀ KHÔNG ĐOÀN KẾT ĐƯỢC QUỐC DÂN.

Chỉ sáu bảy tháng sau cuối 1975, có đa số người Nam chán chế độ ngoài Bắc, chán đồng bào Bắc. Tôi nhớ như ở trên tôi đã nói năm 1976, trong một cuộc hội nghị ở Sàigòn, bàn về vấn đề thống nhất quốc gia, một học giả lão thành miền Bắc, ông Đào Duy Anh (đã có hồi sống ở Nam nhiều năm, có nhiều bạn thân ở Nam) khi được mời phát biểu ý kiến, chỉ nói mỗi một câu đại ý là thống nhất nhân tâm đã. Cả hội trường sửng sốt và làm thinh.

Ông Anh đã nhận xét đúng và dám nói. Quả thực là lúc đó có sự chia rẽ nặng giữa người Nam và người Bắc, Nam đã không muốn thống nhất với Bắc rồi. Từ đó, tinh thần chia rẽ cứ mỗi ngày mỗi tăng, năm nay (1980) có thể nói 90% người miền Nam hay hơn nữa, muốn tách khỏi miền Bắc.

Có nhiều nguyên nhân.

Nguyên nhân chính theo tôi là người miền Bắc vơ đũa cả nắm, coi người Nam là "ngụy" hết, trụy lạc, bị nhiễm độc nặng của Mĩ. Ngay hạng trí thức miền Bắc như ông Đào Duy Anh cũng có thành kiến rằng dân Sàigòn hư hỏng quá rồi. Họ chỉ nhìn bề ngoài, chỉ thấy một số thanh niên híp pi, lêu bêu ở ngoài đường; tôi phải giảng cho họ hiểu rằng đó chỉ là thiểu số, chứ đại đa số người trong này ghét Mĩ, ghét văn minh Mĩ, có thể nói gia đình nào cũng có người có cảm tình với kháng chiến, giúp kháng chiến cách này hay cách khác, nếu không vậy thì làm sao kháng chiến thành công được. Chỉ nội một việc biết người nào đó là kháng chiến mà không tố cáo cũng đủ có công với kháng chiến rồi, chứ đừng nói là còn che chở, giúp tiền bạc, tiếp tay cho nữa. Chỉ trừ một số phản quốc, theo Mĩ, Thiệu triệt để vì quyền lợi, còn thì không có gia đình nào trong Nam là ngụy cả (1). Bọn thanh niên hư hỏng chỉ ở Sàigòn mới có nhiều, mà tỉ số không cao so với những thanh niên đứng đắn.

Người Bắc coi người Nam là ngụy, đối xử với người Nam như thực dân da trắng đối với dân "bản xứ", tự cao tự đại, tự cho rằng về điểm nào cũng giỏi hơn người Nam, đã thắng được Mĩ thì cái gì cũng làm được. Chỉ cho họ chỗ sai lầm trong công việc thì họ bịt miệng người ta bằng câu: "Tôi là kháng chiến, anh là ngụy, thì tôi mới có lí, anh đừng nói nữa."

Chẳng bao lâu người Nam thấy đa số những kẻ tự xưng là kháng chiến, cách mạng đó, được Hồ chủ tịch dạy dỗ trong mấy chục năm đó, chẳng những dốt về văn hóa, kĩ thuật điều này không có gì đáng chê, vì chiến tranh, họ không được học thêm khát hưởng lạc, ăn cắp, hối lộ, nói xấu lẫn nhau, chèn bẩy nhau... Từ đó người Nam chẳng những có tâm trạng khinh kháng chiến mà còn tự hào mình là ngụy nữa, vì ngụy có tư cách hơn kháng chiến. Và người ta đâm ra thất vọng khi thấy chân diện mục của một số anh em cách mạng đó, thấy vài nét của xã hội miền Bắc: bạn bè, hàng xóm tố cáo lẫn nhau, con cái không dám nhận cha mẹ, học trò cấp II đêm tối đón đường cô giáo để bóp vú...

Thì ra: "nhìn xa ngỡ tượng tô vàng..."

Ngay giữa các đồng chí cũng không có tinh thần đoàn kết: địa phương nào chỉ làm lợi cho địa phương đó, không nghĩ tới quốc

gia; cơ quan nào cũng chỉ làm lợi cho cơ quan mình mà không giúp đỡ cơ quan bạn; ai nấy chỉ lo cho bản thân mình thôi mà không nghĩ tới đoàn thể. Một ông bạn tôi ở Hà Nội vào Sàigòn để đòi số tiền vài cơ quan khác thiếu của cơ quan ông. Tôi ngạc nhiên hỏi: "Đâu phải là xí nghiệp tư mà giữ tiền lại để làm lợi cho mình. Đều là của công hết mà, hễ thu được tiền thì tự nhiên họ trả lại cho cơ quan anh, sao phải vào tận đây để đòi?" Anh bạn ấy đáp: "Nếu họ nghĩ như anh thì còn nói gì?"

Trong mỗi cơ quan ở Sàigòn cũng có sự chia rẽ. Cũng là công nhân viên cả, mà bọn ở Bắc vô không ưa bọn Liên khu 5; hai hạng đó đều khinh bọn ở bưng trong Nam về; bọn này lại không chơi với bọn trước kia tập kết ra Bắc, nay trở vô Nam; bọn "nằm vùng" cũng không ưa bọn tập kết về đó; bị khinh nhất là bọn ngụy được tạm dùng lại, mà bọn này thạo việc hơn hết. Chính vì thiếu đoàn kết cho nên trong cuộc hội họp nào người ta cũng hô hào "Đoàn kết, đại đoàn kết". Còn ở trong phòng họp thì ai cũng hoan hô tinh thần đoàn kết, ra khỏi phòng rồi thì hết đoàn kết. Người ta chỉ đoàn kết với nhau vì quyền lợi thôi; do đó mà có tinh thần bè phái, gia đình trị, và ở Bắc có câu này: *"Nhất thân, nhì thế, tam quyền, tứ chế."* Hễ thân với nhau thì giúp đỡ nhau, công việc gì cũng dễ dàng, chứ cứ áp dụng đúng qui chế thì khó khăn nhất, chậm trễ nhất; người ta lè phè tà tà, không làm cho mình đâu, nhắc nhở hoài chỉ làm cho người ta thêm ghét. Còn đâu là tinh thần tập thể nữa?

ĐIỂM THỨ NHÌ LÀM CHO CHÚNG TA THẤT VỌNG LÀ XÃ HỘI CÒN BẤT CÔNG HƠN THỜI TRƯỚC NHIỀU

Marx và Lénine muốn tạo một xã hội không có giai cấp, công bằng, bình đẳng. Nhưng Staline cho sự bình đẳng là "không xứng" (indigne) với một xã hội theo chủ nghĩa xã hội (2), và ở Nga, theo nhà bác học Sakharov (trong một bài báo đã dẫn) thì năm 1972 xã hội đã bất bình đẳng mà còn bất công. Không còn tình trạng tư bản bóc lột thợ thuyền, nhưng giai cấp lãnh đạo được hưởng rất nhiều quyền lợi còn giai cấp công nhân thì sống thiếu thốn. Cây quạt lương bổng (éventail des salaires) vẫn mở rộng, có phần còn hơn ở các nước tư bản; nói cách khác, lương giữa một viên giám đốc với một thợ không chuyên môn còn cách biệt nhau rất xa, hơn ở phương Tây. Kravchenko trong cuốn đã dẫn cũng phàn nàn rằng các đồng chí "bự" (grosses légumes) sống như ông hoàng, có phòng ăn riêng, thức ăn riêng, tiệm mua thuốc dược phẩm riêng, thợ hớt tóc riêng, nhà thương riêng, cầu tiêu riêng... cái gì cũng riêng, và ông ta chua xót thấy cách bóc lột thời ông bất lương hơn cách thời Nga hoàng (tr. 525, 105).

Ở nước mình cũng như Nga, không còn cái tệ tư bản bóc lột thợ thuyền; chế độ lương của mình còn hơn Nga là không có sự cách biệt rất xa giữa cấp cao và cấp thấp: công nhân viên mới vô được khoảng 40đ một tháng, kĩ sư mới ra trường được khoảng 55đ, giám đốc khoảng 150đ, bộ trưởng 200đ; nhưng các cán bộ cao cấp cũng được hưởng rất nhiều quyền lợi, tha hồ mua thức ăn, đồ dùng đủ thứ với giá chính thức; nghe nói có trường hợp vợ họ mua về bán chợ đen; và một người Nga hay Đức đã phải bảo lương những cán bộ tuy chỉ có 200đ mà sự thực họ được hưởng ít nhất là 2000đ. Thủ tướng Phạm văn Đồng có lần đề nghị sửa đổi chế độ lương bổng: tăng lương cho những cấp trên, nhưng sự phân phối nhu yếu phẩm thì đồng đều; đề nghị đó bị đảng bác bỏ.

Có người lại nói một số "ông lớn" đi đâu cũng có người hầu xách bình nước *Sâm Cao Li* để ông lớn uống thay trà; một ông nọ luôn luôn có một bác sĩ ở bên và một thiếu nữ quạt hầu vì ông không chịu được quạt máy: Tôi không biết những tin đó đúng hay không, chỉ biết những tin đó do "anh em cách mạng" đưa ra cả.

Một ông bạn tôi bảo có vô nhà thương mới thấy có cả chục (sic) giai cấp bệnh nhân, tùy giai cấp mà được ở phòng nào, khám bệnh ra sao, trị bệnh ra sao, cấp thứ thuốc nào, v.v..

Người chết cũng phân biệt giai cấp khi đăng cáo phó: cán bộ thường thì được mấy phân trên cột báo, cán bộ bự thì được mười mấy phân; lời cáo phó cũng theo những tiêu chuẩn riêng. Đúng là đường lối Staline.

Sàigòn được giải phóng vài năm thì ta thấy xuất hiện ngay một hạng giàu sang mới nổi, thay thế bọn giàu sang (đa số là quân nhân) thời Thiệu, và cũng thích những xa xỉ phẩm (có hàng thêu, hột xoàn, máy điều hòa không khí v.v...) của thời Thiệu. Tiền đâu mà họ mua những thứ đó nhỉ?

Sự bất công chướng nhất, tàn nhẫn nhất là lương công nhân viên từ 1975 cứ đứng yên trong khi sự phân phối nhu yếu phẩm giảm đi gần hết, chỉ còn gạo, bo bo là tạm đủ, nhất là trong khi mãi lực của đồng bạc năm 1980 chỉ còn bằng 1/10 năm 1975; thành thử lương một công nhân viên chỉ đủ để mua củi chụm, lương một bác sĩ mới ra trường chỉ đủ để mua rau muống ăn. Khắp thế giới không đâu có chế độ lương bổng kì cục như vậy (3). Người nào cũng phải bán đồ đi mà xài, nhờ cha mẹ giúp đỡ, nếu không thì phải xoay xở mọi cách, làm sao sống được thì làm, chính phủ không biết tới. Một cán bộ ở Hà Nội đã phàn nàn: "Người ta có rất nhiều quyền hành mà không có một chút tinh thần trách nhiệm nào cả. Thật lạ lùng!" Kravchenko (tr.185) nói chính phủ Nga bắt dân đói để dân biết phép chính phủ mà phải răm rắp tuân lệnh. Ở nước ta không

đến nỗi như vậy, có áp dụng chính sách đó thì chỉ áp dụng cho những kẻ thù của chế độ thôi, tức "bọn ngụy quân ngụy quyền còn ở trong một số trại cải tạo."

KHÔNG CÓ TRÁCH NHIỆM MÀ TINH THẦN BÈ PHÁI QUÁ NẶNG, NÊN KHÔNG CÓ KỈ LUẬT, DƯỚI KHÔNG TUÂN, LOẠN.

Chương trên tôi đã nói đến cái tệ mỗi tỉnh là một tiểu quốc, địa phương tự do tới mức không tuân lệnh trung ương (ngay cả xã cũng không tuân lệnh tỉnh, huyện) lấy lẽ rằng chỉ địa phương mới hiểu tình trạng của địa phương, cấp trên không nên xen vào; cái tệ nhân viên được lệnh đi công tác mà không đi, nằm ỳ ở nhà, một tuần sau trở lại sở, trả sự vụ lệnh mà không bị khiển trách; cái tệ nhân viên muốn bỏ sở về giờ nào thì về, lấy cớ là phải kiếm gạo, chủ nhiệm đành làm thinh, chứ không biết đáp sao.

Tôi kể thêm một trường hợp nữa. Ông giám đốc một cơ quan nọ đến tuổi về hưu, bảo người giúp việc: "Tôi sẽ không về, về thì mất hết quyền lợi: xe hơi, "bìa" (sổ đặc biệt để mua nhu yếu phẩm), nhà ở, v.v..., mà còn bị xã ấp nó ăn hiếp, hoạnh họe cái này cái khác; không, tôi không về". Một ông giám đốc mà sợ công an ấp vì công an có quyền bắt ai thì bắt, giam ai thì giam. Một viên công an bảo: "Tôi làm việc bốn năm năm rồi, mà bây giờ mới biết quyền hạn của tôi, từ trước tôi muốn làm gì thì làm."

Vì mất kỉ luật, cho nên thanh niên trốn nghĩa vụ quân sự : ở miền Nam trốn tới 90%, có nơi cả 100% mà vẫn sống yên ổn. Bắt được họ, đưa họ ra mặt trận, họ lại trốn nữa. Không thể giam hoài họ được, gạo đâu mà nuôi. Họ sống yên ổn ngay ở làng vì chỉ cần đút lót cho công an là êm. Còn nạn đào ngũ thì toàn quốc tới 25%. Trước kia người ta hi sinh để giành độc lập; bây giờ độc lập rồi lại đánh nhau với nước anh em, người ta không hăng hái nữa.

Nghe nói ở một tỉnh nọ, viên giám đốc sở tài chánh kiêm giám đốc ngân hàng (?) ôm 60 lượng vàng cùng với 30 viên công an xuống một chiếc tàu của chính phủ, mang theo đầy đủ khí giới (và không biết bao nhiêu lượng vàng nữa) để vượt biên. Tin đó chưa lấy gì làm chắc nhưng chuyện công an — cây cột chống đỡ chế độ — ôm vàng vượt biên thì mấy năm nay nghe thường quá rồi.

Tinh thần vô kỉ luật đó, không biết một phần có phải do chính sách giáo dục trẻ em không. Người ta cấm đánh trẻ — điều đó có thể hiểu được — cấm nghiêm khắc với trẻ, chúng nghỉ học thì lại nhà mời chúng đi học; chúng làm biếng thì không bị phạt mà cô giáo bị trách là dạy dở. Kì tựu trường có nơi còn tổ chức múa lân, đốt pháo để dụ trẻ em đi học nữa. Cô giáo nào mời được ít trẻ thì bị rầy. Riết rồi cô giáo ngán dạy quá, cứ tự ý nghỉ bừa, hiệu trưởng

phải tới nhà năn nỉ, nếu không thì lỗi ở hiệu trưởng chứ không phải ở cô giáo. Và người ta ngán luôn cả nghề sư phạm: dốt hoặc muốn tránh nghĩa vụ quân sự mới phải thi vô sư phạm.

Kỉ luật như vậy, trẻ em càng được thể làm biếng, sức học rất kém, mà tính ngỗ nghịch (bóp vú cô giáo như trên đã nói) thì quá mức tưởng tượng.

Một số cán bộ già ở Bắc vô đều nhận rằng trẻ em trong này ngoan ngoãn, lễ phép. Nhưng tôi sợ rằng ít năm nữa, chúng đuổi kịp bạn chúng ở Bắc mất.

SỰ THẤT BẠI HIỂN NHIÊN NHẤT CỦA CHẾ ĐỘ LÀ SỰ SUY SỤP CỦA KINH TẾ

Như tôi đã trình bày sơ lược ở trên, hậu quả là VN trước thế chiến tự hào là "tiền rừng bạc bể", có những đồng lúa, rừng cao su mênh mông ở miền Nam, những mỏ than, mỏ phốt phát phong phú ở miền Bắc mà bây giờ thành một trong vài nước nghèo nhất thế giới.

Từ ngày giải phóng, do những đồng bào ở Bắc vào, chúng ta ở Nam mới lần lần biết cảnh điêu đứng của dân tình ngoài đó sau hai chục năm sống dưới chế độ mới. Từ trên xuống dưới ai cũng phải ăn độn có khi 60-70% (4); có hồi gạo quí tới nỗi người ta cất vào trong những cái thố, cái liễn, trân trọng như nhân sâm, chỉ khi nào đau ốm mới lấy ra một nhúm để nấu cháo; ngày tết mà có được đủ gạo nấu cơm cúng ông bà là mừng lắm; khi nào được ăn một bữa cơm không độn với nước mắm thôi thì coi như được dự một bữa tiệc. Nước mắm rất hiếm, có người ở Nghệ An hay Hà Tĩnh mấy năm không có nước mắm ăn, gặp người trong Nam ra đem theo nước mắm, xin một vài muỗng rồi cầm nuốt ực ngay hết, không đợi đem về nhà.

Bát ăn mỗi người mỗi năm chỉ được một cái, hễ vỡ thì phải ăn bằng sọ dừa. Vải mỗi năm chỉ được phát một hai thước đủ để vá áo. (Ở miền Nam năm 1980, có nơi mỗi người chỉ được 6 tấc).

Nhiều người vào Sàigòn thăm bà con, khi ra vơ vét đủ thứ: từ cây đinh, khúc dây chì, lon mỡ bò, ve chai... đem ra, vì ở ngoài đó thường cần dùng tới mà không kiếm đâu ra. Họ cho miền Nam này là thiên đường.

Nhưng một người Ba Lan trong Ủy ban kiểm soát quốc tế năm 1975 bảo "Chỉ trong 5 năm, miền Nam sẽ đuổi kịp miền Bắc", nghĩa là nghèo như miền Bắc. Lời đó đúng, rất sáng suốt. Nếu không nhờ mấy trăm ngàn kiều bào ở ngoại quốc gởi tiền, thuốc men, thực phẩm, quần áo... về giúp bà con ở đây thì chúng ta hiện nay cũng điêu đứng như anh em miền Bắc rồi.

Dân miền Nam từ xưa chưa bao giờ biết đói, phải ăn độn thì

năm 1979 đã phải ăn độn 70-80%, có những gia đình phải ăn bữa cơm bữa cháo, có cô giáo và học sinh đói quá, tới lớp té xỉu.

Nhà nào cũng bán đồ cũ đi để ăn; nhiều giáo viên nhà đã trống rỗng, không còn bàn ghế nữa, ăn ngủ trên sàn. Ai cũng chỉ lo sao có cái gì nuốt cho đầy bao tử; chứ không dám nghĩ tới miếng ngon. Tết Canh thân vừa rồi, ở Long Xuyên, nhà một giáo viên hồi hưu, trên bàn thờ ông bà chỉ bày một đĩa có mấy chiếc bánh phồng và bánh gai, không có một đòn bánh tét, một quả dưa hấu.

Khổ nhất là bọn đi kinh tế mới thất bại, tiêu tan hết vốn liếng về Sàigòn, sống cảnh màn trời chiếu đất, ăn xin, moi các đống rác hôi thối, lượm một miếng giấy vụn, một túi ni-lông, một miếng sắt rỉ, một quai dép mủ... để bán cho "ve chai". Trông thấy đống túi ni lông được rửa qua loa trong nước dơ rồi phơi ở lề đường để bán cho tiểu thương đựng hàng, tôi ghê tởm quá.

Ở Bắc tình hình hiện nay điêu đứng hơn những năm kháng Mĩ, nghe nói ngoài đó đã xuất hiện câu ca dao: (5) :

Anh Đồng, anh Duẩn, anh Chinh,
Ba anh có biết dân tình cho không?
Rau muống nửa bó một đồng
Con ăn bố nhịn, đau lòng thằng dân.

Ở Nam có nơi hai tháng nhân viên chưa được lãnh lương, chắc nhiều gia đình không đủ tiền mua rau muống cho con nữa. Một bạn tôi đã phải ăn nước mắm kho tới khô.

Không có tiền mua rau thì làm gì có tiền mua thịt. Muốn lâu lâu có thịt thì phải nuôi heo, gà, cho nên nhiều cơ quan ngay khi mới thành lập đã nghĩ ngay đến việc hùn tiền (hay lấy trong quĩ?) mua heo con, phân công nhau nuôi tại khu ở tập thể, như vậy đến lễ, tết, mới có thịt liên hoan. Người ta thèm thịt quá, cho nên liên hoan lu bù, bất kì một dịp gì cũng liên hoan được: một bạn đồng nghiệp được ban khen, ngày tựu trường, bãi trường, họp bạn để học tập, ban hành hiến pháp mới, làm xong một công tác, mỗi ngày lễ, tết... mỗi năm liên hoan cả chục lần là ít.

Cơ quan nào cũng có đủ nhà bếp, chén đĩa, xoong chảo, người làm bếp (lựa trong nhân viên) để nấu ăn làm tiệc... Và khi ngồi vào bàn tiệc thì chẳng ai mời ai, đợi ai, mạnh ai nấy gắp, ăn cho thật mau (tới nỗi có người bảo cứ nuốt truộc rồi sẽ nhai sau!), tệ gấp 10 thói ăn uống ở đình làng mà Ngô Tất Tố đã mạt sát trong cuốn *Việc làng*. Nghèo thì sinh ra ở bẩn.

Ngay trong khu tập thể một trường Đại học Hà Nội, phòng một giáo sư ở Pháp về cũng dơ dáy, từ sàn gạch đến tường đều đầy vết bẩn. Hỏi như vậy làm sao chịu được, ông ta nhún vai đáp: "Lâu rồi quen đi". Không nên trách ông ta. Dù muốn sống sạch cũng không thể được: đâu có vôi để quét tường? đâu có xà bông để rửa

sàn? đâu có giẻ để lau? Nước thì có nhưng phải xuống dưới sân để hứng rồi xách lên 5-6 chục bực thang, ai mà không ngại?

Phải, lâu rồi thì quen đi. Nếu tình trạng không thay đổi thì chỉ mười năm nữa, toàn dân sẽ quen đi, không thấy gì là bẩn nữa. Hiện nay ở trong Nam đã nhiều nhà để bụi đóng đầy bàn ghế — mà trước kia họ sống rất sạch — mạng nhện giăng đầy trần, còn dân thị xã thì đã quen với cảnh bốn năm người cùi nằm trên đường đưa tới chợ, lăn ở giữa chợ để xin ăn.

Câu "nghèo cho sạch, rách cho thơm" của ông cha, chúng ta không giữ được vì chúng ta nghèo tới mức không thể ở sạch được.

XÃ HỘI SA ĐỌA

Điều đáng ngại nhất là sa đọa về tinh thần, tới mất nhân phẩm.

Ở tỉnh nào cũng có một số cán bộ *tham nhũng* cấu kết với nhau thành một tổ chức ăn đút ăn lót một cách trắng trợn, không cần phải lén lút. Có giá biểu đàng hoàng: Xin vô hộ khẩu một thành phố lớn thì bao nhiêu tiền, một thị xã nhỏ thì bao nhiêu, một ấp thì bao nhiêu. Muốn mua một vé máy bay, vé xe lửa thì bao nhiêu. Muốn được một chân công nhân viên, phải nộp bao nhiêu... Cái tệ đó còn lớn hơn tất cả các thời trước.

Nếu một cán bộ nào bị dân tố cáo nhiều quá thì người ta cũng điều tra, đưa cán bộ đó tới một cơ quan khác (có khi còn dễ kiếm ăn hơn cơ quan cũ), đem người khác, (cũng tham nhũng nữa) lại thay. Ít tháng sau dân chúng nguôi nguôi rồi, người ta lại đưa kẻ có tội về chỗ cũ. Người ta bênh vực nhau (cũng là đảng viên cả mà) vì ăn chịu với nhau rồi. Dân thấy vậy, chán, không phí sức tố cáo nữa. Có người còn bảo: "Chống chúng làm gì? Nên khuyến khích chúng sa đọa thêm chứ, để chúng mau sụp đổ."

Có những ông trưởng ti uống mỗi ngày một ve whisky (tôi không biết giá mấy trăm đồng), hút hai, ba gói thuốc thơm 555 (30đ một gói). Bọn đàn em của họ cũng hút thuốc thơm, điểm tâm một tô phở 6đ, một li cà phê sữa 4đ, sáng nào như sáng nấy mà lương chỉ có 60-70đ một tháng.

Như vậy thì tất phải có những vụ ăn cắp của công (như một trung tâm điện lực nọ cứ bốn năm tháng lại mất trộm một lần mà không tra ra thủ phạm; rất nhiều bồn xăng bị rút cả ngàn lít xăng rồi thay bằng nước...) thụt két, ôm vàng trong ngân hàng để vượt biên, có khi lại tạo ra những vụ kho bị cướp, bị cháy, v.v... Y tá ăn bớt thuốc của bệnh nhân rồi tố cáo lẫn nhau, giám đốc biết mà không làm gì được. Lớn ăn cắp lớn, nhỏ ăn cắp nhỏ. Ăn cắp nhỏ thì chỉ bị đuổi chứ không bị tội, vì "họ nghèo nên phải ăn cắp", mà nhốt khám họ thì chỉ tốn gạo muối. Vì vậy chúng càng hoành hành, ăn cắp, ăn cướp giữa chợ, cảnh sát làm lơ, còn dân chúng thì

không dám la, sợ bọn chúng hành hung. Ăn cắp lớn, không thể lìm được thì phải điều tra, bắt giam ít lâu, rồi nhân một lễ lớn nào đó, ân xá; không xin ân xá cho họ được thì đồng đảng tổ chức cho vượt ngục rồi cùng với cả gia đình vượt biên yên ổn.

Nạn "phe phẩy" (buôn lậu, làm chợ đen) còn bành trướng hơn nữa. Có thể nói một phần ba dân miền Nam (ở Bắc chắc ít hơn) làm nghề đó. Họ móc nối với những nhân viên kiểm soát, với giới xe đò; và cứ 5 chuyến bị tịch thu một chuyến thì họ vẫn còn sống được. Chỉ có nghề đó là đủ ăn, đôi khi phè phỡn nữa, còn làm nghề gì khác cũng sạt nghiệp. Bọn "lơ xe" bán vé cho bọn buôn lậu đó, giấu hàng cho họ. Kiếm mỗi ngày được 200 đồng, bằng lương tháng một bộ trưởng. Dĩ nhiên họ cũng phải chia một phần cho công an, kiểm soát viên. Họ hút toàn thuốc thơm, uống toàn cà phê fin (filtre: lọc), ăn một tô phở 6đ (giá 1980), bận toàn đồ Mĩ. Người ta gọi họ là các "ông lơ". Một đứa cháu của tôi học lớp 9, vào hạng tiên tiến, thấy họ sống sung sướng như vậy, muốn bỏ học để học làm lơ xe, cũng bắt đầu hút thuốc lá uống cà phê rồi.

Ngoài Bắc không có gạo ăn mà miền Tây trong Nam lúa nào cũng có cả chục lò — nghe nói có làng cả 100 lò — nấu rượu lậu để đưa lên Cao Miên và tiêu thụ ngay trong miền. Người ta pha vào trong rượu một chất hóa học gì đó — thuốc trừ sâu? — cho nồng độ của rượu cao; uống rất có hại.

Người ta nói đã có những vụ buôn lậu thuốc phiện; nếu có thì cũng nhỏ thôi, kém xa thời Mĩ-Thiệu. Nhưng đồ lậu như vải, thuốc thơm, thuốc tây... thì khoảng một năm nay lan tràn thị trường: tàu Thái Lan đậu ngoài khơi, ghe tàu của mình từ bờ băng ra, đưa vàng ra đổi các thứ đó, cả đồng hồ điện tử từ Singapore hay Nhật Bản nữa. Lại thêm dọc biên giới Việt-Miên, Miên-Thái có nhiều đường buôn lậu từ Thái qua Miên rồi qua Việt. Không biết vàng Việt Nam mỗi năm chạy ra nước ngoài bao nhiêu.

Có đồ lậu thì luôn luôn có đồ giả. Bọn ba tàu Chợ Lớn cái gì cũng làm giả được, từ rượu tới thuốc hút, dầu thơm... nhiều nhất là dược phẩm Tây phương, vì thứ này vừa hiếm vừa đắt. Một bác sĩ khuyên tôi đừng mua Ampicilline, B-12, Vitamine C (chích), Syncortyl ở Chợ Trời. Chị hốt rác trong khu tôi ở một buổi sáng trông thấy một thùng rác một bọc lớn đầy ống Vitamine C để chích. Có tới 200 ống, mỗi ống 2cc, mà chỉ bán cho người ta có 6đ. Chỉ khổ dân quê. Thế nào cũng có y sĩ, y tá chích cho họ thứ đó và chém 5 hay 3đ một mũi.

Nạn cờ bạc không công khai như trước, nhưng nạn "xổ số đuôi" thì công khai rồi; người ta bàn nhau nên đánh số nào, số nào ở ngay giữa chợ. Xưa mỗi tuần chỉ xổ số một lần, nay mỗi tuần bảy tám lần vì tỉnh nào cũng xổ số, tự trị mà! Người dân chỉ ngong

ngóng chờ giờ xổ số để dò số mà bỏ bê công việc. Nhiều người sạt nghiệp, nhưng cũng có nhiều người nhờ đó kiếm được miếng ăn: thầy giáo hồi hưu, đại úy đi cải tạo về, ngồi bán giấy số ở chợ, kiếm được mươi đồng một ngày.

Nạn cho vay nặng lãi cũng kinh khủng. Một cán bộ giáo dục, đảng viên, cho bạn trong sở vay 100đ, mỗi tuần trả lời 20đ, tính ra mỗi năm 1000đ, vốn được nhân lên gấp 10. Bạn hàng ở chợ không chơi hụi tháng như xưa nữa, mà chơi hụi tuần, hụi ngày!

Nạn đĩ điếm đã hết đâu. Ngay cuối năm 1975, một cán bộ cách mạng đã bảo các bạn kháng chiến ở bưng về mắc bệnh hoa liễu hết rồi; một số cán bộ rất nghiêm trang đạo mạo – có kẻ ngoài 70 tuổi – từ Hà Nội vào, năn nỉ các bạn trong Nam chỉ chỗ cho họ hưởng thú mê li đó một lần cho biết mùi. Chỉ khác là bây giờ người ta làm nghề đó một cách không lộ liễu quá như trước. Họ rất thích sách khiêu dâm, và loại sách này với loại truyện chưởng lan ra Bắc từ mấy năm nay rồi.

Tóm lại bao nhiêu cái xấu xa thời trước vẫn còn đủ mà có phần còn tởm hơn nữa.

CON NGƯỜI MẤT NHÂN PHẨM

Trong một xã hội như vậy, con người dễ mất hết nhân phẩm, hóa ra đê tiện, tham lam, bất lương, nói láo. Không còn tình người gì cả.

Năm 1975 đa số các cán bộ, công nhân viên ở Bắc vào thăm gia đình, họ hàng ở trong Nam, còn giữ chút thể diện "cách mạng", bà con trong này tặng họ gì thì họ nhận, chứ không đòi; về sau họ không giữ kẽ nữa, tặng họ một thì họ xin hai, không tặng họ cũng đòi, khiến một ông bạn tôi bực mình, nhất định đóng cửa không tiếp một người bà con, bạn bè nào ở Bắc vào nữa.

Gởi họ mang ra giùm một cuốn sách tặng một người ở Hà Nội, họ giữ lại 5-6 tháng, vợ chồng con cái, bạn bè coi cho hết lượt, sách nhàu rồi, họ mới đem lại cho người nhận sách; có khi họ lấy luôn, nhắc họ, họ bảo thất lạc, để kiếm. Mà ba người nhận được sách thì chỉ có một người cảm ơn tôi.

Một nhà văn đất Bắc làm cho một tờ báo nọ nhờ một nhà văn trong Nam viết bài, hứa sẽ trả bao nhiêu đó. Viết rồi, đưa họ, họ đăng, nhưng kí tên của họ rồi đưa cho nhà văn trong Nam nửa số tiền nhuận bút thôi, còn họ giữ lại một nửa. Vừa ăn cắp văn, vừa ăn chặn tiền. Chưa bao giờ miền Nam có bọn cầm bút bẩn thỉu như vậy. Một bạn học giả của tôi ở Bắc khuyên tôi đừng giao bản thảo cho ai hết, không tin ai được cả, họ sẽ đạo văn.

Thời Pháp thuộc, không bao giờ nhân viên bưu chính ăn cắp đồ trong các bưu kiện. Thời Nguyễn văn Thiệu thỉnh thoảng có

một vụ ăn cắp nhưng nhỏ thôi. Từ bốn năm nay ở khắp miền Nam, cứ 10 bưu kiện ở ngoại quốc gởi về thì có 6-7 bưu kiện bị ăn cắp hoặc đánh tráo vài ba món, thường là dược liệu và vải. Kêu nài thì nhân viên bưu chính bảo: "Không nhận thì thôi; có muốn khiếu nại thì cứ làm đơn đi." Không ai buồn khiếu nại cả vì cả năm chưa có kết quả, mà nếu có thì số bồi thường không bõ. Cho nên chúng tha hồ ăn cắp ăn cướp một cách trắng trợn. Trắng trợn nhất là chúng lấy trộm tất cả bưu kiện một kho, như ở Long Xuyên năm 1981; nếu là "kho lớn" thì chúng đốt kho như ở Tân Sơn Nhất hai năm trước.

Nhơ nhớp nhất là vụ một cán bộ nọ vào hàng phó giám đốc, mưu mô với vợ, làm bộ tổ chức vượt biên cho vợ chồng con cái một đứa cháu ruột, bác sĩ ở Sàigòn, nhận mấy chục lượng vàng của cháu (và sáu chục lượng vàng của gia đình bên vợ đứa cháu đó nữa vì họ cũng muốn vượt biên), rồi lừa gạt người ta, tố cáo với công an bắt hết cả nhóm trên mười người khi họ ra Vũng Tàu chờ ghe đưa ra khơi. Đa số cán bộ ở Nam đã tư bản hóa rồi, một xã hội xã hội chủ nghĩa mà như vậy thì chủ nghĩa đó chỉ còn cái tên thôi.

Sống dưới chế độ cộng sản, con người hóa ra có hai mặt như Sakharov đã nói: chỉ giữa người thân mới để lộ mặt thật, còn thì phải đeo mặt nạ; luôn luôn phải đề phòng bạn bè, láng giềng, có khi cả người trong nhà nữa. Người ta tính cứ 5 người thì có 1 người kiểm soát từng ngôn ngữ, hành vi của bốn người kia.
Ngay một phó viện trưởng cũng làm việc điềm chỉ đó mà bạn trong viện không hay. Dĩ nhiên kẻ kiểm soát đó lại bị người khác kiểm soát lại. Ở Nga thời Staline như vậy, ở Bắc những năm 1954-60 cũng gần như vậy, ở Nam đỡ hơn vì đa số người trong này không chịu làm thứ mật thám chìm đó.

Nạn làm tiền, tống tiền lan tràn khắp các ngành, cả trong ngành cứu nhân độ thế và ngành tống táng. Để cho bác sĩ ngụy đủ sống mà khỏi vượt biên, chính phủ năm 1980 cho phép họ ngoài giờ làm việc được khám thêm bệnh ở nhà và định cho họ số tiền thù lao 1đ ở Sàigòn, 0,8đ ở tỉnh (6). Nhưng ở Long Xuyên bác sĩ nào cũng thu của bệnh nhân 10đ. Có kẻ ra một cái toa cần 9 thứ thuốc toàn thứ đắt tiền, trị đủ các bệnh: tim, phổi, gan, thận, bao tử... cho một bà lão suy nhược, rồi bảo lại mua của một tên buôn lậu đồng lõa với họ. Tính ra toa đó mua cho đủ thì mất cả triệu đồng cũ (2.000 đồng mới). Một số bác sĩ không làm tiền cách đó, không ra toa mà bắt bệnh nhân mỗi ngày lại để các ông ấy cho thuốc và chích cho, và phải trả các ông ấy từ 60 đến 100đ mỗi lần. Năm 1981, tiền thù lao từ 10đ đã hạ xuống 5đ, có lẽ vì bác sĩ làm riêng khá đông, cạnh tranh nhau. Và tháng 7-1981 có lệnh không cho bác sĩ công được làm tư tại nhà nữa, mà muốn làm tư thì lại

dưỡng đường làm ngoài giờ làm việc. Chưa thấy ai theo.

Bệnh nhân lỡ mà chết thì bị hàng xăng tống tiền: quốc doanh định 45đ kể cả một bịch thuốc lá và 4 thước vải thôi, nhưng tang gia phải trả 400đ thì xăng mới được ghép lại kĩ, khỏi trống hổng trống hoảng với 8 cây đinh đóng hờ. Rồi tới nhà đòn cũng đầu cơ: hạ huyệt xong, phủ qua một lớp đất cho bằng mặt, muốn có cái mồ cho ra mồ thì phải đưa thêm vài trăm đồng nữa. Nếu đem thiếu mà cứ nộp đúng lệ thì xương ống, xương hông bị ném riêng vào một chỗ, chứ không thiêu hết. Ai nỡ để cha mẹ mình què!

Tất cả chỉ tại cái lệ chính phủ định giá, định lương rẻ quá không cho dân đủ sống, dân phải xoay xở lấy, bóc lột lẫn nhau. Cổ kim chưa một xã hội nào phi lí như vậy. Vì biết mình phi lí nên có nơi chính quyền làm ngơ cho bác sĩ làm ăn, cho phép các giáo viên ngụy dạy thêm tại nhà.

Nói cho ngay, thời nào trong xã hội cũng có một số người lương thiện và Phạm văn Đồng đã nhận rằng thời này hạng đó bị thiệt thòi nhất, được biết một hai cán bộ trung cấp liêm khiết, chịu nghèo, nuôi heo thêm, chứ không tham nhũng. Gia đình họ phải ăn rau muống; quần áo thì vá đụp; có thể nói họ nghèo như các nông dân nghèo nhất thời xưa.

Tóm lại sau 5 năm chúng ta không thấy chút tiến bộ nào cả mà chỉ thấy sự chia rẽ trong xã hội, sự tan rã trong gia đình, sự sa đọa của con người, sự suy sụy của kinh tế.

Ông Hồ Chí Minh có lần nói : "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải có con người xã hội chủ nghĩa." Con người vẫn là quan trọng hơn cả. Có chế độ tốt, chính sách tốt mà không có con người tốt thì cũng hỏng hết. Ai cũng phải nhận rằng tinh thần, tư cách đại đa số cán bộ càng ngày càng sa sút hủ hóa mà xã hội chủ nghĩa mỗi ngày một lùi xa. Ông Hồ đã thấy trước cái mối suy vi đó khi ông thốt ra lời trên chăng?

PHONG TRÀO VƯỢT BIỂN

Tôi không biết trước *giờ* giải phóng, từ Bến Hải trở vào, trong số trên 20 triệu dân có bao nhiêu người vội vã di cư để trốn cộng sản. Dăm bảy ngàn hay vài chục ngàn? Người nào cũng có tâm trạng não nề: bỏ quê cha đất tổ, bỏ thân thích bạn bè, bỏ cả sản nghiệp (có người mới mua được ngôi nhà vài ba chục triệu hồi đó khoảng 100.000 cũ một lượng vàng — chưa ở được 5-6 tháng đã phải bỏ lại) để qua nước người ăn nhờ ở đậu, làm thứ công dân "da màu", một thứ công dân hạng hai, và bắt đầu xây dựng lại từ đầu; như vậy ai mà vui cho được? Những người đi đó hoặc là quân nhân, công chức trong các chính phủ trước, hoặc đã có thời sống với cộng sản ở Bắc, sợ chế độ ngoài đó, đã di cư một lần nay lại di

cư lần thứ hai. Những người ở lại, xét chung, đều sẵn sàng chấp nhận chế độ mới, dù chưa biết rõ nó ra sao; một số đông còn hăng hái muốn tiếp tay với Giải phóng để xây dựng một xã hội tốt đẹp cho tương lai nữa.

Nhưng chẳng bao lâu nhiều người thất vọng, qua năm 1976, đã có lác đác một số thanh niên vượt biên. Họ không có tổ chức, không chuẩn bị kĩ, lên miền Cao nguyên ở Trung rồi kiếm đường qua Lào, từ Lào sẽ qua Thái Lan. Họ bị bắt hoặc thấy nguy phải quay về.

Từ năm 1977, người ta dùng đường biển, phong trào vượt biên phát triển rất mạnh tới mức một bà già nông dân miền Tây phải nói: "Cây cột đèn nếu đi được thì cũng đi." Dù phải gian lao cực khổ tới mức nào, hễ ra khỏi được nước là sướng rồi, làm mồi cho cá mập vẫn còn hơn ở lại trong nước mà chết lần chết mòn, người ta nghĩ vậy. Cha mẹ già chỉ có mỗi một người con mà cũng khuyên nó vượt biên; chồng đi "cải tạo" nghĩa là bị giam trong những trại tập thể chưa biết bao giờ mới được về vì là "ngụy hạng nặng", phải cải tạo tư tưởng, đời sống cũng nhắn vợ con vượt biên được thì cứ vượt, dắt con theo. Một thanh niên vượt biên thoát mới tới Thái Lan đánh điện về cho cha mẹ: "Ba má nhớ hôm nay là ngày sinh nhật của con không?" và cha mẹ mỉm cười, hiểu.

Có ba cách vượt biên:

- ***Cách chính thức:*** sướng nhất là có người thân, cha mẹ, vợ chồng hay con cái ở ngoại quốc xin cho được đoàn tụ gia đình. Trường hợp đó được chính phủ cho phép, được Ủy hội quốc tế tị nạn (Haut Commissariat des Refugiés: H.C.R.) giúp đỡ. Đơn gởi rồi, sáu tháng hay một hai năm sau được đi. Sớm muộn là tùy mình biết "phải trái" hay không. Đi thì gia sản để lại hết, chỉ được mang theo ít tư trang với ít tiền ăn đường.
- ***Cách bán chính thức:*** theo nguyên tắc, cho người Việt gốc Hoa, nhưng người gốc Việt mà muốn thành gốc Hoa thì cũng không khó. Có tiền là được hết.

Một người đứng ra tổ chức, nộp đơn xin cho một nhóm — khoảng vài trăm người vượt biên kèm theo hồ sơ của từng người, và nộp cho chính phủ mỗi người 4 lượng vàng. Chính phủ cho phép rồi, bọn người đó tập trung lại một nơi, hùn nhau đóng thuyền, đóng xong, chính phủ sẽ cho công an xuống xét thuyền, xét lí lịch, hành lí từng người (mỗi người cũng chỉ được mang theo ít tiền thôi) rồi cho phép nhổ neo ra khơi, chính phủ bảo đảm an ninh cho tới khi ra hết hải phận quốc gia, rồi từ đó thuyền muốn đi đâu thì đi, chính phủ không biết tới. Rất ít nước chịu tiếp thu bọn đó, và xét kĩ trong người rồi mới cho lên bờ.

Có thuyền chở khẩm quá — thuyền đóng cho 200 người thì

chở tới 300, lại thêm chính quyền địa phương "gởi" một hai trăm người nữa, ngồi chen chúc nhau như cá hộp, không nhúc nhích được, như vậy ba bốn ngày, ăn uống, đi tiểu rất bất tiện mà cũng rán chịu. Có chiếc vừa ra khơi được vài chục hải lí, gặp cơn dông, chìm, xác chết tấp vào bờ, ngổn ngang trên bãi cát.

Có trường hợp chính phủ đã nhận đủ vàng, thuyền đóng chưa xong thì có lệnh trên hoãn các cuộc vượt biên chính thức lại; hoãn cả năm rồi và hiện nay (1980) còn rất nhiều người phải ở chỗ đóng thuyền, vì họ làm khai sinh giả, nhà đã bị tịch thu, chỗ đâu mà về. Họ xin chính phủ trả lại số vàng, chính phủ chỉ trả một phần ba, hoặc trả tất cả theo giá vàng chính phủ định, không bằng 1/5 giá vàng trên thị trường. Họ lêu bêu, thành một bọn vô gia cư, vô nghề nghiệp, sống cực điêu đứng.

● ***Cách đi chui:*** nghĩa là đi lậu. Một người đứng ra tổ chức, một nhóm từ 20 đến 4-5 chục người, hùn nhau mỗi người từ 4 đến 7-8 lượng vàng đóng thuyền, kiểu thuyền đánh cá, mua một bãi biển, nghĩa là đút lót cho công an, chính quyền ở làng có bãi biển, đút lót cả cho công an vài nơi chung quanh để người vượt biên khỏi bị xét hỏi, thuyền yên ổn được rời bến ban đêm. Công an những nơi có bãi biển đó, nhờ vậy làm giàu rất mau, có kẻ chỉ một hai năm được vài chục lượng vàng và ôm vàng vượt biên. Do đó mà trong dân gian xuất hiện truyện tiếu lâm dưới đây:

"Một hôm nọ, người canh lăng bác Hồ bỗng thấy xác ướp của bác biến đâu mất, hoảng hốt đi tìm khắp nơi, tìm ở nhà sàn của bác không thấy, về quê hương bác ở Nghệ An cũng không thấy, nghĩ rằng bác vào chơi thành phố của bác, liền vào Sàigòn kiếm. Sau cùng một đêm, thấy bác ngồi một mình, rầu rĩ ở bến Sáu kho, thành phố Hồ Chí Minh, hỏi bác sao lại ra ngồi đấy, bác đáp: "Bác không muốn ở nước này nữa, muốn qua phương Tây đây, mà tụi công an đòi bác sáu cây, bác có cây đâu mà nộp cho chúng."

"Cây" là "cây hai lá rưỡi" nói tắt, tức một lượng vàng vì mỗi lượng có hai lá rưỡi vàng.

Thường là thoát được, ít khi gặp tàu tuần; nhưng nhiều khi gặp bão, thuyền chìm, làm mồi cho cá mập, hoặc gặp bọn cướp biển Thái Lan. Chúng vơ vét hết, chỉ chừa cho mỗi người một cái quần cụt, và có thiếu phụ bị chúng hiếp dâm tới 19 lần (7). Sau cùng may phước tới được bờ biển Thái Lan hay là một đảo Mã Lai — sướng nhất là được một tàu Tây phương vớt — lúc đó mới kể là còn sống.

Có một trường hợp xui lạ lùng. Một đoàn người lên được một đảo Mã Lai, ở được ít lâu rồi một hôm chính quyền trong đảo lùa họ xuống hết thuyền của họ, bảo để đưa đến một đảo khác; nhưng ra khơi, chúng cắt đòi cho thuyền trôi đâu thì trôi (máy móc

bị chúng gỡ rồi) và ít ngày sau, thuyền giạt vào bờ biển Cà Mau, bị bắt giam hết, người thì 5-6 tháng, người thì 3 năm.

Mặc dầu nguy hiểm như vậy, người ta vẫn không sợ, thua keo này bày keo khác. Có người tới lần thứ 4 mới thoát, lại có người lần thứ 10 vẫn chưa thoát, mà sản nghiệp tiêu tan hết, không biết sống bằng gì.

Có người mạo hiểm dám băng ra khơi bằng một chiếc tắc ráng (ho-bo) loại xuồng nhỏ, chở được độ mười người, chạy bằng xăng, lướt trên nước rất mau. Vậy mà thoát được.

Từ cuối 1979 thêm một cách vượt biên nữa bằng đường bộ, ngã Cao Miên. Hoặc theo xe nhà binh, hoặc theo người Miên đi buôn lậu, lên tới Nam Vang rồi tới Battambang, Sisophon. Phải mang theo vàng để đóng thuế mãi lộ. Tới biên giới Thái Lan, nếu biết tiếng Anh, tiếng Pháp thì sẽ được Ủy hội quốc tế tị nạn giúp đỡ. Nghe nói cách đó chỉ tốn 2-3 lượng, mỗi chuyến đi chỉ được vài ba người ăn vận như bọn đi buôn lậu. Cũng nguy hiểm như vượt biển. Một đứa cháu nhà tôi trong túi chỉ có 100đ, không biết tiếng Miên, không quen ai ở Miên mà cũng vượt biên cách đó.

Người nào vượt biên được một nước nào tiếp thu rồi, được trợ cấp hay kiếm được việc làm rồi, cũng gởi ngay về cho thân nhân một gói thực phẩm, thuốc uống, quần áo... bán được một hai ngàn đồng. Họ làm lụng cực khổ, (rửa chén trong quán ăn...) nhịn hút thuốc để giúp gia đình vì biết rằng người ở lại thiếu thốn gấp mười họ. Chính nhờ họ mà nhiều gia đình miền Nam sống nổi, nhờ họ một phần mà dân miền Nam có thuốc Tây để uống, có vải may quần áo, không đến nỗi rách rưới quá. Trong hoạn nạn tình cha mẹ, con cái, vợ chồng lúc này lại đằm thắm hơn xưa. Cái rủi thành cái may.

Về vật chất họ được đầy đủ, nhưng về tinh thần họ rất đau khổ. Nhớ bà con họ hàng, nhớ quê hương xứ sở, nhớ day dứt, gia giết. Họ khóc thương thân phận anh hay em ở trong các trại cải tạo mỗi bữa chỉ được một nắm bo bo, thân phận cha mẹ chú bác phải đẩy chiếc xe bán củi, bán chuối dưới mưa, dưới nắng, đau ốm không có thuốc uống; thân phận con cháu quanh năm không được một li sữa, một cục đường. Ở một xứ gần như trời luôn luôn u ám, họ ước ao được nhìn thấy một tia nắng, một nền trời xanh, và khi trời xanh, ánh nắng hiện lên thì họ càng nhớ quê hơn nữa; họ muốn được vuốt ve thân cây chuối nhẵn bóng và mát rượi; được nhìn ánh vàng nhảy múa trên những tàu dừa phe phẩy dưới gió nồm; nhìn hoài những con đường đất ở giữa hai bờ cỏ, dưới bóng lưa thưa của hàng so đũa ven một cánh đồng lúa xanh: mặt đất ấm hơn mặt đường nhựa biết bao mà có gì thơm mát, bằng mùi lúa

xanh, sau mấy năm ngửi mùi xăng nhớt.

Có những thiếu phụ thay đổi hẳn tính tình: ở nước nhà thì thích trang điểm, đi dạo phố, họp bạn; qua nước người thì suốt ngày ở trong phòng lau chùi quét tước, nấu ăn cho chồng con, không chịu ra đường, chồng con lôi kéo cũng không đi; một ngày kia họ sẽ loạn tinh thần mất. Khổ nhất là những bà 50-60 tuổi, không biết ngoại ngữ, không sao thích ứng được với đời sống Tây phương, mới xa quê được một năm đã đòi về, ngày nào cũng ngóng tin nhà, và được thư thì đọc đi đọc lại tới thuộc lòng. Ngày đêm họ cho quay băng "Saigon ôi, li biệt" của Thanh Thúy, băng "Ta chẳng lẽ suốt đời lưu vong" của Phạm Duy mà khóc mướt. Giọng ảo não không kém bài hát của dân tộc Do Thái khi bị đày ở Babylone hồi xưa.

*
* *

*T*rong số những người ở lại, đáng thương nhất là những cặp vợ chồng già không có con cái, bị chính phủ chặn lương hưu trí, rán sống lây lất vài năm, bán hết đồ đạc để ăn rồi tự tử.

Rồi tới những người sản nghiệp tiêu tan vì đi kinh tế mới hoặc vì vượt biên mấy lần mà thất bại, sống cầu bơ cầu bất ở vỉa hè các thành phố lớn nhỏ như bọn ăn mày.

Rồi những cô giáo, cô kí chồng đi cải tạo 5 năm đằng đẵng, ở nhà xoay xở đủ cách, làm việc đêm ngày, nhịn ăn nhịn mặc để nuôi bốn năm đứa con, vài tháng lại tiếp tế cho chồng một lần. Họ vì hoàn cảnh mà hóa đảm đang, tư cách lại cao lên, không chịu nhận sự giúp đỡ của họ hàng, bạn bè.

Rồi những thiếu nữ học hết Đại học Sư phạm hay Luật mà không muốn làm công nhân viên vì lương thấp quá, kiếm một cái sạp nhỏ nửa thước vuông bán thuốc rời hay quần áo cũ, thuốc tây ở lề đường, vất vả nhưng kiếm được 10-15đ mỗi ngày đủ cơm cháo cho cha mẹ, và em. Họ lễ phép, chăm chỉ, dễ thương.

Tất cả những người đó và còn nhiều hạng người khác nữa đáng tự hào là ngụy. Ngụy mà như vậy còn đáng quí gấp trăm bọn tự xưng là "cách mạng" mà tư cách đê tiện.

Có ai chép *Ba đào kí* cho thời đại này không nhỉ? Trong kí đó dày ít gì cũng vài ngàn trang, truyện buồn rất nhiều mà truyện vui cũng không thiếu, truyện nào cũng cảm động, đánh dấu một thời và làm bài học cho đời sau được.

NGƯỜI TA ĐÃ NHẬN ĐỊNH SAI

Vậy dù có lạc quan tới mấy cũng phải nhận rằng công việc xã hội

hóa miền Nam này tới nay đã thất bại. Chỉ mới dựng được cái sườn thôi mà đã có nhiều dấu hiệu tỏ rằng sườn đó đã nghiêng ngả: rất nhiều cán bộ đã hủ hóa, hùng hục làm giàu bằng mọi cách, thành một bọn tư sản rồi, tinh thần quân đội đã sa sút, hợp tác xã nông nghiệp đã thất bại,chính sách kinh tế mới phải bãi bỏ; một vài địa phương đã rụt rè lập lại chế độ tư bản: cho dân mặc sức kiếm lợi, cho chợ trời tha hồ phát triển, cho tăng giá xe đò, cho mua xăng và dầu lửa tự do, giá gấp mấy chục lần giá chính thức: Xí nghiệp đánh cá Côn Sơn được dùng chính sách chia lời; hễ nộp đủ số cá cho chính phủ rồi thì làm thêm được bao nhiêu, được chia nhau hưởng. Chỉ trong một hai năm, xí nghiệp phát triển rất mạnh, mua thêm được mấy chục chiếc tàu mới, thuyền trưởng được chia 2.000đ một tháng, thủy thủ 1.500đ (lương bộ trưởng chỉ khoảng 200đ); chính phủ thấy vậy buộc họ chỉ được tiêu một phần ba số đó còn thì phải gởi ngân hàng, nhưng không biết họ có tuân không.

Ngành nào cũng kẹt, kẹt cứng,chính quyền không biết xoay xở ra sao, vá chỗ này thì toạc chỗ khác, càng dùng những biện pháp nhất thời thì càng lúng túng. Ngay các cán bộ trung kiên cũng phải nhận rằng tình hình mấy năm sắp tới còn nguy kịch hơn, chỉ còn trông cậy vào việc tìm mỏ dầu ở ngoài khơi Vũng Tàu. Nếu trong ba năm nữa không tìm được mỏ nào có thể khai thác mà có lợi, không sản xuất được dầu thô thì tương lai dân tộc sẽ ra sao? Mà nếu tìm được thì lại phải chịu cái nguy khác: rất có thể VN thành nơi tranh chấp về dầu giữa các cường quốc. Thật bi đát.

Chỉ tại người ta đã tính lầm thắng được Mĩ rồi, người ta tin rằng sẽ làm bá chủ bán đảo Đông Dương, không nhận định được đúng tình hình thế giới.

Người ta nhận định sai tài năng, đạo đức, tinh thần hi sinh của cán bộ, tưởng rằng cao lắm và có thể dễ dàng kiến thiết miền Nam thành một xã hội xã hội chủ nghĩa, không ngờ cán bộ tuy rất đông mà rất kém cỏi về mọi mặt, mà tối đại đa số không ưa xã hội chủ nghĩa, thích đời sống miền Nam hơn.

Người ta nhận định sai về tình trạng miền Nam. Ngày giải phóng, miền Nam rất chia rẽ: nhiều giáo phái, đảng phái nhưng tiến bộ hơn miền Bắc nhiều về mức sống, kĩ thuật, nghệ thuật, văn hóa; nhờ ngôn luận được tương đối tự do, nhờ được đọc sách báo ngoại quốc, biết tin tức thế giới, du lịch ngoại quốc, tiếp xúc với người ngoại quốc....; và cả đạo đức nữa: vì đủ ăn, người ta ít thèm khát mọi thứ, ít gian tham (đối với số đông), ít chịu làm cái việc bỉ ổi là tố cáo người hàng xóm (?) chứ đừng nói là người thân, nói chung là không có hành động nhơ nhớp như nhiều cán bộ ở Bắc tôi đã kể ở trên. Tôi còn nhận thấy vì người Nam bị coi là ngụy hết,

nên càng đoàn kết với nhau, thương nhau: cũng là ngụy với nhau mà!

Như vậy mà đưa cán bộ Bắc vào cai trị họ, dạy chính trị họ thì làm sao không thất bại? Bọn đó quê mùa, ngu dốt, nghèo khổ, vụng về, tự cao tự đại bị người Nam khinh ra mặt, mỉa mai; lớp dạy chính trị cho dân chúng mỗi ngày một vắng, hiện nay cả năm không họp một lần.

Một thất bại nặng nề của cách giáo hóa đó là báo Nhân dân không ai đọc, người ta mua về để bán "ve chai", ngay cả bộ Lenine toàn tập cũng vậy.

Sau 54 năm, cả triệu cán bộ và thường dân Bắc vào Nam mà Bắc Nam miễn cưỡng sống với nhau, lơ là với nhau, Nam coi Bắc là bọn thực dân, tự coi mình là bị trị. Làm gì có sự hợp tác?

Nguyễn Hiến Lê

Trích hồi ký tập 3

---

(1) Một số người yêu nước, có tư cách, mới đầu gia nhập kháng chiến, sau vì lập trường chính trị, phải rời hàng ngũ, về thành, mà không tra Pháp, Mĩ, hạng đó không nên coi người ta là ngụy.

(2) Kravchenko. J'ai choisi la liberté. Tr. 114 (Self-1948).

(3) Tháng 7 năm 1981, lương đã được tăng gấp hai, nhưng chính phủ cho tay này thì lấy lại bằng tay khác: giá nhu yếu phẩm, vé xe đò, tem gởi thơ... cũng tăng lên như vậy, có thứ tăng gấp 10 nữa.

(4) Tháng 8-1980, một cán bộ giáo dục ở Hà Nội vào bảo tôi bây giờ họ phải ăn độn 90%, cực khổ hơn những năm 1973-74 nhiều lắm, mà tình trạng đó còn kéo dài lâu. Thân phận không bằng con heo ở trong Nam.

(5) Thời này nước mình xuất hiện nhiều ca dao và truyện tiếu lâm, hơn thời cuối Lê nữa; trong một đoạn ở sau về Phong trào vượt biên, *tôi sẽ chép một truyện tiếu lâm. Nghe nói đã có người thu thập những ca dao và truyện tiếu lâm đó để lưu lại.*

(6) Do đó mà có câu mỉa mai này: vá ruột xe máy thì được 3đ, mà vá ruột người chỉ được 8 hào.

(7) Coi phụ lục "Kinh hoàng trên đảo KoKra" ở cuối bộ.

(8) Một thím làm tổ phó lo về đời sống, được công an phường gọi đi học tập. Mới hết buổi đầu, thấy công an chỉ dạy cách đò xét, tố cáo đồng bào (ăn uống ra sao, chỉ trích chính phủ không, khách khứa là hạng người nào...), thím ta xin thôi liền, về nói với bạn: "Tôi không làm công việc thất đức đó được." Lớp học đó bỏ luôn.

Định Nguyên

Như là mây trắng

Của H P

1

Nhẩm đếm năm dần, năm lại xuôi
Nhớ nhà rượu uống chẳng mềm môi
Mắt ai xanh khói thu vừa biếc
Tóc nắng chiều phai gió lạc trời
Giật mình hoa nở đau miền lạ
Ngơ ngác trăng tàn sầu chưa nguôi
Gửi nhau cánh lá đầu tiên rụng
Chẳng cứ mùa thu mới ngậm ngùi

2

Chẳng cứ mùa thu mới ngậm ngùi
Xa quê từ thuở mẹ qua đời
Vành khăn tang trắng mây mùa cũ
Giọt lệ chiều hôm mưa xứ người
Trầm hương vải liệm trăng đan lạnh
Sương khói mù che đêm lên khơi
Trên triền thương nhớ nghìn con sóng
Vỗ mãi trăm năm tiếng lạc loài

3

Vỗ mãi trăm năm tiếng lạc loài
Nghìn trùng gang tấc quẩn quanh đây
Mơ ngày hội ngộ cười rưng lệ
Tưởng lúc đoàn viên khoé mắt cay
Em còn sợi tóc thơm hương bưởi
Anh vẫn thơ tình say ngất ngây
Võng êm có chở con trăng lại
Tơ mảnh như hồn vàng cánh bay

4

Tơ mảnh như hồn vàng cánh bay
Mừng nhau sông nước cũng lên đầy
Em đừng khóc nhé, cay lòng mắt
Anh cố cười lên quên tàn phai
Vườn xưa lại có đôi khuyên cũ
Quê mẹ giờ thêm một chiếc cày
Ngày về chắc hẳn nhiều mây trắng
Mây trắng cho tình bớt đắng cay
Tháng 7. 1986

Lỗ Tấn

Con diều giấy

Bản dịch: Vụ Bản

*M*ùa Đông ở Bắc Kinh thật là buồn bã. Tuyết dày bao phủ mặt đất. Cây cối trụi lá, phô thân cành màu xám tro lên nền trời xanh biếc. Xa xa, một hai con diều của ai đang lửng lơ trên không trung.

Ở quê nhà, người ta thả diều vào mùa Xuân. Khi nghe thấy tiếng chong chóng quay trong gió, ngửng đầu lên, bạn sẽ thấy một con diều cua màu xám, hay là một con diều chân rết màu xanh nhạt. Hay là một con diều ngói đơn độc, không có cả chong chóng, bay thấp là là, lẻ loi cô quạnh. Vào tiết này, dương liễu đã trổ lộc xanh, và những cây đào núi đã sớm ra nụ. Công trình của trẻ em để tô điểm bầu trời, những con diều giấy này đem lại ấm áp của mùa Xuân. Nhưng giờ đây, tôi đang ở đâu? Quanh tôi mùa Đông ngự trị. Những con diều lạc lõng trong bầu trời miền Bắc này như nhắc nhở lại những mùa Xuân quá khứ của quê cũ đã bao năm xa cách.

Vậy mà thủa thơ ấu, tôi không thích chơi diều. Không những không thích, mà tôi còn ghét diều giấy như những đồ chơi vô dụng của đám trẻ con hư hỏng. Em trai tôi thì ngược lại. Hồi đó chú ấy độ mười tuổi. Chú hay đau vặt, và gầy ốm một cách dễ sợ. Chú rất mê diều giấy. Không được mua diều mà còn bị tôi cấm thả diều, chú thường đứng lặng hàng giờ, miệng hé mở vì ngóng trông, đăm đăm nhìn trời. Nếu xa xa, một con diều cua bất chợt rớt xuống, là chú vô cùng thiểu não. Nếu hai con diều bị vướng giây mà gỡ ra được là chú nhảy lên mừng rỡ. Tôi thấy sự mê diều giấy này không có ý nghĩa, mà còn đáng khinh bỉ nữa.

Một bữa, tôi chợt nhận ra đã mấy hôm ít thấy mặt chú. Tôi cũng chợt nhớ ra là thấy chú nhặt nhanh mấy thanh tre sau vườn. Trông giây lát, tôi đoán ngay ra sự thật. Tôi chạy thẳng đến căn nhà kho thường bỏ trống và mở cửa ra. Quả như rằng, tôi thấy chú

ở trong, xung quanh la liệt những vật dụng làm diều. Chú đang ngồi trên một cái ghế đẩu trước cái bàn vuông nhỏ. Thấy tôi vào; chú lúng túng đứng dậy, mặt xanh mét, và lui lại phía sau. Một cái khung diều bướm bằng tre chưa phất giấy dựng ở bên bàn. Trên mặt bàn là hai mắt diều làm bằng hai cái chong chóng nhỏ vừa mới tô điểm bằng mấy mảnh giấy điều. Công trình sắp hoàn tất. Tôi lấy làm hài lòng vì đã khám phá ra kịp thời; nhưng cũng nổi giận, vì chú đã qua mắt tôi lâu như vậy để chế tạo món đồ chơi của những đứa trẻ hư hỏng này. Tôi nắm lấy khung diều và bẻ gẫy một cánh; rồi quét đôi chong chóng xuống đất, tôi lấy chân dẫm lên. Kể về sức mạnh cũng như về khổ người, chú ấy không thể nào sánh kịp tôi. Tất nhiên là tôi hoàn toàn thắng trận. Rồi tôi hách dịch bỏ đi, để mặc chú một mình trong nhà kho tuyệt vọng. Tôi cũng không thèm bận tâm là về sau chú ấy có khóc hay không.

Nhưng rồi ân hận cũng đến với tôi, nhiều năm sau, khi hai anh em mỗi đứa đã đi một ngả. Tôi không may nên tình cờ kiếm được một cuốn sách ngoại quốc viết về nhi đồng mà biết được rằng chơi đùa rất cần thiết cho trẻ con, và đồ chơi là những của cải quý báu nhất của tuổi thơ. Vụ độc tài thơ dại, đã quên đi hơn hai mươi năm nay, bây giờ trở lại với tôi. Giây phút đó, tim tôi bỗng nặng như chì, và chìm xuống, chìm xuống thật sâu.

Tim tôi không tan vỡ như tiểu thuyết thường tả, nhưng nặng nề và đầy ân hận.

Nếu còn thơ ấu thì rất dễ đền bù cho chú ấy. Tôi sẽ tặng chú một cái diều, sẽ tán thành việc chú thả diều, sẽ thúc dục chú đi thả diều, và hơn nữa sẽ cùng đi thả diều với chú. Hai anh em sẽ tha hồ chạy nhảy nô đùa, cười hết. Nhưng giờ đây, chú cũng như tôi, đầu đã hai thứ tóc.

Nhưng tôi có cách khác để đền bù cho chú. Tôi sẽ xin chú tha thứ, và sẽ chờ đợi chú ấy trả lời: "Nhưng hồi đó, em đâu có trách gì anh?". Và, lòng tôi sẽ nhẹ nhõm hơn. Đúng rồi, cách này có thể làm được.

Rồi một hôm, hai anh em gặp nhau. Những nhọc nhằn của cuộc sống đã để lại dấu vết trên gương mặt chúng tôi. Tâm hồn chúng tôi cũng không còn cái thư thái vô tư của tuổi trẻ nữa. Chúng tôi ôn lại những kỷ niệm thời thơ ấu, và tôi nhắc tới chuyện con diều giấy. Tôi thú nhận với chú là hồi đó tôi là một đứa trẻ vô tâm và tàn bạo. "Nhưng hồi đó, em đâu có trách gì anh?" Tôi hy vọng chú sẽ nói câu này. Và tôi sẽ cảm thấy được tha thứ, và lòng tôi sẽ trút được gánh nặng.

Nhưng nét mặt cười cười, hồ nghi, chú hỏi như là đang nghe chuyện của ai khác:

"Có thật như vậy sao anh?".

Chú hoàn toàn không nhớ gì về chuyện con diều giấy.

Sự việc hoàn toàn bị quên, và chú không mảy may oán hận. Như vậy thì không có gì để tha thứ. Không oán hận thì làm sao mà tha thứ được. Nhưng còn tôi thì sao đây. Nếu không được tha thứ, thì lòng tôi sẽ không bao giờ thư thái được.

Bây giờ ở nơi xa lạ này, những con diều lại khêu gợi kỷ niệm của những mùa Xuân quê cũ đã qua. Những con diều nhắc nhở đến cái tuổi thơ không còn nữa, và mang lại một nỗi buồn man mác. Tốt hơn là tôi hãy lẩn trốn trong mùa Đông này. Quanh tôi, chúa Đông đang ngự trị, và trong giờ phút này dành riêng cho tôi những lạnh lùng băng giá nhất.

Tháng Giêng Ngày 28, 1925.

---

tuổi hoa

TỜ BÁO CỦA GIỚI TRẺ VÀ TUỔI THƠ VIỆT NAM TẠI HẢI NGOẠI

do các nhà văn, nhà thơ, nhà giáo tha thiết với tuổi trẻ thực hiện

Bài vở chọn lọc kỹ lưỡng, vui tươi, xây dựng, bổ ích

Hình thức trình bày tuyệt đẹp, công phu, với bìa offset 4 màu của họa sĩ Vi Vi

Chủ nhiệm: QUYÊN DI *Chủ bút:* NHẬT TIẾN

*

PHIẾU MUA & TẶNG BÁO DÀI HẠN

• *Xin gửi Tuổi Hoa từ số ..... cho tôi:*

Tên: _____

Địa chỉ: _____

_____ *Điện thoại:* _____

• *Xin gửi Tuổi Hoa từ số ..... cho người được tôi tặng báo:*

Tên: _____

Địa chỉ: _____

_____ *Điện thoại:* _____

Chi phiếu, thư từ xin gửi về TUỔI HOA MAGAZINE

10104 Westminster Ave., Garden Grove, CA 92643 USA

GIÁ BÁO: ** Giá báo dài hạn 1 năm tại Hoa Kỳ và Canada: 24 Mỹ kim (kể cả cước phí.) * Báo gửi đi Âu châu: — Máy bay: mỗi số $4.60, — Tàu thủy: mỗi số $3.20 * Úc và Á châu: — Máy bay: mỗi số $5.25 — Tàu thủy: mỗi số $3.20.*

Luân Hoán

Khiêng nước

Một cái thùng con con
Một đoạn tre nho nhỏ
Chị thương chịu nặng hơn
Lâu lâu hơi cau có

Em đi trước run run
Đòn nghiêng vì vai thấp
Dốc đá vấp luôn luôn
Thùng va vào sau gót

Một đôi lần em khóc
Ngồi chùi vệt máu tươi
Rắc lên chút đất bột
Thế mà vui rất vui

Giếng trong xanh nước mát
Uống lưng một vành gầu
Chị múc em đứng hát
Nắng chiều vàng tàu cau

Ngày qua ngày qua vội
Mới đó, thế mà già
Chị chồng con lận đận
Em bỏ xứ bỏ nhà

Ở đây trời đẹp lắm
Sao chẳng hề thấy vui
Chẳng phải vì em khổ
Chợt nhớ nhà đấy thôi !

Ước chi được nhỏ lại !
Như những ngày trẻ thơ
Cùng chị đi khiêng nước
Bắt nòng nọc vọc chơi .

Gửi chị Lê thị Kim Anh
Luân Hoán
(Sống lại thời đã qua)

Phạm Duy

Thời kỳ thành lập xu hướng nhạc hùng

*T*rong một bài viết về **Thời Tiền Chiến trong Tân Nhạc**, in trong nhạc tập **NHẠC TIỀN CHIẾN** do **Kẻ Sĩ** ấn hành năm 1970 tại Sàigòn, Lê Thương đã cho rằng: *"... Từ 1943 đến 1945 thì Tổng Hội Sinh Viên đã chế ngự phong trào Tân Nhạc và gây những ảnh hưởng sâu đậm chưa từng có. Nhóm khởi* (lên là) *trong đám sinh viên Đại Học ở Hà Nội, trong đó sinh viên gốc miền Nam tỏ ra có nhiều khả năng nhạc nghệ. Tổng Hội Sinh Viên chú trọng đặc biệt đến việc dùng Tân Nhạc trong cuộc tranh đấu chánh trị chống thế lực ngoại bang thời đó là Pháp-Nhật..."*

Trong một đoạn viết trước đây, chúng tôi cũng cho rằng: Vào lúc Tân Nhạc Việt Nam có thêm xu hướng mới, trong hai nhóm chủ trương **Nhạc Hùng** thì nhóm Tổng Hội Sinh Viên có nhiều tính chất chính trị hơn nhóm Đồng Vọng. Sinh viên Lưu Hữu Phước quê quán tại miền Nam đã ra Hà Nội để theo học tại Trường Thuốc vào lúc Tân Nhạc vừa thành hình. Ông tham gia vào phong trào nhạc mới, trước tiên, với vài bài hát nhỏ thuộc loại **nhạc tình cảm** như bài **Hương Giang Dạ Khúc** chẳng hạn, dùng âm giai *ngũ cung Huế*, hoặc bài ***Ru Con***, dùng âm giai *oán*... hai bài này tôi thường hát trên sân khấu gánh hát rong **Đức Huy** trong mấy năm 43-45. Khi xu hướng **nhạc hướng đạo, nhạc vui tươi** ra đời để dẫn tới **nhạc hùng** thì Lưu Hữu Phước đưa cho nhóm **Đồng Vọng** của Hoàng Quý ấn hành một số bài theo đúng tôn chỉ của nhóm đó như **Vui Xuân, Bạn Đường, Đi Hội Đền Hùng**...

Nhưng tới khi những bài ca có tính chất xưng tụng anh hùng, ngợi ca lịch sử ra đời và được hoan nghênh thì Lưu Hữu Phước và nhóm sinh viên trong Tổng Hội, với lối sống tập thể và chắc chắn đã có sự lãnh đạo chính trị trực tiếp hay gián tiếp của một tổ chức (Đảng Dân Chủ?), đã tung ra hàng loạt những bài ca có giá trị và có khả năng nung nấu tinh thần yêu nước của tất cả mọi người, nhất là trong đám thanh niên nam nữ.

Những trang sử oai hùng đã được viết ra bằng ca nhạc, lần này hay hơn những công trình của người tiền bối (như bản trường ca **Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca** của Lê Ngô Cát, Phạm Đình Toái chẳng hạn) vì, để xưng tụng lịch sử, bây giờ là những nhạc phẩm hoàn toàn mới mẻ, lời ca không còn bị đóng khung trong khuôn khổ *thơ lục bát*, nhạc điệu bay bổng trên những cung bực tân kỳ, nghệ thuật âm thanh biến đổi, nhạc khúc không còn tính chất gợi cảm (impressioniste) nhẹ nhàng mà là những tác phẩm tả thực (réalistique), là những bài có thể được gọi **siêu hùng ca** (chant épique)...

Những bài như **Bạch Đằng Giang, Ải Chi Lăng, Hội Nghị Diên Hồng, Nam Tiến, Hát Giang Trường Hận, Hờn Sông Gianh**... là những công trình vĩ đại (so với thời đó) không những bởi giá trị xã hội (vì xuất hiện đúng lúc quốc dân đang mong chờ) mà còn bởi giá trị nghệ thuật của từng tác phẩm nữa.

Bạch Đằng Giang tuy mở đầu với một nét nhạc "kèn Tây" (tò te tí te) nhưng đã được nhạc sĩ khéo léo chia bài hát ra làm bốn đoạn.

BẠCH ĐẰNG GIANG

Nhạc: *L.H.P.*
Lời: *Nguyễn thành Nguyên*

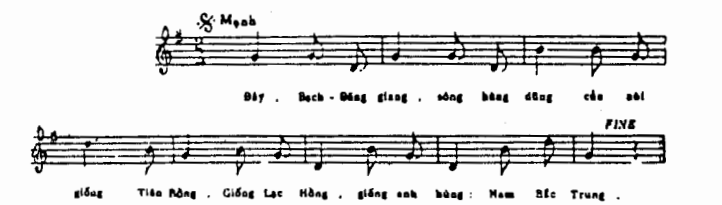

Đoạn Một là lời xưng hô của dòng sông anh dũng. Đoạn Hai sẽ là một câu hát nhanh nhẹn và rất dài (chứng tỏ sự phong phú của nhạc sĩ trong việc **cấu tạo giai điệu**) vươn lên từ trầm tới bổng, mô tả *trời xanh chen bóng ô*, sóng trên *dòng sông nhấp nhô, cây cao bên bờ soi bóng, có gió cuốn ngàn lau*... và *phảng phất trong gió* là anh hồn của ai đang rung lên làm cho ta phải *xiết bao rung cảm*...

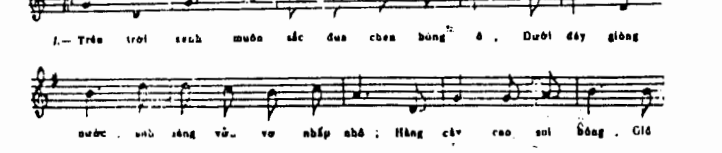

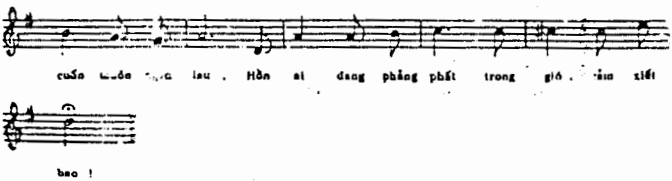

Đoạn Ba bỗng trở nên **thong thả**, với giọng **mineure** buồn dịu, nhắc tới *thời liệt oanh của bao người xưa trung chánh, vì yêu quốc gia vui lòng hiến thân... liều mình ra tay, tuốt gươm bao lần!*

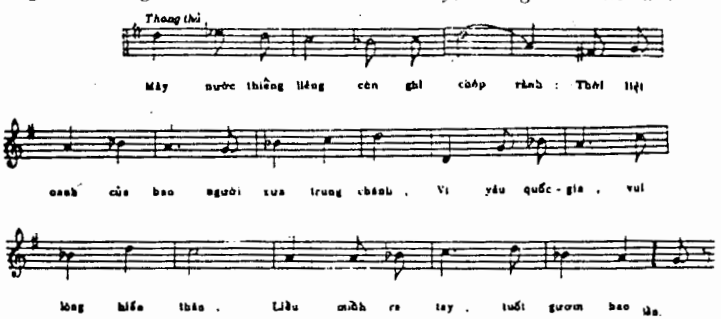

Đoạn Bốn trở lại giọng **majeure** và nhịp hùng mạnh, như kéo ta trở về hiện tại, nhắn nhủ ta *nêu cao tấm gương anh hùng,* và dù cho *có sấm sét bão bùng mưa gió* thì *Đằng Giang vẫn sáng, để cho nòi giống soi chung.*

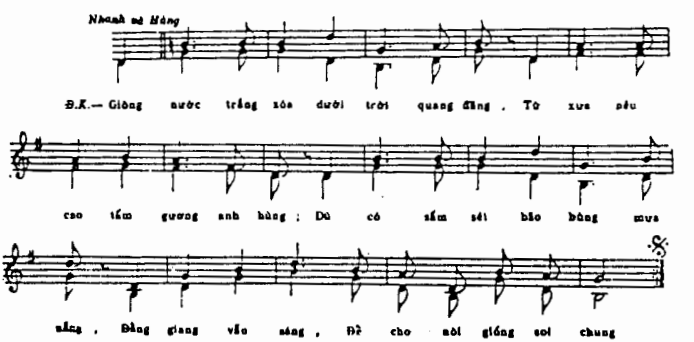

*
* *

Ải Chi Lăng thì có thêm nhiều **kịch tính**! Mở đầu cũng là tiếng kèn, tiếng loa, tiếng trống và có thêm tiếng reo hò của muôn dân...

Chi Lăng! Chi Lăng!
Tiếng ai hò reo vang trời!
Chi Lăng! Chi Lăng!
Bóng ai tranh hùng muôn đời!

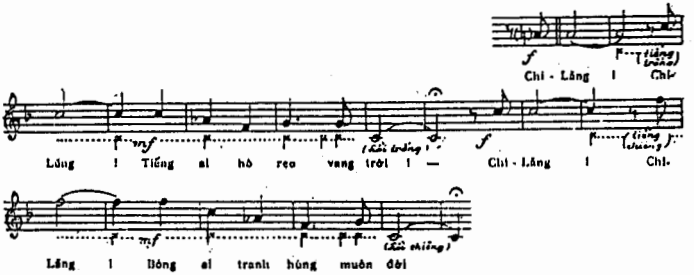

Thế rồi từ một câu nhạc có tính chất **operatic** như vậy, nhạc chuyển động, trở thành nhịp hành quân, nghe kỹ ra thì là nhịp vó ngựa phi trên chiến trường. Tác giả diễn tả rất đầy đủ trận chiến giữa quân ta và những quân Tống, quân Minh. Rồi khuyên nhủ chúng ta theo gương **KHUẤT NAM, BÌNH BẮC** của tổ tiên oai hùng.

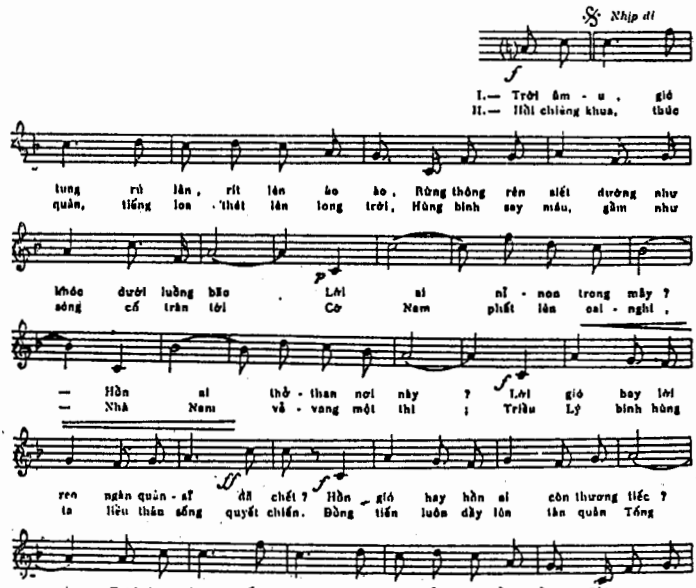

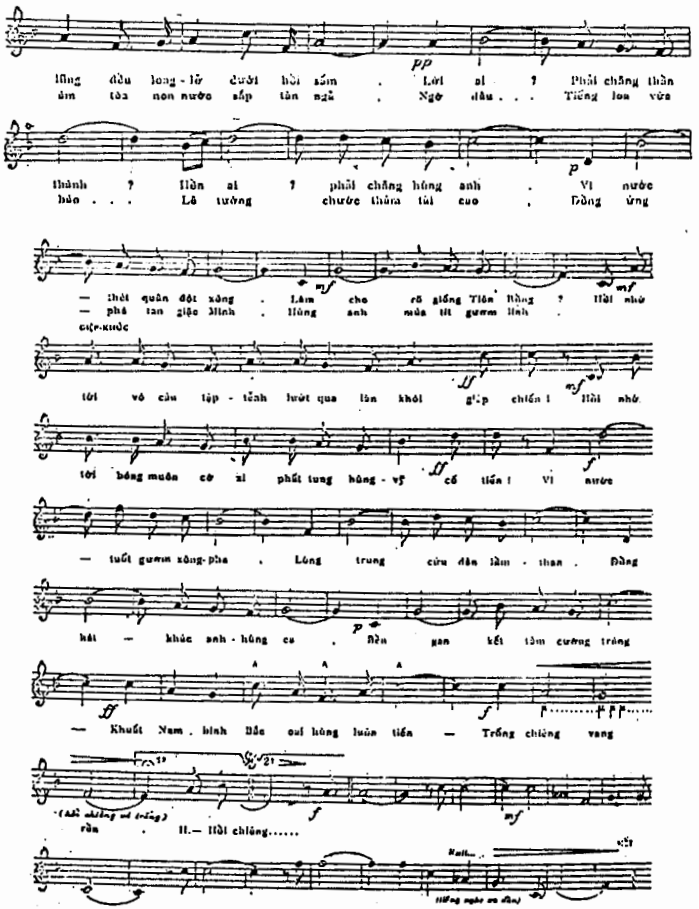

Cũng với lối hành âm, hành điệu như vậy, Lưu Hữu Phước còn cho chúng ta bài **Hội Nghị Diên Hồng,** một bài có tính chất một *nhạc cảnh,* mở đầu với tiếng loa kèm theo tiếng gọi:

Thần dân nghe chăng?
Sơn hà nguy biến
Hận thù đằng đằng
Biên thùy rung chuyển

HỘI NGHỊ DIÊN HỒNG

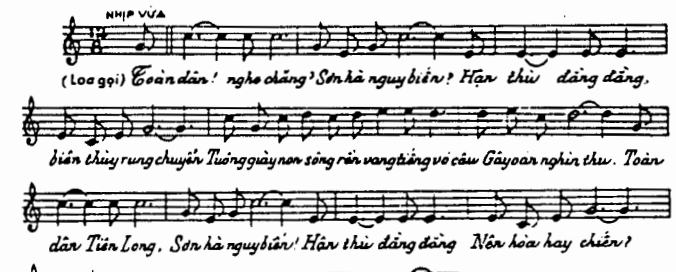

Tác giả vẽ ra khung cảnh một hội nghị lịch sử của dân Việt với lời hỏi của nhà cầm quyền: *Sơn hà nguy biến, Trước nhục mất nước, Nên hòa hay chiến?* Và tứ dân mà đại diện là các bô lão đã khẳng khái trả lời *Quyết chiến! Quyết hy sinh!!!*

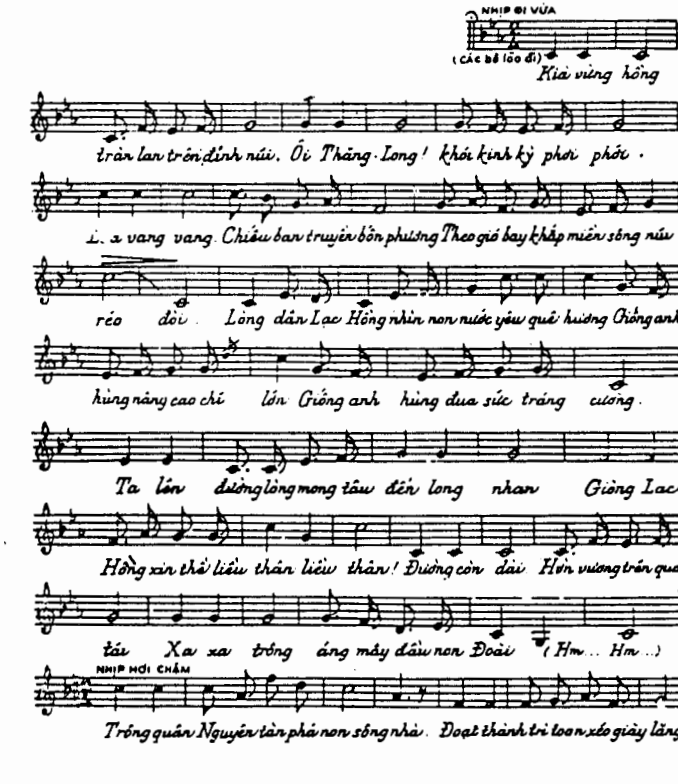

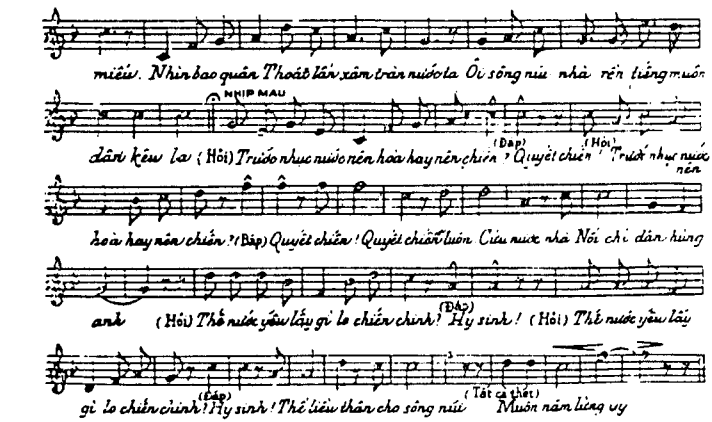

Cũng như hai bài trước, bài **Hội Nghị Diên Hồng** này có nhiều lớp lang, có nhiều đoạn ca với nhiều nhịp điệu và nhạc điệu khác nhau, người hát và người nghe chẳng bao giờ thấy chán miệng chán tai cả. Ra đời vào lúc thanh niên đang sẵn sàng *đứng lên đáp lời sông núi,* những bài được gọi chung là **thanh niên lịch sử ca** này của Lưu Hữu Phước mang rất nhiều tính chất lạc quan, tích cực, khác hẳn với những bài hát bi lụy trong xu hướng **nhạc tình** của thời đó. Lúc đó chàng sinh viên họ Lưu này, có luôn luôn bên cạnh mình những người bạn về sau trở thành những chính trị gia chuyên nghiệp như Mai Văn Bộ, Nguyễn Thành Nguyên, Huỳnh Văn Tiểng... để soạn dùm lời ca hoặc để cung cấp đề tài. Trong một thời gian không lâu, Lưu Hữu Phước cùng với nhóm sinh viên trong Tổng Hội, thường thường là người miền Nam, đã tung ra đủ mọi loại bài ca cho đủ mọi hạng người trong xã hội.

Ngoài những bài có tính chất **lịch sử ca** rõ rệt vừa kể trên, họ Lưu cùng với những *đồng chí* của mình là Mai Văn Bộ, Huỳnh (hay là Hoàng) Văn Tiểng đã soạn cho sinh viên/ thanh niên những bài như **Tiếng Gọi Sinh Viên** (sau này đổi tên là **Tiếng Gọi Thanh Niên** và được các chính quyền miền Nam chọn làm quốc ca), **Lên Đàng, Xếp Bút Nghiên**...

Sau này, ba người sinh viên đó sẽ chung nhau mở một nhà xuất bản âm nhạc tại Saigon lấy tên là Hoàng- Mai- Lưu, cũng như họ ký tên như vậy trong những bản nhạc, ví dụ bài: **Hờn Sông Gianh** được in ra, ghi rõ nhạc của Lưu Hữu Phước, lời của Hoàng Mai Lưu. Bài này có chung một nhạc điệu với bài **Hồn Tử Sĩ**:

HỜN SÔNG GIANH

Lời: Hoàng Mai Lưu
Lưu Hữu Phước

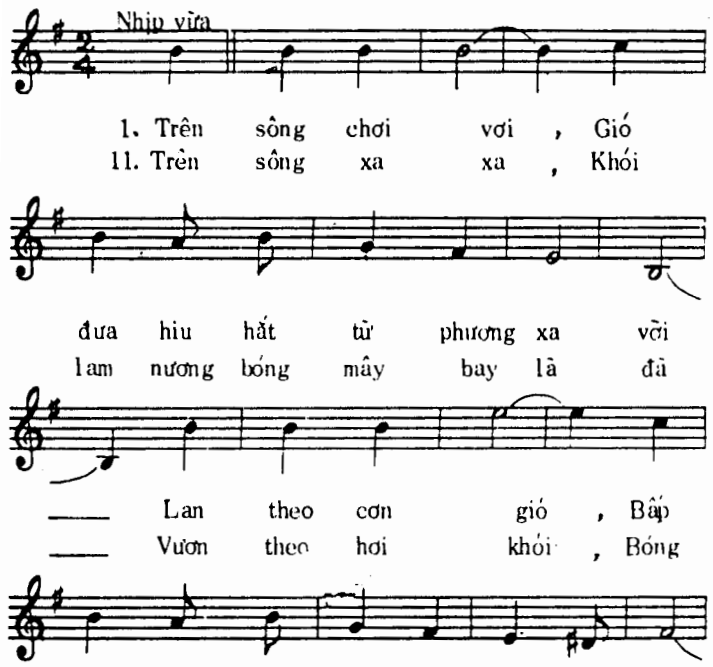

Sau khi soạn nhạc cho giới sinh viên/thanh niên, Lưu Hữu Phước soạn cho thiếu niên những bài như **Gieo Ánh Sáng, Thiếu Sinh Hành Khúc, Reo Vang Bình Minh.** Nhạc điệu cũng như lời ca rất là vui tươi, trong sáng:

REO VANG BÌNH MINH

Lưu Hữu Phước

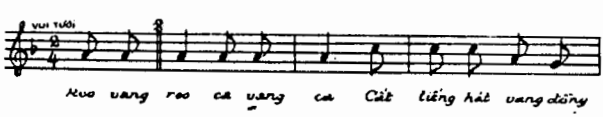

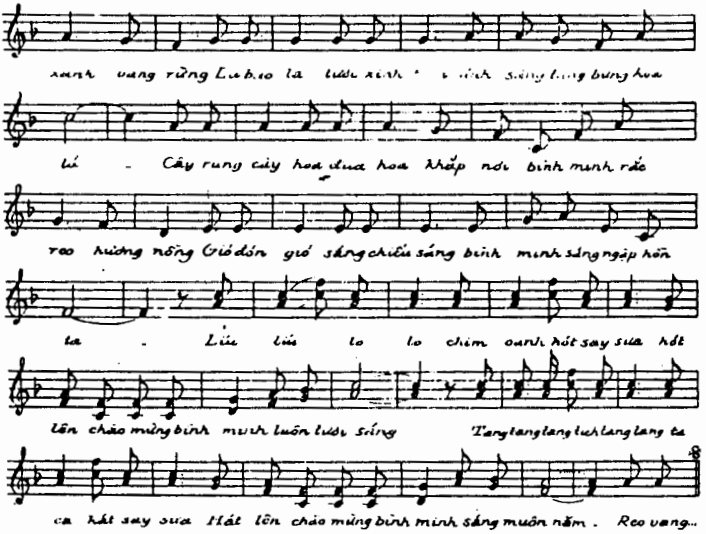

Thiếu nữ cũng được xưng tung trong những bài **Việt Nữ Gọi Đoàn, Thiếu Nữ Việt Nam**...

Trông hoa xuân thắm tươi trên muôn cành
Lòng niên thiếu chan chứa hương xuân.
Reo lên trong nắng mới, trong vui mới
Vì chị em: ấy hoa của đời!

Này chị em khắp nước Nam
Dịu dàng như những đóa hoa
Như những đóa hoa
Tô thắm cho sơn hà...

Hồn thanh xuân khuyến khích ta
Nào chị em cất tiếng ca
Ta cất tiếng ca
Vui vẻ thêm cho nước nhà!

*
* *

Hơn nữa, Lưu Hữu Phước còn sáng tác những bài ca **trầm hùng** (tuy buồn thảm nhưng vẫn hùng tráng) như **Kinh Cầu Nguyện, Hồn Tử Sĩ** (bài này cũng được Miền Nam quốc gia chọn làm bài ca tử sĩ chính thức), **Đoàn Quân Ma, Người Xưa Đâu Tá**...

Bài **Khúc Khải Hoàn** của ông thì nghe như một bản **âu ca**, có thể dễ dàng trở thành một bài ca chính thức!

*
* *

Dường như Lưu Hữu Phước đã chọn con đường trở thành **nhân vật chính thức** ngay từ những ngày còn trẻ cho nên ông còn soạn, trước và trong thời gian kháng chiến chống Pháp, những bài như như **Lục Quân Trần Quốc Tuấn, Ngọn Cờ Dân Chủ, Âu Ca Việt Nam, Đông Nam Á Châu Hành Khúc**... Sau này ông còn soạn **bài ca chính thức** cho cái gọi là Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam dưới bút hiệu Huỳnh Minh Siêng.

Cũng vì con người chính trị của Lưu Hữu Phước được nổi bật lên quá cao trong lịch sử Tân Nhạc, con người nhạc sĩ Việt Nam độc nhất trở thành ông quan ngoan ngoãn của một chế độ, và cũng vì bản thân tác phẩm **nhạc hùng** của ông cũng có một giá trị nghệ thuật rất cao... cho nên người ta đã quên mất loại **nhạc tình cảm** của ông, theo tôi, rất có giá trị là những bài **Hương Giang Dạ Khúc, Thượng Lộ Tiểu Khúc** và nhất là hai vở ca kịch **Con Thỏ Ngọc** và **Tục Lụy**.

Cũng có thể tại chính tác giả nữa, vì khi xuất bản bài **Hương Giang Dạ Khúc**, chàng sinh viên bụ bẫm họ Lưu còn dụt dè, đắn đo, không dám ký tên thật mà chỉ dám dùng nặc danh là *nhạc sĩ không tên!* Có lẽ Ông đã nuôi *lập trường* rõ rệt của một chánh trị gia ngay từ lúc đó chăng? Nhưng khi phổ nhạc những lời thơ của Khái Hưng để hoàn thành vở ca kịch đầu tiên của nền Tân Nhạc Việt Nam là vở **Tục Lụy** thì ông không còn nhút nhát nữa. Nét nhạc tuyệt vời của ông đã làm cho thơ có cánh mà bay. Dân Hà Nội đã có dịp được thưởng thức những bài ca trong vở đó như **Phiêu phiêu gió reo trên ngàn, Ta hãy lắng tai nghe, Ta là một nàng thơ trên tiên giới, Ta là một gái đồng trinh, Người đi săn, Hỡi ánh may hồng, Ta là một tiếng vang** vân vân...

Câu chuyện thần tiên của một Nàng Tiên bị người đi săn nơi hạ giới lấy mất đôi cánh, mang nặng không khí *hồn bướm mơ tiên* trong thời đại rất ngây thơ của chúng ta, trước khi bão tố của Cách Mạng Mùa Thu 45 sẽ lùa tới và cướp mang đi (như anh thợ săn tục tằn cướp đi đôi cánh thần của dân tộc?)... **Con thỏ ngọc** cũng không kém phần thi vị, nhưng chỉ là tác phẩm dành riêng cho thiếu nhi mà thôi!

Sau này Lưu Hữu Phước giữ một chức vụ khá cao trong chính quyền, nhưng ta không thấy ông cho sống dậy hai vở ca vũ kịch đẹp vời này, ông chối bỏ những tác phẩm này chăng, cho đúng

với **lập trường** chăng?

Sở dĩ Lưu Hữu Phước có thể soạn được nhiều bài thuộc nhiều loại như vậy là vì ông có sẵn cái vốn nhạc Âu Phương mà đa số những nhà tiền phong trong phong trào Tân Nhạc cũng có. Nhạc của ông, lúc đầu, chịu ảnh hưởng nhạc Pháp hoàn toàn. Ngoài nét nhạc *fanfare* của bài **Bạch Đằng Giang** mà tôi đã nêu ra, nếu ta nghiên cứu kỹ, ta sẽ thấy toàn bộ bài (quốc ca!!!) **Tiếng gọi thanh niên** được soạn với hơi thở của một ca khúc Pháp. Lấy ví dụ câu này:

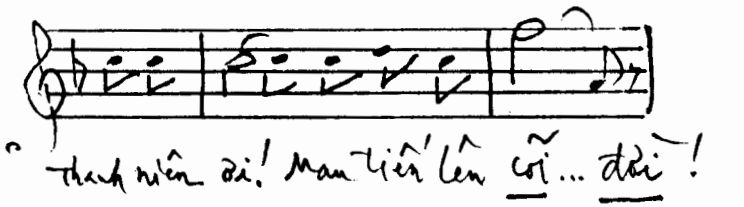

Tiếng Pháp không phải là tiếng **đơn âm** như tiếng Việt cho nên nhiều khi phải dùng nhiều âm thanh để phổ nhạc một chữ:

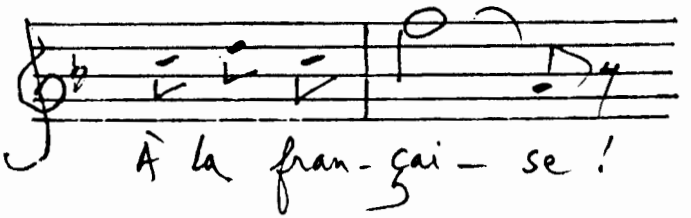

Lưu Hữu Phước đã mắc phải cái **vận tiết ngoại lai** đó, và do đó, ngay hồi năm 1945, khi tôi có bổn phận phải dạy cho thanh niên nam nữ trong Phong Trào Thanh Niên Tiền Phong ở Sàigòn hát bài này, tôi đã thấy tuổi trẻ Việt Nam không bao giờ hát đúng nhịp cả, bởi lẽ tự nhiên là hơi thở của ca khúc không phải là hơi thở của dân tộc Việt Nam. Tôi hiểu được vì sao mà chúng ta vẫn coi bài này như một quốc ca, nhưng tôi vẫn thấy đó là điều phi lý.

*
* *

*K*ể từ ngày xa lắc xa lơ của thời đại vàng son của những bước đầu tiên của loại **nhạc hùng** mở cửa cho sự thành công của **Cách mạng** và **Kháng chiến** với vũ khí sắc bén là âm nhạc đó, vì dần dà trở nên một nhạc sĩ công thần của chế độ. Lưu Hữu Phước đã được gửi đi Nga Xô để học nhạc. Từ đó, ông trở thành một nhạc sĩ chuyên môn xưng tụng Đảng và Bác với những bài như **Dưới cờ**

đảng vẻ vang, Tiếng hát dâng Đảng, Tình Bác sáng đời ta... Nói một cách rất khách quan, nghĩa là vẫn kính trọng sự chọn lựa của ông, nhạc nghệ trong những bài này quá thấp kém so với cái rừng nhạc của sinh viên Lưu Hữu Phước khi xưa, khiến cho ta phải kết luận rằng những bài đó không đáng để hát, để nghe hoặc để phê bình ở đây. Ta chỉ nhận chân được một sự thực rất thực: Đảng và Bác mà nhạc sĩ họ Lưu, qua những bài ông xưng tụng những "Công ơn cao cả" gần đây, trong thực tế đã giết chết ông trong cái lồng son cũng như đã giết Văn Cao trong cảnh đọa đầy vậy !

Phạm Duy

TUẦN BÁO THỜI SỰ NGHỆ THUẬT
XUẤT BẢN MỖI THỨ NĂM
CHỦ BIÊN **HOÀI ĐIỆP TỨ**

mai

ĐEM NGUỒN VUI SỐNG ĐẾN KHẮP CÁC GIA ĐÌNH VIỆT NAM

TÒA SOẠN:

10708 Westminster Ave. ☐ Garden Grove, CA 92643

714 . 638 . 8798

Đào Trường Phúc

Dạ khúc

Đêm nay - đêm xứ người rất lạnh. Đêm bập bềnh trôi như tấm áo sương mù. Đêm mênh mang diệu vợi như những vì sao khuya lấp lánh cuối chân trời mơ ước. Đêm bát ngát tình yêu. Đêm dào dạt nhớ nhung. Đêm bình an trong giấc ngủ mặn nồng. Đêm quí giá như một viên ngọc bích. Đêm ngây ngất hương thơm như những bông hoa dại trong cung đàn kỷ niệm.

Đêm nay - đêm quê hương rất buồn.. Đêm âm u những căn nhà không đèn. Đêm bơ vơ những đường phố vắng tanh. Đêm xơ xác những mảnh vườn hoang phế. Đêm lạnh lùng những con mắt kẽm gai. Đêm hun hút đẩy sâu những đời người mòn mỏi, những bước chân tìm ngóng tương lai trong bóng tối mịt mùng. Đêm ngậm ngùi nhìn những cuộc chia ly lặng lẽ. Đêm âm thầm lau khô những dòng lệ lẻ loi.

Em yêu ! Anh yêu em như yêu những đêm xứ người quạnh quẽ. Anh yêu em như yêu những đêm quê hương đọa đày. Anh yêu em như yêu dòng sông đã cuốn trôi đời anh xa lạc bến bờ xưa. Anh yêu em như yêu những mùa trăng thanh bình chỉ còn trong trí nhớ, những đêm trăng thơm ngát mùi hoa cau, có bóng lá cây đổ trên nền đất ẩm, có tiếng võng đưa ru giấc mộng bình thường, có câu hát đơn sơ như một lời ước khẽ.

Em yêu ! Anh yêu em như yêu những đêm phiêu bạc, những đêm lộng lẫy ánh đèn thành phố lạ, những ly cà phê đắng hơn lòng sầu xứ, những con đường khuya heo hút bóng bơ vơ, những tiếng cười vui như dao sắc chém trên hỗn rạn vỡ. Anh yêu em như yêu những đêm mưa đất khách, yêu cơn mưa đã đưa chúng ta về với nhau trong gió tha hương, yêu tiếng mưa rơi hắt hiu ngoài khung cửa lạnh, nhắc chúng ta nuôi cho lòng nhau ngọn lửa quê nhà.

Em yêu ! Anh yêu em như yêu cuộc đời nhiều dâu bể thăng trầm. Anh yêu em như yêu những tâm hồn lưu lạc, những trái cây đời chưa kịp hái, những nụ hoa héo hon chờ đợi một bình minh. Anh yêu em như yêu những đàn bướm phiêu du vẫn nhớ nhung mãi một khu vườn thơ ấu. Anh yêu em như yêu loài chim viễn xứ mỏi cánh bay hoài tìm tổ ấm phương Nam.

Em yêu ! Anh yêu em như yêu con sông dài bát ngát . Anh yêu em như yêu những bông lúa sẽ vươn mình cùng tia nắng ấm trở về trên quê hương chúng ta. Anh yêu em như yêu những trẻ thơ sẽ lớn dậy bằng tin yêu và lòng người rộng mở.

Em yêu, em của anh !
Anh yêu em như yêu cuộc đời. Anh yêu em như yêu loài người. Anh yêu em. Như anh yêu quê hương. Quê hương trên trần gian phiền muộn. Quê hương trong kiếp người phù du. Quê hương trong tình yêu chúng ta mãi mãi.

Carmel. 6.1986.

Hồ Trường An

Hai khuôn mặt

*V*âng, chị có một người bạn. Người đó không phải như chúng ta đâu. Ông ta luôn đến chị *bằng hai khuôn mặt đối nghịch, hai khuôn mặt của một người*, trên những khúc quanh quan trọng nhất đời chị. Các em cứ thắc mắc đi... Ông ta không phải là một người bằng xương bằng thịt đâu. Một bóng ma? Một huyễn ảnh? Thú thật chị không rõ nữa. Tuy nhiên, khi nhắc tới ông ta, một niềm an ủi ấm áp phủ nhẹ lên trái tim chị, như một tia nắng mơn vờn trên thớ lụa mịn màng vậy. Và xuyên qua cảm giác mềm mại kia, chị như thấy chập chờn đâu đó, trên cõi chúng ta sống, những thế giới khác lồng vào nhau, trùng trùng như đan võng...

Hồi lên bảy, chị bị chứng sốt thương hàn trầm trọng. Ba má chị đưa chị vào nhà thương Mỹ Tho để điều trị. Riêng bà ngoại chị thì đi cầu đồng cốt để biết tính mệnh chị ra sao. Một bà đồng ở cuối xóm tự xưng là xác cốt của cậu Hoàng Năm bảo :

Không hề gì, con nhỏ có một cái "vong cô" lành phù hộ nó. Chẳng những nó tai qua nạn khỏi phen này, mà từ đây cho đến cuối đời, cái "vong cô" đó cũng giúp nó mỗi khi nó gặp tai ương.

Một bà đồng khác ở Rạch Miễu (từ tỉnh Mỹ Tho muốn đi Rạch Miễu phải dùng đò máy) tự xưng là xác cốt của bà Chúa Xứ, lúc lên đồng, bảo:

Con nhỏ nầy căn tánh lộn lạo tâm địa điên đảo. Bởi đó, cái "vong cô" theo nó cũng phức tạp lắm. Vong cô đó khi thì ma khi thì Phật, lúc thương lúc ghét con nhỏ. Bà nên cầu Đức Phật Bà cho nhiều. Khi con nhỏ khỏi bịnh, bà nên dạy nó học thuộc lòng *"Bạch Y Thần Chú"* và *"Quán Âm Linh Cảm Chơn Ngôn Thần Chú"* thì họa may cái "vong cô" kia không bao giờ thù ghét nó để giúp đỡ nó luôn luôn.

Kỳ đó, chị khỏi bệnh. Bà ngoại chị bắt chị học thuộc lòng hai thần chú kia, để khi gặp tai nạn cầu Đức Quán Thế Âm Bồ Tát (người hình dân mình ưa gọi là Đức Phật Bà) cứu độ. Tại trung

đường, bà ngoại còn lập bàn thờ vị Đại Bi Bồ Tát kia, và bắt em Ngọc Nga của chị và chị đêm đêm thắp hương, cúng nước, vái lạy.

Chị còn nhớ rõ năm đó, chị lên mười ba tuổi. Nhà chị ở tại Ngã Ba Trung Lương, cách tỉnh Mỹ Tho bốn cây số. Đó là một ngôi nhà, mái lợp ngói âm dương rộng thênh thang, nằm giữa vườn mận hồng đào. Thuở đó, vào khoảng năm 1946, 1947 thì phải, lúc mà Việt Minh đã ký một thỏa hiệp án với chính phủ thực dân Pháp. Cuộc chiến tranh Việt Pháp bớt sôi động. Ba của chị vẫn còn đi theo phe kháng chiến chống Pháp. Bà ngoại chị, má chị và chị em của chị phải ở lại Ngã Ba Trung Lương để săn sóc vườn mận hồng đào cùng gia viên điền sản do bà nội chị để lại. Căn nhà vắng đi người chủ gia đình nên trống trải lắm. Bốn mẹ con bà cháu sống trong cảnh nghèo nàn, ăn những bữa cơm đạm bạc; hai chị em chị mỗi đứa chỉ có hai bộ quần áo bằng vải ta, một thứ vải thô tháp dệt bằng thứ chỉ to sợi.

Lúc gia đình túng hụt thì một hôm nọ, có một bà khách trạc ba mươi ngoài, ăn mặc sang trọng, trang điểm sắc sảo từ chợ Mỹ Tho vào thăm. Hỏi ra đó là cô Yến Tuyết, người em một cha khác mẹ của ba chị, hồi cô 18 tuổi, bị ông nội từ, vì cô bỏ nhà đi theo người nhân tình Tây lai. Cô Yến Tuyết sau mấy phen thay đổi nhân tình, sau ba lần ly dị chồng, giờ đây là nhân tình một y sĩ trong quân đội Pháp, với chức vụ Đại úy. Cô Yến Tuyết bây giờ giàu có, có một biệt thự ở ngoài chợ Mỹ Tho. Chung quanh biệt thự trồng nhiều thứ bông, đặc sắc nhất là đủ loại hồng, đủ loại hoa hortensia. Trong nhà, cô bày nhiều bàn ghế bằng gỗ cây nu, gỗ cẩm lai, nhiều lọ cổ, chén bát bằng sứ Tàu, bằng phe lê Tây phương, bằng bạc, bằng ngà, bằng sừng tê giác. Cô Yến Tuyết còn có tiệm cầm đồ ở ngoài chợ, còn có thêm nghề cho vay ăn lời cắt cổ, còn hùn hạp mở nhà chứa... Cô đẹp lộng lẫy, mà lối xóm bảo rằng chị giống cô ấy hơn là giống mẹ. Cô bỏ ra một số tiền để cho má chị mở tiệm cơm ở tại Ngã Ba Trung Lương.... Và một ngày Tết Nguyên Đán nọ, má chị dắt hai chị em chị ra chợ Mỹ Tho chúc Tết cô Yến Tuyết. Tại đây, má con được ăn một bữa cơm với các bạn cô và với cô. Hôm đó có cô Ngọc Sương, khá đẹp, mắt hơi trố, ánh mắt hung dữ. Cô Yvette Hương, cũng đẹp, nhưng cặp môi có vẻ buồn và quạu, dù cô hay pha trò cũng như cô Ngọc Sương và dù cô thường ăn nói nhỏ nhẹ. Đang lúc ăn uống thì có một người đàn bà lớn tuổi, dung nhan tiều tụy bước vào xin tiền cô Yến Tuyết. Cô đối xử với mụ ta rất ân cần mềm mỏng, lấy tiền cho mụ, mời mụ ngồi cùng bàn để dùng cơm cùng với mọi người. Mụ hầu như ăn mãi ăn hoài mà vẫn chưa xong chén cơm. Mụ lải nhải kể lại cuộc tình của mụ với một ông thương gia ở Sàigòn cho má chị nghe, rồi khóc lóc, chửi rủa. Và khi cơn điên nổi lên, mụ tuột áo, bạch ngực phô bày một thân

thể héo khô, đôi vú teo tóp... Hỏi ra, thì đây là nạn nhân của một cuộc tình phụ. Nhưng trước kia, mụ đã giúp đỡ cô Yến Tuyết nhiều nên giờ đây mụ được cô giúp lại.

Má của chị lén lút bà ngoại đưa chị em chị ra Mỹ Tho thăm cô Yến Tuyết luôn. Lúc về, chị em chị luôn có quà hậu hĩ. Và chị thường chứng kiến những cảnh cô của chị chửi rủa con nợ, đánh đập tôi tớ, và những cô gái ăn sương dưới tay cô. Lại còn những cảnh cô dụ dỗ các cô gái sa cơ lỡ vận vào nghề buôn phấn, buôn hương. Giọng nói của cô lúc nào cũng ngọt ngào, mềm mỏng, thái độ của cô lúc nào cũng âu yếm niềm nở, riêng đối với má con chị. Vậy mà lúc đòi nợ, lúc đày đọa hành hạ tôi tớ, các cô gái ăn sương, cô hiện thân là con chó "bẹt dê" dữ dằn mà cô nuôi trong nhà. Cả hai cô bạn kia cũng thế, lúc họ kể những vụ bắt ghen, vụ giành khách, mắt trố của cô Ngọc Sương càng rực ánh hung ác, cái miệng cô Yvette Hương càng thêm quạu quọ, càng chửi rủa tục tằn, hăng hái hơn.

Chiến tranh càng lúc càng lan rộng trên đất nước. Các cuộc chạm súng giữa Việt Minh và Pháp thường xuyên hơn. Bà ngoại chị thường dắt chị em chị đi chùa, để nghe tụng kinh Cầu An và kinh Dược Sư. Viện chủ trụ trì chùa Phổ Hương là một vị đại đức 40 ngoài, nụ cười thật hiền. Hai chị em Sa di Phước Điền và Phước Huệ lúc nào cũng trầm lặng nhưng vui vẻ, dung quang thật đoan phương, diện mạo thật đoan nghiêm. Mỗi kỳ rằm và mỗi kỳ ba mươi, Ngọc Nga và chị hái bông trang, bông điệp đem đến chùa cho các chú cúng Phật, được các chú cho bánh trái...

Cảnh nhà cô Yến Tuyết hay cảnh chùa Phổ Hương đều mê hoặc chị cũng như cảnh nhà. Trong trí óc ngây thơ của chị, các cô Yến Tuyết, Ngọc Sương, Yvette Hương cũng tử tế như vị sư viện chủ và hai chú sa di...

Hơn bốn mươi năm qua, tuy nhiên, chị vẫn còn nhớ rõ khung cảnh thơ mộng, tràn ngập màu xanh và bóng cây râm mát ở Ngã Ba Trung Lương. Trong vườn nhà chị lại có nhiều ao, đầm, mương, lạch, nước trong leo lẻo, ăn thông ra con lạch yểu điệu lượn trước nhà. Nơi đây, rau hoang dại mọc lan tràn, chẳng hạn như rau tập tàng hoặc rau cải trời mềm mại, những chùm rau sam tím đỏ, những cây rau dền mang từng chùm hột xanh lợt và nhuyễn như cám, những khóm ngò gai xum xuê... Vào những mùa ổi chín, hoặc mùa mận, lũ chim chìa vôi, chim áo dà, chim manh manh cùng bọn quạ, se sẻ kéo về làm náo nhiệt khu vườn. Trong khu vườn đó, chị cùng Ngọc Nga hái rau hoang dại, bông điệp, bông trang đem cúng dường trên chùa. Chị và Ngọc Nga hái ổi, mận, cùng hoa huệ, hoa lài tặng cô Yến Tuyết. Cả hai quên đi sự vắng mặt của cha và cảnh lửa đạn đang phủ trùm đất nước.

*
* *

*H*ôm đó, vào ngày hăm ba đưa ông Táo về Trời, dùng cơm sáng xong, chị ra vườn đi hái rau. Đầu óc chị lởn vởn về chuyện vong cô *(một oan hồn chưa đi đầu thai, cứ quanh quẩn theo ai đó để phù hộ hoặc quấy phá)* qua sự bàn bạc giữa bà ngoại chị và các bà lối xóm.

Khi chị tới ngôi miếu hoang thì bỗng có tiếng súng nổ lẻ tẻ từ đám dừa nước rậm rạp dầm mình trong bãi bùn lầy gần khu vườn. Rồi thì tiếng súng nhặt hơn, từng tràng dài. Đạn bay veo véo trên đầu chị. Chị toan về nhà, nhưng không kịp nữa. Tiếng súng gần hơn, lẫn tiếng thét giận dữ. Chị nằm sát trên nền sân gạch tàu, ngoài ngôi miếu, tâm thần hoảng hốt lắm. Chị đọc hai câu thần chú nhật tụng. Chị nghĩ đến khuôn mặt từ bi của Đức Quan Thế Âm trong tranh thờ. Chị nghĩ đến nụ cười hiền dịu của nhà sư viện chủ chùa Phổ Hương. Chị nghĩ đến phong thái ung dung và trầm lặng cùng dung quang đoan phương của hai chú sa di. Tự dưng, cơn sợ hãi lắng xuống. Nhưng vừa khi chị ngẩng đầu lên, một viên đạn bay phớt qua đầu chị. Cảm giác đau thốn, nhưng chị không dám cục cựa. Khi tiếng súng vừa im, chị cảm thấy cơn váng vất kéo đến làm cho não cân chị tê mê. Máu đã từ vết thương chảy xuống nền gạch.

Một bàn tay khẽ nâng chị dậy. Chị cố nhướn mắt lên. Một người đàn ông mặc Âu phục xám, trạc ba mươi ngoài (cỡ tuổi viện chủ chùa Phổ Hương), vẻ mặt trầm tĩnh giống chú sa di Phước Điền, ánh mắt dịu dàng âu yếm như mắt chú Phước Huệ, và vầng trán cao đúng là vầng trán nhà sư viện chủ. Ông khách lạ nhìn chị với vẻ xót thương vô hạn, rồi nở một nụ cười bùi ngùi:

— Tố Nga, em bị thương nặng lắm. Để tôi đưa em về nhà.

Chị khóc nức lên:

— Tôi muốn gặp ngoại tôi, má tôi và em tôi.

Người đàn ông rút chiếc khăn tay sực nức mùi hương cay cay, đúng là mùi nhang quý thường bán trong các tiệm Chà ngoài chợ Mỹ Tho, mà vào các kỳ rằm lớn, viện chủ chùa Phổ Hương thường thắp lên chánh điện. Ông khách lau nước mắt cho chị, vỗ về:

— Đúng vậy, em phải gặp họ chứ. Để tôi dìu em nhé, hay thôi để tôi bế em, em kiệt quệ như thế này thì làm sao về đến nhà được chứ? Tố Nga em có đau lắm không?

Tuy mệt lả, chị cố hỏi lại:

— Thưa ông, ông là ai?

Người đàn ông trầm giọng:

Tôi là bạn của em, hồi xưa, xa lắm rồi em ạ. Em không thể nào hiểu được đâu.

Cơn chóng mặt đến cùng với cơn nôn quặn thắt. Chị mửa lai láng và mê đi. Khi tỉnh dậy chị thấy mình nằm trong lòng má chị, trên chiếc xe thổ mộ chạy lọc cọc ra nhà thương tỉnh Mỹ Tho. Mắt đẫm lệ, má chị kể lại:

Bọn lính partisan đi ruồng bố, bắt được một liên lạc viên của phe kháng chiến, nhưng tới đám dừa nước gần bên miếng vườn của mình, thì người liên lạc vùng chạy để thoát thân. Bọn lính đuổi theo, bắn xả vào đám dừa nước. Trận nổ súng vừa im thì má thấy con lết về tới sân, máu chan hòa khắp vai áo.

Chị thều thào:

Còn người khách lạ đưa con về?

Má chị lắc đầu:

Má cũng chẳng thấy ai cả.

Chị cố cãi lại:

Khi bị đạn lạc, con đuối sức rồi. Làm sao con có thể lết từ ngôi miếu về tới nhà cho được?

Má chị trầm ngâm:

Có thể là ông ta đưa con về nhà trước khi má chạy tới sân.

Chị không nói gì thêm vì chị mệt quá đỗi. Vết thương trên đầu chị dù được bà ngoại chị dùng lá lưỡi cọp để cầm máu, nhưng mảnh đạn hãy còn ghim vào xương sọ của chị. Cơn chóng mặt dệt một tấm màn đen phủ xuống chị và chị lại thiếp đi.

Tết năm đó chị nằm trong căn phòng thí, tầng lầu của nhà thương Mỹ Tho. Bác sĩ giám đốc của nhà thương không ai xa lạ là viên đại úy y sĩ, nhân tình của cô Yến Tuyết. Cô của chị đến thăm chị hằng ngày, khuôn mặt không giấu nổi sự lo âu buồn bã. Căn phòng của trại ngoại thương với những chiếc giường sắt kê hai hàng dài, chăn nệm cũ kỹ, sàn gạch sực nức mùi thuốc khử trùng. Đôi khi tỉnh táo, chị có thể nhìn ra hàng cây cao cao vút ngoài vòng rào bệnh viện. Vào những đêm trăng, bọn chim cú mèo kéo về đậu trên ngọn cao rúc lên những tiếng ma quái.

Một tuần lễ trôi qua. Đến ngày thứ tám, ông bác sĩ giám đốc mới chịu giải phẫu vết đạn trên đầu chị. Trong thời gian tuần lễ ở nhà thương, chị cứ mê sảng luôn, những cơn mê dài mù mịt, thiếu mạch lạc. Mỗi khi tỉnh dậy chị bắt gặp khuôn mặt chan hòa nước mắt của bà ngoại chị, của má chị và của em Ngọc Nga. Trong lúc chị tỉnh táo, bác sĩ bắt chị phải cử động tay chân, và phải nhắc cho ông ta rõ tên tuổi và quê quán của chị. Đó là cách ông ta thử coi mảnh đạn có phá hủy một trung khu thần kinh nào trên đầu chị hay không? Khi thấy chị có thể cử động và chưa mất hết tri giác, ông ta mới chịu cho chị được giải phẫu.

Trước ngày chị lên bàn mổ, cô Yến Tuyết có đến thăm chị. Cô mặc chiếc áo the nổi bông nhung màu hồng dịu, đeo kim cương, ngọc thạch, trân châu choáng lộn. Cô hôn lên trán chị:

— Rán dưỡng sức cháu nhé. Chừng cháu mạnh, cô sẽ tặng cho cháu cây kiểng vàng này.

Cô vừa nói vừa chỉ cây kiểng vàng trên cổ của cô sáng loé ánh hoàng kim giữa ánh kim cương, màu ngọc thạch và màu trân châu. Suốt ngày hôm đó, lúc tỉnh táo, chị cứ bần thần mơ tưởng tới cây kiểng vàng của cô Yến Tuyết cùng cảnh đời giàu sang, huy hoát của cô.

Hôm sau vừa lên bàn mổ, chị vùng vẫy ghê lắm. Nhưng khi thuốc mê xông vào lỗ mũi chị... thần trí chị như bị hút sâu vào cơn xoáy đen mù mịt, rồi như chìm sâu tận một đáy vực muôn trượng dưới mặt nước. Khi cơn xoáy tan chị như được nâng lên dần, và bị hất lên trên một bãi cát lấp lánh trong ánh sáng trắng ớn lạnh như lạc lõng. Chị bơ vơ, tâm thần dao động, cố tìm một phương hướng để đến nhà cô Yến Tuyết. Ở đó, chắc chắn sẽ có bàn ăn trải khăn trắng, và xếp đầy những dĩa thức ăn ngon, những dĩa bánh trái đắt tiền, và sẽ có một cái hộp nhung đựng cây kiểng vàng lóe sáng ánh hoàng kim chờ chị.

Bỗng một mụ đàn bà trần truồng, thân thể gầy guộc, cặp vú khô héo giống như thân thể mụ điên mà chị đã gặp ở nhà cô Yến Tuyết. Mắt mụ hung dữ giống hệt cặp mắt cô Ngọc Sương. Cặp môi mụ quạu và buồn như cặp môi cô Yvette Hương. Vẻ mặt cô khắc bạc, giống như vẻ mặt cô Yến Tuyết lúc đi đòi nợ. Điều hơi khác là tóc mụ buông xõa chấm gót, như tóc mấy con mụ tội nhân trong cuốn Ngọc Linh Minh Kinh (sách nói về cảnh mười cửa địa ngục). Và trời ơi, khi nhăn nhở cười mụ để lộ hai chiếc răng nanh và cái lưỡi đỏ như dính máu. Mụ rít lên:

— Hãy theo tao!

Bàn tay lạnh buốt của mụ chụp vào vai chị. Chị cố vùng vẫy, nhưng mụ cười gằn:

— Mày đừng hòng thoát khỏi tay tao. Chúng mình cùng trẩy đò qua bên kia, mau!

Theo ngón tay chỉ của mụ, chị thấy một khoảng sông rộng, nước đen như mực, sóng bủa lao xao. Mỗi một lượn sóng dâng lên là có tiếng kêu than thảm thiết. Còn bờ bên kia là một vòm trời rực lửa, lố nhố những chiếc bóng đen quay cuồng, hỗn loạn.

Chị lắc đầu:

— Cháu muốn về nhà.

Mụ đàn bà giận dữ:

— Đừng hòng mà về nhà. Chiếc cầu từ đây về nhà đã gãy rồi.

Chị bướng bỉnh:

Cháu không tin thế đâu. Thế nào cháu cũng về nhà cháu. Và nếu không, cháu sẽ tìm về nhà cô Yến Tuyết của cháu.

Mụ đàn bà không thèm nói nữa, xô chị xuống đò, nắm tóc chị bắt chị ngồi yên. Đò vừa tới mé đất, chị run rẩy khi nhìn biển lửa cháy hừng hực, tàn tro bay bổng, tiếng củi nổ lốp bốp. Chị cầu nguyện Đức Quán Thế Âm, cố quán tưởng đến đôi mắt từ bi của Ngài. Bỗng có hai bàn tay ấm áp nắm lấy tay chị. Chị ngước lên, ô kìa, ông khách lạ hôm nọ. Thân hình mảnh dẻ và rắn chắc của ông chỉ choàng sơ sài một tấm khăn trắng ngang bụng. Nụ cười của ông hiền lắm. Cái nhìn của ông lúc nào cũng tràn ngập thương xót, cảm thông. Từ nhân dáng, thân thể ông như toát ra một lớp hào quang bình lặng và thanh khiết, gợi cho người đối diện một niềm an lạc vô bờ bến. Ông bảo:

Tố Nga. Thôi để tôi đưa em về nhà là hơn.

Chị thều thào:

Còn mụ đàn bà trần truồng đâu rồi?

Người khách hôm nọ chỉ về phía lửa đỏ:

Bà ta đã vào trong đó rồi. Còn em, chỗ đó không phải của em đâu. Em ngây thơ, hiền dịu lắm. Em phải về nhà sum họp với bà ngoại em, với má em và Ngọc Nga chứ.

Chị lại hỏi:

Ông có về cùng với em không?

Người khách lạ lắc đầu:

Tôi chỉ đưa em đến cổng nhà em thôi. Chưa phải lúc tôi theo em.

Chị lại hỏi:

Ông có về cùng em không?

Người khách lạ lắc đầu:

Tôi chỉ đưa em đến cổng nhà em thôi. Chưa phải lúc tôi theo em.

Chị nắm tay ông khách lạ:

Nhưng ông hãy hứa rằng ông sẽ đến thăm em thường, ông nhé.

Người đàn ông lạ mặt hôn lên mái tóc chị, chỗ vết thương. Hơi thở của ông ta ngát hương cay cay. Chị cảm thấy vết thương hết đau ngay. Ông ta dịu dàng bảo:

Tôi đã nói với em rằng tôi là bạn của em thuở xưa, xa lắm. Được rồi, thỉnh thoảng, tôi sẽ đến thăm em.

Ông khách lạ đưa chị đến soi mặt vào ao nước xanh biêng biếc, gờn gợn những khóm rong dài tha thướt, có những con cá sặc bướm tím hồng, những con cá bãi trầu xanh lam đang lội tung tăng. Chị nhìn vào đáy ao, vụt thấy cái cổng nhà chị với giàn hoa "ti

gôn" trắng, chen hồng, cùng cây trắc bách diệp lá nhỏ lăn tăn.

Người khách lạ nói:

Em về nhà nhé. Không thôi sẽ muộn mất, Tố Nga ạ.

Ông ta xô chị xuống ao. Chị hoảng hốt giật mình tỉnh dậy, bắt gặp mình nằm trên giường. Xung quanh chị ánh đèn trắng xóa. Ngoại chị, má chị và em Ngọc Nga ngồi chung quanh giường, ai cũng lộ vẻ lo âu, buồn bã. Bà ngoại chị, giọng đầy nước mắt:

— Tạ ơn Trời Phật, nó tỉnh dậy.

Má chị mừng rỡ:

— Con có mệt lắm không, Tố Nga?

Chị nói nhanh:

— Ông khách hôm nọ... Con vừa nằm mơ thấy ông ta.

Má chị lau nước mắt:

— Con đừng nghĩ quẩn. Họ vừa giải phẫu, lấy miếng đạn ra khỏi xương sọ của con rồi. Con sẽ bình phục Tố Nga ạ.

Chị nhắm mắt lại. Chung quanh chị như còn phảng phất mùi hương cay cay như mùi nhang tẩy uế của người Chà Và.

*
* *

Chị lớn lên khi chiến tranh Việt-Pháp chấm dứt. Lúc nào, khuôn mặt người khách lạ cùng mùi hương kỳ dị vẫn lởn vởn trong ký ức của chị. Ông ta không hề đến trong cuộc sống lẫn trong cơn chiêm bao của chị nữa.

Khi lên mười sáu tuổi, chị luôn luôn là một cô gái trầm tư, thích sống một cuộc đời khuất lánh. Các bạn của chị thường bảo chị:

— Tố Nga lúc nào cũng như nghĩ ngợi xa xôi. Nét đăm chiêu của Tố Nga gợi một vẻ đẹp riêng khó phân tích, nhưng chắc chắn làm cho bao người phải mê hoặc.

Thế mà các em ạ, nghiệp chướng nào đó đã đưa đẩy chị đi quá xa. Năm 19 tuổi chị bị một tên đại úy không quân quyến rũ. Khi biết mình bị tình nhân bỏ rơi với chiếc bào thai ba tháng trong bụng, chị liền uống lọ xạ chồn hương để tống cái di tích cuộc tình oan nghiệt ra ngoài. Cơn đau quặn thắt ruột gan. Mồ hôi lạnh vả ra. Trong căn phòng trần trụi, chỉ có một chiếc giường sắt, chị lăn lộn rên siết. Ba má chị và bà ngoại chị thì ở Ngã Ba Trung Lương. Đây là căn nhà trọ tại xóm Bàn Cờ mà chị đã thuê để cùng ở chung với em Ngọc Nga. Nhưng giờ đây Ngọc Nga đã đi Lái Thiêu thăm người bạn cùng lớp vì hôm đó là chiều thứ bảy. Có lẽ chiều mai Ngọc Nga mới về. Cơn băng huyết tuôn ra như vắt khô cả sinh lực chị. Chị nằm bất động, đợi cái chết chầm chậm đến. Không hy vọng mảy may có ai đến cứu chị. Trong cơn kiệt quệ chị cầu nguyện

Đức Quán Thế Âm hãy ban bố cho chị một phút lâm chung bừng sáng để chị nghĩ đến đến cảnh giới trong sạch, một tâm hồn trong sạch, nhìn thấu suốt cơn ác mộng dàn trải suốt quãng đời tình ái ngắn ngủi của mình. Chị cầu mong, nếu đây là quả báo của cái nghiệp xấu, hãy để cho chị giờ đây chịu đau thêm, chịu lâu dài hơn, để nữa sạch cái mầm mống ác nghiệp, đừng để nó hiện hành ở kiếp sau...

Bỗng một bàn tay ấm áp sờ lên vầng trán giá lạnh của chị. Chị cố mở mắt ra thì gặp ông khách lạ. Mười năm qua có lẻ, nhưng ông ta không già chút nào. Vẫn cặp mắt từ ái của Đấng Cứu Rỗi, hay của Đấng Đại Bi. Vẫn mái tóc bồng bềnh như sóng và óng mượt như nhung che bớt đi vầng trán cao.

Ông khách nở một nụ cười thân ái:

— Tố Nga, em đau lắm phải không? Tôi đến đây để đưa em đi bác sĩ.

Trong một thoáng, chị nhớ lại buổi gặp gỡ bên ngôi hoang miếu và nhất là cơn chiêm bao hôm chị nằm trên bàn mổ. Chị nghẹn ngào:

— Ông đến đây muộn rồi, có phải? Em sắp chết đây. Giá hồi xưa, ông cứ để cho cái mụ trần truồng bắt em đi luôn.

Người khách lạ lấy khăn tay chặm nước mắt cho chị, mùi hương cay cay tỏa rộng, thơm ngát căn phòng. Ông ta an ủi:

— Không đâu Tố Nga. Em phải sống nốt cuộc đời của em. Mỗi một bước vấp ngã là một kinh nghiệm sống quý báu cho em. Đời em sẽ phong phú là nhờ những kinh nghiệm đã qua và những kinh nghiệm sắp tới em ạ.

Chị vẫn nhắm mắt lại, dòng lệ nóng trào ra hai khóe mắt và chị thiếp đi. Khi tỉnh dậy, chị thấy mình nằm trong bịnh viện tư của bác sĩ Ánh, một người quen biết nhiều về gia đình chị. Bác sĩ cho chị biết:

Tối hôm qua có một người đàn ông đưa cháu đến đây, xưng là chồng của cháu. Ông ta nói rõ nguồn cơn bệnh hoạn của cháu, rồi ông ta đi luôn tới nay. Hồi ông ta mới đưa cháu tới, có ghi tên tuổi, địa chỉ của ông ta ở quyển sổ. Vậy mà, sáng hôm qua lật quyển sổ xem lại, người thư ký tiếp tân chỉ thấy tên tuổi của cháu, còn tên tuổi của ông ta bay đi đâu mất. Trang giấy của quyển sổ vẫn nguyên hàng gạch, không có dấu vết bôi xóa. Tôi có kiểm điểm tiền bạc mà ông ta gửi cho tôi, thì vẫn là tiền thật.

Thế là chị thoát chết bởi cơn băng huyết. Từ đó, chị lao thân vào hố sâu trụy lạc, mất niềm tin, tâm hồn đầy bi quan, lòng tự ái bị tổn thương trầm trọng. Nhờ khôn ngoan và chịu khó quan sát mọi việc, trong ít lâu chị trở thành gái bao các tay doanh thương, các hạng quý tộc, trưởng giả. Chị nhìn đời qua khía cạnh lọc lừa,

không hề tin tưởng bất cứ giá trị đạo đức nào. Chị không trả thù cuộc đời, nhưng nhìn cuộc đời với sự thách thức hết sức hỗn láo, với tấm lòng kiêu hãnh vô biên. Ấy vậy, mà chị vẫn tạo cho mình một tủ sách, trong đó có một ngăn chất đầy kinh Phật. Mua sắm sách để làm dáng trí thức thôi, chứ ít khi chị xem qua. Nhưng một hôm, giở cuốn Kinh Duy Ma Cật, chị bắt gặp câu nói của Phất Sa Bồ Tát trong phần thứ 9 nói về Pháp Nhập Bất Nhị Pháp Môn: *Cái lành và cái chẳng lành là hai. Nếu lòng chẳng khởi việc lành, và việc chẳng lành, vào cõi không tưởng, thì thấu suốt các pháp. Thế là vào pháp môn mầu nhiệm có một chẳng hai.* Các em ạ, không hiểu tại sao trong đầu óc chị như chập chờn tia sáng. Còn một cái gì thao thức, toan hiểu lộ, lại tắt ngay. Chị rùng mình trong phút dao động chớp lóe trong tâm linh. Chị lấy giấy bút chép câu nói đó vào một mảnh giấy rồi nhét vào tập hồi ký, đúng ngay đoạn chị kể lại hôm lên bàn mổ, giấc chiêm bao mà chị đã gặp mụ già lõa thể và người đàn ông hiền từ. Và chị bỏ quên cuốn hồi ký vào ngăn chứa kinh sách mãi đến 10 năm sau, chị mới tìm lại nó.

Rồi một hôm chị gặp lại người khách lạ trong một hoàn cảnh lỡ khóc lỡ cười. Số là, chị bắt tình với một ông Trung Tá Phòng Chính Huấn của một quân đoàn. Cuộc dan díu vụng trộm kéo dài chừng một năm. Bà vợ của ông ta, sau thời gian phăng được tung tích của chị, cùng năm bảy mụ nặc nô tới tận tiệm mà chị thường lui tới để đánh ghen. Chị bị họ lột truồng và đánh đập tàn nhẫn. Chị ngã gục mê man. Trong cơn mê sảng, chị thấy lại mụ trần truồng trong cơn ác mộng năm xưa. Mụ từ đám lửa chạy ra, nghiến răng:

— Ngày xưa, tao bắt mày theo tao quá sớm. Bây giờ, tao gặp mày đúng lúc. Mày hãy nhìn vào đám lửa kia, sẽ thấy cái bản mặt hiện tại của mày.

Lửa từ phía sau lưng mụ hung ác, sáng như một tấm gương soi mặt, chiếu rõ khuôn mặt chị. Ôi, chị xanh xao mệt mỏi, mắt sâu hoắm, hung tợn, răng dài sắp biến thành nanh, vóc mình lõa lồ, héo hắt. Đây là hình ảnh của một kẻ tội lỗi. Ôi chị lạc đường tìm về hạnh phúc, đi sâu vào một tâm cảnh phiền não. Thôi, hãy chấp nhận lấy cái cảnh giới phừng phừng lửa cháy. Tâm đã bị thiêu đốt bởi lửa kiêu căng, phẫn nộ, thì cảnh giới lửa kia phải chăng là cảnh giới tương ứng. Tâm nào, cảnh ấy. Chị nghĩ thầm như thế và chỉ biết cầu xin Đức Quán Thế Âm giúp chị sự kham nhẫn, sự không biết khiếp sợ để nhận lãnh hình phạt kia.

Bên tai chị, tiếng mụ trần truồng the thé:

— Mày giống tao rồi, có phải? Tao đợi mày quá lâu. Chúng ta hãy vào đám lửa kia, mau!

Chị ngoan ngoãn theo mụ, và cầu nguyện Đức Quán Thế Âm.

Bỗng một bàn tay lôi chị ra xa đám lửa. Bàn tay mềm mát, chuyền cái hơi mát chạy khắp huyết quản, châu thân chị. Rồi bên tai chị văng vẳng một giọng nói dịu như dòng mật rót nhẹ vào ly:

Tố Nga, tôi đến giúp em đây. Tội nghiệp cho em. Em đã đi quá xa.

Chị tỉnh dậy. Đám đánh ghen đã đi đâu mất. Chỉ còn lại một đám đông hiếu kỳ đang nhìn chị diễu cợt và soi bói. Người khách lạ dìu chị vào xe, sau khi trao cho chị chiếc áo măng tô xám nhạt ngát hương cay nồng.

Trong xe taxi, chị khóc trên vai, "người bạn" của chị, cảm thấy cái đau đớn của thân xác và tâm hồn dịu lần... Chị năn nỉ:

Ông ạ, em muốn xa lánh thành phố này. Hoặc là ông cho em theo ông với. Hoặc là ông bằng lòng theo em.

Người khách lạ lắc đầu:

Chúng ta ở hai cảnh giới khác nhau, thì làm sao mà chúng ta đi chung với nhau một đường, hả Tố Nga? Nhưng tôi tin rằng khi rời xa thành phố này, em sẽ làm một cuộc hành hương.

Chị lại hỏi bằng một giọng hậm hực:

Ông ạ, mụ già kia là ai? Sao mụ cứ thù ghét, đeo đẳng em mãi? Thấy mặt mụ thôi, em đã lượm giọng.

Ông khách nhìn chị. Trong cặp mắt hiền từ bỗng lóe một chút ánh sáng hung ác, lạnh lùng. Nhưng chỉ một thoáng thôi, ông lấy lại vẻ bình thản, ánh mắt từ bi âu yếm, nụ cười bùi ngùi, man mác... Ông chậm rãi nói:

Tôi muốn em đừng thù ghét ai cả. Tại em thù ghét mới có mụ già kia. Tại em yêu thương cuộc đời, nhân loại từ bao kiếp trước hoặc ở kiếp này bằng cái tâm từ bi hỉ xả nên tôi mới đến em.

Khi tới nhà chị, ông khách hôn lên trán chị, âu yếm:

Tôi phải giã từ em tại nơi đây. Em nhớ đi bác sĩ và tịnh dưỡng một ít lâu nhé.

Chị ngập ngừng:

Cho... tới bây giờ, em vẫn... chưa biết ông là ai?

Tôi là bạn thân của em từ một thời xa lắm. Em không sao hiểu và tin những gì tôi kể được đâu.

Ông khách toan lui gót, chị vội níu chặt cánh tay ông ta lại:

Ông bạn yêu kính, ông không khuyên em thêm một điều gì sao?

Ông khách thoáng vẻ buồn rầu:

Em đã sống khá nhiều rồi. Kinh nghiệm mà em đã trải qua không hữu ích thiết thực cho em hơn là những lời khuyên nhủ suông trơn của tôi hay sao? Tuy nhiên, tôi đã viết cho em một bức cẩm nang và đút nó vào ngăn sách chứa kinh Phật. Em có thể tìm thấy nó và mở ra đọc liền khi nào em thấy cần.

Từ đó tới hôm qua, bẳng đi mười năm, chị không gặp người khách lạ nữa. Chị cũng không tìm ra bức cẩm nang của ông ta khi chị lục lọi ngăn sách chứa các quyển kinh Phật. Một hôm, chị thầm nghĩ rằng chắc là trong quyển kinh có những câu gì đó khả dĩ phù hợp với đời sống và những kinh nghiệm mà chị trải qua hoặc có liên quan gì đến ông khách hiền từ cùng mụ già hung ác. Chị lôi ra từng quyển đọc và chiêm nghiệm. Vì tò mò mà chị lần lần đi vào những quyển kinh Đại Thừa như Kim Cương, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm Duy Ma Cật, Pháp Bảo Đàn Kinh. Và chị lãnh hội ít nhiều về căn bản giáo lý của Phật. Sau cùng, chị tìm thấy tập hồi ký và mảnh giấy mà chị đã chép câu *Cái lành và cái chẳng lành là hai. Nếu lòng chẳng khởi việc lành và việc chẳng lành, vào cõi không tưởng thì thấu suốt các pháp. Thế là vào pháp môn mầu nhiệm có một không hai.*

Chị đọc lại đi đọc lại câu của Phất Sa Bồ Tát trong kinh Duy Ma Cật kia. Ôi câu nói như một vết kéo bén ngót cắt tấm màn tối đen đang bủa vây đầu óc chị, nhất là khi chị đọc thiên hồi ký thuật về cuộc gặp gỡ giữa ông khách và chị, và cuộc gặp gỡ giữa mụ già và chị.

Rồi chị mê đi. Trong cơn chiêm bao, chị thấy mình nằm lõa lồ trên một bãi sông ẩm bùn. Chung quanh chị là ánh trăng tái nhợt. Chị cố tìm một phương hướng để về nhà, hay đến chỗ nào có dân cư. Nhưng vô ích. Chung quanh chỉ có sự im lặng và mông lung... Bỗng một bàn tay khô héo kéo chị đến một bãi đất phẳng, khô ráo, ngào ngạt mùi hương cay cay. Mụ già hung ác và trần truồng đó. Chị kinh hoảng toan chạy trốn. Nhưng mụ giữ chị lại, lấy tấm vải trắng quấn chung quanh chị. Và thoắt một cái, tấm vải biến thành một chiếc áo sa ri mềm dịu, loại áo của phụ nữ Ấn Độ, đem lại cho chị một cảm giác êm dịu mà chị chưa từng gặp.

Mụ già buồn rầu bảo:

— Tôi đợi bà hoài. Nhưng tôi làm công chuyện Dã Tràng xe cát biển Đông. Bà và tôi cùng đi chung đường, nhưng bà còn có những lối rẽ. Hôm nay, tôi đến từ giã bà đây. Chúng ta vĩnh viễn không gặp nhau nữa... Chúc bà vui vẻ tiếp tục đi trên lối rẽ của bà.

Bây giờ mụ đã già lắm rồi. Thân thể mụ vẫn trần truồng, nhưng tóc mụ bạc đi nhiều, sáng trắng như tuyết băng che bớt chiếc ngực trần và một phần thân thể. Khuôn mặt mụ bớt vẻ hung ác, nhưng không sao có một dấu vết tĩnh lặng, vì cái nhìn của mụ hãy còn nung nấu thù hận và cặp môi mụ hãy còn chua chát như xưa.

Chị hỏi mụ:

Bà có biết ông khách lạ ở đâu không?

Mụ cười buồn. Chị nghĩ rằng mụ thù ghét ông ta nên không

dám hỏi thêm nữa. Nhưng chị chợt thấy, trời đất ơi, nụ cười mụ bỗng dưng biến đổi, giống nụ cười của người khách lạ, hai mép môi cong hình củ ấu không còn nữa. Đây là nét mỉm cười từ ái của Đấng Cứu Rỗi hay của Đấng Đại Bi. Mụ hỏi:

Có lẽ bà nghĩ lúc nào tôi cũng là kẻ bại trận của ông khách khi cả hai cùng đến với bà. Nhưng bà ạ, chắc bà còn nhớ câu nói của ông ta khi ông đến cứu bà trong trận đòn ghen chớ: (mụ lập lại bằng chính giọng nói êm dịu của mụ, và trời ơi, đây là giọng nói của ông khách) *Tôi muốn em đừng thù ghét ai cả. Tại em ghét nên mới có mụ già kia. Tại em yêu thương cuộc đời và nhân loại từ bao kiếp trước hoặc ở kiếp này bằng cái tâm từ bi hỉ xả nên tôi mới đến em.*

Thoắt một cái thân hình lõa lồ héo úa của mụ biến mất. Đây là thân hình tươi trẻ của người đàn ông, quấn chiếc khăn choàng-thân hình của ông khách. Mụ già nhắc nhở:

Tố Nga, chắc bà ngoại của bà có thuật lại lời mụ xác cốt của bà Chúa xứ lúc lên đồng thuở trước chứ: *Con nhỏ này căn tánh lộn lạo, tâm địa điên đảo. Bởi đó, cái "vong cô theo nó cũng phức tạp lắm. Vong cô đó khi thì ma khi thì Phật, lúc thương lúc ghét con nhỏ.*

Mụ cười the thé trước cặp mắt kinh ngạc của chị. Tiếng cười gay gắt bỗng chuyển dần ra êm dịu, và mái tóc bạc dài gần chấm gót của mụ biến thành mái tóc đàn ông đen mướt vẻ mặt hung ác và bất an của mụ biến thành khuôn mặt điển trai, hiền lành, khuôn mặt ông khách với ánh mắt âu yếm như ôm choàng cuộc đời.

Cứ thế, *ở một con người*, khi thì là hình tướng ông khách, khi thì hình tướng mụ già thay phiên nhau xuất hiện trước mắt chị. Và rồi "con người" có hai nhân dạng đó tan biến... Bên tai chị, tiếng ông khách văng vẳng lại, nhắc câu nói của Phất Sa Bồ Tát.

HỒ TRƯỜNG AN

Bác Sĩ HUỲNH HỮU CỬU
Diplomate, American Board of Ophthalmology
Trị bệnh mắt, Giải phẫu mắt, Làm kiếng, Soft Contact Lens
Làm việc theo hẹn
Nhận Medi-Cal và Bảo hiểm
9559 Bolsa Ave., Suite B, Westminster, CA 92683
(Góc Bushard, trên lầu Bolsa Mini Mall)
(714) 531-9401

Lê thị Hiền

Bãi cát vàng mộ ta

Ôi những ngày điên loạn
Ôi những ngày bão tố
Mặt trời vẫn chói chang
Soi cõi lòng sụp đổ !

Sóng vẫn sóng dạt dào
Những tiếng gào tuyệt vọng
Tận đáy biển ba đào
Ẩn trùng trùng dấy động

Mất bóng hàng thùy dương
Tang thương lều cỏ mộng
Chẳng còn một bóng cây
Gió lùa qua bãi trống

Chỉ còn trơ bờ vắng
Nước xanh mờ mịt trôi
Cuồng phong giờ đã lặng
Cuốn theo dấu chân người.

Thôi chim ơi đừng ghé
Nếu có lần bay qua
Bên đại dương buồn tẻ
Bãi cát vàng mộ ta.

Thắc mắc

Biển khơi nhớ sóng
Thuyền nhớ nước trôi
Hướng dương nhớ nắng
Đêm nhớ mặt trời

Vầng mây nhớ gió
Rừng nhớ giọng chim
Sương chiều nhớ cỏ
Anh còn nhớ em ?

Phạm văn Hải

Hạnh

Người đầu tiên tôi đã dành cho rất nhiều thiện cảm mà không hề biết là Hạnh. Hạnh thích hoa hồng. Nên đối với tôi, hoa hồng là hình ảnh của kỉ niệm. Một kỉ niệm không vui nhưng khó quên, pha thêm nỗi ân hận mà ngay tôi cũng không tha thứ cho tôi được.

Năm ấy, tôi mười ba. Con trai mười ba chưa biết gì; lại mới lên Hà-nội. Gia đình tôi ở thuê nhà Hạnh. Chúng tôi ở căn ngoài cùng của một tòa nhà dài hơn năm chục thước. Từ nhà tôi xuống nhà bếp, nhà tắm và nhà vệ sinh phải đi qua nhà Hạnh, một cái sân đầy hoa hồng và hai căn nhà nữa. Một căn của một gia đình đông con và một căn thay đổi người thuê luôn luôn.

Hạnh bằng tuổi tôi, nhưng khôn ngoan và có vẻ người lớn. Em tôi chơi thân với em gái của Hạnh. Từ ngày có mặt của tôi, tuy hai đứa vẫn còn chuyện trò với nhau, nhưng đã bớt dần đi. Còn tôi và Hạnh không bao giờ nói với nhau. Tôi muốn quen Hạnh lắm mà không biết bắt chuyện, không có dịp để nói. Đúng ra, tôi có rất nhiều dịp. Hai chị em Hạnh thường quấn quýt bên bố tôi; chạy ra chạy vào một ngày hai ba bận. Nhưng có cũng như không. Tôi ngờ nghệch quá.

Chiều chiều, Hạnh hay ra sân tưới hoa. Một cái sân nho nhỏ có chừng ba bốn chục gốc hồng, đủ loại, đủ mầu. Tôi biết giờ giấc của Hạnh nên thường kiếm cớ xuống nhà dưới.

Kể ra Hạnh không phải là người nhút nhát. Nàng chơi thân với đám nhà đông con; trai có, gái có. Chúng nó vui đùa với nhau ở ngoài sân, trên đường tôi qua lại.

Lâu dần, nhận ra mình là kẻ bị loại ra khỏi vòng, tôi đâm ra bực tức. Nhiều khi nghe Hạnh nói, tôi cũng khó chịu. Nghe ai khen Hạnh, tôi cũng thấy trái tai.

Một hôm, Hạnh đi chợ về. Cả nhà xúm lại khen. Nàng nói với bà nội:

Hôm nay, ở chợ có nhiều con gà ngon đáo để bà ạ.

Sao mà tôi ghét hai chữ "đáo để" đến thế. Mới nứt mắt mà đã ấy giọng người lớn. Từ đó, bất cứ ai dùng hai chữ ấy cũng bị tôi ghét lây. Tôi thâm-thù nó.

Ngày Tết, Hạnh cũng như mọi người, mải-mê chơi tam-cúc. Tôi nhất định không thèm nhìn. Có một bộ mới tinh, tôi cất đi. Đến khi bộ của Hạnh nát, bố tôi phải nói mãi tôi mới cho mượn.

Ở tình trạng căng thẳng như vậy mà Hạnh không biết. Nàng vẫn đùa nghịch với tụi nhà đông con, trước mắt tôi, ở giữa sân, trên con đường tôi xuống nhà dưới một ngày mấy bận. Thật chẳng khác gì gây sự với tôi.

Một buổi trưa, cũng như mọi buổi trưa khác, sau khi bố tôi đi làm, tôi đi qua sân. Lại vẫn tụi nhà đông con và Hạnh. Nhưng lần này, không biết con đường tôi đi có làm ngăn trở trò chơi của chúng nó không. Rõ ràng tôi nghe thấy có tiếng càu nhàu.

Lúc tôi trở lên có đứa nói đổng:

Cái mặt trông mà dễ ghét.

Kể ra chúng nó nói đúng. Cái mặt tôi dễ ghét thật. Vì dễ ghét mới bị Hạnh coi như không có. Nhưng nói mặt tôi dễ ghét thì tôi nổi cáu. Người tôi run lên. Càng run càng lắp bắp. Càng lắp bắp lại càng làm cho chúng nó lên nước để trêu tức tôi. Chúng nó hùa nhau vào chửi. Tức nhất là Hạnh, nói đã nhiều, lại còn làm ra vẻ chủ mưu.

Lời qua tiếng lại được một lúc, tôi chịu không nổi nữa. Tôi chỉ vào mặt Hạnh, nói dằn từng chữ:

Nếu mày nói nữa, tao lấy dao, tao rạch mặt mày ra.

Hạnh cũng chẳng vừa:

— Mặt tao đây. Mày rạch đi. Tao đố mày đấy. Mày không dám rạch thì mày là thằng hèn! Thằng hèn! Thằng hèn!

Cả đám cười rộ lên.

Người tôi đã dành cho bao nhiêu thiện cảm, lúc ấy, mới đáng ghét làm sao!

Tôi bỏ lên nhà, không nói thêm một lời.

Tôi phải trừng trị nó.

Mẹ tôi còn đang ngủ. Tôi len-lén vào chỗ cạo râu của bố, lấy một lưỡi dao cũ, nho nhỏ, hình chữ nhật, kẹp vào hai ngón tay trái.

Tôi trở ra sân.

Hạnh và đám nhà đông con vẫn còn ở đó. Tôi chưa hết run, nhưng cố lấy giọng bình tĩnh, hỏi nàng:

— Thế nào? Mày còn dám nói láo với tao nữa không?

Hạnh vẫn già mồm :

Tao sợ gì mày. Mày là cái thá gì mà tao phải sợ. Mày nói thì tao nói. Mày chửi thì tao chửi. Mày chửi một tao chửi mười. Tao

đâu chịu thua mày.

Đưa mặt mày ra đây.

Mặt tao đây.

Hạnh vênh mặt lên, đến gần tôi hơn :

Mày rạch đi.

Có ai ngờ thằng bé như tôi lại dám làm việc quái ác. Tôi đưa tay trái lên trán nàng, rạch nhẹ một cái.

Hạnh khóc rầm lên, chạy vội vào nhà. Cả đám sợ hãi, không dám kêu, không dám hét. Còn tôi lẳng lặng lên nhà, nằm ngủ, như mọi buổi trưa khác.

Nhưng tôi chỉ ngủ vờ. Làm sao tôi ngủ được. Vừa lo, vừa sợ, lại vừa ân hận. Tôi ước mong mọi việc đừng xảy ra. Tôi cầu xin Chúa cho khoảng thời gian đó không có trong đời tôi. Nếu tôi không xuống nhà dưới thì đâu đến nỗi. Nếu Hạnh không chửi tôi, không thách đố tôi, không vênh mặt lên lúc đến gần tôi thì đâu có chuyện. Tôi mong lưỡi dao chưa chạm vào trán Hạnh.

Có tiếng chân nhiều người đi ra ngoài đường, rồi im bặt. Tôi ngủ thiếp đi.

Hơn một giờ sau, mẹ Hạnh ra mách mẹ tôi:

Cậu con trai của bà rạch trán con Hạnh nhà tôi.

Đứa nào hả bà? Các cháu nhà tôi quý cô ấy lắm mà. Làm sao có chuyện đó được. Chắc có sự hiểu lầm gì chăng?

Chính cháu Hạnh nó bảo mà. Nó bảo cậu Văn cãi nhau với nó rồi rạch trán nó.

Thằng Văn nhà tôi nó ngủ từ trưa, có đi đâu đâu mà cãi nhau với cô Hạnh được. Nó vẫn còn nằm trên giường kia kìa.

Mẹ tôi gọi tôi dậy. Tôi nhận tội ngay.

Cả buổi chiều hôm đó, tôi bị đòn. Mẹ tôi dữ đòn lắm. Càng đau tôi lại càng oán Hạnh. Tôi không ân hận nữa. Tôi có làm gì trái đâu. Nó thách tôi thì tôi rạch. Tại sao nó thách tôi? Thách mà không dám làm là hèn. Chính nó bảo như vậy mà. Đời nào tôi để nó khinh là hèn.

Bà mẹ của Hạnh thấy tôi bị đòn đau nên cũng nguôi ngoai. Mấy người lớn bàn ra tán vào về hành động của tôi.

Cái thằng hiền như đất mà dám làm việc tày trời.

Càng hiền càng cục. Đố nó làm gì!

Cũng may cho con bé. Vết rạch ở dưới chân tóc nên cũng đỡ khổ cho đời nó. Nếu ở má thì còn chết nữa. Bà Cả bảo phải khâu tới ba mũi.

Từ hôm đó, đám nhà đông con thấy tôi không dám hó-hé nửa câu. Hạnh cũng không còn vui-đùa với chúng nó nữa.

Hành vi "hung cục" của tôi lâu dần cũng vào lãng quên. Nhiều lần thấy Hạnh, nhất là lúc tưới hoa, tôi cố nhìn vết sẹo mà không

thấy.

Một buổi sáng, sau một đêm mưa, trời trong và lành lạnh. Tôi ra bể nước, vừa đổ từng gáo vào chậu, vừa mê man ngắm mấy bông hồng in trên mặt nước còn đọng ở sân. Tôi nhớ những ngày muốn kết thân với Hạnh. Chợt có giọng nói nhẹ và ấm ở ngay bên tôi:

— Anh cho Hạnh một gáo nước.

Quay lại, tôi thấy Hạnh. Hạnh hiền, xinh và ngoan quá. Tôi rót mấy gáo cho nàng. Lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng tôi được nghe lời ngọt ngào và êm ái của Hạnh. Nếu lúc nào Hạnh cũng dễ thương như vậy thì làm gì có truyện cãi nhau, làm gì có truyện rạch trán.

Ngày gia đình tôi dọn đến nhà mới ở phố Mai-Hắc-Đế, Hạnh và cô em theo mẹ đến thăm. Tôi đi vẽ ở Voi-phục về, thấy nàng ngồi bên mẹ. Hạnh vẫn xinh và hiền như buổi sáng xin tôi mấy gáo nước mưa.

Những ngày ấy cách đây hơn ba mươi năm. Hơn ba mươi năm đã trôi qua. Hơn ba mươi năm không gặp Hạnh. Chắc nàng vẫn ở Hà nội. Còn tôi lưu lạc khắp nơi. Gần hai mươi năm ở Miền Nam. Mười lăm năm lang thang ở nước ngoài. Mỗi lần nhớ tới truyện xưa, tôi lại ân hận. Từ ngày khôn lớn, không đêm nào tôi không cầu nguyện cho nàng. Mấy lần nghe anh chị em họ của Hạnh ôn lại kỉ niệm cũ, không thấy ai nhắc đến vết sẹo trên trán nàng, tôi cũng yên tâm. Hi vọng vết sẹo ấy nhỏ, đã mờ đi.

Tháng 5, 1986
(Trong *Cánh hoa xưa*)
T.L. Phạm-văn-Hải

BÁC-SĨ NHA-KHOA
NGUYỄN D. LIÊN HƯƠNG, DDS.

9251 Bolsa Ave.
Westminster, CA. 92683

(714) 895-1264
Giờ làm việc: Thứ Hai - Thứ Bảy 10am - 7pm

— Khám răng định kỳ, làm sạch, trám và nhổ răng.
— Giải phẫu răng khôn mọc lệch, giải phẫu nướu răng.
— Nha khoa thẩm mỹ với phương pháp Bonding.
— Nha khoa nhi đồng - Kiên nhẫn với trẻ khó tính nhất.
— Ngăn ngừa và điều trị răng mọc lệch lạc, chỉnh hàm
— Răng giả các loại, gắn dính và tháo lắp - Bền và đẹp.

KINH NGHIỆM - TẬN TÂM - CHU ĐÁO
ỨNG DỤNG PHƯƠNG TIỆN VÀ KỸ THUẬT NHA KHOA MỚI NHẤT

Vũ Quỳnh Hương

Thư gửi người yêu cũ

Đã lâu rồi
Em không nhận được thư anh
Thư trong tù gửi ra ngoài đã khó
Huống hồ chi là gửi sang đây
Có gì cách trở hơn đôi bờ sinh tử
Hơn cánh thư bay qua bờ đại dương này
Anh không được phép thư từ
Hay mẹ không đủ tiền gửi đi
Khi cước phí mỗi lá lớn hơn tháng lương công nhân
Mà mẹ thì lấy gì để sống
Với những đồng bạc còm cõi như tấm lưng còng
Và người con trai hơn mười năm cải tạo
Tóc điểm mầu gần như tóc mẹ già
Lần thăm nuôi cuối cùng mẹ nhìn sờ sững
Nước mắt chảy xuôi có khi nào chảy ngược
Mà ngày này mẹ sửa soạn khóc con

Cũng lâu rồi
Em nhận ra mình ít nhiều đổi thay
Cuộc đời bắt đầu giống người ở đây
Sẵn sàng sống vội và sẵn sàng phụ rẫy
Rơi mất vào đám sa lầy
Như một hòn đá rơi
Em có thể kể gì hơn về một nơi
Giá bảo hiểm sinh mạng có thể hàng triệu đô la
Khi anh đang sống ở một nơi
Giá sinh mạng bằng chút cơm hay củ khoai hà
Thật ra đó đâu phải một nơi để sống
Vì nơi đó đâu phải trần gian

Cũng lâu rồi
Em chưa viết thư về nhà
Không lẽ nhắc hoài kỷ niệm đã qua
Hay kể ra nỗi nhọc nhằn bên trời vô định
Nghĩ cho cùng
Em cũng đâu cần thắp mãi ngọn lửa lung linh
Soi sáng tấm lòng em chung thủy
Chúng ta cũng đâu cần phải nói chia ly
Cho mỏi mệt tấm hình hài trơ lạnh
Vì hình như em cũng chẳng còn yêu anh
Đâu có mối tình cách trở nào dài như mộng cũ
Mà em yêu một cái gì thuộc về lịch sử
Cái tang lòng của thế hệ chúng ta
Đêm tối chập chờn tủi cực mắt lệ nhoà
Cơn mộng dữ dày vò chúng ta
Dòng hồng thủy chia cách chúng ta
Và cuộc chiến đấu trong riêng mỗi người
Để vươn lên khỏi vũng sa lầy
Chia thế giới ra đôi bờ xanh đỏ
Tội nghiệp em cưu mang mối tình nhọc khổ
Nghiêng lòng nghe tàn nhạt hết mùa xuân
Mà ngó lại cũng chẳng đáng chi cùng lịch sử
Ngày tháng vẫn trôi trên dòng nước lũ
Để anh sống như một nhân chứng bi thảm và kiêu hùng
Và để em thức dậy mỗi ngày
Mớ ngôn ngữ xa lạ sẵn sàng trên đầu lưỡi
Như con chim sống trong lồng son
Uốn lưỡi nói để được miếng cơm ngon
Ôi chim non mi có gì trong thanh quản
Mà tập tành ngôn ngữ trần gian

Ngày tháng sẽ trôi trên dòng nước lũ
Trên bề cao những đống hoang tàn
Ở nơi tầng cuối cùng địa ngục dương gian
Sống đi anh như một nhân chứng bi hùng
Gìn giữ nhân tính trước bầy thú dữ
Mối tình mười năm có đáng chi cùng lịch sử
Có chăng là cuộc chiến đấu trong từng mỗi chúng ta
Để vươn lên khỏi đôi vũng sa lầy
Chia thế giới ra đôi bờ xanh đỏ.

Lê Diệp Cẩm

Thằng cuội

*H*ầu như đa số các dân tộc trên quả địa cầu này đều có trong chuyện cổ tích của mình một nhân vật vô thưởng vô phạt, thậm chí còn vô tâm trước biến cố lớn của cuộc đời. Trong chuyện cổ tích của Việt Nam có thằng cuội. Trên mặt đất hay trên cung trăng nó vẫn là thằng cuội muôn thuở, bình tâm trước bao lo lắng của mọi người. Rảnh rỗi để đi lang thang, không có mặc cảm để được tự do yêu đương, ham muốn. Mình nghe nói thằng cuội nó dám "mê" chị Hằng.

Cái gì trên đời này không thật, không vững, không trọn vẹn người ta gắn cho chữ *thằng cuội*. Chữ *cuội* từ một danh từ riêng thành ra một tĩnh từ, đi sâu vào câu chữ hàng ngày của cuộc sống. Nhưng những gì lỗi hẹn, trái ngược, xoay chiều thì bị gắn chữ *cuội* với một thái độ bình an của người nói, ít khi chữ *cuội* mang nặng theo nó thái độ thù hằn. Nói để rồi quên. Không ai để tâm oán hận phong cách cuội, hứa hẹn cuội,... thằng cuội.

Từ ngàn xưa cho tới nay trong lịch sử Việt Nam đều có một thằng cuội hay nhiều thằng cuội trong mỗi thời đại. Nó không lên cung trăng với chị Hằng nhưng nó sống đường hoàng, thẳng lưng trong cuộc sống, trà trộn với mọi người. Có mặt trong bộ máy chính quyền, trong đảng phái, trong chính trị. Thằng cuội này nếu làm lỗi thì người đời còn tha, chứ làm tội thì người ta lấy ra bàn, ra xử, có thể là không được tha nếu tội nó nhiều hay cứ cố tình lập đi lập lại các thói hư tật xấu. Còn có một trường hợp khác mà người ta không thể tha thứ cho nó được là nó rất thành tâm, rất vô tình dắt thiên hạ tới chỗ tai họa, dắt dân tộc tới chốn điêu linh. Phải nói cho rõ hết các trường hợp này để thấy hết cái phức tạp của cuộc đời; thấy rõ hơn cái tai ương mà dân tộc Việt Nam đang gánh, đang chịu.

Vậy ở Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay có thằng cuội không? Nếu có, chỉ có một thằng, mười thằng, một trăm

thằng, một ngàn thằng hay có thể hàng triệu thằng cuội? Cũng có thể... trời ơi mới nghĩ đến mà thấy da tóc rợn lên !

Từ xưa tới nay người ta than trách thằng cuội vì trước hết nó là một người dường như không có một ý thức rõ ràng về trách nhiệm đối với bản thân nó, cũng như đối với tập thể. Không có ý thức rõ ràng về trách nhiệm khác với thái độ vô trách nhiệm. Cái thứ nhất là thờ ơ vô tâm, cứ mắt nhắm mắt mở, còn thái độ thứ nhì là cố tình, hiểu chiến lược, có chiến thuật. Hai cái trên tuy khác nhau nhưng chúng ta tạm gọi cả hai là *cuội tính* số một của thời đại xã hội chủ nghĩa hiện nay của Việt Nam, thì ta thấy gì? Thấy là con người Việt Nam bây giờ trên xứ sở, đại đa số, hay một phần trăm rất lớn nếu nói theo kiểu dân khẩu học, đã chọn thái độ không trách nhiệm, có khi vì chán chường cho hiện tại và tương lai của đất nước nếu là người thiết tha với tiền đồ dân tộc. Nhưng cũng có thể có thái độ cuội vì cố tình vô trách nhiệm để được hưởng bổng lộc lâu dài. Mơ màng kiểu thằng cuội dễ dàng hơn là tranh đấu cho công quyền, cho lẽ phải. Mười năm qua trong kinh tế cũng như chính trị, trong xã hội cũng như văn hóa, cán bộ công chức chọn thái độ cuội cũng dễ hiểu, vì bản chất của nó đã xấu rồi thì xoay đi, sửa lại, rờ vào càng làm cho nó xấu thêm chứ chẳng mang lại được lợi ích gì. Tội gì mà lo cho nó.

Cuội tính thứ hai trong chế độ Việt Nam bây giờ là tà tà, càng tà tà thì tuổi thọ càng cao, kẻ thù càng ít. Cấp trên càng ít lo sợ về mình thì càng "thương yêu" mình hơn. Tà tà là không cần năng suất, tà tà là ăn tạm ở nhờ. Kỳ lạ ghê! Có một cuộc "cách mạng đổi đời", gầy dựng "một thiên đàng" cho dân tộc mà tại sao đồng bào mình lại có thái độ kiểu cuội là ăn tạm ở nhờ. Đâu đâu cũng nghe tính chuyện vượt biên, vượt biển. Triệu triệu người tính chuyện đi. Chưa đi thì tạm thời tà tà, lang thang trên quê hương. Quê hương của mình mà sao mình thấy lạc lõng. Tà tà nhưng không thấy thoải mái, lang thang nhưng không thấy vui. Tà tà và buồn vô hạn. Nếu cả một dân tộc tính chuyện đi hết chỉ còn lại chế độ thôi, thì tự nó sẽ sụp đổ vì không ai làm cho nó ăn. Còn nếu dân tộc này bị kiềm kẹp không thể đi hết được, mà cứ tà tà không đủ sức vùng lên thì thật là kinh hoàng, vì vĩnh viễn phải thở khò khè, tha hóa hơn cả thằng cuội chính cống. Cuội tính thứ hai như một ngọn đèn biển mờ nhạt trong đêm khuya, sương mù bóng tối bao la.

Đến cuội tính thứ ba thì mức độ ghê rợn vẫn đầy, chính người viết những dòng này cũng bị rùng mình: là ngồi nhiều hơn đi, nằm nhiều hơn làm, mơ nhiều hơn suy tính. Đây thì đúng là cuội rồi. Nhưng cuội tính này trong hoàn cảnh Việt Nam hiện nay làm cho mọi định nghĩa về khoái lạc cũng như đau khổ, về nhân tính cũng như thú tính, về yêu thương cũng như hận thù đều bị thay đổi,

hoán ngôi. Đấy! Cộng sản lúc mang ra thi hành thì như thế. Hậu quả của nó ai không lường được? Đây là tội chứ đâu phải là lỗi. Trời ơi trong chế độ này dân tộc tôi bị dìm, một cách tàn nhẫn và tinh vi, xuống thấp như vậy sao! Còn những người ở ngoại quốc càng xa khoảng cách, càng xa những ràng buộc về tình nghĩa đồng bào, càng không có ý niệm về những cuội tính mới của dân tộc mình. Rồi thì chúng ta cũng trở thành cuội hay sao; một loại cuội mới: cuội lưu vong, chỉ biết sống cùng quá khứ của mình với quê hương và hiện tại cơm áo với lưu đày.

Cuội ơi! Mày là một phần lịch sử của dân tộc tao. Ông cha tao có công giữ nước nhưng cũng để mất nước như chơi. Mầy là một phần máu, óc, thân thể của tao, biết yêu đồng bào buồn cho số phận dân tộc, nhưng cũng biết ích kỷ tà tà để tận hưởng. Đam mê một sự bình an, lắng đọng của kiếp lưu vong.

Cuội ơi! Mày định theo tao suốt đời sao? Nửa đêm tao bàng hoàng thức giấc, đầu ẩm mồ hôi, tóc thêm vài sợi bạc, nhất định không chịu làm kiếp cuội... rồi một mình giữa đêm tối lại thở dài, bất lực, thở dài cho sự cô độc... rồi lại nhắm mắt ngủ... để trở lại thành cuội.

Trời ơi tôi sợ quá! Tôi muốn nói với mọi người là tôi sống trong nỗi kinh hoàng hàng ngày vì thấy trên quê hương, trong thân thể tôi thằng cuội đang xâm chiếm từng xóm, từng vùng, từng tế bào của tôi. Tôi muốn nói với bè bạn của tôi là tôi sợ, nếu tôi có thành cuội các anh hãy xử tội tôi... nhè nhẹ thôi. Vì tôi một thân một mình, tôi đâu biết phải làm gì?

Cả ngày hôm nay tôi ngồi để bị sự sợ hãi trừng phạt chớ đâu có tà tà kiểu thằng cuội. Và đây là những dòng cuối mà tôi vẫn còn run sợ. Tay tôi run, ngực tôi nóng, đầu đổ mồ hôi. Cuội ngày nay khác cuội ngày xưa, cuội thuở nào, vì nó biết lưu vong hàng chục ngàn cây số. Ngồi hay nằm, đi hay chạy đều bị sự kinh hoàng đè lên ngực, lên vai. Cứ như bị chìm, hay ngột thở. Còn thì giờ, tinh thần đâu mà ngắm cung trăng, yêu chị Hằng, chiêm ngưỡng vũ trụ một cách thảnh thơi...

Paris tháng 5.86

Lê Diệp Cẩm

Hàn Song Tường

Trong cơn lốc vỡ

Ta cứ tưởng lòng người như biển
như rừng xanh như núi nguyên khai
như một giây nhìn ta kỳ lạ
Đêm không cùng hiu hắt tầm tay

Ta cứ tưởng gió miền quê cũ
Đam mê hơn đất khách quê người
Ta cứ tưởng mười năm quá đủ
Cho đời ta chút ít nhỏ nhoi

Nắng hãy sáng đêm hãy đen như mực
Ta chỉ còn ta trong bóng chập chùng
Một sớm mai hồng, thân cô thế lỡ
Tình bọt bèo chợt đổ xuống dòng sông

Sông thủy tinh như cuộc đời lấp lánh
Điệu ca nào người vẫn hát ta nghe
Ngày chợt dại đi theo người từng bước
Can đảm nào bằng bức tử cơn mê

Gió vẫn đến và dòng sông vẫn khóc
Tóc ta bơi theo rong nước sinh tồn
Nhớ một chiều giữa trời xưa lồng lộng
Người chợt buồn cho tiếc trắng mùa xuân

Cuộc tình xoay trong cơn lốc vỡ
Nhan sắc chìm ẩn hiện bao dung
Ta tha thứ hiểu người như ác mộng
Kiêu hãnh trong ta nhân ái muôn trùng.

Hồ Đình Nghiêm

Ảo mộng

*N*ăm bảy hai, mấy ông anh của Thiên quyết định khai tử hắn. Một ông làm Đại tá từ Sư đoàn I mới thấm mệt chiến trận về. Một ông Trung tá tiếp vận làm ở sư đoàn II đóng ở Quảng Ngãi trở ra và một ông nữa, Thiếu tá Cảnh sát đặc biệt hình sự ở địa phương. Đà nẵng bấy giờ không khí cũng sôi động lắm. Ban đêm vẫn thỉnh thoảng có hai ba cú pháo kích xuống phi trường làm dân lân cận ở Hòa-vang, Thanh khê hay xa hơn, khu Thanh bình, cũng có khi náo loạn oan uổng ăn pháo một trăm ba mươi.

Không rõ có phải vì kinh nghiệm bản thân kinh nghiệm chiến trường, vì thời cuộc nhiễu nhương hay vì lý do nào khác ngoài tình huynh đệ, ba ông anh Thiên đi tới kết luận trên và mọi việc giao khoán cho ông Thiếu tá Cảnh sát có đủ thẩm quyền và năng khiếu hơn ra tay. Thiên vừa rớt tú tài, hắn đổ lỗi cho máy chấm ẩu tả IBM mới thí nghiệm năm nay để trả lời nỗi âu lo của cả nhà. Vậy là mày phải đi lính, mà là lính cánh gà.

Ông Cảnh sát chen vô: Thì có chi, anh kéo nó về làm tài xế cho anh, khỏi phải phơi thây chiến địa.

Mọi người cũng chưa ổn giải pháp đó trong khi Thiên lặng yên giao phứt cuộc đời mình cho mấy ông anh tùy nghi xử dụng, tựa như cái đề truyện Quỳnh Dao trên tay cầm nâng niu: trôi theo giòng đời.

Ông Đại tá có hàm râu kẽm trên môi gần hắn: Mi ham mê tiểu thuyết như vậy bảo sao không hỏng.

Ông Trung tá nhìn cái đồng hồ Seiko trên tay đeo mới nhờ thằng Sì-mít cố-vấn mua ở P.X. ra: "Chuyện này cấp bách không thể dằng dai nữa, hắn vô Quang trung Đồng đế thì khó gỡ đó..." Rồi bỗng dưng ông Đại tá đập tay xuống bàn, "i-đê" nảy ra cái vụt như quen sáng tạo những cú hành quân chớp nhoáng: Giao hắn cho thằng Thiếu sụt tuổi đổi tên.

Thiếu, mặc đồ thường phục. Áo pô-lô con cá sấu bỏ ngoài quần jean, nơi thắt lưng cộm chó lửa 38. Điếu Salem đốt lên, mùi bạc hà phảng phất, viên Thiếu tá Cảnh sát ra chiều suy tính. Thiên không hiểu anh mình đang nghĩ chi, dòm vô mắt thì không được vì cái rây-băng đen thui che khuất.

Thiếu sửa gọng kính: Cũng dễ thôi. Từ nay coi như mi chết rồi. Mi là em thằng Thiên học xa mới về.

Giọng ông Trung tá tiếp vận tiếp theo: Như vậy là ổn, mi ưa tên chi thì nói anh Thiếu mi để vô khai sinh.

Thiên nhớ người yêu mình. Thiên nhớ cái tên nàng thích khi mơ màng một ngày nào đó trời cho có đứa con trai. Nhất. Thiên buột miệng và hắn giải thích lời của người yêu cho ba anh mình. Nhất là một là không trước không sau là thủy chung là... là.. num-bơ-oan. Một hai cái đầu gật gù, nhưng anh Thiếu đứng lên: "Mi lộn xộn bỏ mẹ. Ba Mẹ đặt tên Thiên cho mi cũng có lý do, giờ bất đắc dĩ phải thay đi thì để cho khỏi quên tên cũ mình chỉ việc thêm dấu sắc huyền hỏi ngã vô thôi. Thiền Thiện Thiễn Thiến." Bốn tên mới, trôi qua trong đầu môi người.

Ông Đại tá cười hề hề: "Mi lấy tên Thiến đi Thiên. Mi coi như đã chết rồi thì làm Thái giám cũng thơm chán." Ông Cảnh sát quay mặt lại Thiên: "Mi làm khổ mấy anh mi quá rồi, giờ thì mang tên Thiện để mà tu tâm dưỡng tánh là hay lắm. Mi đừng tưởng mấy anh mi sĩ quan cở này là ngon lành muốn chi được nấy đâu. Từ nay cố mà làm lại cuộc đời đi. Tau cho mi trẻ lại ba tuổi để học trụt lại vài năm cho có thêm căn bản, bỏ mấy cái vụ bồ bịch lung tung đi. Không có tau đời mi như đi đứt kiếp tân binh..."

Thiên cúi đầu. Chả cũng có lý. Cực đâu chưa thấy nhưng xa em Mộng thì xót ruột thiệt. Em Mộng lớp mười một trường nữ. Em Mộng ngực đầy đẩy bảng tên thêu trên áo ra trước khiêu khích cái tên hay: Lê trường Ảo Mộng...

— "Bây giờ đến lượt cho mi chọn, ra Huế học với anh Đại hay vô Quảng Ngãi học với anh Trung. Ở đây với tau thì không nên nữa. Thiệt may, có hai anh ghé chơi mới tính ra chuyện này."

Thiên nghĩ: Nữa. Lại phải ra đi sao?

Anh Đại lên tiếng: Thằng Thiếu nói đúng, tau không ngại nuôi hắn ăn học nhưng bây cũng biết tình hình ngoài nớ rắc rối bỏ mẹ. Mi tính sao? Trung, Quảng Ngãi hiền lành hơn e tiện cho hắn tu tâm học hành. Có mẹ ở ngoài, cưng chìu hắn thêm hư hỏng.

Anh Trung "chĩa" một điếu Salem của anh Thiếu rồi mở Zippo ra cái cóc, bật lửa. Máy quạt Sanyo nơi bàn số ba thổi tới không hề hắn chi việc đốt thuốc anh Trung. Mùi xăng thơm nồng lên mũi. Cũng được, đợi thằng Thiếu làm giấy khai sinh xong tau kéo mi đi. Tay hiệu trưởng trong đó thường được tau cho gỗ cho

xăng chứ cũng dễ ăn dễ nói.

Anh Đại tới vỗ vai Thiên: Gắng thành tài nghe em, phải bác sĩ kỹ sư chứ đừng theo binh nghiệp như tụi tau nữa. Mẹ ăn chay trường tối ngày kinh kệ thấy tội cho bã quá.

Anh Trung đứng lên: Thôi đi, thôi đi. Dẹp vụ đó qua. Thiếu, sao không dắt tụi tau nhậu nhẹt một chầu Đà thành. Cả mấy người đồng loạt đứng lên. Ngoài sân nắng hai ba chiếc xe Jeep nhà binh cần ăn-ten cao vút đậu ngổn ngang. Mi có đi không Thiên.

Anh Thiếu gạt: Con nít, anh lại tập hư cho nó nữa. Mi ở nhà chuẩn bị mấy thứ cần thiết trước đi. Không chừng mai mốt là dọt rồi.

Thiên đứng lại nơi cửa lưới, hậm hực với ý tưởng bị mấy anh xem là trẻ con. Hắn chửi thề trong bụng. Trẻ con mà cũng bị động viên sao? Thiên nhớ Ảo Mộng. Luôn luôn Mộng vẫn coi Thiên là người đàn ông sành rõi cuộc đời. Nghĩ tới đó, hắn bớt buồn lo chuyện khai sinh khai tử.

*
* *

Cả hai vật xuống giường. Tiếng Mộng ngắt quãng: Đừng anh... đừng nữa anh... Thiên hung hăng như con thú không có trí óc phán đoán. Hoặc có thì ý nghĩ lại quá ma mãnh tinh khôn. Em muốn anh đi lính à. Em không thương, anh đầu quân liền chứ cho khuất mắt.

Ít ra thì chuyện đi lính cũng có hiệu lực để đem ra hù Mộng. Mộng tuyệt không muốn rời Thiên. Yêu thành thật Thiên? Câu hỏi đó, Mộng chưa bao giờ có sẵn lối trả lời. Thiên bình thường và con nít dưới cái nhìn hay so sánh của Mộng. Thiên không biết nhảy đầm trong mấy cái "pạt-ty" bạn nàng thường mở. Thiên cù lần chẳng có tóc "bí tầu" với áo quần "à la mốt" mỗi chiều phóng Honda mang nàng tới Cafeteria hoặc quán Lộng ngọc, hay buổi tối uống nước dừa bên bờ Bạch đằng gần mấy sân quần vợt... Thiên chỉ có duy nhất cái quan trọng mà cả nhà Mộng muốn núp bóng: uy lực của anh Thiếu. Đã hơn một lần thành công, chuyện Mộng nhờ Thiên nói anh Thiếu đem bà già Mộng vào làm sở Mỹ. Lần này, Mộng còn anh Vân đang tuổi trốn lính tối ngày quanh quẩn mấy bàn bi-da, nguy hiểm. Mộng còn chị Lệ không biết có phải bị oan, đang giữ thẩm vấn vì tội me Mỹ có xài cần-sa. Mình chưa nhờ vả, nói ra hắn lại tham ăn trước của quý làm bùa dụ khị.

Thiên run rẩy gỡ những hạt nút áo. Da thịt Mộng thơm ngát và rất "ảo mộng" dưới mắt Thiên. Tui mà con nít? Thiên thở hào hển bên tai Mộng với tất cả những cơn say mới lạ. Mình sắp xa cổ rồi, không hưởng bây giờ thì còn khi mô? Vô tuốt Quảng ngãi để tu

thân làm "Thiện" thì em Mộng có chắp cánh cũng không tìm ra. Cứ "Ác" một lần rồi hối cải sau...

Ban đầu Mộng kháng cự vì những toan tính trong đầu chưa kịp đem ra trả giá lỗ lời — có ngờ đâu lửa tình kỳ lạ đốt cháy mình luôn làm xuôi xị châu thân rồi mở rộng hết mọi cảm quan đón nhận. Mộng lắp bắp hít hà... Anh đừng phụ bạc tui nghe anh Thiên. Hoàng thiên hữu nhãn đó. Hai người không còn hay biết gì nữa trên tấm nệm êm dầy mà má Mộng khổ cực lắm mới đem về, qua mặt hai thằng MP đen thui gác cửa. Tiếng xé gió thẳng thốt của chiếc phản lực cơ bay sát hướng về phi trường không làm họ phân tâm. Thiên đổ mồ hôi, trời Đà nẵng đứng gió tàn nhẫn. Tấm hình trang giữa Playboy treo trên tường nhìn xuống mỉm cười nụ lẳng. Thiên nhớ anh Đại đùa: mi mang tên Thiến đi. Mèn đét ơi, thiệt ngu bỏ mẹ mấy chả thái giám. Ôi! Cái thời buổi loạn ly ni cũng còn cho tui chút khoái lạc cuộc đời. Chừ đừng nói là Quảng Ngãi, biểu tui trốn vô U minh Đồng tháp tui cũng đi ngay. Phải không Mộng? Mộng ôm cứng Thiên bằng những móng nhọn có bôi son hồng. Hai làn da nhầy nhụa ép chặt làm thích thú khoái cảm chẳng có lối thoát. Hử. Anh mới nói cái chi?

*
* *

Rồi Thiên trước bảy hai hoặc Thiện từ hè bảy hai trở đi lại thêm một lần khai tử cái tên cha mẹ anh em khổ công tìm đặt mang nhiều ý nghĩa suy cứu trong tự điển Hán Việt. Năm bảy chín, một cái tên mới không có trong tự điển nhào ra và lần này chính mình quan trọng khai sinh mà cần quái chi điển tích với ý nghĩa cầu kỳ. Tô-ny. Miễn cũng còn dính tới vần T và khi phát âm nghe tròn trịa dễ thương trong lỗ tai là được rồi. Thiện lạc loài tới đảo bằng vốn liếng một đời dành dụm của bà mẹ suốt đời tụng Phật ăn chay lo cho vận mạng của mấy đứa con. Quả báo, nếu có như kinh sách của Phật, thì sự ăn hiền ở lành của mẹ chỉ giúp được cho đứa con út. Anh Trung đi năm bảy lăm theo ông Sì-mít cố vấn thì xem như không kể. Anh Đại bị nhốt ngoài Bắc học tập thì vô phương cứu chữa .Anh Thiếu tội càng nặng hơn khi có lần vượt ngục bị phát giác và nghe đâu ngắc ngoải gần chết tới nơi ở một địa danh chưa từng thấy nghe qua trên bản đồ hình chữ S. Vậy thì hồng phúc chỉ chính thức kéo lôi duy nhất được Thiện ra khỏi chữ S tăm tối đó để trở thành Tô-ny sáng trưng đang tìm một đất nước có hình dáng tương tự trong hai mươi ba mẫu tự còn lại khác, định cư. Để làm lại cuộc đời sau hơn ba lần đã... Rồi tình cờ Tô-ny bắt được liên lạc với anh Trung. Rồi duyên số làm hai anh em mừng mừng tủi tủi dòm mặt nhau nghe kỷ niệm cũ ràn rụa trở về trên đất Mỹ. Lỗi tại

ai? Cả nhà có nghe tau đâu. Mà sao giấy tờ đoàn tụ tau gửi về không thấy ư hử? Mẹ nào có thích đi, bả nói đông đủ thì kể, giờ phân tán hết thà chôn thây quê nhà vẫn hơn...

Rồi Tô-ny làm thân trâu ngựa. Vật chất trước mắt hay bản tính vốn ngại ngùng sách vở làm cậu Thiện ngày nào trở nên lỗ mãng sừng sộ khi nghe ông anh nhỏ nhẹ rằng mi phải đi học, một đứa đi cày đã đủ lắm rồi.

Đời tui khổ cực nhiều, phải cho tui hưởng thụ chút chớ. Anh không thấy hình hài tui đây sao. Anh Trung sững mặt nhìn cậu em đổi thay từ trong ra ngoài, không nói. Tuổi tác và đời sống trước mặt làm anh có thói quen giữ anh lại trong nỗi trầm tĩnh thường ngày. Ừ mà lạ thiệt chỉ trải qua có bốn năm dưới chế độ bên nhà mà hắn ốm nhom, thêm thay vết sẹo nơi khuôn mặt làm Thiên không nhìn ra Thiên, Thiện không giống là Thiện. Thấy anh mình coi bộ ngẩn người lung lay, Tô-ny bồi thêm. Em lớn rồi, phải lập thân mà, không thể làm phiền đến anh nữa. Ở đây chứ bộ Quảng Ngãi khi xưa sao. Em cũng mất kiên nhẫn cắp sách đến trường rồi. Nói xong hắn giải thích vết sẹo cho anh mình hay. Chỉ là tai nạn trong một tháng công tác thủy lợi. Vết thương cứ ung mủ hoài nên tụi nó cho về nhà thương may chỉ. Ở cái họa tìm ra cái hên, nhờ thế mà có ngày gặp anh đây chứ.

Vốn liếng Anh-văn của mấy năm lận đận bậc trung học cọng với tính phóng khoáng chịu chơi của thằng Mai-cô em ông Sì-mít làm Tô-ny càng lúc càng sành sõi giữa đời sống mới. Hắn yêu thiết tha lắm đối đời này, hắn hài lòng cái tên rất ư "văn minh" của mình và vô tình chính điều này đẩy rộng ra khoảng cách giữa hắn với anh Trung. Thế hệ của ổng thật lạc hậu. Ổng sống trước hiện tiền mà mãi ôm nặng cái quá khứ của ổng làm gì? Mít-tơ Thiện có bận tâm cỡ đó không cà. Ôi dà! tui chúa ghét chính trị viễn vông. Đời sống chưa bao giờ mở ra mát-xi-mum như vậy thì tội gì không nhào vô hưởng thụ nhỉ? Và Tô-ny nhào vô lút cán. Thằng Mai-cô mang tư tưởng vĩ đại ấy còn nặng hơn Tô-ny một bậc, hoặc chính hắn đã gieo hạt mầm vào vùng đất chưa bao giờ gặp bão cát nặng nề của Tô-ny làm tốt tươi cây trái. Thứ cây trái mà biết bao phụ huynh không dám vọng động sợ nó thối vữa ra hoặc chai sạn trái mùa héo hon. Mai-cô chẳng biết làm đổ bể vụ gì đem ý định sang một tiểu bang khác làm việc nói với Tô-ny: "Tau chán ở đây chung đụng với ảnh. Tau muốn độc lập ở một chốn khác, mi hiểu không? Sự lên đường này tau ưa có mi cùng theo." Tô-ny chưa trả lời bạn. Hắn tuy không mấy ưa người anh mình nhưng tình anh em chưa có gì phải rạn vỡ để làm cuộc giang hồ. Chút gì rất Việt nam còn sót lại và cái này soi rõ trong hắn một điều: sống nương tựa với anh Trung vẫn có những giây phút ấm cúng tình người... Đêm ấy Mai-

cô lái xe tới rủ Tô-ny: "Mai tau đi, mi quyết định chưa?"

Cái giếp không thơm ở đây chưa hẳn là sự kiện đẩy Tô-ny rời ra. Hắn ngồi thử trên ghế nghe nhạc trong xe xoắn lên, hối hả. Mai-cô lao xe và dừng lại trước đèn đỏ bằng những tiếng rít khét lẹt mùi vỏ xe bỏng cháy. Gió đêm lồng vô mát rượi không cho Tô-ny chút tỉnh táo để trả lời những hình ảnh Mai-cô nói ra có đầy hấp lực quyến dụ: "Thôi được, mi phải trả lời thẳn thắn sau khi đến chỗ này." Hắn đưa cặp mắt xanh ranh mãnh nhìn sang Tô-ny mở một nụ cười khoái trá. "Hắn mi phải ngạc nhiên lắm vì ở đó có hai chị em tóc đen như mi." Hắn nhìn trong gương chiếu hậu vuốt vuốt mái tóc vàng bồng bềnh trôi trước trán, miệng trệu trạo thỏi cao su hồi lâu chưa thấy nhổ. "Có bao giờ mi làm tình mấy cô tóc vàng tụi tau chưa? Đồng hương và ngoại quốc cảm tưởng mi cho loại nào hơn?" Tô-ny chưa kịp so sánh xe đã phanh chúi mũi trước dãy hàng rào gỗ trắng, đèn xe rọi một khoảng sân cỏ lác đác ít đồ chơi trẻ con. Thoảng trong gió, mùi gì đó quen thuộc rất quê hương bay lại. Tô-ny tạm thời chưa nhớ ra. Có thể mùi ngũ vị hương, bún bò, bánh cuốn, hủ tiếu, xá-xíu hay nước dùng phở... đã lâu hắn chưa có điều kiện thưởng thức. Ham-bua-gơ, hót đót, khoai tây chiên hay xăn-uých vây hắn ngày hai buổi nơi chỗ làm đẩy hắn vào u-mê khi cố nhớ lại mùi vị thật riêng biệt của từng món quốc hồn quốc túy ở ba miền... Mai-cô đẩy hắn vô nhà khi cửa mở. Một cô-gái-tóc-đen-thiệt-tình ôm Mai-cô hôn nơi cửa mới đóng, líu lo tiếng Mỹ. Mai-cô giới thiệu: "Tô-ny, một người Việt nam trăm phần trăm." Cô gái không tỏ bẻn lẻn chìa tay bắt và giọng Quảng Nam, nhẹ hơn đôi phần. Chào anh. Một cô gái đầy đủ nhan sắc nếu không muốn nói biu-tiu-fun. Tô-ny nghĩ thầm. Mai-cô kề tai: "Nó là chị, phần tau. Mi cứ chờ đây." Hắn ôm eo cô gái đồng hương của Tô-ny đi khuất sau cánh cửa. Rồi cô em chắc thế hiện ra ở một cửa khác. Tô-ny đứng giữa phòng khách, trước mặt lối đi nhỏ chận bít bằng cái bệ i-nốc rửa chén bát. Gần đó cái bếp điện tuy đã nguội lạnh ngơi nghỉ cũng đưa lại cái mùi thơm hồi nãy. Một tiếng "Hai" phát ra kéo Tô-ny quay qua. Hắn thấy cô gái thoáng sững một giây. Tôi người Việt. Đèn không sáng ở động hoa nên Tô-ny chẳng biết cô gái có hề hấn đỏ mặt không? Một phần son phấn dầy dặn trên mặt cổ sẽ giúp chủ nhân giấu đi đôi chút mắc cở, nếu có. Và Tô-ny hy vọng thế... Không có chi rườm lời và đúng với phương thức làm ăn, cô gái tới ôm Tô-ny lôi vào cánh cửa cô vừa mở.

Trong phút chốc Tô-ny sực nhớ ra khi cửa phòng đóng lại nhốt cái mùi đặt thù có ngoài bếp. Nhà mới dùng phở, sao thơm quá. Đâu có, tụi này mới ăn hoành-thánh mì. Đến phiên mình đỏ mặt. Tô-ny đứng xớ rớ nhìn sự trần thiết của căn phòng ủ nhiều

bóng tối. Mùi hoành-thánh mì chết lịm thèm thuồng trong cổ Tô-ny để mũi hắn đón đầy hương hoa của người kỷ nữ ứ dâng ngạt thở giữa mọi đồ vật. Cô gái cởi áo quần rồi phụ hắn làm công việc ấy. Giá cả ngượng ngịu nói ra. Tiếng Mỹ có tiếng Việt có chen lẫn vật lộn nhau trên miệng. Rồi giường gối lao đao. Tiền bạc lao tâm lao lực cũng tan biến cho phút giây phù du vân ảnh. Cô gái ngồi dậy với tay thắp thuốc, Tô-ny nhìn thấy những móng tay sơn hồng, đầu lửa đỏ và khói quyện dật dờ, dật dờ... Tô-ny nói: "Lâu lắm tôi mới có dịp kề cận người đồng hương. Tôi thèm nghe tiếng Việt. Cô kể chuyện đi. Tôi không biết kể chuyện." Hơi thuốc phả ra lăng đăng trên gương mặt nằm nghiêng của cô gái. Tô-ny thấy cô ta có những nét quen thuộc nào đó mà trí nhớ hỗn độn không tìm nhận ra hoặc nếu có e sẽ lầm lẫn như khứu giác đánh hơi vừa rồi. Cô tên chi? Ruy-ly. Tô-ny thất vọng. Một cái tên Âu Mỹ nghe thật lạc lõng giờ này. Hắn thoáng hối hận tên mang của mình. Nếu cô gái, nếu Ruy-ly hỏi lại câu đó hắn sẽ nói thật tên cha sinh mẹ đẻ ra. Vậy mà cô ta nằm yên. Lịch sự chắc? Tô-ny mặc lại quần nhưng vẫn ở tư thế nằm. Xin lỗi cô nghe, tôi hơi tò mò chút... Anh muốn biết sao tôi như thế này, có phải? Ruy-Ly đay nghiến điếu thuốc hút dở trong cái gạt tàn. Một tiếng Mỹ sắc gọn bật ra, cái tiếng chửi mà Mai-Cô vẫn dùng khi bực mình cũng như triệu triệu dân Mỹ đen Mỹ trắng Mỹ đỏ Mỹ vàng Mỹ lai hai ba bốn màu hay ngứa miệng. Tôi bị thằng Sở Khanh lừa, phá tan đời nữ sinh trong trắng của tôi... Nữa, ai cũng luận điệu kiểu đó. Tô-ny nghĩ thầm. Sao cô không tru tréo mấy tên hải tặc cho hợp thời? Hay quang minh chính đại bán mình chuộc cha như Kiều hoặc kiểu này là giốp thứ hai để mong có tiền bảo lãnh thân nhân?... Tôi ôm hận mấy năm ròng và nguyền sẽ trả thù. Gia thế hắn như vậy thì chắc cũng đã vượt biên chứ làm sao khỏi. Tiểu bang này cho phép xài súng, tôi tin có ngày chắc chắn thế — sẽ nổ súng vào thằng khốn nạn đó. Thật chó má. Bà già tôi đau khổ quá sinh bệnh mà chết. Ông Dượng ghẻ Rô-ni thương tình năm bảy lăm mới đem tụi tui đi... Một đám mây mù ẩm nước cảm động thoáng trôi qua đầu Tô-ny. Đám mây ẩn hiện lẻ tẻ trong đó những kỷ niệm cũ của đời mình dạo ở Đà nẵng, tương tự. Tô-ny tỉnh ngủ. Chuyện nghe thoạt đầu hơi giống Quỳnh Dao. Ngồi dậy với tay tròng áo. Thấy như đâu đây có treo tấm hình Playboy mà thân thể Ảo Mộng còn khiêu gợi hơn cô gái tóc vàng trên vách dâm đãng nụ cười. Không gian yên lặng nhưng nghe khó chịu hơn mấy chiếc phản lực hôm nào xé gió.. Quả đất nhỏ nhoi không ngờ tới. Mộng son trẻ bị cuộc đời phủ bao sương gió nằm đó với tên Ruy-Ly khoát vào như dấu che một quá vãng khổ đau. Thời gian rõ có tác dụng của nó, ít ra đúng với cái nghĩa đổi thay. Hôm nay, vết sẹo trên mặt Tô-ny lại hơn

một lần cứu hắn. Có lẽ Mộng chưa nhìn ra Thiên, chỉ thấy tay hắn run lẩn gài nút áo vụng về. Anh làm sao vậy? Một loạt câu trả lời dối trá ùa tới trong đầu... Cửa phòng bật mở làm Tô-ny điếng hồn nhìn đứa bé sáu bảy tuổi bước vô dụi mắt ngái ngủ tiếng Mỹ. T.V. dở ẹt mẹ vào ngủ với con. Ruy-ly bật dậy khỏi giường khoát áo. Nàng không quên cất tiền Tô-ny vừa đưa hồi nãy vào hộc tủ bàn phấn có khóa đồng. Dưới đèn mờ, Tô-ni thấy rõ khẩu súng ngắn mạ kền sáng choang đến hoa mắt nằm ở trống. Ruy-ly nói tiếng Việt: anh chờ tôi một lát. Ruy-ly nói tiếng Mỹ: Con là số một, là num-bơ-oan mà sao tệ như num-mơ-ten vậy. Rồi kéo đứa bé về phòng nó.

Tô-ny đổ mồ hôi hạt đậu. Mộng có con với mình? Thằng Nhất hèn chi khảu khỉnh lạ, bỗng dưng hắn hiện ra như vị cứu tinh. Thiệt là quý tử. Ngàn người đều mong cảnh đoàn tụ, lẻ một là Tô-ny sợ run. Hắn cuống cuồng với câu nói của Mộng bảy năm trước :"Hoàng thiên hữu nhãn đó nghe". Hắn lẩy bẩy với lời nguyền ban nãy của Ruy-Ly đầy ứ hai tai, hấp tấp đẩy cửa sổ lao vút ra ngoài. Trong hành động ấy hắn chẳng ngờ tới cái bóp đựng giấy tờ sau túi quần tuột ra. Một vài giấy mới mang tên Tô-ny không đáng ngại lại chẳng có ảnh, chỉ có cái căn cước CHXHCNVN làm kỷ niệm báo hại với đầy đủ nhân dạng nơi sinh ngày để chánh quán họ tên...

*
* *

*B*ình minh sau. Trong một buồng điện thoại công cọng cách chỗ Ảo Mộng ở năm chục "mai". Tô-ny thất thần quây số anh Trung. Em hối hận quá. Em đau khổ quá. Anh tha lỗi cho em.... Thiên này sẽ đi xa mần ăn suốt đời tu tâm dưỡng tánh. Mất giấy tờ có rắc rối thủ tục, tốn kém tiền bạc chi không? Em sẽ cho anh biết địa chỉ sau khi ổn định mọi việc. Anh nhớ giữ gìn sức khỏe nghe. Anh Trung đón nhận một hơi dài khó hiểu của đứa em rồi tiếng gác máy kêu cái rột trong ống nghe. Anh vô tiểu tiện và đứng ngáp mỏi mệt trong W.C. Một ngày đi cày khởi sự bằng cú điện thoại thất thường của thằng em hoang làm anh thêm uể oải. Anh ý thức cái già nua và sự bất lực của mình khi muốn dạy dỗ nó nên người như lời ao ước trong thư mẹ gửi gắm.

Anh chưa tìm đâu ra câu trả lời cho ổn với tờ thư viết về nhà đọc thấy dối trá, thì ngày nọ có bức thư nằm lẻ loi trong thùng. Con tem U.S. cánh chim đại bàng và khuôn dấu một tiểu bang xa xôi đóng ngoài bì. Lời lẽ giữa trang giấy làm anh như trẻ lại mười tuổi, anh thấy mình sung sức như ngày nào đeo lon Trung tá tiền hô hậu ủng giữa Quảng Ngãi bụi mờ chiến chinh. Hai điều chính trong thư, theo anh: một là em đã chính thức theo học "cô-le" cả tháng

hóa ra nó dễ hơn em tưởng. Hai là: em mang tên Thiến trong giấy tờ rồi. Con bạn Mỹ ngồi bên đòi giải nghĩa chữ Thiến cho kỳ được rồi tự nhiên thương em tàn canh gió lạnh. Phía dưới ký một chữ Thiến cực kỳ bay bướm. Không biết vô tình vì hết mực hay cố tình làm thế để đúng nghĩa với tên chủ nhân, chữ Thiến nọ đứt ra từng đoạn. Anh Trung sung sướng nhớ đến mẹ già với câu triết lý của Phật, bà hay nói: Đời khi đứt khi liền khi hợp khi tan...Tự nhiên hắn đứt lìa với mình như vậy mà nên thân.

Québec, tháng 5-86
Hồ đình Nghiêm

Tạp-chí **The Vietnam Forum.** Văn-hóa, văn-nghệ, lịch-sử. Chủ-bút: Huỳnh Sanh Thông. [Báo The N.Y. Times giới-thiệu khen ngợi, May 19, 1985.] Một năm (2 số): 10 Mỹ-kim ở Hoa-Kỳ và Canada; 12 Mỹ-kim ở các nơi khác.

Tủ sách Lạc-Việt

1. Nguyễn Chí Thiện. **Hoa địa-ngục / Flowers from Hell** (song-ngữ). Giải thưởng Poetry International (Thi-ca Quốc-tế) năm 1985. 7 Mỹ-kim.
2. John K. Whitmore. **Vietnam, Hồ Quý Ly, and the Ming (1371-1421).** 10 Mỹ-kim.
3. Đặng Trần Côn & Phan Huy Ích. **Chinh phụ ngâm / The Song of a Soldier's Wife** (song-ngữ). Bản dịch Huỳnh Sanh Thông. Minh-họa Trùng Dương. 7 Mỹ-kim.

Chi-phiếu, ngân-phiếu để trả cho và gởi về:

Yale Southeast Asia Studies
Box 13A Yale Station
New Haven, CT 06520 USA

Ngu Yên

Nhất định không khóc

Rủi buồn tự thọc lét mình
Phì cười mấy tiếng tâm tình nở hoa
Cười nhiều mặt mới giống ta
Mỗi giờ ít nhất cười ba bốn lần
Bình thường ta vẫn cười thầm
Cười cho buồn thảm ngấm ngầm tuôn ra
Cười cho quen đến lúc già
cái buồn không dám tìm ta lần nhần

Nếu mai ta chết mặt nhăn
Làm ơn sửa miệng nhe răng giống cười

Ngu Yên

Những dư thừa nào bất hạnh

Bàn tay mặt có sáu ngón
Gọi là ngón út dư
Mọc đâm ngang khẳng khiu trông dễ gãy
đã bám đời thêm một nỗi ưu tư

Khi còn bé
bạn bè chọc là thằng Ngón Lẹo
Anh xấu hổ thường bỏ tay túi quần
Lớn quen tật hoá thành thằng ngạo mạn
dùng một tay nên đời chẳng nên thân

Thời sinh viên thường bị du đãng đánh
Tay xỏ túi quần dáng tự nhiên nghinh
Luống cuống mỗi lần gặp thiếu nữ
sợ họ nhìn ra bí mật của mình

Rồi mối tình đầu đến
êm đềm và lãng mạn như thơ
Một hôm khi âu yếm tình cờ
nàng biết được bàn tay sáu ngón
Từ đó tình yêu trở thành ảo ảnh trong mơ !

Anh đã sống nửa đời như quái vật
nên quyết tâm giải phẫu ngón út dư
Tưởng cắt ngón tay sẽ chôn niềm bất hạnh
tưởng nửa đời sau sẽ được sống như người

Bây giờ xoè tay chỉ năm ngón
nhưng hàng ngày vẫn chồng chất đau thương
Những dư thừa bên ngoài không đáng kể
mà kể bên trong dư nỗi bất thường

Thỉnh thoảng bây giờ cảm thấy tiếc
cái thú buồn ngoáy tai
Ngón dư thật vừa vặn
nhỏ nhắn đúng độ dài
Nhiều khi buồn tai ngứa
ước mình mỗi ngón mọc thành hai.

Trích trong tập thơ
Hoá ra nét chữ lên đàng quẩn quanh
sắp xuất bản

Bùi Vĩnh Phúc

Cho đi lại từ đầu...

*T*ôi nhớ Robert Nathan, qua lời một họa sĩ trong cuốn "Portrait of Jennie" —bản dịch Việt Ngữ là "Chân dung nàng thơ" hình như của Hoàng Ưng và Trần Phong Giao—, có nói đại ý rằng trong đời một người nghệ sĩ, có những giai đoạn mà hắn ta cảm thấy năng lực sáng tạo của hắn bị đông đặc lại, lúc đó, hắn cảm thấy linh hồn hắn bị giam nhốt giữa đời sống và hắn không thể tìm được lối thoát. Đó là mùa Đông của người nghệ sĩ. Mùa Đông dày đặc và giá lạnh bao trùm lên đời sống hắn khiến cho hắn có những lúc cảm thấy không còn tiếp tục sống nổi.

Tôi thấy sự nhận xét của nhà văn Mỹ này không phải quá đáng. Nó phản ánh một kinh-nghiệm-có-thật của bất kỳ một con người nào tự chọn cho mình một con đường sáng tạo, dù là ở lãnh vực nào: thơ, văn, nhạc, họa, điêu khắc...Đối với một người Việt Nam lưu vong mà đời sống, ở một mức độ nào đó, gắn bó với nghiệp viết lách —hoặc sáng tạo ở một lãnh vực nào khác— tôi nghĩ rằng con người ấy phải cảm nhận cái kinh nghiệm mà Robert Nathan đã nói trên kia ở một mức độ trầm trọng. Ngoài những mùa Đông hắn ta chắc chắn sẽ phải bắt gặp trên con đường đi tới để khám phá những năng lực sáng tạo của mình, còn một mùa Đông rất dài, rất giá lạnh, vẫn đang tiếp tục phủ chụp lấy hắn từ hơn mười một năm nay. Mùa Đông của cuộc đời lưu vong. Mùa Đông của sự bị đẩy bật ra khỏi cái dòng sống thân thiết và hết sức cần cho hơi thở của một kẻ sáng tạo. Tôi tin chắc rằng nhiều người trong chúng ta đã cảm nhận một cách hết sức buốt sắc cái kinh nghiệm xót xa này. Nhất là những bạn bè viết lách của tôi. Tôi biết là, hơn ai hết, họ chia sẻ với tôi và với nhau những suy nghĩ tôi vừa gợi lại.

Ở một mức độ nào đó, trong thời gian mấy tháng vừa qua, tôi cảm thấy mình *hình như* bị rơi vào cơn khủng hoảng vừa nói. Một phần vì bị đời sống quay kéo, vì bị những suy tư, lo lắng vặt vãnh

của cái đời sống này câu thúc, phần khác vì những suy nghĩ, dằn vặt không tránh được của một con người lưu vong, với một quá khứ (có khi rất thật, có khi khá trừu tượng, mông lung) bỏ lại ở chốn quê nhà, tôi cảm thấy mình bị rơi vào một tình trạng *hẫng*, không còn trọng lực. Những con đường, những hàng cây, bóng nắng, những tiếng động, những mùi vị đất-cát-chợ-búa-nắng-mưa-cây-cối của một nơi chốn cố hương kia cứ đánh mãi vào giác quan tôi những tiếng chuông trầm trầm ngân lên ngân mãi. Khuôn mặt của mẹ già, của anh chị và những người thân thiết lại hiện ra mỗi đêm khi giấc ngủ trở về. Tôi ở trong tình trạng bị đông cứng và không làm gì được gì cả, ngoài việc đọc sách rất nhiều. Sách vở, trong trường hợp này, trở thành những liều thuốc an thần. Chúng không đẩy mình vào giấc ngủ để rồi mình lại bắt gặp những hình ảnh hoang tàn của quá khứ, những giấc mơ xót xa của kỷ niệm. Những quyển sách, cứ căng mãi mắt mình ra, rót vào đầu óc mình những tiếng nói của những con người tri kỷ ở khắp nơi trên mặt đất, cho mình nghe lại tiếng reo vi vu của những hàng trắc bá trên đồi núi Lebanon, hay tiếng gầm sang sảng cô đơn của Nietzsche ở Portofino, tiếng hét vang của Nikos Kazantzakis trên những núi đá vùng Địa Trung Hải... Tới một lúc nào đó thì tất cả những tiếng hét tiếng gầm tiếng reo vi vu của người và của thiên nhiên kia dần dần lắng đi. Tâm tư con người bị đẩy trở về cõi quạnh không nơi sa mạc của lòng hắn.

Mấy tháng rồi, tôi không còn viết được gì. Tôi không còn viết được một *cái* gì. Tôi chỉ có thể đọc sách. Thường thì tôi đọc đến 3, 4 giờ đêm rồi lăn ra ngủ một giấc ngủ không mộng mị. Ngoài cửa sổ kia, trăng mỗi ngày đều có vẻ xanh hơn.

Một hôm, gặp Nguyễn Mộng Giác. Anh là một người bạn lớn tuổi, trầm ngâm (vừa phải), và sâu sắc. Có lẽ phần nào hiểu được cơn đau và nỗi mệt mỏi tinh thần mà tôi đang phải chịu đựng, anh ấy đưa tôi xem lá thư mời tham dự đại hội báo chí Việt ngữ hải ngoại của anh em Độc Lập bên Đức và... cười cười đề nghị tôi thay mặt anh em Văn Học đi qua Đức phó hội một chuyến. Lời đề nghị cũng hay. Tôi cười bảo anh G. rằng, Văn học của mình thì nghèo quá rồi, nhưng còn Độc Lập có giúp gì được về phần tài chánh cho những người tham dự không. Anh G. cười đưa tôi xem thư của Độc Lập trình bày vấn đề tổ chức và cho thấy là anh em bên đó cũng không ở trong hoàn cảnh có thể lo liệu phí khoản cho các tham dự viên được. Thế là vì yếu kém tài chánh, lại không có nhiều thì giờ để rộng chân rộng cẳng, tôi đành từ tạ một chuyến đi Đức hứa hẹn rất nhiều điểm đặc sắc để học hỏi và ghi nhận.

Dù thế, tôi cũng đã nghĩ là mình phải đi đâu một chuyến, may ra có thoát được sự mệt mỏi và đông đặc mà tôi đang phải chịu

đựng chăng. Bởi vậy, vài ngày sau, tôi mua vé đi lên (hay đi qua) miền Đông nước Mỹ, Washington D.C., nơi tôi có khá đông bạn bè bằng hữu, phần lớn quen biết qua thư từ, điện thoại, qua việc viết lách của tôi những năm ở Mỹ

Bài tạp ghi, tạp bút, hay tùy bút này ghi lại một vài kỷ niệm đẹp đẽ của tôi với người và cảnh tại vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn trong chuyến đi vừa rồi. Ngoài ra, điểm quan trọng mà tôi muốn ghi lại ở đây là một số điều tôi tình cờ học hỏi được, cũng như một số suy nghĩ về vấn đề văn nghệ mà tôi có, qua lần đi chơi này. Một điểm khác tôi cũng muốn nói đến khi ngồi xuống viết bài này là cũng tình cờ, rất tình cờ, qua cuộc đi rong của mình, tôi bắt gặp lại những tình cảm rất quê hương lại máy động nhẹ nhàng, êm dịu trong lòng. Những tình cảm máy động một cách rất thiết tha, dịu nhẹ trong lòng tôi ấy không còn là những hình ảnh xót xa, dằn vặt của quê hương nữa. Chúng là những đóa hoa đã khô, đã tàn, đã héo, của bao nhiêu mùa thu đã vàng rực trong tâm tư kẻ xa nhà. Bạn bè, bằng hữu tôi đã cầm lại những cánh hoa tả tơi, héo úa nhưng vẫn còn ngất ngây mùi trăng quê cũ ấy trao lại cho tôi. Và tôi đã cầm lấy những cánh hoa bé bỏng này, trân trọng đưa lên môi mình. Một vị mặn và nóng ấm của đời sống thấm vào vị giác. Tất cả quê hương bỗng nhiên trở về trong một giọt nước mắt. Mặn và mềm.

2

California cách Hoa Thịnh Đốn ba múi giờ. Máy bay cất cánh từ phi trường Los Angeles lúc 12 giờ trưa. Tôi tới phi trường Washington National Airport vào lúc chín giờ tối. Ngồi trong lòng chiếc Boeing 757 bay suốt chiều ngang của nước Mỹ, nhìn ra ngoài cửa sổ, thấy những thảm mây, những cuộn mây trắng nõn chất chồng lên nhau và kéo dài ngút mắt, tôi lại nhớ đến những đêm vượt biển. Những liên tưởng không có lý do, hay những lý do, những mấu chốt suy tư đã được chôn giấu kín tại những đáy sâu thẳm nhất của tiềm thức mình. Tôi nhớ đến những đêm vượt biển. Trời đất đều mênh mông xa thẳm. Và màu đen của đại dương bập bềnh che giấu bao tai họa kia cùng với mầu đen của bầu trời đêm lênh đênh trên đầu như muốn đập vào mắt nhìn. Vì thị giác đã bị bôi đen như thế, thính giác con người trở nên hết sức minh mẫn. Những tiếng sóng xô tới rồi đập mạnh vào chiếc ghe, vốn làm bằng những mảnh gỗ cũ kỹ, làm vang lên những âm thanh kinh hoàng. Những âm thanh này được chuyển vào những trái tim bít bùng tối đen không một tia hy vọng, và cứ thế, những âm thanh của địa ngục kia cứ ngân vang u uất trong từng trái tim một lả như những hồi chuông cầu hồn tiếp nối...

Ở trên cao mấy ngàn bộ, nhìn ra ngoài kia là mây trắng lớp lớp thênh thang, trái tim tôi thỉnh thoảng tự nhiên lại cứ giống giả những hồi chuông cầu hồn cũ. Tự nhiên mà nhớ tới phim *Vertigo* của Hitchcock. Đầu óc mình thật lạ. Cả trái tim hay gõ chuông kia nữa.

Từ lòng phi cơ bước ra tới cổng đón, tôi đã thấy người bạn đứng cười, đưa tay vẫy vẫy. Tự nhiên, tim thôi lắc chuông. Lòng bình yên và thấy ấm lại. Hai người bạn đi ra chỗ đậu xe. Sau đó, Bùi Bảo Trúc đưa tôi đến một cái quán Mỹ, nhỏ, nhưng sạch sẽ và sáng đèn. Một thứ *clean, well-lighted place* của Hemingway. Chúng tôi ngồi ăn qua loa, uống cà phê và nói đủ thứ chuyện. Những khách Mỹ thỉnh thoảng đi qua ném cho hai hai gã trung niên Việt Nam đang đấu hót say sưa trong một chốn *sạch sẽ và sáng đèn* Mỹ một cái nhìn thông cảm. Chắc họ cũng phải đoán biết rằng hai gã này có rất nhiều chuyện để nói với nhau. Những chuyện trên trời dưới biển và những chuyện xảy ra ở một vùng đất bên kia quả địa cầu.

Khuya hôm đó, BBT đưa tôi về nhà của anh. Vợ con anh đã mệt mỏi đi ngủ tự lúc nào. Chúng tôi ngồi ở phòng khách và tiếp tục nói chuyện cho đến khoảng hai giờ đêm mới chia tay đi ngủ.

Ngay sáng hôm sau, một số bạn bè gọi điện thoại đến để hỏi thăm. Tôi cũng gọi đi cho một số anh em khác. Các anh Nguyễn đình Hùng và Ngô vương Toại ngay sau đó ghé lại nhà BBT và chúng tôi lại ngồi nói chuyện một lúc. Toàn là hỏi chuyện anh em văn nghệ và báo chí ở Cali. Sau đó, T. phải đi dự (hay ăn) một đám cưới, H. chở tôi tới tiệm sách Alpha của Trần Phùng Linh Duyên, rồi chúng tôi kéo sang quán-phở-ăn-thông-qua-tiệm-bi-da-ăn-thông-qua-tiệm-sách ngồi hàn huyên với bạn bè ở đây đến quá trưa. Tôi gặp đủ mặt quần hùng báo chí thủ đô trong dịp này: Giang Hữu Tuyên xuề xòa, Phan tấn Hải trầm ngâm, Vĩnh Liêm nhanh nhẹn, Trần phùng linh Duyên hiền lành, và một vài bạn bè văn nghệ khác mà tôi không nhớ hết tên. Thi sĩ và họa sĩ Võ Đình ríu rít ở đầu dây điện thoại sau khi nghe tôi giả giọng Huế đọc hai câu đầu trong một bài thơ đắc ý của anh. Thế nhưng, anh bận chuyện gia đình trong dịp này nên đã hẹn rồi cuối cùng lại phải mấy lần điện thoại xin lỗi không xuống được. Tôi nhớ lần xuống Cali họp mặt...văn học ở nhà anh G., VĐ ngồi xếp bằng, uống rượu Mai Quế Lộ trầm trầm, ngâm thơ rất hào sảng. Và trẻ thơ. Rồi hứng chí, anh vẽ tặng mỗi người có mặt một bức chân dung bằng chì than. Mỗi bức vẽ không quá một phút mà anh vẫn bắt được cái thần, cái sắc của mỗi người. Những lúc ấy, VĐ trông hả hê và hớn hở trẻ thơ ra mặt. Tôi vẫn thích nhìn anh những lúc như thế, anh VĐ. Cuộc đời phiền tạp và đầy ngộ nhận. Bằng hữu cũng biết bao

lần ngộ nhận mình. Tôi muốn mình xé toang mọi ngộ nhận, nếu có, và dĩ nhiên là phải có, trong cuộc đời này. Để nhìn lên trời xanh mây trắng thênh thang. Hãy gõ một tiếng cồng vào mây trắng để thấy sự hiển lộ của vô cùng. *Mây dài mây dài trời xanh biếc. Một cõi vô cùng chim bay đi.* Tự nhiên mà nghĩ ra hai câu thơ. Ngồi với các bạn bè, bằng hữu của mình, tôi chỉ muốn nghĩ, mơ và mộng tới cõi vô cùng đó.

Nền báo chí Việt ngữ ở vùng Hoa thịnh Đốn này hình như không được sầm uất và sôi nổi như ở dưới Cali. Chắc là phải như thế rồi. Cali đã từng có một quá khứ lâu đời trong lịch sử báo chí Việt ngữ hải ngoại. Quần hùng tụ tập đông đảo. Các quán biên thùy mọc lên như nấm. Hảo hán nhiều nơi tụ về. Có những hảo hán hành hiệp ở vùng khác cũng phải có lúc ghé qua Cali để thưởng thức và theo dõi các cuộc luận kiếm. Các môn phái và quần hùng kết tập tạo nên cảnh trù phú và nổi sôi trăm vẻ. Cali cho người ta cái cảm giác của những ngày hội. Phèng la, chiêng trống, não bạt inh tai nhưng lễ nghi văn vẻ cũng đủ kiểu. Người ta có thể đồng thời một lúc vừa yêu, thích, quí, và... sợ cái không khí Cali chính là vì... như thế đó.

Hoa thịnh Đốn thì có vẻ hiền lành, lễ nghĩa lắm. Mới mấy tháng trước, hình như ở đây chỉ có hai tờ báo khổ *tabloid* ra hàng tuần, khi tôi lên vào khoảng cuối tháng sáu, đầu tháng bảy, số lượng báo đã tăng gấp đôi. Bây giờ, ngoài *Hoa thịnh Đốn Việt Báo* của Giang Hữu Tuyên, *Diễn Đàn Tự Do* của Ngô Vương Toại, còn có thêm *Diễn Đàn Thủ Đô* của Đoàn Hữu Định và *Sài Gòn Thời Báo* của Hồ Đắc Ngọc. Tất cả đều rất phơi phới. Mỗi người một ngựa. Đường thiên lý chúng ta cùng tiến. Mong rằng nền báo chí thủ đô ngày một đông vui và khởi sắc.

Một trong những người thu góp được nhiều tài liệu, sách báo Việt ngữ ở vùng thủ đô mà tôi được biết có lẽ là giáo sư Nguyễn Ngọc Bích. Một buổi chiều, tôi nhờ anh H. đưa đến nhà giáo sư Bích. Cả hai anh chị Nguyễn Ngọc Bích và Đào Thị Hợi đều có nhà. Sau một lúc ngồi hàn huyên tâm sự và ăn dưa hấu (?), tôi được anh chị B. dẫn xuống *basement*, một căn hầm được chia làm nhiều phòng sáng sủa. Sách vở được bày biện một cách vừa lộn xộn vừa ngăn nắp, có nhiều chỗ được phân theo từng loại rõ rệt. Đây là một trong những thư viện cá nhân mà tôi thấy có được nhiều sách đến thế. Dĩ nhiên, sách về ngôn ngữ cũng chiếm một tỉ lệ khá lớn, vì cả hai anh chị đều nghiên cứu rất kỹ về ngành này.

Tôi là một người mê sách và mê đọc sách từ nhỏ. Trốn khỏi quê nhà để tìm tự do, một trong vài điều mà tôi tiếc hận nhất là phải bỏ lại tủ sách riêng của mình ở nhà gồm chừng bốn, năm ngàn quyển, cộng với tủ sách của QD., ông anh tôi ở cùng nhà, cũng

khoảng mấy ngàn quyển. Bởi thế, sang đây, suốt tám, chín năm nay, tôi lại phải hì hục tạo dựng lại cho mình một tủ sách khác. Dù sao, sách của tôi bây giờ cũng vào khoảng vài ngàn quyển, nhưng rải rác khắp bốn phương như những... đứa con tội nghiệp. Chúng được chia cắt lung tung ở các *garage* nhà anh em, bè bạn. Dù sao, trước khi gửi chúng đi ở đợ như thế, tôi cũng đã làm thư mục từng thùng một để tiện lúc cần tra cứu. Chỗ tôi ở, hiện tại, bạn bè đến chơi không có chỗ... gối đầu vì sách chất bốn phía, cả trong tủ quần áo. Nhưng vì toàn là bạn "văn chương" đến chơi nên không ai buồn phiền vì chuyện này cả. Nhiều kẻ lại còn lấy làm thích chí và đâm đầu vào lục lọi.

Bởi đời sống như thế, khi nhìn thấy tủ sách của anh chị B., tôi rất lấy làm thú vị. Sách vở đủ loại, đủ kiểu, khoảng một chục ngàn (?) quyển bày khắp nơi trong căn hầm dù sao cũng còn rất sạch sẽ và sáng đèn này. Anh chị B. cũng cho tôi biết là, dù sao, họ cũng đã từng bị mất sách biết bao lần rồi, nhất là kỳ 75. Bao nhiêu sách quí mang về Việt Nam bị mất hết. Trong căn hầm này, tôi thấy báo chí Việt ngữ những số mới nhất để đầy trên một chiếc bàn lớn. Chị B. cho biết chị phải sắp, soạn và lọc bớt đi mỗi ngày cái lượng báo chí mà anh B. mang về. Nhìn thấy hai người yêu sách báo đến thế, lòng người ta tự nhiên cảm động và có một niềm vui ấm áp nào đó tràn về.

Tối hôm ấy, ở nhà anh T., tôi lại được dịp gặp một số anh chị hoạt động trong lãnh vực truyền thông tại vùng thủ đô như anh chị Lê Văn, anh chị Trần Minh Đức, anh chị Dương Ngọc Hoán & Quỳnh Giao, anh chị Đoàn Hữu Định... Anh chị Lê Văn là người đã thực hiện thành công tốt đẹp những buổi trình diễn "Vang vang trời vào Xuân" hát nhạc Cung Tiến, "Bốn mươi năm âm nhạc Phạm Đình Chương" hát nhạc Phạm Đình Chương, và mới đây buổi tái ngộ thính giả vùng thủ đô của chị Thái Thanh.

Sau buổi cơm tối, chúng tôi cùng ngồi nghe lại với nhau cuốn băng thâu chương trình ra mắt của Thái Thanh mới mấy ngày trước đó. Anh LV cho biết cuốn băng này ngay sáng hôm ấy đã được phát về Việt Nam qua làn sóng điện của đài VOA. Chúng tôi nghe Thái Thanh hát mà lại nghĩ đến những kỷ niệm của riêng mình ở chốn quê nhà. Những bài hát, giống như những tiếng chuông, lúc bồi hồi thắm thiết, lúc thong thả mộng mơ, đánh vào những hoài niệm, làm bật lên những hình ảnh thân thiết giữa lớp bụi vàng óng ánh của quá khứ *lả tả* rơi rụng. Chợt thấy lại những buổi chiều tím sẫm trong lòng ta. Những đóa hoa cũ càng xa xưa lại thiết tha một mùi hương cổ lụy. Chúng tôi ngồi và nhớ về Việt Nam ở bên kia quả địa cầu, với anh em, bạn bè và biết bao người thân quí. Một điều xót xa lẫn mỉa mai là những người ấy đã lâu

không được nghe Thái Thanh hát, khi chị còn ở trong nước, bây giờ, ngoài xa vạn dặm, tiếng hát ấy vượt qua cả một đại dương để rồi lại lồng lộng ở quê nhà. Tôi nghĩ chắc là sẽ có những giọt nước mắt rơi xuống ở đâu đó khi nghe lại giọng hát của Thái Thanh. Chúng ta sống không phải chỉ vì cơm sắn, vì bánh mì, vì *hamburger, hot dog*... nhưng còn vì những hình ảnh, những tiếng hát, những giọt nước mắt, những nụ cười ta cất giấu mãi trong hồn. Trái tim, những tiếng chuông ngân vang mỗi đầu ngày ban mai rực rỡ, những tiếng chuông lênh đênh mỗi đêm tối vàng bục thảm thương. Trái tim, những tiếng chuông ngân nga vang lên vang lên mỗi khi chiều xuống. Cám ơn Thượng Đế đã còn cho chúng ta một trái tim để giữ gìn, để ủ ấp những hình ảnh và những âm thanh của một đời người. Không có nơi chốn trở về ấy, chúng ta sẽ lạc lõng đi đâu?

Sau đó, chúng tôi ngồi nói chuyện vãn cho mãi đến khuya mới chia tay. T., H. và tôi tiếp tục ngồi bật nhạc nghe và nói chuyện ít đi. Cuộn băng đặc biệt mà tôi được anh T. cho nghe tối hôm ấy, và sau đó được một bản thâu mang về Cali, là cuộn băng Nhạc Chủ đề của Nguyễn Đình Toàn với các tiếng hát của Thái Thanh, Lệ Thu, Khánh Ly, Võ Anh Tuấn, Duy Trác, Sĩ Phú. Nguyễn Đình Toàn đọc lời giới thiệu. Tôi được nghe lại nhiều bài hát cũ của một thuở nào lòng còn thiết tha mà bây giờ nghe như đã đi vào xa xôi lắm. Chẳng hạn như những bài *Hướng về Hà Nội, Chuyến bến, Giáo đường im bóng, Dạ Khúc Nguyễn Mỹ Ca, Gió chiều, Trở về dĩ vãng, Nguyệt cầm, Tạ từ*...

Tất cả những bài hát trong cuốn băng này lại như một chất men gợi lại cơn say cũ. Những buổi ấy, ta còn tóc bồng mắt sáng. Chân bước trên đường mà nghe tiếng những vạt gió thổi lộng trên cao. Những buổi mai tiếng chim ca ánh ỏi đầu ngày. Những chiều xuống ngậm ngùi thổi buồn đầy trong lá. Tiếng ngân nga của những hồi chuông, lại những hồi chuông, rớt rơi đầy hồn tuổi trẻ. Lời giới thiệu của NĐT rủ rỉ và tha thiết làm vỗ lại những cơn sóng cũ. Lênh đênh đầy hồn là những rong rêu lãng mạn của những ngày còn có quê hương... Tình yêu và sự lãng mạn có thể cứu sống được một đời người, làm rung động trở lại những nhịp đập của một trái tim già cỗi, tưởng đã cằn khô, tưởng đã mộ tối, bạn bè, có phải thế không?

Có những lời giới thiệu do chính NĐT viết. Có những đoạn khác, anh lấy gần như nguyên văn trong "Tâm tình hiến dâng" của Rabindranath Tagore do Đỗ Khánh Hoan dịch. Tất cả những lời giới thiệu, dù sao, đều được đặt đúng chỗ của chúng. Cuốn băng, những bài hát, những lời giới thiệu làm tôi nhớ lại những đêm mưa tí tách rỉ rả mười mấy năm trước, buổi tối, nằm bật radio

nghe chương trình Nhạc Chủ Đề của NĐT. Bạn bè thân mến, tôi muốn chép lại đây một đoạn thơ xuôi của Tagore, do NĐT đọc mười mấy năm trước. Tôi muốn chia sẻ với các bạn một ít gió mưa ngày cũ, một ít lửa ấm, và tiếng một người, có phải tiếng một người yêu xa vắng không, thủ thỉ bên tai:

Anh yêu dấu, xin hãy tha thứ tình em. Như chim lạc lối, em sa vào lưới. Khi tim rung động, màn che tuột rơi, tim em phơi trần.

Anh yêu dấu, xin đem xót thương bao phủ trái tim trần trụi ấy, và tha thứ cho tình em.

Nếu không thể yêu em, xin tha thứ nỗi khổ đau em đang chịu đựng.

Đừng đứng từ xa nhìn em bực bội.

Em sẽ lẩn vào xó góc và ngồi trong bóng tối nâng hai tay che kín nỗi bẽ bàng trơ trẽn của mình.

Anh hãy tha thứ nỗi khổ đau em đang chịu đựng. Và nếu yêu em, xin tha thứ nguồn vui của em.

Em xin làm rừng cúi đầu im nghe gió bão của anh thổi tới, và nếu chẳng còn yêu em, xin hãy tha thứ nguồn vui của em, và đừng cười sự buông thả của em đầy mạo hiểm.

Những lời Tagore-ĐỗkhánhHoan-NguyễnđìnhToàn ấy khơi lại trong lòng mình những hoài niệm mơ hồ khác, làm mình thương cho người ở lại, thương cho người ra đi, và thương cho cõi lòng nổi trôi tan tác của mình, của anh em bạn bè khắp chốn.

Tôi nhớ mấy đứa nhỏ của T., rất dễ thương, ngồi nói chuyện với tôi một buổi sáng. Chúng nó hỏi tôi rằng ở xa đến có chuyện gì không. Tôi nói là tôi chỉ cốt đến đây để thăm bạn bè và kể lại một số chuyện cũ ở nhà, hồi hơn một chục năm trước, cho nhau nghe mà thôi. Tôi nói rằng ngày trước đời sống ở Việt Nam vui lắm, và rằng bố tụi nó ngày xưa rất nghịch, rất thích đi lang thang cà phê quán cóc các thứ. Vân vân và vân vân. Bọn nhỏ có vẻ ngạc nhiên ngầm hỏi tại sao tôi lại đi xa đến thế để chỉ gặp lại những bạn bè cũ và nói lại những chuyện cả chục năm trước. Một đứa "bút đàm" với tôi vì con bé vừa bị cắt thịt dư ở cổ họng xong— khoe (hoặc mách) rằng bố nó có "some sense of humour" (!). Nó bảo rằng có hỏi bố bao giờ nó nói lại được bình thường sau cuộc giải phẫu này, bố chỉ nói "Goodbye to throat!"... Tôi ngồi nói chuyện với tụi nhỏ cũng thấy vui. Tụi trẻ con, thấy bố chúng và tôi suốt hai ba đêm thức khuya ngồi nói chuyện với nhau mà không lộ vẻ gì mệt mỏi hoặc chán nản, có lẽ đã nghĩ rằng những người lớn người nào cũng có vẻ gàn gàn và làm nhiều việc vô bổ. Làm sao tụi nhỏ hiểu được là chúng tôi, những người lớn, đã từng là những đứa nhỏ như chúng nó ngày xưa. Chúng tôi cũng đã có một thời lớn lên, nhưng trong lửa khói, giữa một đất nước tan hoang, phân rã. Chúng tôi đã có

những lúc cố gắng làm đẹp cuộc đời trong phạm vi của mình, có những lúc vấp ngã, có nhiều khi thất bại. Và bây giờ, cơn gió lốc của lịch sử đã đẩy bắn chúng tôi tan tác bốn phương trời. Nhưng chúng tôi vẫn còn một quá khứ để dựa lưng mỗi khi mệt mỏi, một quá khứ để học hỏi mỗi khi nhìn lui trở lại. Chúng tôi cần thỉnh thảng gặp lại nhau, có thể chỉ một hai ngày thôi, để khơi lại sức sống cũ, và cũng có khi để nâng đỡ nhau. Người Mỹ, khi cần "relax", họ sẽ đi chơi giải trí ở một bờ biển này hay ở một sườn núi kia. Hoặc là họ đi đến sòng bạc. Las Vegas. Reno. Chúng tôi, để lấy lại sức lực, phải gặp gỡ nhau. Nói chuyện, cười đùa, bàn luận. Hoặc chỉ trầm ngâm im lặng ngồi nghe lại với nhau một vài bài nhạc cũ ba bốn chục năm về trước. Thấy lòng mình ướt mèm dĩ vãng. Và dĩ vãng ấy là những giọt nước mát nhỏ xuống cái đời sống khô cằn và máy móc, mệt mỏi này. Tụi trẻ con, tôi không thể giải thích cho chúng nó hiểu được. Đôi mắt của trẻ con ngây thơ dò hỏi. Rồi một ngày mai, lớn lên, hòa nhập vào xã hội này, có thể một lúc nào đó các trẻ con của chúng ta sẽ hiểu về tâm tư của các bậc cha mẹ chú bác chúng nó.Có thể một mai, rồi các cháu sẽ hiểu.

Tối hôm ấy, nghe hết cuộn băng chủ đề NĐT, chúng tôi không ngủ được. Tiếp tục ngồi nói chuyện. Tiếp tục để máy chạy nghe lại những dĩa nhạc bốn, năm chục năm về trước. *Where have all the flowers gone? Blowin' in the wind. Tennessee waltz. Yellow bird. Summer place. Bambino. La Paloma...* Những cánh chim lại lênh đênh theo gió trở về. Chúng tôi nhớ lại những ngày tuổi trẻ tay thọc túi quần, miệng huýt sáo theo tiếng lá cây xào xạc trên một hè phố vắng. Những con phố cũ bồng nắng ban mai và lam tím sương chiều bây giờ lại thả đầy lá vàng trong lòng chúng tôi... *Ôi cung đàn réo vang đêm trường. Dây tơ gào gió đêm mênh lòng. Lệ tràn vì đâu? Bao tình tê tái nương đàn gió bay tìm ánh trăng sao.* Dạ khúc Nguyễn Mỹ Ca. Nửa đêm ấy, chúng tôi đi ngủ mà còn như nghe thấy tiếng bước chân tuổi trẻ của mình khua gõ trên một đường phố vắng vẻ nào đó của quê hương.

Ngày hôm sau, tôi được bạn bè dẫn xuống D.C. thăm một vòng các danh lam thắng cảnh. Thì cũng lại đi thăm các bảo tàng viện, tòa nhà Quốc Hội, tượng tổng thống Abraham Lincoln, tượng các cựu chiến binh Mỹ, "cây bút chì" (Washington Monument), và dĩ nhiên là bức tượng cẩm thạch đen nổi tiếng, một thứ đài kỷ niệm, ghi tên năm mươi mấy ngàn người lính Mỹ đã hy sinh trong cuộc chiến Việt Nam, tại Vietnam Veterans Memorial. Ở đây, rải rác dưới chân bức tượng cẩm thạch đen vĩ đại này, tôi thấy có những người đã đến thăm bạn bè hay thân nhân mình và đã cắm ở lại đó những lá quốc kỳ Mỹ bằng giấy nhỏ, cũng có chỗ là một vòng hoa, có khi chỉ là một đóa hồng. Tôi nhìn thấy có một bài

thơ viết rất gọn trên giấy trắng, theo tinh thần thơ *Haiku* của Nhật, được để lại dưới chân tượng bên một nhánh hồng nhung. Hình ảnh thật cảm động. Bài thơ ngắn thôi, đại khái viết, *bây giờ ngọn khói đã bay lên cao và trong khu vườn cũ chỉ còn lại một đóa hồng cúi đầu lặng lẽ.* Tôi nghĩ người viết bài thơ và để lại nhánh hồng này là một cô gái Mỹ, có chồng hoặc người yêu chết tại Việt Nam. Cô là một Hòn Vọng Phu của Mỹ. Tôi nghĩ tiếp là con người ở mọi thời và mọi nơi đều đã phải chịu đựng như nhau cái nỗi đau khổ bi tráng mà Thượng Đế đã dành sẵn cho nó khi Ngài tạo dựng ra nó như một con người. Nhìn dưới một góc cạnh nào đó, chính nỗi đau khổ làm cho đời sống con người có ý nghĩa, và làm trái tim của nó được tinh khiết hơn.

Chiều hôm ấy, tôi và anh bạn H. ghé thăm tủ sách Cành Nam và phòng tranh của cụ Tá Chi Trương Cam Khải. Ở đây, chúng tôi gặp cả hai cụ Tá Chi và Kim Y Phạm Lệ Oanh, người đã có công dịch và chú giải bộ "Thi Kinh Quốc Phong", một tác phẩm văn học đời nhà Chu, tập thơ đầu tiên của Trung Hoa, gồm những bài thơ được phổ biến rộng rãi trong dân gian như một thứ ca dao, và, theo truyền thuyết, đã được Khổng Tử san định lại sau này. Chúng tôi cũng gặp chị Trương Anh Thụy, một trong những người chủ trương tủ sách Cành Nam, ái nữ của cụ Tá Chi, cùng với nhà văn Trương Bảo Sơn, dịch giả cuốn "Con Nai Tơ" (The Yearling) nổi tiếng của nhà văn Mỹ Marjorie Kinnan Rawlings, mới từ Canada ghé sang chơi.

Bữa cơm buổi tối hôm ấy ở nhà cụ Tá Chi thật vui. Ngoài những người vừa kể, buổi họp mặt bỏ túi này còn có anh Nguyễn Ngọc Bích, anh chị Trương Cam Vĩnh, anh Đặng Đình Khiết thuộc nhóm Xác Định. Chúng tôi ngồi ăn cơm với cá kho và canh rau đay nóng hổi nhưng lại thấy mát mẻ làm sao khi nó trôi qua cuống họng. Có cảm tưởng là mình nuốt những mảnh quê hương vào lòng. Câu chuyện văn nghệ lan man bắt từ thơ cụ Nguyễn Khuyến sang giai đoạn cách mạng của Nhất Linh, Vũ Hồng Khanh, rồi đi một vòng tròn, chúng tôi ngồi phân tích về một số hiện tượng của xã hội Mỹ... chúng tôi nhắc đến Trương Tửu, Freud, Đàm Xuân Thiện, Euclid, Riemann, Lobatchevsky..., và cả những chuyện cầu cơ, những chuyện ma ở trong Nam, ngoài Bắc. Nói tóm lại, đây là một buổi họp mặt nói chuyện văn nghệ lan man, không chủ đề, và hết sức thích chí như bất kỳ một buổi họp mặt văn nghệ *vô đề* nào khác. Có lần tôi nói với một người bạn, nếu ta thử thâu băng lại trọn vẹn một cuộc nói chuyện văn nghệ không chủ đề (và đừng để cho những người trong cuộc biết), ta sẽ thấy đầu óc, ký ức con người rất là phong phú, linh động. Tất cả những đề tài khác biệt và lung tung trong buổi nói chuyện như thế, thoạt

nghe, ta tưởng không hề có một liên hệ gì với nhau, nhưng thật sự, chúng gắn vào nhau bằng một mắt xích nào đó rất bất ngờ. Tôi nghĩ, nếu nhìn dưới khía cạnh Tâm lý học, hay chuyên biệt hơn Phân tâm học, việc nghiên cứu những buổi nói chuyện như thế có thể đem đến cho ta nhiều khám phá lý thú. Khi về, tôi được cụ Kim Y và chị Thụy tặng một số sách của tủ sách Cành Nam, đặc biệt là bộ "Thi Kinh Quốc Phong" của cụ Kim Y. Đây là một món quà quý làm tôi rất cảm động.

Ngày cuối cùng, trước khi sửa soạn trở lại Cali, tôi lại được dịp "ngồi quán" với các anh Trúc, Hùng, Tiến, Hải để nhìn thấy một khía cạnh nữa của Hoa Thịnh Đốn: khía cạnh ăn uống. Cũng giống như ở Cali, các quán ăn Việt Nam ở đây đều rất được khách và không khí rất là xuề xòa văn nghệ. Tôi đã đến ăn phở 75 của anh Lê Thiệp, nhìn thấy tranh của họa sĩ Ngọc Dũng treo trên tường xem rất mát mắt. Những thiếu nữ Việt Nam trong tranh Ngọc Dũng mặc áo dài vàng, cam hay đỏ, đi thướt tha trên một hè phố nào đó, chắc là một hè phố quê hương trong trí nhớ của anh Ngọc Dũng. Tôi thấy mọi người vào tiệm, ăn uống, chuyện trò vào buổi trưa làm như ai cũng biết mặt nhau. LT. chốc chốc lại ghé qua bàn tôi với T. ngồi tán dăm ba câu rồi lại chạy đi tiếp khách...

Ở cái quán tối nay cũng vậy, người ta vào ăn uống, chuyện trò, bắt tay nhau vui vẻ, xem như ai cũng quen ai. Đôi khi, mình tìm được một góc quê nhà ở những nơi chốn như vậy.

Tối đó, lại một buổi họp mặt văn nghệ ở nhà NĐH. Tủ sách của anh H. cũng có một số sách quí.Tôi lại được gia chủ vừa tặng vừa cho mượn trên một chục quyển sách để mang về Cali. Một lần nữa, tôi lại muốn cảm ơn những tình cảm đẹp đẽ mà anh em văn nghệ đã dành cho mình.

Nguyễn Hữu Hiệu vì vợ sanh đúng ngày hôm ấy nên không sang sớm với chúng tôi được. Khoảng chín giờ rưỡi anh mới gọi lại, định sang nói chuyện văn nghệ, nhưng vì tôi phải về sớm để sắp xếp hành lý nên không ngồi lại thêm được. Thật tiếc. Tôi vẫn thích bản dịch "Kẻ Tiên Tri" và "Alexis Zorba, con người chịu chơi" của anh. Tôi cũng ân hận vì công việc phải về sớm nên không thể đi thăm hết những bạn bè, thân hữu mà tôi đã dự định.

Đêm hôm đó về nhà anh T. Tôi ngồi sửa soạn hành lý để sáng mai đi sớm trong khi T. đeo *headphone* ngồi thâu cho tôi trên dưới hai mươi bài hát ngoại quốc cũ kỹ từ mấy chục năm xưa mà tôi rất thích. Những bài hát thổi vào lòng ta tiếng gió, tiếng thời gian lờ lững miên man trôi như một dòng mây trắng. Ly càphê chúng tôi uống thơm đặc một mùi thơm của kỷ niệm. Chốc chốc, T. lại bỏ *headphone* ra nói với tôi một vài câu, thường là chú thích về một vài hình ảnh quá khứ mộng mơ nào đó qua giọng hát của một

người ca sĩ. Những bài hát, cũng như những bài thơ, những bức tranh, những pho tượng, những truyện ngắn, truyện dài... của bất kỳ một con người nào sống trên quả đất này, một khi đã trở nên bất tử, chúng sẽ còn mãi và là của chung của tất cả nhân loại. Thưởng thức một tác phẩm như thế, người ta có thể cảm nhận sự rung động với tất cả thân xác và tâm hồn mình. Một bài hát, nó mang về cho chúng ta cả một thời thanh xuân đã qua, những cánh hoa đã úa đã tàn nhưng mùi hương vẫn còn phảng phất, những con đường mùa thu, những ngõ gió, những tiếng cười, những giọt nước mắt, những hạnh phúc, những chia lìa. Tôi muốn cám ơn đời sống vì nó còn cho tôi có được những hoài niệm. Tôi không bị bắt buộc phải đi mãi một dòng đời về phía trước.. Thỉnh thoảng, tôi vẫn muốn đi ngược trở về những ngày heo hút xa xưa, ở đó, có tiếng còi tàu, tiếng vỗ đập sóng sánh của một dòng nước, tiếng những con dế tỉ tê trong những đám cỏ tối đen lân tinh, tiếng cuộc đời trẻ dại...

T. lại cho tôi một tập thơ Thanh Tâm Tuyền, một tập *Thơ Đường* của Trần Trọng San, một tập *Tâm Tình Hiến Dâng* của Tagore do nhà văn Đỗ Khánh Hoan dịch. Sau đó, chúng tôi tiếp tục ngồi mở một số bài thơ Đường ra xem lại. Thấy yêu và thương Lý Thương Ẩn thời Văn Đường với những bài *Cầm Sắt* và *Vô Đề*. Đọc bài *Cầm Sắt*, tới hai câu cuối

Thử tình khả đãi thành truy ức
Chỉ thị đang thời dĩ vọng nhiên!

(Trần Trọng San dịch xuôi ý: Mối tình đẹp đẽ thời hoa niên, ngày nay không tìm được nữa. Ta hãy để cho tình ấy thành ra kỷ niệm êm đềm. Nhưng tiếc thay ngay thuở xưa, tình ấy đã là một mối tình tuyệt vọng, làm cho ta đau khổ, chán chường!)
mới thấy rõ là người xưa cũng quá đa sầu, đa cảm.

Hoặc đọc bốn câu đầu của bài *Vô Đề:*

Tương kiến thời nan, biệt diệc nan,
Đông phong vô lực, bách hoa tàn.
Xuân tàm đáo tử, ti phương tận;
Lạp chúc thành hôi, lệ thủy can.

(TTS: Gặp gỡ nhau, là một việc khó, mà từ biệt được nhau cũng lại là một việc khó. Gió Đông kia không đủ sức, để cho trăm hoa phải tàn tạ đi, cũng như loài người bất lực, không kéo dài được thời kỳ hội ngộ mà tránh những phút chia ly. Con người đa tình cứ khơi mãi mối cảm hoài cho đến khi tận thế, cũng như con tằm rút mãi đường tơ cho đến khi ruột tằm khô héo, cũng như ngọn nến kia cứ rỏ mãi bao nhiêu hàng lệ đến bao giờ nến cạn thành tro thì lệ mới khô)
mới thấy rõ cái tình bạn thiết tha của người xưa.

Chúng tôi ngồi nói chuyện, xem lại một số sách viết về thơ Đường của nhiều tác giả khác nhau cho mãi đến khuya. Rồi T. đưa cho tôi một quyển sách nhỏ, một tập san thì đúng hơn, tên là *Modern Poetry in Translation*, bảo: "Ông mang quyển này về xem, tôi nghĩ là ông sẽ thích." Đây là một đặc san, in khổ nhỏ trên giấy cứng, rất đẹp, số mùa Xuân 1980. Ngoài một bài giới thiệu dịch giả nổi tiếng May Hayward của Anh, người từng được xưng tụng là "a prince among translators", một số thơ dịch những bài nổi tiếng của một nhóm học giả cổ thuộc thành phố Tamil Nadu ở Ấn độ viết vào những thế kỷ đầu tiên của niên lịch A.D., một bài của André Lefèvre bàn về chủ nghĩa thực dụng trong vấn đề dịch, một số thơ của Jose F. Lacaba, một nhà thơ Phi luật Tân, hai bài điểm sách tập thơ của Mallarmé và tập thơ của Rimbaud, phần còn lại chiếm đến ba phần tư tập sách, là một tập hợp 35 bài thơ của những dịch giả Anh Mỹ nổi tiếng, dịch ra tiếng Anh bài thơ *Hoàng Hạc Lâu* bất hủ của Thôi Hiệu đời Đường. Có một ít điểm lạ lạ, vui vui mà tôi tìm thấy và học hỏi được qua những bản dịch này, ở một đoạn sau tôi sẽ nhắc đến.

Hôm sau, năm giờ rưỡi sáng, chúng tôi đã lên xe ra phi trường. Không khí buổi tinh mơ như là có bao phủ một lớp sương xanh mờ mờ. Những con đường vòng vo, cây lá um tùm làm gợi nhớ đến một đoạn đường nhỏ nào đó ở Thủ Đức, ở Vũng Tàu, hay Đà Lạt. Những ngọn đèn đường co ro rét mướt. Tất cả những cảnh ấy làm mình bâng khuâng vỗ về lại một chút hoài niệm cũ, vu vơ.. Trái tim lại bắt đầu rung lên bởi hồi những tiếng chuông xa vắng. Ừ, *tương kiến thời nan, biệt diệc nan.*

Tôi về đến L.A. lúc 11:00 giờ ở Cali. Anh Phạm Quốc Bảo ra đón, đưa về nhà ăn cơm. Lại những món hết sức Việc Nam, có cả cơm gạo lức nữa. Khi về, tôi được biết Nguyễn Bá Trạc cũng vừa xuống nam Cali thăm chúng tôi. Ngày hôm sau, tôi bỏ một buổi ngồi quán với các anh Trạc, Vũ Huy Quang và Phạm Duy, rồi ghé về nhà anh Phạm Duy để được nghe băng *Hát Chèo* và băng thơ *Chinh Phụ Ngâm* ngâm theo lối miền Bắc. Thật đặc biệt. NBT như thường lệ, sau đó, lại kéo tôi ra một tiệm Tàu ăn cơm vịt quay (có khi ông ấy trả tiền, có khi tôi trả), và, như thường lệ, lại "hạch sách" cô "chiêu đãi" một cách... âu yếm sao tiệm này không chịu dùng nước mắm. Cô "chiêu đãi" lại giải thích. T. lại lý luận. Cứ thế! Những cảnh như thế này đã xảy ra nhiều lần lắm rồi. Tôi lại nghĩ đến những cặp mắt ngây thơ, dò hỏi của những đứa con người bạn khi hỏi tôi ở xa đến chắc có chuyện gì. Tôi muốn hỏi anh T., đang ngồi cạnh tôi, "Này anh, anh ở xa xuống đây chắc có chuyện gì phải không?"

3

Từ Washington D.C. về, tôi có được một chồng sách quí, mấy cuộn băng nhạc hết sức đặc biệt, và một nỗi cảm động thắm thiết khi nghĩ đến sự đối xử của bạn bè và những tình cảm đẹp đẽ mà tất cả bằng hữu đã dành cho mình. Tôi biết là tôi sẽ giữ được chúng cho đến hết cuộc đời mình. Đó là bếp lửa ấm cho tôi tìm về giữa những tháng ngày lưu vong mệt mỏi và buồn bã của cuộc sống này.

Buổi tối, tôi mở cuộn băng *Hát Cho Kỷ Niệm* của Quỳnh Giao tặng ra nghe. Đúng là Quỳnh Giao hát cho kỷ niệm. Từ phần mở, những câu tâm sự chân thật, tha thiết và đẹp đẽ, phần đóng, những lời cám ơn hết sức hiền lành và khiêm nhượng, đến cách Quỳnh Giao chọn bài, đã rất trân trọng với kỷ niệm và với thính giả của mình. Chị đã để cả tấm lòng vào việc thực hiện cuộn băng đẹp đẽ này.

Những bài hát trong cuốn băng là những bài Quỳnh Giao đã hát trên làn sóng điện của Đài Phát Thanh Sài gòn trước kia khi chị hợp tác với các ban *Tây Hồ*, sau đổi thành *Tiếng Tơ Đồng*, của nhạc sĩ Hoàng Trọng, chương trình *Phạm Duy* của Phạm Duy, chương trình *Tiếng Nhạc Tâm Tình* của ca sĩ Anh Ngọc... Đó là những bài hát chọn lọc của kỷ niệm, chẳng hạn như "Kỷ Niệm" của Phạm Duy, "Trở Về Bến Mơ" của Ngọc Bích, "Giấc Mơ Hồi Hương" của Vũ Thành, "Ngọc Lan" của Dương Thiệu Tước, "Tiếng Thời Gian" của Lâm Tuyền & Dạ Chung, "Bạn Lòng" của Hoàng Trọng và Hồ Đình Phương, "Dạ Khúc" của Nguyễn Mỹ Ca, "Dạ Lai Hương" của Phạm Duy, "Mắt Biếc" của Cung Tiến, "Đêm Mầu Hồng" của Phạm Đình Chương, "Mưa trên Phím Ngà" của Văn Phụng...

Tiếng hát Quỳnh Giao so với những ngày còn ở Việt Nam bây giờ đằm hơn, ngọt hơn, và rõ ràng là có cái màu hoài hương ở bên trong. Những đoạn chuyển cung, hoặc những nốt láy nhẹ, chẳng hạn như trong *Kỷ Niệm*, cho ta thấy giọng của Quỳnh Giao hết sức điêu luyện đồng thời vẫn rất ngọt ngào và tự nhiên.

Quỳnh Giao cho biết chị chỉ thâu có năm mươi cuộn để gửi tặng bạn bè thân quý, những người hiểu và chia sẻ được những kỷ niệm của mình. Kỹ thuật thu âm khá giản dị nhưng lại rất cẩn thận với sự chăm sóc của anh Lê Văn. Tiếng hát Quỳnh Giao trong cuộc băng này chỉ được đệm bằng tiếng dương cầm, khi lồng lộng như gió cuốn trên cao, lúc sầm sập đe dọa như sóng xô trong tối, lúc lại thánh thót nhẹ nhàng như tiếng chân chim lách tách trên đầu mái những buổi tinh sương. Tiếng hát Quỳnh Giao chỉ nên đi với dương cầm chứ không nên đi với trống kèn hoặc những hợp âm điện tử của kỹ thuật hiện đại. Đó là một tiếng hát trong sáng, long

lanh như một giọt nước treo trên đầu ngọn lá. Tiếng hát ấy có khi lại mềm mại, nuột nà như lụa, như sa-tanh. Bởi thế, sự trong sáng, long lanh, mềm mại, nuột nà kia chỉ nên đi với tiếng dương cầm. Đó là một hôn phối đẹp đẽ và sang trọng. Những người được Quỳnh Giao nhờ giới thiệu trước những bài hát, trong đó có Cung Tiến, Mai Thảo, Phạm Đình Chương, Vũ Thành, Lê Văn, Văn Phụng..., qua cung cách trình bày và qua lối chọn lựa hình thức diễn đạt của họ, đã làm cuộn băng thêm phần giá trị.

Tất cả mười ba bài hát trong cuộn băng "Hát Cho Kỷ Niệm" đều đã được trình bày ở một mức độ nghệ thuật rất cao, và vì thế, phần nào, có thể kén chọn thính giả. Tuy nhiên, đối với người hòa điệu, những bài hát này là những mặt khác nhau của một viên ngọc lóng lánh đưa ta về cõi hạnh phúc. Tùy vào kỷ niệm, quá khứ, mộng mơ của mỗi thính giả mà các bài hát trong cuộn băng có thể được yêu thích một cách khác nhau. Riêng tôi, tôi yêu nhất những bài *Kỷ Niệm, Giấc Mơ Hồi Hương, Ngọc Lan, Mắt Biếc, Đêm Mầu Hồng, Dạ Khúc, Dạ Lai Hương*. Hình như những bài hát này nhắc lại cho tôi nhiều kỷ niệm những ngày xa xưa ấy, những buổi tối mưa rơi sùi sụt trong khu xóm nhỏ, phố xá đèn lửa leo lét, tôi nằm trên võng bật radio nghe những chương trình *Nhạc chủ đề* của Nguyễn Đình Toàn vào tối thứ Ba lúc 11:00 giờ, chương trình *Phạm Duy* tối thứ Hai lúc 10:30, chương trình *Tiếng Nhạc Tâm Tình* của Anh Ngọc tối Chủ Nhật lúc 9:30, chương trình *Tiếng Tơ Đồng* của Hoàng Trọng... Những bài hát trong cuộn băng "Hát cho Kỷ Niệm" của Quỳnh Giao đã mở về những khung trời xa vắng, có tôi bé nhỏ đi lang thang trên những đường rầy quạnh quẽ, có tôi buổi tối ngồi nhìn trăng lên trên đầu những ngọn cây bông gòn có tơ bay vướng vít. Xin cho tôi đi lại từ đầu ở những ngày kỷ niệm đó, những ngày có tôi ngồi cạnh tôi thôi, với quê hương chung quanh, nghe lòng mình mềm đi với những ước mơ và những hoài vọng thiết tha nồng cháy. *Cho đi lại từ đầu. Chưa đi vội về sau. Xin đi từ thơ ấu. Đi vui và bên nhau. Trong tim thì sôi máu. Khoé mắt có trăng sao. Bông hoa cài trên áo. Trên môi một nguyện cầu*... Tiếng hát như một dáng chim lả vào không gian kỷ niệm, tím thẫm màu chiều của dĩ vãng.

Một người bạn tôi ở Texas gọi điện thoại qua thăm, tôi cho nghe thử hai bài *Kỷ Niệm* và *Giấc Mơ Hồi Hương*, người bạn thích quá đòi nghe cả cuộn. Thú thật, tôi thương người bạn trả tiền *long distance* nên chỉ cho anh nghe thêm ba, bốn bài nữa. Anh bảo, nghe *Giấc Mơ Hồi Hương* của Vũ Thành, lúc giọng Quỳnh Giao vút lên cao và lả xuống như một cánh chim, lúc tiếng dương cầm chơi với, réo rắt, lồng lộng ở những *octave* tít tắp, anh ta có một cảm giác gai cả người vì hạnh phúc, như lần anh có dịp về Hà Nội

sau 1975, ôi Hà Nội điêu tàn nhưng vẫn có một nét gì thơ mộng, đứng trên con đê dài kéo suốt đến đường Cổ Ngư (đường Thanh Niên bây giờ), chỗ gần cầu Long Biên, ở dưới là tiếng vỗ đập sóng sánh của sông Hồng, xa xa là những đồng ruộng chạy dài ngút mắt, gió thổi tốc tóc và áo anh lên, tự nhiên anh muốn khóc khi đứng giữa Hà-Nội-buổi-chiều-như thế. Những lời ca và nét nhạc của *Giấc Mơ Hồi Hương* đã cắt thẳng vào rung động của chúng ta những đường cắt rõ nét và khó bôi xóa được. Tiếng hát Quỳnh Giao là một trong rất ít những tiếng hát hiếm, và quí, lột tả được cái ý, cái tình của bài hát và của tác giả. Cũng như với một số bài hát khác trong cuộn băng, Quỳnh Giao tự đệm dương cầm cho mình hát bài này. Chúng ta đừng quên Quỳnh Giao là một dương cầm thủ xuất sắc, xuất thân từ Quốc Gia Âm Nhạc Viện... Những bài khác, nhạc sĩ Văn Phụng đã giúp phần phụ đệm.

Nghe *Giấc Mơ Hồi Hương*, chính tôi cũng phải ngây ngất vì cái chỉnh thể hết sức đẹp đẽ của tất cả những nét nhạc, lời ca, giọng hát, và tiếng đàn ấy. Tự nhiên, tôi nhớ đến những đoạn văn đẹp và xót xa trong *Áo Mơ Phai* của Nguyễn Đình Toàn, *Bếp Lửa* và *Ung Thư* của Thanh Tâm Tuyền, *Đêm Giã Từ Hà Nội* của Mai Thảo...

Tôi tin là Quỳnh Giao hạnh phúc khi thực hiện cuộn băng này. Những người giúp Quỳnh Giao thực hiện cuộn băng cũng có hạnh phúc. Và những người nghe Quỳnh Giao hát cũng có hạnh phúc như thế.

4

Modern Poetry in Translation là tên tập đặc san người bạn đưa tôi mang về. Cái tập sách ngộ thật. *Modern Poetry* mà lại dịch thơ Đường. Ba mươi lăm bản dịch khác nhau của toàn là những người...khá cả. Tôi đọc phần danh biểu các thi-sĩ-dịch-giả thì thấy những người này toàn là những vị uyên bác như Willis Barnston, giáo sư dạy về văn chương tỷ giảo ở Uni. of Indiana, Bloomington, hoặc như Keith Bosley, nhà thơ và dịch giả, hiện làm cho đài BBC, đã từng dịch những tác phẩm của Nga, Phần-Lan, Việt-Nam và Pháp ra tiếng Anh. Bét nhất trong danh biểu này thì cũng là những sinh viên xuất sắc học về văn chương Đông Nam Á ở các đại học Mỹ.

Tôi đọc phần giới thiệu mới biết rằng sở dĩ có một tập hợp 35 bài thơ dịch *Hoàng Hạc Lâu* của Thôi Hiệu chỉ vì bài này quá nổi tiếng và rất khó để chuyển hết tình, ý của tác giả sang một bản dịch. Chính vì nhận chân được giá trị của bài thơ, cùng lúc, thấy được sự thách thức của bài thơ đặt ra cho dịch giả khắp nơi, Hualing Nieh Engle, hiện đang là giám đốc của *The International Writing Program* tại University of Iowa, mới quyết định, cùng với Angela

Elston, thực hiện một đề-án (project) về việc tập hợp những bài dịch *Hoàng Hạc Lâu* của các nhà thơ cũng như dịch giả danh tiếng của Anh và Mỹ. Thế là họ bèn gửi một bản dịch từng-chữ-một (mot-à-mot, word-for-word) —tiếng Anh gọi những bản dịch như thế là *a crib*, hay *a pony*, hay *a trot*, tất cả những từ này đều có dính líu tới ngựa cả, tại sao? — cho những vị có thẩm quyền về dịch, kèm theo một lá thư trình bày rõ mục đích đẹp đẽ của đề-án. Ngoài bản dịch từng-chữ-một như dưới đây:

Brown Crane Building
Former person once rode brown (yellow) crane away
Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ
This place emptily left brown crane building
Thử địa không dư hoàng hạc lâu
Brown crane once gone never again returns
Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản
White clouds thousand years empty long-long (slow-slow)
Bạch vân thiên tải không du du
Clear (sky) river clear-clear Han-yang trees
Tình xuyên lịch-lịch Hán-Dương thụ
Fragrant grass lush-lush Ying-wu Isle
Phương thảo thê-thê Anh-Vũ châu
Sun sets home place what point is?
Nhật mộ hương quan hà xứ thị ?
Mist waves river upon make person sad (melancholy)
Yên ba giang thượng sử nhân sầu

còn có một bản dịch xuôi (line transation) làm mẫu cho các dịch giả:

The immortal has ridden the brown crane away,
Now there is left only this pavilion.
The brown crane, once gone, will never return;
White clouds a thousand years emptily pass
In the clear light over the stream, clear is each leaf on the Han-yang trees,
Sweet grass grows heavy on Parrot Island.
The sun sets, which way is home?
Mist and waves on the river make me sad.

Ngoài tất cả những gợi ý ấy, bức thư còn kèm theo một bản viết chữ Hán rất đẹp, có ghi chú đâu là đầu đề, đâu là dòng một, đâu là dòng hai... của bài thơ (cho những ai có thể đọc được chữ Hán!) cùng với phần ghi chú, trình bày qua về thể thơ Đường (The Form) như kiểu học sinh Trung Học Việt Nam ngày xưa đã được học, các luật tắc, cách gieo vần, niêm, đối, về đặc tính của chữ, nghĩa và cú pháp Trung Hoa (The Language), và về bối cảnh cũng

như trường hợp sáng tác của bài thơ trên (The Legend).

Tất cả những điều đó được trình bày ở một mức độ tạm đủ cho những người được mời tham dự đề-án dịch thuật bài thơ *Hoàng Hạc Lâu*. Điều đặc biệt ở đây là hầu hết các dịch giả được mời tham dự "cuộc chơi" đều không hề có một hiểu biết rõ rệt nào hơn về bài thơ *Hoàng Hạc Lâu* cũng như không hề có một kiến thức căn bản nào về Hán văn. Họ chỉ có bản *crib* và các dẫn giải đại khái kia. Tất nhiên, như thế, họ sẽ phải dựa rất nhiều vào bản *crib* để hoàn tất bản dịch của họ. Chuyện này có vẻ là lạ, vui vui, nhưng đây là một khuynh hướng đang lan rộng trong văn-thi-giới Âu Mỹ. Ezra Pound, nếu không phải là người đầu tiên thì cũng là người nổi tiếng nhất trong lãnh vực dịch này. Ông đã dịch rất hay một số bài thơ chữ Hán, căn cứ trên những bản dịch từng-chữ-một cùng với các ghi chú của những nhà Hán học trong hội Sinologist Fenollosa.

Về phương diện ngôn ngữ, ta thấy dịch giả, hơn bất cứ một nghệ sĩ nào khác dùng ngôn ngữ làm chất liệu diễn tả, qua chính bản dịch của họ, phải cố gắng làm nổi bật được sự liên hệ tương-duyên-tương-khởi giữa cái *thể* và cái *chất*, giữa *phương tiện chuyên chở* và *nội dung diễn đạt*, giữa cái *xác* và cái *hồn* của một bài thơ. Theo thuyết của Sapir-Whorf, ngôn ngữ mà chúng ta sử dụng sẽ cho người khác thấy cái vũ trụ quan của ta, sự tư duy của ta, ý thức và chính bản thể của ta nữa. Nhưng, nếu tôi nhìn ngắm ngôn ngữ từ một góc cạnh chủ quan, nhìn vào bên trong con-người-sử-dụng-ngôn-ngữ của tôi, có thể tôi sẽ thấy là mỗi một con-người-tự-do có một sức mạnh riêng của nó trong việc sử dụng, nhào nắn ngôn ngữ. Ngôn ngữ quyết định cái nhìn, sự tư duy, và sự hiện hữu của bản thể tôi, nhưng tôi cũng có tự do để nhào nắn, bóp, uốn ngôn ngữ với sức mạnh của riêng tôi. Trong nghĩa này, đây chính là cái sức mạnh nóng hổi của mỗi con người riêng biệt khiến nó sáng tạo ra những thể, những cách sử dụng chữ nghĩa mới, nhờ vào cái tính chất dẻo dai, uyển chuyển của chính ngôn ngữ.

Những bài thơ dịch trong tập sách này được phô diễn dưới đủ mọi thể, mọi cách sắp xếp. *Hồn* của những bài thơ dịch có thể ở đâu đó, gần gũi với nhau, và nhận được mặt mày nhau, nhưng những cái *xác* của những bài thơ này thì có vẻ xa lạ với nhau quá. Có những bài thơ được kết cấu theo kiểu thơ của thi đoàn Bạch Nga Nguyễn Vỹ, có những bài thơ làm theo kiểu *graffiti* của Mỹ, giống như mấy bài thơ của các chàng "du sĩ" ghi vội lên tường, có bài được xếp theo kiểu một số bài thơ của e.e. cummings (Mỹ), nghĩa là không những các từ trong một câu bị chặt ra cho xuống

hàng, mà các mẫu tự (a,b,c,d,...) trong một từ cũng bị cắt đầu, cắt đuôi cho xuống hàng luôn. Dĩ nhiên, ngoài những cái *xác* rất lạ kia, cũng có những cái *xác* bình thường mà chúng ta có thể quan niệm được.

Dù sao đi nữa, trong các bản dịch này, cũng như các bản dịch Việt Nam bài *Hoàng Hạc Lâu* của Thôi Hiệu, gần như không có bài nào lột được cái ý thời sự của những cụm từ *Hán-Dương thụ* và *Anh-Vũ châu* trong nguyên tác. *Hán Dương* là một thành phố nằm về phía Bắc địa điểm nơi con sông Hán đổ vào sông Dương tử. Hán là tên một triều đại, cũng là tên để gọi nước Trung Hoa, và cũng là tên để gọi một người Trung Hoa hay một người đáng mặt *hảo hán* nói chung, như cách dùng của từ *Hán tử*. *Dương* là một mặt trong cặp Âm-Dương (yin-yang). Nó có nghĩa là "năng lực sáng tạo", "ánh sáng" (ánh dương), "sự sáng rõ", "tính động"...Bởi thế, *Hán-Dương thụ*, những cây ở thành phố Hán-Dương soi bóng trên mặt nước, gợi nhắc một cách kín đáo cho ta thấy sức mạnh hoặc cái ánh sáng tiềm tàng soi chiếu khắp chốn của dân tộc Trung Hoa được Thôi Hiệu gói ghém trong bài thơ. Cũng vậy, *Anh-Vũ châu* và những thảm cỏ thơm mượt (phương thảo thê thê) có một hàm ý văn chương và chính trị trong nó mà khó có bản dịch nào lột tả nổi.

Riêng tôi, tôi thích nhất bản dịch của Vũ Hoàng Chương làm sau 30. 4. 75, mặc dù tôi cũng rất thích bản dịch của Tản Đà. Bản của Vũ Hoàng Chương thê thiết và xót xa ở bốn câu cuối, nhất là ở hai câu cuối. Những cụm từ *còn nắng chiều* và *chẳng ai chơi* nghe ra rất ngậm ngùi. Hai câu cuối thì rõ ràng là Vũ Hoàng Chương đã gửi gắm tâm sự mình, cũng như tâm sự của cả một dân tộc, trong đó.

Tôi chép lại bài dịch thoát của Vũ Hoàng Chương ở đây, sau đó, chép lại 2 trong 35 bản dịch của tập *Modern Poetry in Translation*, để chúng ta chiêm nghiệm lại thuyết của hai nhà ngôn ngữ Sapir và Whorf, và thấy được cái sức mạnh kỳ diệu của chữ nghĩa, cũng như của những con người sử dụng chữ nghĩa đó.

Lầu Hoàng Hạc

Xưa hạc vàng bay vút bóng người
Nay lầu hoàng hạc chút thơm rơi
Vàng bay cánh hạc đi đi mãi
Trắng một mầu mây vạn vạn đời
Cây bến Hán-Dương còn nắng chiếu
Cỏ bờ Anh-Vũ chẳng ai chơi
Gần xa chiều xuống đâu quê quán ?
Đừng giục cơn sầu nữa sóng ơi

(Vũ Hoàng Chương, Sàigòn, Việtnam)

Sau đây là bản dịch của X.J.Kennedy. Bất cứ một sinh viên nào xuất thân từ một đại học Mỹ cũng phải biết X.J.Kennedy. Ông nổi tiếng nhờ soạn những cuốn sách giáo khoa có tính cách tổng hợp, dẫn nhập vào truyện và thi ca thế giới. Thuở còn đi học, tôi cũng đã từng say mê những cuốn sách giáo khoa rất đồ sộ và soạn rất công phu của X.J.Kennedy. Tập thơ mới nhất của ông là tập *The Phantom Ice Cream Man (Atheneum, 1979)*

At Brown Crane Pavilion

That old god-man rode off on his brown crane.
What's left behind? This dedicated shack.
A thousand years, hollow white clouds loll by.
Brown crane's long gone. Not likely he'll come back.

By river's glow each leaf struts every vein.
Parrot Island grass — oh, smell it! shed your shoes!
Sun knows its way down home. Wish I knew mine.
Got the mist on the river, waves on the river blues.

(X.J.Kennedy – Bedford, Mass.)

Và cuối cùng, đây là một bản dịch phải nói là... "hết sẩy"! Nếu vừa mê thơ Đường, vừa thích chữ nghĩa ngôn ngữ nói chung, vừa có tính khôi hài, thích nhìn vào những mặt ngộ nghĩnh, bất ngờ và không nghiêm trang của sự việc, tôi chắc rằng bạn sẽ thích bài này. Bởi vì nó "hết sẩy" quá, tôi mạn phép tạm dịch nó sang Việt ngữ và đặt bên cạnh bản dịch Anh Ngữ của Feroz Ahmed-Ud-Din. Ông này sinh ở Pakistan năm 1950 và học tại University of Dacca, Bangladesh. Năm 1975, ông đã xuất bản một tập thơ, tựa đề là *This Handful of Dust*. Ông ta biết tiếng Anh, tiếng Bengali, tiếng Urdu, tiếng Hindi, tiếng Ba-Tư và tiếng Ả-Rập. Ông cũng đã là một thành viên của *The International Writing Program* tại đại học Iowa năm 1976. Ông đóng góp hai bản dịch cho bài *Hoàng Hạc Lâu* của Thôi Hiệu, một bài tựa là "Yellow Crane Perch", một bài là "Launch Pad". Bài trước dịch sát nghĩa, tầm thường; bài sau rất "hiện đại", tôi xin ghi lại dưới đây.

Launch Pad	***Bệ Phóng***
This	*Đây*
is the yellow crane pavilion	*là cái lầu hạc vàng*
An old man did	*Có một chàng già*
blast off	*đã được bắn đi*
on a crane	*trên lưng một con hạc*
from this pad	*từ cái bệ phóng này*

Did he hit	*Chàng già có được bắn tới*
the moon?	*mặt trăng?*
mars?	*hỏa tinh?*
maryland, usa?	*hay mai-lệ-lan, hợp chủng quốc?*
You never know	*Bạn không bao giờ biết được*
The clouds	*Những đám mây*
haven't finished	*không ngừng*
looking for him	*dõi mắt tìm kiếm anh già*
The river,	*Dòng sông,*
mercury coated,	*tráng bạc,*
has all the trees	*in hình muôn cây lá*
in it. The grass	*trong nó. Bãi cỏ*
is green	*rờn xanh*
on Parrot Island	*trên đảo Con Kéc*
Where do I go	*Tôi biết đi đâu*
now	*bây giờ*
how should I act?	*Tôi phải làm cái gì đây?*
These earthly	*Những chuyện*
matters	*trần gian này*
drive me crazy.	*làm tôi điên mẹ nó cái đầu.*

Quả thật là con người đã sáng tạo và làm chủ ngôn ngữ, và cũng quả thực là ngôn ngữ đã nhận diện con người. Một anh Ấn Độ, học tại Mỹ vào cuối thế kỷ hai mươi, thế kỷ của phi đạn nguyên tử, của hạt nhân hạt dẻ, của dàn phóng, bệ phóng, ống phóng... thì dĩ nhiên phải dùng ngôn ngữ *hôm nay* để chuyển đạt ý thơ chứ. Đọc xong bản dịch của anh này, tôi cũng thực băn khoăn là không biết cái *anh già kia* đã bị bắn đi nơi nao, và tôi cũng muốn điền *cha* nó cái đầu. Bạn nào biết tin tức về *anh già*, nhớ cho tôi biết với. Thành thật cảm ơn.

Đoạn cuối bài này, viết về chuyện bài thơ *Hoàng Hạc Lâu* của Thôi Hiệu được dịch sang ngôn ngữ *hôm nay*, đúng ra, là một phần tạp văn có vẻ không có... liên hệ hữu cơ với cấu trúc của toàn bài. Nhưng thật ra, bạn bè thân mến, nó là một phần của bài này đấy. Nó lại làm cho tôi nhớ đến một thuở mộng mơ xa vời, những con đường nhỏ rợi rớt ánh trăng xanh, tiếng nước máy chảy ở đầu ngõ, giọng ca vọng cổ ngân dài hoặc xuống ngọt vào lúc nửa

khuya. Nó làm tôi lại muốn gặp lại bạn bè khắp chốn để ngồi nói vu vơ lại những câu chuyện cũ, những câu chuyện đã vương vất trên chúng cái màn sương lam của thời gian, của quá khứ. Tôi lại muốn, một lần nữa, được xin đi lại từ đầu. Xin cho tôi đi lại từ đầu, từ những ngày xưa trẻ dại.

Bùi Vinh Phúc
huntington beach, california
10 tháng 7, 1986

TUỔI TRẺ VIỆT NAM THẬP NIÊN 80
NGHĨ GÌ ? LÀM GÌ ? VIẾT GÌ ?
ĐỜI SỐNG VÀ CÂY BÚT CHÌ
CỦA TRẦN TRÚC GIANG

Đọc Trần Trúc Giang
Để tìm hiểu những cuốn hút của chính mình
Để thở với nỗi quay cuồng và đối kháng của tư tưởng, để hoà với nét viết tự nhiên không gò bó
Nét viết đầy âm thanh và hoạ tính
THẾ GIỚI LƯU VONG HÔM NAY ẤN HÀNH

ĐẶNG TRẦN CÔN & PHAN HUY ÍCH

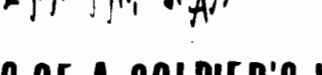

THE SONG OF A SOLDIER'S WIFE

a bilingual edition
translated and annotated by ***HUỲNH SANH THÔNG***
illustrated by ***TRÙNG DƯƠNG***

US$7.00 (including postage)
Yale Southeast Asia Studies
Box 13A Yale Station
New Haven, CT 06520 USA

Nguyễn Thị Bạch Yến

Hai người đàn bà không quê hương

Tôi gặp Thái Xuân lần đầu qua một kỳ trại hướng đạo tại Đàlạt, và ấn tượng ban đầu về Thái Xuân tôi còn giữ mãi. Nó khá cao so với những người con gái đồng tuổi, khuôn mặt phảng phất giống Audrey Hepburn, vui tính, bặt thiệp, hiểu biết nhiều. Sau này trong những tháng năm dài quen biết Thái Xuân, tôi thường bắt chợt nhiều giây phút thấy mình thầm ước ao được như nó, hay ít ra cũng được một phần những ưu đãi cuộc đời dành riêng cho nó.

Hè năm ấy tôi mới vừa xong đệ tam, sắp theo gia đình rời Đàlạt xuống sàigòn nên lần dự trại với đoàn nữ Lâm Viên, Đàlạt ấy đối với tôi cũng là lần chót. Thái Xuân không thuộc đoàn chúng tôi, nó là đoàn trưởng đoàn Mê Linh, Sàigòn, đang nghỉ hè tại Đàlạt. Vì là bạn thân của chị trưởng đoàn chúng tôi, Thái Xuân nhận lời chị mời, cùng dự trại ấy. Chúng tôi đi trại với lòng nhiệt thành hăng hái của những người con gái trẻ tuổi mê say cuộc sống hướng đạo, nhưng cũng với chút ưu tư của những người mới lớn linh cảm rằng những ngày bình an vô tư đã mất. Có lẽ còn lâu lắm, hoặc không bao giờ nữa, chúng tôi mới có thể tổ chức một kỳ trại khác. Rừng núi đã bị tước đi vẻ huyền bí kỳ diệu, nhưng chân thành của thiên nhiên, và thay vào đấy là những hiểm nguy tàn ác do người mang lại. Chúng tôi cứ muốn tin rằng những chuyến xe lửa bị giật mìn, những con đường liên tỉnh bị chận là chuyện xảy ra ở nơi nào xa xôi chưa thể ảnh hưởng đến cuộc sống bình lặng của chính mình.

Hai ngày đi trại để chúng tôi quen biết qua loa, rồi khi trại tàn, mỗi người trở về nếp sống riêng của mình. Thái Xuân về lại Saigon, và tôi sống nốt những ngày cuối tại Đàlạt sửa soạn cho một hành trình mới. Cha tôi thuộc loại tư chức lưu động, sở thuyên chuyển cha tôi từ tỉnh này sang tỉnh khác, nơi ở ba năm, nơi ở bốn năm. Tôi lớn lên vì thế không biết mình quê ở đâu, hay

người miền nào. Nơi chôn nhau cắt rún của tôi chỉ là những kỷ niệm tiềm thức còn quá non nớt để mà ghi nhận ôm ấp. Kỷ niệm học đường vì thế cũng thành rời rạc. Thầy bạn chưa đủ thân để mà thương nhau thì tôi phải theo gia đình đi tỉnh nọ miền kia. Tôi nhớ không hết các trường lớn nhỏ tôi đã đặt chân qua. Tôi mơ một nơi cố định, một trường bền vững để tôi vun xới tình cảm, xây đắp tương lai. Nên khi biết mình được nhận vào lớp Đệ Nhị B-1, nữ trung học Trưng Vương, tôi thấy giấc mơ của tôi đã bắt đầu có hình thể, chớ không còn là nỗi mơ ước vu vơ, chẳng dừng nữa. Mẹ tôi góp hụi mua cho tôi một chiếc vêlô cũ, cha tôi cho tôi cây viết Pilot mới màu xanh, và tôi để dành tiền sắm hai áo dài phin trắng mới, hãnh diện và cảm động không kém chi hôm thấy số báo danh mình trên danh sách những thí sinh thi đậu trung học. Ngày tựu trường, chẳng biết lá ngoài đường có rụng nhiều, hay mây trên trời có bàng bạc, nhưng tôi biết lòng tôi nô nức lắm. Tựa trên hành lang lầu hai nhìn xuống hàng ngàn tà áo trắng loáng thoáng trong nắng sớm dưới sân trường, tôi thấy lòng nao nao, biết mình đã tìm được những gì mình mất mát bao năm nay. Tôi tin rằng sẽ không bao giờ tôi quên được hình ảnh diễm kiều ấy.

Tôi gặp lại Thái Xuân, cả hai chúng tôi học cùng một lớp. Tuy cùng một lớp nhưng có thể chúng tôi là hai thế giới riêng biệt. Thái Xuân theo học Trưng Vương từ năm đệ thất, thuộc vào nhóm nữ sinh kỳ cựu, trong lớp ngồi phía trên, "xóm nhà gạch", gồm toàn những nữ sinh ưu tú. Những hàng phía sau, "xóm nhà lá", là nơi trú ẩn của những nữ sinh tối dạ hơn, hay lơ đãng, ưa đọc lén thư tình trong lớp. Tôi với bản tính nhút nhát, chọn bàn cuối mà ngồi, nên vốn đã hay mơ mộng, tôi lại càng thêm lãng đãng nước mây.

Nếu không vì Thái Xuân cố tình làm thân, tôi chắc cũng chẳng nhân cớ quen nhau qua một kỳ trại mà chen vào thân mật với nhóm nữ sinh xa lạ ấy. Có lẽ ban đầu Thái Xuân muốn tôi bớt bỡ ngỡ trong khung cảnh mới, đến giờ ra chơi Thái Xuân hay rủ tôi đi mua thức ăn sáng bán tại nhà bác cai trường. Sau thành thói quen, đi đâu Thái Xuân cũng rủ tôi đi cùng. Tôi lớn lên tại các tỉnh nhỏ, gia đình lại hơi nghiêm khắc nên thế giới của tôi rất là eo hẹp. Thái Xuân đến như luồng gió mạnh mở tung cánh cửa cho tôi ra thế giới bên ngoài, cho tôi biết đời không chỉ có thầy và lớp học mà thôi. Tôi theo Thái Xuân khám phá Sài gòn. Những hôm được về sớm, chúng tôi lê la các tiệm vải hàng giày, mê man trong các hiệu sách, và ngồi nguyên cả buổi chiều trong rạp xi nê suýt xoa mơ mộng các chàng tài tử. Hai đứa suýt soát tuổi nhau nhưng kiến thức của Thái Xuân phải khiến tôi vị nể. Ngược lại, Thái Xuân kiên nhẫn và chìu tôi lắm, trong thái độ của nó có chút gì bảo bọc, có chút gì ân cần. Mặc cảm tự ti của con nhà nghèo, học dốt của tôi dần dần biến

mất, thay vào đấy là sự ái mộ thật tình. Tôi chiêm ngưỡng Thái xuân như chiêm ngưỡng một kỳ công của tạo hóa.

Khi viết những giòng này tôi vẫn còn mường tượng ra được nỗi mê mẫn của mình với sắc đẹp và óc thông minh của Thái xuân. Có lẽ vào dịp thôi nôi của Thái Xuân, các bà tiên hiền lành đến dự đã xử dụng đến mức tối đa đũa thần của mình. Tiên này cho mắt sáng long lanh, tiên kia cho nụ cười tươi tắn. Và không biết tiên nào đã cho Thái Xuân một khối óc thông minh tuyệt vời. Để tất cả tạo thành một người con gái mà danh hiệu "hoa khôi Trưng Vương" mới chỉ diễn tả một phần. Thái Xuân là một trong những nữ sinh ưu tú nhất của trường, phần thưởng danh dự nàng lãnh mỗi năm. Tôi vẫn còn nhớ nỗi thèm thuồng của mình khi lần đầu tiên đến nhà Thái Xuân, được thấy tủ sách nó cất giữ các giải thưởng. Ôi thôi không thiếu một loại sách, một cuốn tự điển nào, và nguyên cả một thùng đầy những bằng danh dự, huy chương. Năm ấy Thái Xuân được chọn đại diện Trưng Vương tham dự kỳ thi văn chương toàn quốc nhân ngày lễ Hai Bà Trưng. Thế mới biết khi Thượng Đế đã cho, Ngài thật dồi dào. Thái Xuân không những đã đẹp và học giỏi, nó lại sinh trưởng trong một gia đình danh giá: bố là thẩm phán và mẹ dạy tại trường Quốc Gia Âm Nhạc. Thái Xuân thừa hưởng tài năng của mẹ, chơi đàn dương cầm rất hay.

Những lực gì đã khiến Thái Xuân và tôi thân nhau tôi cũng không rõ. Phần tôi ái mộ nó, đó cũng là điều dễ hiểu, nhưng so với Thái xuân, tôi chẳng có gì đặc sắc để mà góp vào tình bạn giữa hai đứa. Thái Xuân rủ tôi gia nhập đoàn Mê Linh nhưng tôi chối từ. Chủ nhật là ngày tôi dành riêng để làm chuyện nhà, giặt ủi áo quần, chùi dọn nhà cửa giúp mẹ tôi. Mục tiêu đời tôi lúc ấy là thi đậu tú tài, nếu không đậu chắc phải khổ đau lắm lắm, nên tôi quyết không nhận. Đời sống hướng đạo tôi xếp vào dĩ vãng vì thấy mình hết ưa mạo hiểm, hết thích xông pha. Cứ cho tôi làm người đứng bên ngoài quan sát cuộc đời là tôi mãn nguyện. Tôi chôn vùi tuổi mười sáu, mười bảy học thi, đêm ngày miệt mài giải toán. Trong khi ấy Thái Xuân đầy năng lực và nhiệt huyết, bận rộn với biết bao công tác xã hội, từ cứu giúp đồng bào hỏa hoạn cho đến những ngày Chủ nhật đi quanh phố gắn nơ quyên tiền cho cây mùa xuân binh sĩ. Thái Xuân đưa đoàn Mê Linh lên hàng kiểu mẫu, nhận không biết bao nhiêu huy chương và lời khen tặng từ các huynh trưởng.

Nhưng Thái Xuân không để tôi yên. Cuối năm ấy, sau khi thi xong, đang lúc chờ đợi kết quả, nó rủ tôi gia nhập ca đoàn Nguồn Sống, của một nhóm sinh viên học sinh Công Giáo. Tôi không có lý do chối từ, hơn nữa tôi cần một hoạt động tích cực nào ấy để tạm quên đi nỗi hồi hộp băn khoăn chẳng biết bài thi mình có đủ điểm hay không. Thái Xuân thì đã bắt đầu luyện thi Tú Tài hai càng làm

tôi thêm luýnh quýnh. Đối với nó, vấn đề chỉ là bình hay ưu mà thôi. Tôi gia nhập ban hát cũng vì phần tò mò muốn được gặp người trưởng ca đoàn, anh Tuấn, tôi đã có nhiều lần nghe Thái Xuân nói về anh, một trong hai người đàn ông (người kia là anh Bảo) nó thương và quý nhất trên đời. Khi được giới thiệu với Tuấn, tôi ngẩn cả người ra — A, thế ra cậu "đẹp trai, con nhà giàu, học giỏi" là có thật — và lại càng thấm thía những thiếu sót của thế giới mình đã sống. Đối với tôi, Tuấn còn hơn thế nữa. Anh là giấc mơ, là trái mộng của cây đời mà tôi biết tay mình không bao giờ với tới.

Óc thông minh giữa Thái Xuân và tôi tuy có chênh lệch đến đâu nhưng con tim của những người con gái tuổi mười bảy đập cùng một nhịp. Tôi và nó cùng cảm anh Hoàng Minh Tuấn. Mỗi tuần, những giờ tập hát là những kỷ niệm tôi ôm ấp nâng niu. Tôi thở theo từng nhịp hát, trầm ngâm theo từng điệu đàn. Tôi lặng hồn nhìn tay anh vút cao đánh nhịp như lời kêu mời khẩn thiết lên đỉnh tình yêu chất ngất, rồi như nghe sóng biển dạt dào khi tay anh dần dần chậm nhịp. Tôi ngẩn ngơ khi nhạc tàn, và ôi, tôi mơ một bàn tay giam tôi trong cuộc tình đầy.

Tôi thương mối tình thầm lặng của mình vì chưa vào cuộc, tôi đã biết mình sẽ không bao giờ tham gia cuộc chiến. Với đầu óc minh mẫn của những người tự hào đi ban toán, và càng thêm minh mẫn với mối tình câm của mình, tôi biết anh Tuấn tim hồn đã trọn với Thái Xuân. Anh quen Thái Xuân từ khi nó còn là cô bé con hay vòi vĩnh mỗi khi anh đến chơi với anh Thái Bảo. Cho đến hôm nay anh vẫn không tưởng được rằng cô bé trong đồng phục hướng đạo chạy lăng quăng anh gặp những ngày chủ nhật bỗng thoát xác thành người con gái diễm kiều bên chiếc dương cầm, bàn tay loáng thoáng trên những phiếm đàn. Anh phân vân với tình cảm mới khám phá, không dám cả quyết rằng sự quý mến anh dành cho Thái Xuân là tình yêu, nhưng cũng không thể nào kiềm chế được tâm trí đừng ngày đêm suy tưởng đến nàng. Anh ở vào một vị thế hơi khó xử, không thể đường đột thay đổi lối đối xử anh vẫn dành cho Thái Xuân bao năm nay, và chuyện tán tỉnh phất phơ Thái Xuân như đối với bao người con gái khác là điều anh không hề dám nghĩ đến. Về phần Thái Xuân, có thể nó có trí thức của một người trưởng thành tuổi ba mươi, nhưng tình cảm vẫn là của người con gái mới lớn, chưa biết đến uy quyền của sắc đẹp mình. Thái Xuân vẫn ngại rằng nó muôn đời đóng vai em gái với Tuấn. Nên cả ba chúng tôi tiếp tục gặp nhau với tâm tình riêng, và tôi nay bỗng có thêm nguồn giải trí mới: quan sát những diễn biến tình cảm giữa Thái Xuân và Tuấn, và mỉa mai thay đó là lối giải trí chỉ làm tôi thêm đau đớn.

Mãi hơn một năm sau mối nhạc tình giữa Tuấn và Thái Xuân mới được viết nên lời nhưng cũng chẳng đi đến đâu vì Thái Xuân, với hai bằng tú tài ưu hạng, nhận được học bổng, đang sửa soạn giấy tờ du học. Tuấn tốt nghiệp y khoa năm ấy và tương lai sẽ nhập ngũ đang chờn vờn trước mắt. Riêng tôi phải gọi là đen tình đỏ bạc, tôi đỗ cả hai kỳ tú tài, tuy là đậu vớt. Chẳng lẽ suốt đời sống mãi với mối tình câm, hơn nữa nếu không lấy được người của lòng ước mơ thì lấy ai cũng vậy, nên tôi nhận lời lập gia đình khi Cận ngỏ lời.

Mười tám tuổi, Thái Xuân đi du học, tôi đi lấy chồng. Chúng tôi rủ nhau bát phố một lần cuối trước khi mỗi đứa đi mỗi ngã. Ngồi bên này tiệm kem nhìn sang bên kia tòa nhà Quốc Hội, Thái Xuân hỏi tôi sao lấy chồng sớm vậy, phí thế, không tiếc gì sao. Tôi trả lời lấy chồng sớm, có con sớm, vui chứ sao lại tiếc. Nó vẫn nghĩ tôi là người bỏ cuộc, đưa ra nhiều ý tưởng dài dòng rằng đời là phấn đấu, nhưng tôi chỉ cười chủ bại: "Có bao giờ bạn hiểu được nỗi khổ tâm của những người sinh ra thượng đế bắt tầm thường, chẳng tài năng gì không. Họ cũng ước mơ, nhưng ước mơ họ nhỏ nhoi để không thất vọng, không phũ phàng. Họ cũng muốn tranh đấu nhưng không có vũ khí thì tranh đấu với ai."

Thái Xuân có lẽ bực mình với tôi lắm vì nó bảo tôi có đầu đất sét. "Bạn xem bao nhiêu người con gái Việt Nam có bằng Tú Tài hai ban Toán mà lại gọi tầm thường." Rồi nó cố gắng một lần cuối cải hóa tôi, trích một câu danh ngôn nào đó: "Đời là một cổ tiệc, sao lại để mình chịu đói." Lời nó nói cứ lởn vởn trong óc tôi mỗi khi tôi cho con bú, hay giặt tã phơi từng hàng, và thức trắng đêm những hôm con bịnh. Hai chứng chỉ tú tài tôi bọc plastic, treo trong bếp khói ám đen sì.

Vậy mà đã mười mấy năm qua. Những kỷ niệm xưa như con nước lớn nước ròng cứ chảy đi chảy lại hoài trên một giòng sông. Gặp lại Thái Xuân sau hơn mười mấy năm bặt tin đã làm sống dậy trong tôi những hình ảnh cũ mà tôi tưởng mình đã lãng quên. Thái Xuân đi xích lô vào tận trong ngõ hẻm căn gác nơi tôi vẫn sống bao năm nay. Không ngờ nó vẫn còn nhớ lối vào. Sau giây phút đầu ngỡ ngàng, chúng tôi ôm chầm lấy nhau, cảm động dạt dào. Tôi chỉ còn một mình nên mời Thái Xuân ở lại nhà tôi vài hôm, những ngày chót tại Việt Nam vì tôi sắp đi Gia Nã Đại để được đoàn tụ với gia đình. Gia đình đây là em gái và hai đứa con tôi đi từ dạo ấy. Chúng tôi ôn lại chuyện cũ và kể tiếp cho nghe đoạn đời đã qua. Ôi, như tự thuở nào, Thái xuân vẫn là tượng trưng tối hậu của một đời mà tôi thèm muốn ước mơ. Chỉ còn hai tháng trước khi Thái Xuân xong luận án thạc sĩ kinh tế học thì nước mất. Thái Xuân ôm mối buồn riêng với giấc mơ hồi hương bị gián đoạn. Rồi nàng lập

gia đình, chồng Thái Xuân là khoa trưởng thuộc một viện đại học danh tiếng bên Hoa Kỳ. Cả hai đều dạy tại đại học đường ấy.

Nhưng có chút gì luyến tiếc, vấn vương trong thái độ của Thái Xuân. Nàng như Từ Thức về lại cõi trần. Những năm sống ở ngoại quốc là giấc mơ, và trong giấc mơ Thái Xuân đã mơ được về lại trần gian. Rồi từ những giọt nước mắt rơi lặng lẽ khi máy bay đáp xuống phi trường Tân Sơn Nhất cho đến cảm giác lạ lùng bứt rứt khi nàng ngồi trên chiếc xích lô với người phu xe ốm yếu còng lưng đạp, chạy lạng quạng trên những con đường dập dìu xe đạp, nửa xa lạ nửa quen thuộc của thành phố mến yêu cũ, Thái Xuân không biết đâu là thật đâu là mơ nữa.

Ngõ vào nhà tôi làm Thái Xuân tái tê không ít. Bao lần Thái Xuân đã dẫn xe vào hẽm, nghe tiếng trẻ con trưa hè ê a bảng cửu chương, và tiếng thước cô giáo gõ nhịp đều trên bảng. Giờ chỉ còn tiếng vịt gà kêu quang quác.

Đây là quê hương mà nàng ôm ấp bao năm xa xứ, lịm cả hồn trong những buổi chiều tắt nắng khi tưởng nhớ đến, thối thoát lần lữa ngày làm dân xứ khác cũng vì quê hương này, vậy mà sao giờ đây đứng trước quê hương, Thái Xuân không cảm thấy thỏa lòng. Sự xa lạ giữa nàng và quê hương làm Thái Xuân cô cùng đau đớn. Thái Xuân không thể ngờ rằng mình lại có cảm giác ấy. Có khác chi được gặp lại người tình yêu dấu cũ sau bao năm xa cách thì cả hai lại ngoảnh mặt làm ngơ.

Nỗi u uất ấy lại càng rõ ràng hơn khi Thái Xuân rủ tôi cùng đi với nàng ra Vũng Tàu một lần cuối. Thái Xuân đi để giữ một lời hứa nào ấy với Tuấn ngày xưa, và tôi đi để chìu nàng. Bỗng dưng vai trò đổi ngược tôi thấy như mình già quá tuổi, nay thành người lo lắng bảo vệ Thái Xuân. Chúng tôi thuê xe ra đến Bãi Trước và từ đó đi bộ khá xa tìm đến ngôi chùa trên núi ngoài Bãi Sau. Nhưng khi đến gần, Thái Xuân đổi ý, không bước vào, chỉ tần ngần lặng yên nhìn nét điêu tàn nơi ngày xưa đã làm chứng nhân biết bao kỹ niệm. Nàng và Tuấn đã một lần đi bộ từ Bãi Trước đến chốn này, lần đầu tiên Tuấn tỏ tình tại đây, rồi cũng tại đây Tuấn tính chuyện tương lai không bao giờ thành đạt. Trước ngày Thái Xuân du học, hai người đứng nơi này nhìn ra biển cả mênh mông không ai dám hứa với ai điều gì, cũng không dám ràng buộc nhau. Không nói ra nhưng cả hai cùng biết Thái Xuân đành chịu mất mối tình chớ không thể nào chịu mất giấc mơ. Và giấc mơ lúc ấy vượt quá đường chân trời nơi cuối tầm mắc Xuân. Cùng một trời, cùng một nước mà Tuấn nhìn chỉ thấy ngàn trùng xa cách, trong khi Thái Xuân dáng niềm kiêu hãnh thấy lòng rộn ràng văng vẳng đâu đây tiếng gọi viễn du.

Chiều nay sóng không cao lắm, nhưng tiếng sóng đập vào bờ

đá rõ mồn một. Thái Xuân thở dài, đứng bó tay, lặng yên nhìn mông lung ra phía biển dưới xa. Mối tình với Tuấn, không được chăm sóc, yếu mệnh chết dần mòn. Giờ đây, cũng trời này, cũng biển này, cũng bãi đá này nhưng chỉ còn Thái Xuân một mình đứng thương nhớ vu vơ.

Khi về lại căn gác nhỏ của tôi với bao thứ bề bộn, tôi mang ra một thùng những hình ảnh giấy tờ tôi còn cất giữ mười mấy năm nay. Chúng tôi thức thật khuya đêm ấy ôn lại từng tấm ảnh, nhớ lại từng kỷ niệm của đoạn đời học sinh tươi đẹp. Kỷ niệm là quê hương, và quê hương nay chỉ còn là kỷ niệm. Khi du học Thái Xuân không mang theo bao nhiêu. Mỗi thứ nàng xếp vào trong tủ, hay đóng từng thùng lưu trữ trong phòng, và mất tất cả khi gia đình Thái Xuân phải bỏ nhà di tản. Thái Xuân mân mê tấm ảnh chụp nhân ngày Cách Mạng, chúng tôi trong áo dài trắng, tà áo phất phới bay, đang diễn hành trên đại lộ Thống Nhất, với Thái Xuân đi hàng đầu cầm cờ rạng rỡ. Tôi moi từ đáy thùng ra tờ bích báo Xuân Trưng Vương năm chúng tôi học đệ nhất mà Thái Xuân làm chủ bút, với trang bìa chính tay nàng vẽ, với lá thư đầu năm chính tay nàng viết. Thái Xuân đọc lại lá thư của mình, ôi anh dũng và khí khái làm sao lời thư của những người con gái ưu tư và buồn phiền trước quê hương đổ nát, nhưng đầy hy vọng cho một tương lai thôi hận thù, hết chiến tranh. Thái Xuân đọc lời kết luận bức thư nó viết mười mấy năm xưa, rưng rưng nước mắt: "Xin cho đất nước mến yêu sớm được thanh bình thống nhất, hưng thịnh; cho dân tộc đau thương sớm được sống yên vui no ấm để những khổ đau hôm nay sẽ làm hoa hạnh phúc cài đầu mai sau." Tôi tặng Thái xuân tờ báo Xuân năm ấy vì tôi không biết cho một người có đủ mọi thứ món quà gì. Ít ra tôi cho nó chút dằn vặt tiếc thương.

Chúng tôi trăn trở gần một tiếng đồng hồ mà chưa ngủ được. Những kỷ niệm xưa cứ chập chờn trong trí. Không hiểu sau này khi cuộc sống ổn định, tôi có biết được tiếc thương chăng, nhưng hiện nay sau bao năm vật lộn bon chen tranh sống, phải đứng sắp hàng để mua chút khoai mì, tôi mỏi mệt lắm rồi. Khi cầm giấy phép với chắc ngày được ra đi, tôi đã sống trong náo nức mong chờ. Nếu không đi được chắc tôi sẽ chết lần mòn. Bên kia giường, Thái Xuân chợt hỏi tôi còn nhớ lần hai đứa dự trại hướng đạo tại Đàlạt không. Tôi nghĩ đến vở hài kịch câm mà Thái Xuân đã dạy chúng tôi cho đêm lửa trại, mỉm cười một mình trong tối. Nhưng Thái Xuân với giọng rất buồn, ca khẽ bài ca nhảy lửa. Một đêm nào đó trong dĩ vãng xa xôi, giữa rừng khuya dưới bầu trời Đàlạt đầy sao và lạnh ngắt, chúng tôi đã nắm chặt tay nhau quanh đống lửa bập bùng nguyện rằng: "... Đưa cao tay thề, nguyền sống chết với giang san..." Rồi khi đêm đã khuya, lửa sắp tàn, với những bàn tay còn

siết chặt lấy nhau, chúng tôi ngồi lặng lẽ nghe dư âm của lời ca mình vừa tự hứa: "...Hẹn ngày mai này thái bình ta trở về..."

Tôi quay đầu nằm sấp, chùi nước mắt xuống gối. Ngày mai này cả hai đứa cùng đi. Thái Xuân về lại đại học đường của nó với nỗi ray rứt của những người nhận rất nhiều nhưng chưa đền đáp được bao nhiêu, và tôi ra đi, tìm tương lai, tạo định mệnh, xây dựng lại cuộc đời. Thái Xuân ơi, tao đâu có muốn tiếc thương lúc này.

Nguyễn Thị Bạch Yến

TAM AUTO CENTER

1610 N. Fairview St. Santa Ana, CA 92706
(Góc Westminster và Fairview)

(714) 554-2314

LÀM ĐỒNG - SƠN
SỬA CHỮA VÀ BÁN TẤT CẢ CÁC LOẠI XE

Đặc biệt làm máy xăng, dầu, Tune-up
Làm thắng - Rebuild hộp số - Carburator

Mở cửa từ 7 giờ sáng đến 7 giờ chiều
Chủ nhật từ 7 giờ sáng đến 12 giờ trưa

Hoàng Liên

Ánh sáng và bóng tối

(tiếp theo kỳ trước)

Chương hai
Đường ra Bắc

IX
Bước đầu của cuộc lưu đày và cái chết của một người bạn tù.

Từ 7 giờ sáng, chúng tôi đã sẵn sàng, và tập trung ở ngoài sân. Hành trang thật đơn giản: đeo trên vai chỉ có một miếng vải cũ gói bộ quần áo, tấm ni lông, và cái võng. Riêng tôi, vẫn giữ cái xách tay bằng nhựa, buộc thêm dây để cùi sau lưng. Mỗi người cầm ở tay một chiếc gậy bằng cây khá chắc chắn.

Lộc ngắm chiếc áo bà ba đen và cái quần ngủ màu xanh da trời của tôi, mỉm cười, thì thầm:

— Tôi hiểu dụng ý của bác.

Lộc nhận xét rất tinh tế. Tôi cố tình không mặc toàn bộ bà ba đen do trại giam phát, mà dùng chiếc quần ngủ, để, trên đường đi, nếu gặp quân đội Việt Nam Cộng Hòa hành quân, thì họ biết ngay tôi không phải là cán bộ hay dân quân, mà một can nhân bị bắt trong đêm, khi đang bận quần ngủ.

Mấy người bộ đội gọn gàng trong những bộ đồng phục màu xanh lá cây hay phân ngựa, quây quần hút thuốc lá. Một anh nuôi đeo mấy cái soong bên hông, và một cái chảo to tướng, đen thui đằng sau lưng. Giám thị trại giam, Tuy, Thuần và Tùng đều có mặt. Weaver lặng lẽ đứng một mình dưới một gốc cây. Bỗng hai phạm nhân khỏe mạnh khiêng chiếc võng tre ra, và Thuần lên tiếng gọi Godwin. Gầy gò, tiều tụy, nước da xanh mét, Godwin chậm rãi chống gậy leo lên mấy bậc cấp trơn ướt, từ bệnh xá bước ra sân.

Chúng tôi ngạc nhiên, không ngờ anh cùng đi với chúng tôi. Thuần ra hiệu cho anh nằm lên võng. Nhìn tấm thân mảnh dẻ của anh ngả xuống mặt võng, lòng tôi nao nao, xót thương vô hạn. Mới đây, tôi đã tiễn một người bạn tù ra khoảng đất trống sau trại, để anh vĩnh viễn nằm xuống giữa cỏ cây, nhưng xác người bạc mệnh đã cứng đờ, không còn gợi nhớ đến những quằn quại đau đớn của người mới khuất. Lần này, tôi bùi ngùi nghĩ rằng đây là một đám ma chôn một người chưa chết, một đám tang mở đầu cho một cuộc hành trình đầy gian lao nguy hiểm, chưa biết sẽ đưa chúng tôi đến đâu, và sẽ chấm dứt vào lúc nào.

Tuy rút một cuộn dây, rồi vừa buộc tay Tứ với Weaver, Lộc với tôi, vừa giải thích :

Đây là luật đi đường, các anh đã biết rồi.

Tất nhiên, chúng tôi đều rõ, nhưng tôi còn nghĩ thêm rằng Tuy cố ý không buộc tôi vào với Weaver, vì sợ chúng tôi trò chuyện với nhau trên đường đi.

Chúng tôi xếp thành hàng một: Thuần đứng trước chiếc võng của Godwin, rồi đến bốn anh em chúng tôi; tiểu đội vũ trang đi sau cùng với Tùng.

Giám thị đưa tay ra hiệu:

— Các anh lên đường. Trong thời gian di chuyển, các anh sẽ được hưởng tiêu chuẩn của bộ đội.

Tuy chào chúng tôi, chúc đi đường bình an. Tôi quay nhìn vào phòng của Đệ: anh tựa cửa, lạnh lùng nhìn những người ra đi. Mấy hôm trước, anh có ngỏ ý với Tuy, xin được chuyển trại cùng với chúng tôi, nhưng không được chấp thuận. Khi đoàn người vượt qua chỗ ông Minh, ông vui vẻ vẫy tay từ biệt.

Trèo lên một cái dốc ngắn, chúng tôi đi qua trước ngôi nhà cán bộ. Bỗng một người mặc áo kaki từ trong nhà chạy ra, nói to:

— Các anh đi bình yên nhé! Anh L. đi mạnh giỏi nhé!

Đó là Bình. Bình gọi tên tục của tôi ra, cái tên mà ít người biết, và vồn vã chúc riêng tôi như vậy, có ngụ ý gì? Rõ ràng, Bình mỉa mai và đe dọa tôi. Tôi không trả lời, chỉ vẫy tay chào lại.

Trước mặt đoàn lữ hành, con đường đất xuyên rừng, quanh co lên xuống, len lỗi dưới những lùm cây thấp, hay dưới tán lá um tùm của những thân cây già. Chúng tôi rảo bước nhanh, lâu lắm mới được dừng chân ngồi nghỉ để lấy lại sức. Rừng âm u, cành lá để lọt những mãng nắng vàng tươi chập chờn theo nhịp chân đi. Những ngọn núi, với những nét cong dập dìu, nối tiếp nhau trong hoang vắng. Không một bóng người, không một dấu vết canh tác, không một ngôi nhà, không một trạm giao liên. Thỉnh thoảng, mới thấy một con đường dốc được xén thành bậc thang, có lẽ để cho bộ đội di chuyển được dễ dàng. Đó là biểu hiện duy nhất của

bàn tay con người, trong vùng đất chưa được khai phá nầy.

Bóng chiều đổ xuống rất nhanh. Người mệt nhoài, chúng tôi lê chân trên mặt đất gồ ghề. Con đường chỉ còn là một vệt màu hồng mờ nhạt. Phía dưới một con dốc dài, một ngôi nhà thấp, nhỏ đứng lạc lõng bên đường, nấp sau mấy cành cây lớn, lá sum suê che nửa mái tranh cũ kỹ màu nâu sẫm. Đoàn người ngừng lại. Thuần vượt lên trước, tiến theo ngõ hẹp dẫn vào nhà. Chúng tôi cảm thấy nhẹ nhõm, ngồi nghỉ ở ngoài sân. Thuần bước vào căn nhà tối om, phên tre cột gỗ đều ám khói. Một người đàn ông đứng tuổi, khỏe mạnh trong chiếc áo sơ mi nhà binh cũ, bước ra hiên, chào Thuần, và hai người thì thầm thảo luận. Một lúc sau, Thuần quay bảo mấy người bộ đội và chúng tôi:

— Chúng ta nghỉ đêm tại đây. Các anh ra suối rửa ráy đi.

Vòng ra phía sau nhà, một con dốc thoải dẫn đến bờ suối. Người ướt đẫm mồ hôi, và mặt, cổ, tay, chân bị bụi đường bám đầy, chúng tôi muốn tắm cho khỏe người, nhưng trời chiều đã trở lạnh, nên chỉ rửa mặt và chân tay rồi trở vào nhà.

Ngồi trên chiếc sạp rộng bằng tre, lắng nghe câu chuyện giữa Thuần và người Thượng chủ nhà, tôi được biết ngôi nhà này là một trạm liên lạc. Cán bộ, bộ đội, đi công tác qua con đường này, đều nghỉ chân tại đây. Có lẽ người Thượng này còn được tổ chức để làm mật báo viên. Việt cộng đã khéo lợi dụng họ. Tôi từng thấy đồng bào Thượng ở các vùng lân cận đem khoai sắn đến cung cấp cho các trại giam. Vả chăng, sống rải rác trong các vùng hẻo lánh, cách xa chính quyền quốc gia, họ có ngả theo Việt cộng thì cũng dễ hiểu.

Thuần cũng ngồi xuống sạp, mở ba-lô, lấy một cái bọc con, rút ra một cuộn chỉ nhỏ và vài cái kim khâu, đem biếu chủ nhà. Anh làm công việc này một cách khá nghiêm túc: đó là một công tác dân vận.

Mấy người bộ đội chia nhau đi kiếm củi, vo gạo, nhen lửa, nấu cơm ở bờ suối. Chỉ một lúc sau, chúng tôi đã quây quần bên soong cơm nóng. Tuy ngồi chung với cán bộ, bộ đội trên sạp, chúng tôi vẫn ăn riêng. Đặc biệt, hôm nay có một miếng cá hồng phơi khô được kho nước lại. Như vậy, phần nào chúng tôi được hưởng tiêu chuẩn ăn uống của bộ đội. Trên đường hành quân, bộ đội được cấp phiếu thực phẩm. Khi đi qua các trạm tiếp tế, họ ghé vào để lĩnh gạo và thức ăn. Nếu trạm không có đủ, họ có thể lấy tiền để mua thực phẩm của đồng bào khi đi qua các xóm làng. Do đó, họ bắt buộc phải hành quân trên một lộ trình nhất định, trên đó có rải rác đặt các trạm tiếp tế.

Đói và khát, chúng tôi ăn rất ngon miệng, mặc dù một tay vẫn còn bị trói vào tay một người khác, đi đâu phải hai người cùng đi.

Mãi đến lúc ăn xong và chuẩn bị đi ngủ, Thuần mới nói với Hiên, tiểu đội trưởng, giọng quả quyết:

Thế này thì không được. Phải cởi trói cho các anh ấy để nằm ngủ được thoải mái, ngày mai có sức mà đi.

Vừa nói, anh vừa cởi trói cho chúng tôi, bất chấp thái độ không tán thành của Hiên. Chúng tôi thầm cám ơn Thuần về cử chỉ đó. Anh lại lấy thuốc lá, chia cho chúng tôi mỗi người một ít, rồi kéo Tùng ra ngoài hiên, chuyện văn với người chủ nhà, trong lúc Hiên gọi các đội viên lại, phân công cho họ canh gác đêm nay.

Mệt mỏi quá, chúng tôi nằm xuống sạp nghỉ ngơi. Không ai nói với ai. Mọi người lặng lẽ chìm đắm trong những suy nghĩ riêng tư.

Trong tiếng suối rì rầm vọng lại từ phía sau nhà, những ưu tư và thắc mắc cũ tái hiện trong tâm trí tôi. Cuộc hòa đàm đã thất bại rồi chăng? Chiến tranh sẽ kéo dài bao nhiêu lâu nữa, và những biến cố nào sẽ đến với chúng tôi trong những ngày sắp tới? Tôi có cảm tưởng rằng năm tháng vừa qua chỉ là màn đầu của một vở bi kịch trường thiên: đó là giai đoạn tiếp xúc giữa những người đối lập để hai bên tìm hiểu nhau. Với thái độ "cả vú lấp miệng em", và dựa trên chiến thắng mới đây — một biến cố quân sự mà tôi tin chỉ có tính cách nhất thời — cán bộ gán cho chúng tôi một tội bán nước, làm tay sai cho đế quốc, và cố thuyết phục chúng tôi tin tưởng vào "thắng lợi của Cách Mạng". Nhưng họ có thực lòng tin rằng chúng tôi là những người phản bội Tổ Quốc không? Trong những cuộc tranh luận khi hỏi cung, trong những lúc nói chuyện phiếm, họ cố gắng chứng minh điều đó. Tuy nhiên, luận cứ của họ rất phiến diện, hàm hồ, gượng gạo. Họ chỉ lặp lại những bài bản tuyên truyền cũ rích, mà chưa chắc họ đã hiểu hết ý nghĩa; chỉ có Bình là có thể đi sâu vào một số vấn đề. Thật ra, cán bộ Việt cọng khác xa hình ảnh của người "chiến sĩ cách mạng" được ngành tuyên truyền tô điểm bằng những màu sắc hấp dẫn. Chỉ cần quan sát phương thức điều khiển một trại giam, từ việc tiếp tế lương thực đến công tác trồng lúa và hoa màu, xử dụng nhân lực, cũng đủ thấy họ thiếu tổ chức, thiếu kế hoạch, và khả năng của họ rất hạn chế. Mỗi lần gặp khó khăn không giải quyết được, họ thường đưa ra một giải pháp cổ điển: khắc phục. Không có dụng cụ để lao động: khắc phục. Thiếu thực phẩm: khắc phục. Không có thuốc khi ốm đau: khắc phục. Và cả đến chim "bắt cô trói cột" cũng được họ gọi là chim "khó khăn khắc phục". Trong thực tế, họ có khả năng chịu đựng gian khổ, và đã khắc phục được nhiều khó khăn. Nhưng các biện pháp của họ thường có tính cách tạm bợ, vá víu, và họ chỉ đạt được một số kết quả nhất thời. Mặt khác, họ không ước lượng

được những hậu quả tai hại trong tương lai của những biện pháp ấy.

Cán bộ Việt cọng không từ bỏ một cơ hội nào để bày tỏ lòng trung thành với đảng cọng sản, và niềm "tin tưởng sắt đá" vào "thắng lợi tất yếu của Cách Mạng". Ai cũng biết ngành Công An chọn lọc nhân viên rất kỹ lưỡng, và thường chỉ thâu nhận những ứng viên có ba đời là bần cố nông. Công an có nhiệm vụ bảo vệ đảng cọng sản, và chính thể dựa vào công an để tồn tại. Hơn nữa quyền lợi thiết thân của nhân viên công an liên quan mật thiết đến chế độ. Nhưng qua những lần tiếp xúc, đôi khi tôi tự hỏi: họ thành thực đến mức độ nào? Họ có thực lòng tin tưởng vào những điều họ nói không?

Về phần tôi, trong 5 tháng qua, tôi đã bị cách ly khỏi xã hội. Tôi chua xót ý thức rằng mình đã bị gạt ra ngoài lề cuộc sống, và có thể trở thành lạc hậu và bất lực, trong khi đang độ tráng niên, giai đoạn hoạt động hữu hiệu nhất của một đời người... Nhưng tôi không muốn đầu hàng hoàn cảnh. Bị câu thúc, bị tước đoạt hết mọi phương tiện hành động, tôi vẫn ước mơ tiếp tục con đường được vạch ra từ những năm trước. Tôi có ý lợi dụng cơ hội này để tìm hiểu đối phương, thu thập những kiến thức và kinh nghệm cần thiết cho cuộc tranh đấu ý thức hệ trường kỳ. Được như vậy, những ngày tháng đau thương này mới có mục đích, ý nghĩa, và tác dụng. Và rồi đây, ở miền Bắc, có lẽ chúng tôi sẽ gặp nhiều khó khăn hơn, nên cần phải giữ vững tinh thần và có một thái độ thích hợp.

Bóng tối ghê rợn của đêm rừng đổ xuống từ lâu. Giữa những âm thanh hỗn độn xôn xao qua cành lá, nổi lên tiếng một thân cây gẫy rơi ầm xuống mặt đất. Từ phía bên kia bờ suối, tiếng kêu the thé của một con hoẵng vẳng lên như lời cầu cứu của một con thú lạc đàn. Tôi liên tưởng đến những người thân đang chờ đợi tôi, lo lắng cho tôi. Bố mẹ già, vợ con và em gái tôi, giờ đây, luân lạc nơi đâu? Và những bạn bè ở rải rác nhiều nơi, ai đã bị bắt, ai còn hoạt động.... Bất giác, tôi quay đầu, nhìn qua phía Godwin. Anh nằm riêng, bất động trên một cái chõng tre ọp oẹp. Anh không ăn được cơm; Tùng cho anh uống thuốc và một ca sữa. Ở cuối sạp, trong vòng ánh sáng của ngọn đèn dầu treo trên cột, Weaver cũng nằm yên, vẻ mặt đăm chiêu, lo nghĩ. Tôi nhớ có lần anh tâm sự:

— Trên đường ra Bắc, chúng ta sẽ không chết vì bàn tay Việt cọng, mà sẽ chết vì bom đạn của Không Quân Hoa Kỳ. Có lẽ anh chưa nhận thức được cường độ của những vụ oanh tạc trên miền Bắc.

Nằm cạnh Weaver, anh Lộc có vẻ gầy và yếu, nước da xanh mét, mặt choắt lại, trông như một cậu sinh viên, mặc dù anh đã 33 tuổi. Anh Tứ lớn tuổi nhất trong bọn chúng tôi, lưng còng xuống,

trên đường đi luôn luôn kêu mệt, và run rẩy vì lạnh. Anh dịch sát lại gần tôi, ghé tai hỏi nhỏ:

Như thế này, chúng mình đã đến gần con đường mòn Hồ Chí Minh chưa?

Lúc nào nghe tiếng cam nhông nhà binh chạy, thì biết. Các anh em ở trại Ba, thỉnh thoảng đi lấy gạo ở vùng này, cho hay cam nhông từ miền Bắc vào tiếp tế lương thực và vũ khí khá đông. Thường chỉ chạy vào ban đêm.

Có lẽ hôm nào họ sẽ cho chúng mình đi nhờ những xe ấy, chứ đi bộ dài ngày, e chết mất.

Hi vọng như thế.

Một lần nữa, tôi nhận thấy trong hoàn cảnh hiện tại, không bao giờ tôi được báo trước những gì sẽ xảy ra cho chúng tôi. Do đó, tinh thần rất căn thẳng, luôn luôn thấp thỏm lo âu, và trở nên nhạy cảm với mọi biến cố, dù nhỏ nhặt đến đâu.

Chúng tôi lại im lặng. Suy nghĩ miên man mãi, tôi mệt quá, thiếp đi. Lúc tỉnh dậy, có lẽ đã quá nửa đêm,tôi thấy một anh bộ đội ngồi tựa cột hút thuốc lá, cây súng A.K. gác bên cạnh. Bộ đội thay phiên nhau canh gác suốt đêm, sợ chúng tôi bỏ trốn.

*
* *

Sáng hôm sau, chúng tôi khởi hành sớm. Đang giữa tháng Bảy dương lịch, mà không khí ẩm và rét buốt như những ngày cuối đông. Từng đợt gió mạnh nổi lên, xoáy mạnh vào những bụi tre vươn dài, che lấp lối mòn. Vùng này nhiều tre và hóp, cành lá vắt ngang dọc, bật mạnh vào người chúng tôi đang len lỗi tìm đường. Anh chàng giao liên, mặt non choẹt, dáng dấp như một học sinh trung học ở nông thôn, hăm hở đi trước. Nhưng chỉ một lát sau, anh tỏ ra lúng túng, vì rừng tre dày đặc, tầm mắt bị hạn chế, thật khó định phương hướng.

Cơn mưa ập đến, hắt mạnh những giọt nước giá lạnh theo chiều gió đang thổi cuồn cuộn. Tấm ny-lông nhỏ và hẹp quấn vào người không đủ che mưa; chỉ một lúc sau, quần áo chúng tôi đều ướt sũng. Tay chống gậy, chúng tôi trầm ngâm rảo bước. Phía trước mặt, chiếc võng của Godwin thấp thoáng đong đưa trên vai của hai người bộ đội. Bốn anh can nhân đã được cho quay về trại, và kể từ đấy, bộ đội thay phiên nhau cáng người phạm nhân bệnh hoạn. Mưa một lúc một lớn, và những đợt gió cuồng loạn xô đẩy kẻ bộ hành. Chúng tôi vẫn tiến bước trên con đường hẹp ngoằn ngoèo, vì không biết ẩn nấp vào đâu. Chốc chốc, hai người bộ đội gánh Godwin quát to trong tiếng mưa rào rào:

Nằm thẳng ra! Co quắp như thế, khó khiêng lắm. Đường

dốc trơn như mỡ. Ông mà ngã, thì mày chết không kịp ngáp.

Đến một ngã ba, anh giao liên tần ngần đứng lại, nhìn quanh, rồi kêu lên:

— Lầm đường mất rồi! Quay lại thôi!

Thuần không đáp, chỉ tắc lưỡi, rồi hướng dẫn đoàn người trở lại con đường cũ. Nửa giờ sau, quanh quẩn mãi giữa các lối mòn, chúng tôi vẫn chưa tìm ra được hướng đi. Nước mưa quái ác tiếp tục đổ xuống từ một bầu trời xám xịt, thấp và nặng như muốn chụp lấy đầu chúng tôi. Rét run cầm cập, chúng tôi cơ hồ không bước nổi; đôi giày vải đã ướt mèm, và nước mưa đọng dưới lòng bàn chân càng làm cho chúng nặng thêm.

Sau hơn một giờ đi quanh co, và lội qua hai con suối nước dâng cao đến nửa người vì ảnh hưởng của cơn mưa tầm tã, chúng tôi gặp một ngôi nhà cũ kỹ nằm trơ trọi ven đường, dưới chân một ngọn đồi thấp. Thuần cùng anh giao liên và Tùng bước vào, thảo luận với một người trong nhà, rồi vẫy tay gọi chúng tôi vào theo. Hai người bộ đội tiến vào trước, hạ chiếc võng tre xuống nền nhà, rồi lật tấm ny-lông che mưa lên. Godwin nằm nghiêng, đầu vẹo sang một bên, hai chân co lại, áo quần sũng nước. Người y sĩ vội chạy lại, cầm lấy tay anh rồi lắc đầu. Thì ra Godwin, người sĩ quan đóng ở phi trường Phú Bài, và đang chuẩn bị hồi hương, đã chết. Anh lặng lẽ ra đi trong một ngày mưa gió não nề, không rên la, không một lời vĩnh biệt.

Tôi khựng người, sửng sờ tựa vào một chiếc cột, quên cả đói rét, mệt mỏi, trong lòng dâng lên một nỗi căm hờn và tiếc thương cay đắng. Tôi chỉ nói chuyện với Godwin có một lần, khi anh cởi áo ngoài, ngồi buồn bã sưởi nắng trong sân trại giam. Anh hiền lành, có năng khiếu về âm nhạc và hội họa; trong thời gian ở Phú Bài, anh phụ trách vẽ họa đồ xây cất nhà cửa. Thật không ai hiểu lề lối làm việc của các cán bộ Việt cọng. Họ đã biết anh yếu đuối như thế, sao lại còn bắt anh đi đường xa, trong một thời tiết rất xấu? Sao không để cho anh dưỡng bệnh ít lâu nữa? Hay họ sợ rằng ở vùng Trường Sơn này, họ không đủ thuốc men, không chạy chữa cho anh được?

Chúng tôi vào trong nhà, và nhận thấy vẻ lo âu, bối rối trên nét mặt và trong cử chỉ của Thuần và Tùng. Hai người bàn bạc với nhau, rồi lấy giấy viết bản khai tử cho người bạc mệnh. Thuần ký xong, đưa cho chúng tôi đọc, và yêu cầu chúng tôi ký thêm với tư cách nhân chứng. Hai anh Tứ, Lộc và tôi từ chối, viện cớ rằng chúng tôi không có trách nhiệm trong việc này. Weaver cũng lắc đầu và cho biết đã được lệnh của chính phủ Hoa Kỳ "không được ký vào bất cứ một văn kiện nào do đối phương đưa ra." Thuần nhờ tôi dịch bản khai tử ra tiếng Anh cho Weaver, và ôn tồn giải thích:

Tôi hiểu các anh không liên quan đến việc không may đã xảy ra. Trách nhiệm là ở cán bộ và bộ đội Thuần chỉ vào tiểu đội trưởng Hiên , và y sĩ Tùng đã ký chứng nhận về mặt chuyên môn. Các anh đã thấy rõ cái chết của anh Godwin là do bệnh tật, không phải do tai nạn hay một lý do nào khác. Vậy các anh nên ký để xác nhận một sự thực.

Có lẽ Thuần đặt nặng vấn đề trách nhiệm của Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng miền Nam đối với quốc tế, đồng thời với vấn đề trách nhiệm của chính anh và đoàn áp tải đối với chính phủ miền Bắc. Chúng tôi chớp nhoáng trao đổi ý kiến, và sau cùng mỗi người đều ký vào tờ khai tử của anh bạn xấu số.

Nghỉ ngơi một lát, chúng tôi chuẩn bị lên đường. Thuần yêu cầu Tùng ở lại lo việc chôn cất Godwin tại chỗ, rồi trở về trại sau. Godwin đã từ trần, sự hiện diện của Tùng không cần thiết nữa, vì theo Thuần cho biết, trên tuyến đường này, ở mỗi trạm dừng chân, sẽ có nhân viên y tế của bộ đội. Tùng ngẩn ngơ tiếc rẻ không được trở về miền Bắc. Anh không nói hết ý nghĩ của anh, nhưng ai cũng hiểu rằng anh không muốn trở lại với cuộc sống gian lao trong vùng Trường Sơn.

Cơn mưa đã chấm dứt. Bóng chiều ngả dài xuống khu rừng u tịch. Chúng tôi bước nhanh trên con đường mòn lấp lánh những vũng nước còn đọng lại, lòng nặng trĩu vì ấn tượng của cái tang đau đớn. Trên lộ trình lưu đày dằng dặc, đã sớm vắng bóng một người bạn đồng hành. Bao giờ sẽ đến lượt chúng tôi?

Đến gần tối, đoàn người dừng chân dưới một ngọn đồi, trước một túp lều nhỏ nhìn xuống một con suối. Trên đỉnh đồi, hai dãy nhà dài nằm dưới mấy hàng cây cao rậm rạp. Một cán bộ từ con dốc đi xuống, đến tiếp xúc với Tùng và Hiên. Qua mẩu chuyện nghe được, tôi biết đây là một trại giam ở phía Bắc tỉnh Quảng Trị, có lẽ không xa sông Bến Hải. Thế là chúng tôi sắp rời bỏ miền Nam đã gắn bó với chúng tôi trong bao nhiêu năm. Bên kia vĩ tuyến 17, vẫn còn là quê hương, vẫn là lãnh thổ của một dân tộc thuần nhất đã từng đoàn kết keo sơn trong cuộc tranh đấu để trường tồn. Nhưng trên phần đất đó, cuộc sống đã mang một sắc thái khác rồi. Chúng tôi sẽ đi vào một địa bàn quen thuộc mà xa lạ, với những con người có thái độ thù nghịch với chính những kẻ cùng chung huyết thống, ngôn ngữ và lịch sử, nhưng khác chính kiến. Hai chữ "đồng bào" chắc sẽ có ý nghĩa mỉa mai.

Trong căn nhà tranh lộng gió, những suy tư ấy làm cho tôi thao thức mãi, trong đêm cuối cùng trên mảnh đất thân yêu, và chưa bao giờ tôi luyến tiếc miền Nam bằng lúc đó.

Hoàng Liên

Kỳ sau: Trên đường mòn Hồ Chí Minh.

Ngọc Hân

Vào cõi "Hồng Trần" với thơ Cung Vũ

*N*hư cánh chim về muộn trên từng không, lẽ-loi, rời-rã, chiều nơi đây cũng mù-mịt, quạnh-hiu. Mấy tầng mây cao chở nặng bâng khuâng, trôi xuống chập-chùng. Những vũng tối buồn tênh đọng trên các vòm sao hai bên đường. Ngày bắt đầu khép mắt theo cánh chim trở về. Nắng chiều lịm chết trên những ngõ hẹp ngoại ô. Vườn nhà ai hoa tím trải đầy sân, những cánh mỏng manh Jacaranda-phượng-vĩ, thân cao, cành mềm tỏa rộng. Những cánh phượng học trò rưng rưng lửa hạ trường cũ, đường xưa, có bạn, có thầy, có tiếng phấn nghiến răng rào rào, chấm phẩy lách tách trên bảng, có xôn xao tan trường, có bịn rịn chia tay...

Ở đây, chỉ còn bóng dáng tím thẫm buổi chiều, xuân hạ thu đông. Chỉ có tiếng thở dài sóng bể, màu hoa tàn rũ bên đường mù bụi. Bụi bay trên đường, nghiêng nghiêng trong ký ức, mù đỏ lối đi, cay cay trong mắt, rơi rụng xuống hồn những hạt nhớ nhung, gửi về chân mây, cuối bể. Bụi đỏ của cuộc đời. Bụi đỏ kiếp sống. Bụi kết thành lời, đọng thành thơ, thành tiếng thầm Cung Vũ, thành một cõi *Hồng Trần:*

Chiều nay mơ thấy một người
Đường thu thoáng áo ai bay
Em ơi quên lời trăn trối
Và quên đi kiếp chim bay.

(Biển Gọi)

Như hơi thở xót xa, như giọt nước mắt buồn rơi trong lòng ai vốn đã ngập lụt, trong thế giới chàng Cung, người đọc thơ như đang sánh bước cùng người thơ trên lối mòn trổ gai phiền muộn, mọc nhánh ngậm ngùi, những nhịp tim kỷ niệm năm xưa mọc thành nỗi khắc khoải, trông mong quay quắt.

Người đâu nơi cuối bể
Ta ở tận chân trời
Trông nhau không thấy bóng
Làm sao mong tái hồi
Chiều nhìn lá thu rụng
Gõ đàn hát làm vui
Thì, ta vẫn nhớ đến người,
Thèm nghe sóng vỗ thuyền, lời ca xưa.

(Gửi người cuối bể)

Nhịp lục bát bềnh bồng như sóng vỗ mạn thuyền, khơi dậy dấu xưa, dáng cũ như cơn bão thốc vào tim. Rồi gió sẽ yên, bão sẽ lặng, nhưng dấu vết tàn phá vẫn còn nguyên trong cuộc đời ẩm mục rong rêu.

Mont-Royal đồi vàng chưa em
Cỏ buồn còn ủ dấu chân chim
Ai qua nơi đó tình vương vải
Nửa mảnh hồn, một góc đời, quên?

(Tàn Thu)

Có những cơn mưa nhớ nhung đổ xuống hồn chiều, cho kỷ niệm chảy xuôi về ký ức, cuốn phăng cuộc đời ra bể long đong. Để băn khoăn sao mình không thảnh thơi như cỏ cây, tĩnh vật...

Sao em không là chim
Tung cánh trên trời hiền?
Sao em không là biển
Xô sóng về ngoại biên?
Sao không là trời hồng
Soi xuống đời mênh mông?
Sao không là chiếc bóng
Theo người kiếp long dong?

(Em là ai)

Người xa như quê hương xa. Người theo sông con chảy về biển lớn. Thương yêu bào mòn theo thủy triều xâm thực. Nhớ nhung xa dần như cánh hạc bay qua, gầy guộc nét mây trên nền trời xám. Chỉ còn lại một *quê hương* khuất nẻo, muôn đời ấp ủ lời tình, chất đầy những ngăn tim bỏ trống, khâu vá những mảnh hồn tan tác, trung thành như nhật nguyệt đi về tự muôn đời muôn kiếp thỉ chung.

... Bao giờ lại thấy tơ mưa giăng
trên những đụn rơm vàng ươm lúa gặt,
bao giờ lại mỉm cười năm mới năm me,

hát Trèo lên quán dốc,
cầm lại phong bao giấy đỏ...

(Mùa nhớ nhà)

Bao giờ cho những hoài mong đâm chồi thành sự thực, cho tuyết nơi đây tan rửa hồn chiều, cho dòng kỷ niệm trôi về theo con nước man man, cho người thơ lại đi ngang cầu xưa gặp ghềnh bắc ngang tuổi nhỏ, nhìn dòng sông cuộn sóng chở phù sa bồi thành trăm vạn lời ca dao thơm nồng hương lúa. Ôi, giọt nắng nào xiên xiên trên rừng lá đỏ. Ôi tiếng chim nào nối dài thêm nỗi nhớ, dáng ai bay như vạt áo lụa mềm.

Rừng trưa nắng nhỏ
Chim nào hót nhớ
Cam-ly năm xưa
Trời mây lưa thưa
Thông già rắc phấn
Vàng chiều mênh mông
Chờ nhau cuối dốc
Chờ nhau cuối đời
Em ơi em ơi !

(Chơi Niagara Nhớ Cam-Ly)

Ai đốt lá trong vườn chiều nay cho sương trên cành lao đao, cho khói trên sân hiu hắt. Có sợi khói nào bơ vơ như tóc trắng mẹ hiền chiều quê nhịp võng. Mẹ con một đời khổ lụy, lưu lạc hay chờ mong. Cơn hồng thủy cuốn phăng đi đàn con của mẹ, trôi giạt bốn phương, nói tiếng trăm dòng. Cơn hồng thủy cuốn phăng một nửa đàn con vào vòng tay quỉ, xa tiếng võng đưa tình mẹ, tình người. Để những đứa con bên này hát nhớ bên kia...

Từ bên này đại dương
Tôi hát bài ca buồn
Gửi bảy em bé nhỏ
Em bé quàng khăn đỏ
Khăn máu quây quanh những cổ còi.
.....
Nước mắt làng thôn nhỏ
Khó thấm vào tim khô...

(Em bé quàng khăn đỏ)

Lửa Bắc Bình nghe chừng rộn rã, trống Tây Sơn đã giục giã gọi về, để cõi *Hồng Trần* vang tiếng hịch "Bình Ngô", cho người làm thơ trở về gầy lại màu xanh của lá, cho hồng màu hoa, cho thơm mùi cỏ, cho ánh dương quang lại rọi xuống đất cằn, cho con

người lại sống như người, giữa đất trời bao la với một mặt trời đang lớn...

Người thơ ơi, rừng đã chuyển mình. Trên non cao, cơn gió đã giao mùa, thổi xuống đồng bằng theo bước đoàn trai trẻ.

Một là thắng, cắm cờ trên đất cũ
Hai là thua, thân xác mở đường đi.
(Bài ca xung trận)

Thì ra trăm vạn lời *đi* đều dẫn *về* một quê hương kỷ niệm trên tay, một tình yêu hoa gấm trong lòng. *Se sắt vàng rơi thu mênh mang* chẳng là hình tướng *Rừng phong thu đã nhuộm màu quan san* của thế giới Nguyễn Du đấy sao? Một người, nhất là một người thơ, bị bứt rời khỏi núm ruột quê hương, chia lìa người yêu dấu, thì bốn mùa, mưa nắng, nào có nghĩa gì đâu, ngoài một "màu nhớ thương":

Bảo rằng thu, ừ, thì thu
Nắng mưa gì cũng một màu nhớ thương.
(Chàng)

Cho nên, theo Cung Vũ vào cõi *Hồng Trần* cũng chính là đi vào một cõi quê nhà trên đất khách, đi tìm một người yêu quanh quẩn trong tâm. Như chàng dũng sĩ của Phạm Thiên Thư cưỡi ngựa vàng đi năm châu bốn bể tìm ai. Bao giờ im gió, cho bụi đỏ tan đi, cho người nhìn thấy người trong nỗi vui trùng hội. Bao giờ? Trần Thái Tôn, cũng là một thiền sư, viết:

Bao giờ tan bụi, bên trời vắng
Trăng rụng sông dài, đêm mấy canh?

(Tạm thời trần liễm thiên biên tỉnh
Nguyệt lạc trường giang dạ kỷ canh?)

Ngọc Hân
Sydney 6-86

Nguyễn Văn phụ trách

Thời sự văn học nghệ thuật.

SINH HOẠT VĂN NGHỆ ĐÓ ĐÂY

Kỳ này anh Bùi Vĩnh Phúc ghi chép lại những nhận xét của anh về sinh hoạt văn nghệ tại vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn, nhân một chuyến thăm thủ đô Hoa Kỳ của anh. Xin xem bài *Cho đi lại từ đầu* ở phần trước.

THỜI SỰ VĂN HỌC VIỆT NAM LƯU VONG

TIN VĂN NGHỆ TẠI PHÁP

* Vũ Thái Hoà, nhạc sĩ kiêm họa sĩ Việt Nam tại Pháp, đã đoạt giải thưởng của báo Libération Champagne về bức tranh *Ảo vọng đã mất* (Illusions perdues). Được biết, trung tuần tháng 3 dương lịch vừa qua tại khách sảnh Bourse du Travail ở vùng Champagne tỉnh Troyes đã tổ chức cuộc triển lãm hội hoạ đại qui mô với hơn 150 hoạ sĩ tham dự. Riêng Vũ Thái Hoà đã đóng góp ba bức tranh vẽ trên giấy nhăn (papier froissé). Anh đã đoạt giải thưởng do báo Libération trao tặng qua bức tranh *Ảo vọng đã mất* và bức tranh này sẽ được đề cử dự cuộc triển lãm toàn quốc tại Paris. Vũ Thái Hoà được hai tờ nhật báo địa phương Est Eclair và Libération nói tới nhiều. Vũ Thái Hoà cũng là nhạc sĩ đã từng phổ thơ của Tường Linh, Phan Lạc Tiếp. Anh đang thực hiện tập nhạc hoạ nhan đề *Xa bến Thiên đường* trong đó có những bài phổ nhạc thơ của Vi Khuê, Thái Tú Hạp, Luân Hoán...Ngoài ra, họ Vũ cũng giữ phần vẽ bìa cho các tác phẩm của Huyền Châu và Hồ Trường An.

* Nhà xuất bản Lửa Thiêng hồi ở Sài gòn đã từng xuất bản các biên khảo về triết học và khảo cứu văn học quan trọng. Giám đốc nhà xuất bản Lửa Thiêng ông Võ Phước Lộc hiện định cư tại Lille miền Bắc nước Pháp từ năm 1981 nay muốn trở lại nghiệp

xuất bản. Ông đang dự định in bốn tuyển tập thi ca trong năm nay với các chủ đề : Quê hương trong quá khứ, Quê hương tù ngục, Con đường ta đi, và Quê hương trong dự phóng.

* Phong trào Thanh niên Hành động tại Pháp ráo riết ấn hành tập truyện *Gành Ráng* của Huyền Châu ,trong khi nhà văn nữ này đang tuyển chọn một số truyện ngắn để làm thành một tập truyện khác : *Kỷ niệm hồng* .Bà Huyền Châu cho biết : Chắc chắn *Gành Ráng* sẽ trình làng vào Hè 86 này. Còn *Kỷ niệm hồng* sẽ giao cho cơ sở Lạc Hồng tại Thụy Sĩ in .Nhà xuất bản Nam Á tại Paris cũng gấm ghé thương lượng với bà để xuất bản một tập truyện khác nhan đề *Đèn Sài gòn.*

* Nhà văn nữ Nguyễn thị Vinh ngừng viết truyện ngắn để hoàn thành một truyện dài lấy bối cảnh Sài gòn sau khi lọt vào tay cộng sản. Trong hai năm qua, bà chỉ viết lai rai ở Lửa Việt, Làng Văn(Gia nã đại) Lạc Hồng (Thụy sĩ) Văn Nghệ Tiền phong (Hoa kỳ) vì đau yếu, dọn nhà vất vả. Nay sau lần khám nghiệm thứ tư biết chắc mình không vướn bệnh ung thư, nữ sĩ lên tinh thần, bắt đầu mài miệt viết cho xong truyện dài (chưa đặt tựa) trước khi qua Paris nghỉ hè.

(Tin do nhà văn Hồ Trường An gửi)

TIN VĂN NGHỆ TẠI CANADA

Nhà xuất bản Làng Văn tại Canada, mặc dù đóng đô tại một nơi không tập trung người Việt tị nạn đông đảo như Nam Cali, đã thành công trong việc xuất bản đều đặn và công phu tạp chí Làng Văn, lại còn mở được một nhà xuất bản quan trọng vào hàng đầu tại hải ngoại.

Sau khi cho phát hành liên tiếp trong vòng nửa năm đầu 1986 *Kẻ đưa đường, Hồng trần, Chiến ca, Truyện ngắn Nguyễn ngọc Ngạn, Lúc gần sáng, Tiên dược,* Làng văn vừa tung ra khắp thế giới *Tuyển tập Làng văn I* gồm 12 truyện ngắn của Hồ Trường An, Mai Thảo, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Tất Nhiên, Hà Thúc Sinh, Kiệt Tấn, Nguyễn Ngọc Ngạn, Võ Đình, Nhật Tiến, Trưởng Năng Tiến, Nguyễn Văn Sâm, Nguyễn Hữu Nghĩa và thơ chọn lọc của tám thi sĩ Luân Hoán, Nguyễn Đức Bạt Ngàn, Cung Vũ, Lâm Hảo Dũng, Huỳnh Liễu Ngạn, Ngu Yên, Hoàng Xuân Sơn, Phan Ni Tấn.

Tuyển tập lấy tên chung là *Ngọn cỏ khô trên thung lũng mùa xuân,* chỉ nhằm giới thiệu sáng tác của 20 nam tác giả hải ngoại, vì Làng Văn sẽ dành tuyển tập 2 cho các nữ tác giả. Nhà xuất bản không có tham vọng giới thiệu những khuynh hướng , hoặc không muốn đưa ra cái nhìn tổng quan nào trước khi thực hiện, nên

không có một bài dẫn nhập trước khi vào phần giới thiệu tác phẩm.

Theo dự tính, Làng Văn sẽ xuất bản các cuốn *Phấn Bướm* của Hồ Trường An, *Nước đục* của Nguyễn Ngọc Ngạn, *Mưa đất lạ* của Trần Diệu Hằng, *Người em xóm học* của Kiệt Tấn, *Mục Kiền Liên* của Cung Vũ và Vi Vi, *Một ngày tất đến* tập 36 ca khúc của Khúc Lan. Làm được đủ các dự định trên, Làng Văn vượt hẳn những cơ sở xuất bản khác ở hải ngoại rồi !

TIN VĂN HỌC TẠI HOA KỲ

Chuyện nhà

Trước hết xin nói tới "chuyện nhà".

Mới đây, ban Việt ngữ đài BBC tại Luân đôn đã nhờ Văn Học chuyển đến 8 tác giả có truyện ngắn đăng trên Văn Học hợp đồng phát thanh các truyện ngắn trên làn sóng điện đài này. Như vậy là 60 triệu đồng bào chúng ta ở VN được dịp thưởng thức tài viết truyện của các cây bút hải ngoại.

Tám truyện ngắn đó là : *Lỗi thời gian* của Nguyễn thị Ngọc Nhung, *Trên đường tìm về nhà* của Phạm thị Ngọc, *Ngày xót xa đưa* của Nguyễn thị Ngọc Lan, *Lô cấu* của Võ Đình, *Cũng còn cơ hội* của Nguyễn đức Lập, *Ngày tháng bồng bềnh* của Nguyễn văn Sâm, *Với cái giá phải chết* của Bình Nguyên Lộc, *Gói măng khô* của Tôn thất Tuệ.

Trước đây, đài BBC cũng đã từng xin phép một số tác giả đã đăng bài trên Văn Học và Văn Học Nghệ Thuật để phát thanh về VN một số truyện ngắn, như truyện *Trong Gương* của Trần Diệu Hằng, *Lẽ sống* và *Tạ ơn* của Nguyễn Mộng Giác, *Chút ân huệ* của Nguyễn Giả Viên, *Hoa dủ dẻ* của Nguyễn Bá Trạc...

Những truyện được đọc trên đài BBC đã được đồng bào trong nước đón nghe một cách trân trọng, nhiều truyện được ghi âm, chép lại để chuyền nhau đọc. Cùng với đài VOA, đài BBC đã góp công một cách hữu hiệu và tiện lợi trong việc phổ biến văn học nghệ thuật tự do ở hải ngoại cho 60 triệu đồng bào trong nước. Một số tác giả đăng bài trên tạp chí Văn cũng đã được đài BBC liên lạc để ký hợp đồng.

Theo nội dung tờ hợp đồng, đài BBC trả cho mỗi phút đọc truyện trên đài số tiền 0.70 bảng Anh.

Phong trào viết hồi ký tù cải tạo

Càng ngày, những cuốn sách hồi ký về tù cải tạo càng được xuất bản nhiều, cuốn nào cũng dày và bán rất chạy. Mở đầu bằng những tập hồi ký mỏng của Trần Huỳnh Châu (*Những năm cải*

tạo ở Bắc Việt) và Phạm Quốc Bảo (*Cùm đỏ*), loại sách này bắt đầu có tầm vóc đồ sộ qui mô hơn với *Đại Học Máu* của Hà Thúc Sinh .

Sau *Đại Học Máu,* nhà văn Tạ Tỵ cho ra *Đáy Địa Ngục* cũng dày tương tự, kể lại cuộc đời lao tù của nhà văn kiêm hoạ sĩ lão thành này. Và như đã đoán trước, *Đáy Địa Ngục* lại bán rất chạy.

Hai cuốn hồi ký về tù cải tạo khác hiện đã có ở các hiệu sách là cuốn *Rừng Xanh Ngục Đỏ* của một tác giả chỉ ký rất khiêm nhường " *Người-tị-nạn-thứ-một-triệu-lẻ-một*", do nhà xuất bản Hội Hữu của linh mục Vũ đình Trác in.

Cuốn nữa là *Trại Cải Tạo,* của ông Phạm quang Giai, cũng được giới bạn đọc nhiệt liệt ủng hộ, mới ra mấy tháng đã bán hết sắp phải tái bản.

Để phổ biến thực trạng bi đát của các trại cải tạo tại VN cho độc giả ngoại quốc biết, giáo sư Huỳnh Sanh Thông ở đại học Yale đang trích dịch một số tác phẩm kể trên sang Anh ngữ, và sẽ in trong loại sách Lạc Việt của trung tâm nghiên cứu Đông Nam Á thuộc Viện đại học Yale.

Trường thiên tiểu thuyết phát triển

Song song với loại hồi ký tù cải tạo, giới cầm bút tị nạn hải ngoại bắt đầu thực hiện những công trình dài hơi.

Hiện đang có nhiều nhà văn dự tính viết hoặc đang viết những bộ trường thiên tiểu thuyết quan trọng của đời mình.

Ở Canada, Nguyễn Ngọc Ngạn đang viết hai bộ *Màu Cỏ Úa* và *Nước Đục*. Đặc biệt bộ trường thiên tiểu thuyết Nước Đục lấy khung cảnh là sinh hoạt của một cộng đồng tị nạn VN tiêu biểu, với nhiều cảnh dở khóc dở cười, những cảnh lố lăng dễ thấy ở bất cứ đâu. Truyện này đang đăng trên Làng Văn và được nhiều báo Việt ngữ địa phương đăng lại. Với lối viết châm biếm thẳng thừng, độc, Nguyễn Ngọc Ngạn tạo một tấm gương soi mặt cần thiết cho từng người tị nạn chúng ta.

Ở Pháp, nhà văn Duyên Anh viết bộ *Hờn Say Phấn Lạ,* gồm 10 cuốn dày 1200 trang, giao cho tờ Ngày Nay ở Wichita lần lượt ấn hành. Đề tài quen thuộc sở trường của Duyên Anh là tuổi trẻ phẫn nộ, lần này phẫn nộ có duyên cớ vì phải sống dưới chế độ cộng sản sau 30.4.75.

Hồ Trường An, người viết mạnh nhất ở hải ngoại năm 1986, đang viết *Phấn Bướm.* Kiệt Tấn đang viết *Lớp Lớp Phù Sa,* mà một số chương được anh cho trích đăng trên các tạp chí cho thấy tài viết truyện của Kiệt Tấn , ngoài tài thơ nhiều người đã biết từ lâu.

Tại Hoa kỳ, Lê Mỹ Hương đang viết bộ trường thiên *Thằng Bầu*, tham vọng kể lại cuộc đời một nhân vật qua một giai đoạn lịch sử dài. Phạm Quốc Bảo đã cho ra được hai tập bộ trường thiên tiểu thuyết *Cõi Mộng Du*, và tập 3 *Gọi Bình Minh* sẽ được tác giả cho ấn hành trong một ngày gần đây.

Bộ trường thiên tiểu thuyết *Mùa Biển Động* của Nguyễn Mộng Giác cũng đã ra được hai tập *Những Đợt Sóng Ngầm* và *Bão Nổi* trong hai năm 1984, 1985. Tháng 8.1986, Nguyễn Mộng Giác cho phát hành tiếp tập thượng của cuốn 3, viết về giai đoạn Tết Mậu Thân tại Huế, dày trên 300 trang. Theo anh Nguyễn Mộng Giác cho biết thì đáng lý tập 3 Mùa Biển Động (viết lại thời kỳ cuối cùng của VNCH, từ 1968-1975) xuất bản một lúc phải dày trên 600 trang, nhưng vì không đủ tài chánh, anh đành xẻ làm hai tập : tập thượng viết về vụ Mậu Thân, tập hạ viết từ sau Mậu Thân đến ngày Sài gòn thất thủ. Như vậy bộ truyện này sau khi hoàn tất sẽ dày trên 1500 trang .

Những tác phẩm sắp ra đời

Từ nay cho đến cuối năm, theo thăm dò của Văn Học, sẽ có nhiều tác phẩm văn chương khác ra đời, giúp cho năm 1986 trở thành một năm phồn thịnh về văn chương.

Nhà xuất bản Người Việt ở Cali sắp ra tập truyện ngắn *Dâu Bể* của Phạm Quốc Bảo. Làng Văn ở Canada sắp in *Mưa Đất Lạ* tập truyện ngắn của Trần Diệu Hằng , Văn Khoa ở Cali sắp in tập truyện *Sóng đời trôi dạt* của Nguyễn văn Sâm, Cành Nam ở Hoa thịnh đốn sắp in tuyển tập truyện ngắn của Nguyễn thị Ngọc Nhung, Văn Nghệ ở Cali sắp in tập truyện đầu tay *Mùa hè ở một nơi khác* của Phan thị Trọng Tuyến, truyện dài *Hợp Lưu* của Hồ Trường An, tập truyện ngắn *Xuôi Dòng* của Nguyễn Mộng Giác.

Về thơ, Văn Học được biết từ đây đến cuối năm có ba tập thơ sẽ ra đời. Một tập thơ của Luân Hoán. Hai tập thơ kia của hai nhà thơ xuất hiện rất đều trên Văn Học, là tập *Hoá ra nét chữ lên đàng quẩn quanh* của *Ngu Yên* và tập *Thơ Hiền* của *Như Chi*.

Cộng với những tác phẩm được phát hành trong mấy tháng vừa qua, như *Gã tị nạn* của Vĩnh Liêm, *Ngựa hồng trên đồi cỏ* của Vi Khuê, *Tháng ba gãy súng* của Cao Xuân Huy, *Biển và Người* của Đoàn văn Xuyên, *Người giết Tần cối* của Phan Tùng Mai, *Cao bá Quát giữa hồn thiêng sông núi* của Tường Vũ Anh Thi, *Đời viết văn của tôi* của Nguyễn Hiến Lê, *Tùy Bút I* của Võ Phiến, *Văn hóa dân tộc và Văn hoá lưu vong* của Phạm Kim Vinh...số lượng và phẩm chất của văn chương hải ngoại, nhất là tại Hoa kỳ mỗi ngày mỗi tăng cao. Đó là kết quả của Tự Do trong sáng tạo văn nghệ.

Những sách tái bản

Trong lúc đó, một số sách được bạn đọc đón nhận nồng nhiệt trong những năm trước đây đã được tái bản trong năm nay. Ở đây không nói tới những sách do các nhà xuất bản thương mãi tự ý tái bản không xin phép tác giả, những sách đã in tại Sài gòn trước 1975. Chỉ nói đến những sách do các nhà xuất bản tái bản với sự thoả thuận của tác giả, đặc biệt là sách mới in tại hải ngoại.

Nhà văn nữ Trần Diệu Hằng đã cho tái bản lần thứ nhất tập truyện *Vũ điệu của loài công* xuất bản lần đầu năm 1985.

Nguyễn Mộng Giác đã cho tái bản lần thứ hai tập truyện ngắn *Ngựa nản chân bon*, và tái bản lần thứ nhất tập 1 bộ trường thiên tiểu thuyết *Mùa Biển động*. Nhờ các cuộc tranh luận khen chê ồn ào chung quanh bộ truyện này, hai tập đầu đã bán hết từ lâu, Nguyễn Mộng Giác đã cho tái bản tập 1 *Những đợt sóng ngầm*, sắp cho tái bản tập 2 *Bão Nổi* để phát hành cùng lúc với tập 3 *Mùa biển động* vào cuối tháng 8 này.

Nhàxuất bản Làng Văn tại Canada cũng đã phải cho tái bản gấp tập truyện ngắn *Lúc gần sáng* của Nguyễn Ngọc Ngạn, đồng thời cho in lại *Truyện ngắn Nguyễn Ngọc Ngạn* trước đây do Nhân Chứng in lần đầu.

Với khoảng trên dưới một triệu người Việt tị nạn sống rải rác trên khắp thế giới, và với số ấn bản đầu tiên từ 1000 đến 1500, các cuốn sách được tái bản cho thấy tình hình tiêu thụ tác phẩm văn học hiện nay khả quan hơn trước nhiều. Hồi Việt Nam Cộng Hoà chưa sụp đổ, với 30 triệu dân, sách văn chương chỉ xuất bản với số lượng trung bình từ 2000 đến 3000. Nay với một triệu người lưu vong, nhiều người bắt đầu quên tiếng Việt, mà số sách văn học xuất bản được với số lượng đó, thật là đáng mừng !

Một công trình nghiên cứu văn học được chờ đợi

Sau ngày 30.4.75, cả một sinh hoạt văn học Miền Nam kéo dài suốt 20 năm chợt ngưng lại, kho tác phẩm hai mươi năm bị cộng sản tịch thu, thiêu hủy, phỉ báng, xuyên tạc.

Tài liệu văn học Miền Nam bị mất mát, những người cầm bút Miền Nam kẻ bị bức tử, kẻ bị tù đày, kẻ bị buộc im tiếng, kẻ lưu vong bơ vơ nơi xứ người...

Thế hệ tị nạn VN đầu tiên nếu không có ai sưu tập sắp xếp lại thành quả hai mươi năm văn học ấy, thì chắc chắn vài mươi năm nữa, công trình tim óc của bao nhiêu người cầm bút Miền Nam sẽ bị chìm vào lãng quên.

Nhà văn Võ Phiến thấy rõ điều đó, nên từ lâu đã sưu tập tài liệu và soạn thảo cuốn *Hai mươi năm văn học Miền Nam* được

nhà xuất bản *Văn nghệ* xuất bản và phát hành vào tháng 9 sắp tới.

Đây là công trình biên khảo nhiều người đang chờ đợi, một phần vì tầm quan trọng của vấn đề, một phần vì uy tín của nhà văn Võ Phiến bảo đảm giá trị của tác phẩm.

Sách dày 370 trang, đưa ra một cái nhìn tổng quan về hai mươi năm văn học , sau đó sẽ có những cuốn khác đi vào chi tiết từng bộ môn văn học. Sách có kèm theo bản liệt kê các tác giả và tác phẩm quan trọng của 20 năm văn học.

BÀI NHẬN ĐƯỢC TRONG THÁNG

Trong tháng vừa qua, Văn Học đã nhận được các bài sau đây của các văn hữu xa gần gửi tới :

Miền vĩnh phúc ,truyện của VQH; Nguyễn văn Tường, nhạc sĩ VN đầu tiên sáng tác nhạc điện thanh, của TQH; Dạy quốc ngữ theo phương pháp Tự nhiên của PVH và VTD; Thoáng mây, truyện của HĐN; Xóm sậy lau, truyện của HTA; Nghe tàu chạy, Cây tràm, Chòm sao Thần nông...thơ TVN; Khoảng hẹp, Quấn quít...thơ TA; Lương tâm, truyện của VHABP; Thói quen, Về với hạnh phúc, Gần, Vô tri, thơ TA; Một cái gì khác, truyện NMT; Nhân đọc Tùy Bút I của Võ Phiến của BBT; Hoà âm và âm nhạc Tây phương thế kỷ 20 của CT; Con Bịch của nhà tôi, truyện của NTNL; Tình ca, Cũng vơi cũng đầy, thơ HLN; Nhớ về dĩ vãng thơ VD.

Trân trọng cảm tạ lòng ưu ái của quí bạn dành cho Văn Học. Trừ thơ, những bài thuộc văn xuôi và khảo cứu nếu chọn đăng chúng tôi sẽ liên lạc bằng thư riêng hay báo tin trong mục những bài sắp đăng.

SÁCH BÁO NHẬN ĐƯỢC

* Rồng Xanh Ngục Đỏ, hồi ký của Người-tị-nạn-thứ-một-triệu-lẻ-một, do Hội Hữu xuất bản, hồi ký lao tù cộng sản, dày 380 trang, giá 10 MK.
* Ngọn cỏ khô trên thung lũng mùa xuân, tuyển tập Làng Văn I do Việt/Pub Canada xuất bản, tuyển tập gồm 12 truyện ngắn của 12 nhà văn nam và thơ của 8 nhà thơ nam , dày 160 trang, giá 7 MK.
* Tùy Bút 1, tập đầu trong 18 tập toàn bộ văn nghiệp Võ Phiến, Văn Nghệ xuất bản, dày 338 trang , giá 12 MK.
* Ngựa hồng trên đồi cỏ, tập truyện ngắn của Vi Khuê, tác giả xuất bản, dày 184 trang, giá 7 MK.
* Các tạp chí Độc Lập, Làng Văn, Lửa Việt, Quê Mẹ, Văn, Nhân Văn, Việt Luận, Tuổi Hoa, Cỏ Lau, nhật báo Báo Động, Truyền Thông, Việt Nam Tự Do...

Trân trọng cảm tạ các bạn và quí đồng nghiệp.

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ

STUART BARASCH

Văn phòng Los Angeles
304 S Broadway St # 534
Los Angeles, CA, 90013
(Góc Broadway và đường số 3rd, Downtown)

(213) 621. 7622
Mở cửa cuối tuần theo hẹn

Văn phòng Garden Grove
9872 Chapman Ave, Suite 200
Garden Grove, CA, 92 641
(Góc Chapman và Brookhurst)

(714) 537. 8771
Chúng tôi mở cửa ngày thứ Bảy

DÙ BẠN CÓ HAY KHÔNG CÓ BẢO HIỂM KHI CÓ TAI NẠN XẢY RA

Xin vui lòng gọi Bà

THƯƠNG NGUYỄN BARASCH

(213) 621 7622* PHỤ TÁ * (714) 537 8771

BẠN SẼ ĐƯỢC HƯỚNG DẪN MIỄN PHÍ VÀ HƯỚNG DẪN TẬN TÌNH VỀ PHƯƠNG DIỆN PHÁP LÝ.

CHUYÊN TRÁCH

***Hình luật** : Say rượu lái xe * Đánh lộn * Đả thương * Án mạng * Trộm cắp * Gian lận **

***Hộ luật** : Tranh tụng gia đình : Ly hôn, Ly thân Nuôi dưỡng con cái, Phân chia tài sản*

***Tai nạn** : Xe cộ * Máy bay * Nghề nghiệp * Bị thương tích vì trượt té...*

***Immigration** : Nhập tịch, thẻ xanh, di trú từ đệ tam quốc gia.*

Phục vụ tận tâm và hoàn toàn được sự tín nhiệm của thân chủ Hoa Kỳ cũng như Á đông

** Chúng tôi chỉ nhận thù lao khi được bồi thường các tai nạn*
** Đặc biệt đồng bào ở Florida, San Diego, và ngoài L.A County xin gọi Collect.*

CỦA TIN, GỌI MỘT CHÚT NÀY LÀM GHI

* *

Sau ngày Miền Nam sụp đổ :

— Hàng chục văn gia, trí thức Miền Nam bị bức tử trong tù và ngoài tù,

— Hàng trăm văn nhân thi sĩ ký giả Miền Nam bị đọa đày trong ngục tối,

— Tất cả báo chí của Miền Nam đều đóng cửa,

— Tất cả văn nghệ phẩm của Miền Nam bị cấm lưu hành, tàng trử,

— Tất cả các nhà cầm bút tự do của Miền Nam nhất loạt ngưng bút,

— Hàng mấy chục triệu ấn phẩm bị tịch thu, tiêu hủy.

Tóm lại, hết thảy mọi dấu vết sinh hoạt tinh thần của 20 triệu đồng bào Miền Nam trong 20 năm tự do bị xóa bỏ.

BÂY GIỜ CÒN LẠI GÌ ?

Họa chăng còn một cố gắng cứu vớt, thu gọn trong một cuốn sách :

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN NAM

của Võ Phiến

Mua sách ấy :

— Là góp tay bảo tồn đời sống tinh thần của chúng ta vào một thời kỳ bất hạnh đáng thương.

— Là níu lại những cảm nghĩ buồn vui, những tiếng khóc nụ cười của một thời kỳ không thể quên.

— Cuốn sách thứ 3 của nhà xuất bản VĂN NGHỆ.

Phát hành vào tháng 8.1986

Sách dày 370 trang. Giá 13.00 Mỹ kim

Ngoài nước Mỹ thêm 2.00 Mỹ kim cước phí.

Thư và chi phiếu xin gửi về : Ông Võ Thắng Tiết

Po Box 2301 Westminster, Ca , USA, 92683.

Phone : (714) 838 8432

ĐẶC BIỆT : BẠN ĐỌC MUỐN CÓ CHỮ KÝ CỦA TÁC GIẢ, XIN GỬI THƯ CHO NHÀ XUẤT BẢN BIẾT

Phiếu mua báo dài hạn

(giá biểu mới kể từ tháng 5.1986)

Họ và tên bạn đọc.....
Địa chỉ :.....
.....
Zip Code.....

Đồng ý mua dài hạn Văn Học từ số:.....

*Sáu tháng..... $13.00 US
*Một năm..... $25.00 US
*Hai năm..... $45.00 US
*Mỗi số ..... $2.50 US

*Báo gửi hạng nhất hay gửi ngoài Hoa kỳ và Canada trả thêm bưu phí theo giá tiền dưới đây:

*Giá bưu phí hạng nhất gửi trong Hoa Kỳ, Canada : $1.00 US cho mỗi số báo.

*Giá bưu phí gửi báo mỗi số đi các nơi khác:

BÁO GỬI ĐI ÂU CHÂU

Máy bay mỗi số..... $2.50 US
Tàu thủy mỗi số..... $1.02 US

BÁO GỬI ĐI ÚC VÀ Á CHÂU

Máy bay mỗi số..... $3.18 US
Tàu thủy mỗi số $1.02

PHIẾU TẶNG BÁO VĂN HỌC

Tôi muốn mua :

6 tháng báo Văn Học từ số.....
1 năm báo Văn Học từ số.....
2 năm báo Văn Học từ số.....

Để tặng cho:.....
Địa chỉ:.....
.....
.....
Yêu cầu ghi mỗi kỳ do :.....
gửi tặng . Chi phiếu và thư từ xin gửi về :

Tạp chí Văn Học
10104 Westminster Ave, Garden Grove, CA, 92 643
Chi phiếu xin đề : Văn Học

Lưu ý: Độc giả tái gia hạn vẫn trả theo giá biểu cũ.

dp Di's Printing

Cơ sở hiện đang chăm sóc
các dịch vụ ấn loát của
NGUYỆT SAN VĂN HỌC
THE VIETNAM FORUM
NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
TẠP CHÍ ĐƯỜNG SỐNG
NGUYỆT SAN TUỔI HOA

nhận in sách, báo, bản tin
xếp chữ (phototypesetting)
có dấu chữ Việt
thiệp mời, thiệp cưới,
danh thiếp, ấn chỉ, phong bì
. . . . . .
đẹp - đúng hẹn -
giá phải chăng

10104 Westminster Avenue
Garden Grove, CA 92643
(714) 636-7932

Văn Nghệ sẽ phát hành

VÀO HẠ TUẦN THÁNG 8.1986

TÁC PHẨM MỌI NGƯỜI ĐANG CHỜ ĐỢI

MÙA BIỂN ĐỘNG

(tập 3)

của nhà văn

NGUYỄN MỘNG GIÁC

* *Tập thứ ba trong bộ trường thiên tiểu thuyết Mùa Biển Động từng tạo tranh luận sôi nổi trong hai năm qua tại hải ngoại.*

* *Tập truyện tái dựng lại khung cảnh tang tóc bi thương của Huế hồi Tết Mậu Thân*

* *Tập truyện mô tả những vụ tàn sát đẫm máu của cộng sản tại cố đô.*

* *Tập truyện ghi dấu khúc quanh trong tâm thức giới trẻ tại Huế, thức tỉnh những người còn mơ màng ảo vọng .*

Sách dày trên 300 trang
Nhà Văn Nghệ xuất bản

Nhà xuất bản Văn Nghệ cũng vừa tái bản hai tác phẩm khác của Nguyễn Mộng Giác :

NHỮNG ĐỢT SÓNG NGẦM
tức Mùa Biển Động tập 1, giá 8.00 MK

NGỰA NẢN CHÂN BON
tập truyện ngắn, giá 8.50 MK

MÙA BIỂN ĐỘNG ĐÓNG BỘ BA TẬP
Dày trên 700 trang chỉ có 150 cuốn, giá 25.00 MK, sách quí dành riêng cho các bạn yêu sách

Các hiệu sách và bạn đọc ở xa xin liên lạc với nhà xuất bản Văn Nghệ , theo địa chỉ :

Ông Võ Thắng Tiết
PO Box 2301 Westminster, Cali, USA, 92683
Phone : (714) 838 8432

Giá bán lẻ : US $ 2.50.